



SeABank

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ
NGÂN HÀNG
TMCP ĐÔNG NAM Á
(SEABANK)

Những nội dung được sửa đổi, bổ sung
được *in nghiêng*

THÁNG - NĂM 2024

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU 7

CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG.....	7
MỤC I - GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	7
Điều 1. Định nghĩa và giải thích.....	7
Điều 2. Áp dụng dẫn chiếu	11
MỤC II - TÊN GỌI, TRỤ SỞ CHÍNH, MỤC TIÊU,.....	11
PHẠM VI HOẠT ĐỘNG	11
Điều 3. Tên, địa điểm đặt trụ sở chính, <i>hệ thống cơ sở hoạt động</i> và thời hạn hoạt động của ngân hàng	11
Điều 4. <i>Dấu</i> của SEABANK.....	12
Điều 5. Người đại diện theo pháp luật của SEABANK.....	12
Điều 6. Mục tiêu và chiến lược của SEABANK	13
Điều 7. Nguyên tắc hoạt động	13
Điều 8. Nội dung và phạm vi hoạt động.....	14
MỤC III - CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA SEABANK.....	14
Điều 9. Hoạt động vay, nhận tiền gửi.....	14
Điều 10. Hoạt động Cấp tín dụng	15
Điều 11. Hoạt động cung ứng phương tiện, dịch vụ thanh toán.....	15
Điều 12. Mở tài khoản	15
Điều 13. <i>Vay, gửi tiền, mua, bán giấy tờ có</i>	15
Điều 14. Tổ chức và tham gia hệ thống thanh toán	16
Điều 15. Kinh doanh <i>ngoại hối</i> , cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh .	16
Điều 16. Nghiệp vụ ủy thác và đại lý, <i>giao đại lý</i>	16

Điều 17.	Góp vốn, mua cổ phần	16
Điều 18.	Các hoạt động kinh doanh khác của SEABANK.....	17
Điều 19.	<i>Giao dịch điện tử trong hoạt động của SEABANK.....</i>	17
Điều 20.	Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của SEABANK.....	17
Điều 21.	Các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động.....	18
CHƯƠNG II - VỐN, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU		18
MỤC I - VỐN ĐIỀU LỆ, VỐN HOẠT ĐỘNG		18
Điều 22.	Vốn điều lệ.....	18
Điều 23.	Thay đổi Vốn điều lệ.....	18
Điều 24.	Vốn hoạt động của SEABANK	19
Điều 25.	Sử dụng vốn, tài sản.....	20
MỤC II - CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU.....		20
Điều 26.	Cổ phần.....	20
Điều 27.	Cổ phiếu	21
Điều 28.	Tỷ lệ sở hữu cổ phần.....	21
Điều 29.	Chào bán cổ phần.....	22
Điều 30.	Chuyển nhượng cổ phần	23
Điều 31.	Mua lại cổ phần.....	24
Điều 32.	Phát hành trái phiếu	24
CHƯƠNG III - CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA SEABANK.....		25
MỤC I - CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ		25
Điều 33.	Cơ cấu tổ chức và quản lý	25
Điều 34.	Cổ đông	25

Điều 35.	Quyền của cổ đông.....	26
Điều 36.	Nghĩa vụ của cổ đông.....	28
Điều 37.	Sổ đăng ký cổ đông	29
MỤC III - ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....		29
Điều 38.	Đại hội đồng cổ đông.....	29
Điều 39.	Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.....	31
Điều 40.	Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	32
Điều 41.	Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông	33
Điều 42.	Mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	33
Điều 43.	Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	34
Điều 44.	Các điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông	35
Điều 45.	Thế thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	35
Điều 46.	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	37
Điều 47.	Hiệu lực nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	38
Điều 48.	<i>Yêu cầu hủy bỏ</i> nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông	39
Điều 49.	Báo cáo kết quả họp Đại hội đồng cổ đông.....	39
MỤC IV- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....		39
Điều 50.	Thành phần và nhiệm kỳ Hội đồng quản trị	39
Điều 51.	Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị	40
Điều 52.	Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị	42
Điều 53.	Các cuộc họp Hội đồng quản trị.....	44
Điều 54.	Điều kiện tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị	45
Điều 55.	Thông báo, Chương trình và tài liệu họp Hội đồng quản trị.....	45

Điều 56.	Biểu quyết và thông qua chương trình tại cuộc họp Hội đồng quản trị	45
Điều 57.	Biên bản họp Hội đồng quản trị	46
Điều 58.	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản	47
Điều 59.	Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị.....	48
Điều 60.	Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	48
MỤC V - BAN KIỂM SOÁT		49
Điều 61.	Thành phần và nhiệm kỳ của Ban kiểm soát	49
Điều 62.	Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát.....	49
Điều 63.	Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát	51
Điều 64.	Các cuộc họp của Ban kiểm soát	52
MỤC VI - TỔNG GIÁM ĐỐC		53
Điều 65.	Tổng Giám đốc và Bộ máy giúp việc.....	53
Điều 66.	Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.....	53
MỤC VII - TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐỐI VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH VÀ MỘT SỐ CHỨC DANH KHÁC CỦA SEABANK.....		54
Điều 67.	Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị	54
Điều 68.	Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát.....	55
Điều 69.	Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Tổng Giám đốc.....	56
Điều 70.	Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc công ty con và các chức danh tương đương của SEABANK.....	56
MỤC VIII - NHỮNG TRƯỜNG HỢP KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM NHIỆM CHỨC VỤ, KHÔNG CÙNG ĐẢM NHIỆM CHỨC VỤ		57
Điều 71.	Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ	57
Điều 72.	Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ.....	58

Điều 73.	Quy định về việc ứng cử/ đề cử tham gia bầu/ bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	59
Điều 74.	Chấp thuận danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc	59
Điều 75.	Đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc	60
Điều 76.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc	60
MỤC IX - CÔNG KHAI LỢI ÍCH LIÊN QUAN, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH		
Điều 77.	Công khai lợi ích liên quan	61
Điều 78.	Quyền, nghĩa vụ của người quản lý, người điều hành của SEABANK	62
CHƯƠNG IV - CÔNG TY CON, NGƯỜI LAO ĐỘNG.....		
VÀ CÔNG ĐOÀN SEABANK.....		
Điều 79.	Mối quan hệ giữa SEABANK và Công ty con.....	63
Điều 80.	Người lao động và công đoàn.....	64
CHƯƠNG V - HỆ THỐNG KIỂM TOÁN, KIỂM SOÁT NỘI BỘ		
Điều 81.	Hệ thống kiểm soát nội bộ	64
Điều 82.	Kiểm toán nội bộ	64
Điều 83.	Kiểm toán độc lập	65
CHƯƠNG VI - CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH – KẾ TOÁN, THÔNG TIN – BÁO CÁO.....		
Điều 84.	Chế độ tài chính	65
Điều 85.	Năm tài chính	65
Điều 86.	Hạch toán, kế toán	65
Điều 87.	Phân phối lợi nhuận sau thuế	65
Điều 88.	Quản lý và sử dụng các quỹ	66

Điều 89.	Mua, đầu tư vào tài sản cố định.....	67
Điều 90.	Cổ tức	67
Điều 91.	Công khai báo cáo tài chính.....	68
Điều 92.	Tự chủ về tài chính của SEABANK.....	68
Điều 93.	Báo cáo	68
Điều 94.	Cung cấp và công bố thông tin.....	68
Điều 95.	Bảo mật thông tin.....	69
CHƯƠNG VII - TỔ CHỨC LẠI, PHÁ SẢN, GIẢI THỂ, THANH LÝ.....		69
Điều 96.	Tổ chức lại ngân hàng.....	69
Điều 97.	Giải thể ngân hàng	69
Điều 98.	Phá sản ngân hàng	69
Điều 99.	Thanh lý ngân hàng	69
CHƯƠNG VIII - GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ		70
Điều 100.	Giải quyết tranh chấp nội bộ	70
CHƯƠNG IX - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH		70
Điều 101.	Điều khoản thi hành và chuyển tiếp.....	70

PHẦN MỞ ĐẦU

Ngân hàng Thương mại cổ phần (“TMCP”) Đông Nam Á (sau đây gọi tắt là “SEABANK”) là Ngân hàng thương mại cổ phần được thực hiện hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật vì mục tiêu lợi nhuận, *đáp ứng nhu cầu dịch vụ tài chính, ngân hàng của tổ chức, cá nhân* và góp phần thực hiện các mục tiêu *phát triển bền vững*, kinh tế - xã hội của Nhà nước. Tổ chức và hoạt động của SEABANK được thực hiện theo Điều lệ này, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.

Nội dung Điều lệ này đã được Đại hội đồng cổ đông g SeABank thông qua dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và các nghị quyết của Hội đồng Quản trị có liên quan.

CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG

MỤC I - GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa và giải thích

Trong Điều lệ này, những thuật ngữ sau đây có nghĩa như sau:

1. “SEABANK” được hiểu là Ngân hàng TMCP Đông Nam Á.
2. “NHNN” được hiểu là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
3. “VND” được hiểu là đơn vị tiền tệ chính thức của Việt Nam, do NHNN phát hành.
4. “Điều lệ” được hiểu là Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của SEABANK.
5. “Giấy phép” được hiểu là Giấy phép thành lập và hoạt động của SEABANK số 0051/NH5-GP do Thống đốc NHNN cấp ngày 25 tháng 3 năm 1994 và các văn bản sửa đổi, bổ sung và/hoặc thay thế Giấy phép này.
6. “Ngày thành lập” được hiểu là ngày mà SEABANK được NHNN ký quyết định cấp Giấy phép.
7. “ĐHĐCĐ” được hiểu là Đại hội đồng cổ đông của SEABANK.
8. “HĐQT” được hiểu là Hội đồng quản trị của SEABANK.
9. “BKS” được hiểu là Ban kiểm soát của SEABANK.
10. “Người quản lý của SEABANK” bao gồm Chủ tịch và thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác do HĐQT quy định.¹

¹ Khoản 26 Điều 4 Luật các TCTD 2024.

11. “**Người điều hành của SEABANK**” bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh² và các chức danh tương đương khác của SEABANK được HĐQT bổ nhiệm làm Người điều hành của SEABANK.³
12. “**Thành viên độc lập Hội đồng quản trị**” là thành viên HĐQT đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 67 của Điều lệ này.
13. “**Vốn điều lệ**” là tổng mệnh giá cổ phần của SEABANK đã bán cho cổ đông.⁴
14. “**Vốn pháp định**” là mức vốn tối thiểu phải có theo quy định của pháp luật để thành lập ngân hàng⁵.
15. “**Vốn tự có**” gồm giá trị thực của vốn điều lệ cộng một số quỹ dự trữ, cộng một số tài sản nợ khác, trừ các khoản phải giảm trừ theo quy định của Thống đốc NHNN⁶.
16. “**Cổ phần**” là Vốn điều lệ được chia thành các phần bằng nhau⁷.
17. “**Cổ phần đã bán**” là cổ phần được quyền chào bán đã được các cổ đông thanh toán đủ cho SEABANK⁸.
18. “**Cổ phiếu**” là chứng chỉ do SEABANK phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của SEABANK.⁹
19. “**Cổ tức**” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác¹⁰.
20. “**Cổ đông**” là tổ chức, cá nhân sở hữu ít nhất một cổ phần của SEABANK¹¹.
21. “**Cổ đông sáng lập**” là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập của SEABANK.¹²
22. “**Cổ đông lớn**” là cổ đông sở hữu từ 05% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của SEABANK, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp.¹³
23. “**Sở hữu gián tiếp**” là việc tổ chức, cá nhân sở hữu vốn điều lệ của SEABANK thông qua ủy thác đầu tư hoặc thông qua doanh nghiệp mà tổ chức, cá nhân đó sở hữu trên 50% vốn điều lệ.¹⁴

² Theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh.

³ Khoản 25 Điều 4 Luật các TCTD 2024.

⁴ Khoản 42 Điều 4 Luật các TCTD 2024 và Khoản 1 Điều 112 LDN 2020.

⁵ Khoản 44 Điều 4 Luật các TCTD 2024.

⁶ Khoản 45 Điều 4 Luật các TCTD 2024.

⁷ Khoản 1 Điều 111 LDN 2020.

⁸ Khoản 2 Điều 112 LDN 2020.

⁹ Điều 121 LDN 2020.

¹⁰ Khoản 5 Điều 4 LDN 2020.

¹¹ Khoản 3 Điều 4 LDN 2020.

¹² Khoản 4 Điều 4 LDN 2020.

¹³ Khoản 4 Điều 4 Luật các TCTD 2024.

¹⁴ Khoản 33 Điều 4 Luật các TCTD 2024.

24. **“Sổ đăng ký cổ đông”** có thể là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông SEABANK¹⁵. Sổ đăng ký cổ đông có các nội dung theo quy định của pháp luật.
25. **“Thời hạn hoạt động”** có nghĩa là thời gian SEABANK được tiến hành các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật, kể từ ngày được NHNN cấp Giấy phép. SEABANK có thể được gia hạn thời gian hoạt động trên cơ sở quyết định của ĐHĐCĐ và được NHNN chấp thuận.
26. **“Hoạt động ngân hàng”** là việc SEABANK kinh doanh, cung ứng thường xuyên một hoặc một số các nghiệp vụ sau đây:
- Nhận tiền gửi;
 - Cấp tín dụng;
 - Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.
27. **“Nhận tiền gửi”** là hoạt động SEABANK nhận tiền của tổ chức, cá nhân dưới hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, phát hành chứng chỉ tiền gửi và các hình thức nhận tiền gửi khác theo nguyên tắc có hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi *theo thỏa thuận cho tổ chức, cá nhân gửi tiền (sau đây gọi là người gửi tiền)*¹⁶.
28. **“Cấp tín dụng”** là việc SEABANK thỏa thuận để tổ chức, cá nhân sử dụng một khoản tiền hoặc cam kết cho phép sử dụng một khoản tiền theo nguyên tắc có hoàn trả bằng nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, mua, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, phát hành thẻ tín dụng, bảo lãnh ngân hàng, *thư tín dụng* và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, bao gồm cả việc cấp tín dụng từ nguồn vốn của pháp nhân khác mà SEABANK chịu rủi ro theo quy định của pháp luật¹⁷.
29. **“Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản”** là việc SEABANK cung ứng phương tiện thanh toán; thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thẻ ngân hàng và các dịch vụ thanh toán khác cho khách hàng thông qua tài khoản của khách hàng¹⁸.
30. **“Cho vay”** là hình thức cấp tín dụng, theo đó SEABANK giao hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định, trong một thời gian nhất định, theo nguyên tắc có hoàn trả *đầy đủ tiền gốc, lãi theo thỏa thuận với khách hàng*¹⁹.
31. **“Bao thanh toán”** là hình thức cấp tín dụng *thông qua việc mua lại khoản phải thu của bên bán hoặc ứng trước tiền thanh toán thay cho bên mua theo hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ giữa bên mua và bên bán*²⁰.

¹⁵ Khoản 1 Điều 122 LDN 2020.

¹⁶ Khoản 27 Điều 4 Luật các TCTD 2024.

¹⁷ Khoản 4 Điều 4 Luật các TCTD 2024.

¹⁸ Khoản 14 Điều 4 Luật các TCTD 2024.

¹⁹ Khoản 7 Điều 4 Luật các TCTD 2024.

²⁰ Khoản 1 Điều 4 Luật các TCTD 2024.

32. **“Bảo lãnh ngân hàng”** là hình thức cấp tín dụng, theo đó SEABANK cam kết với bên nhận bảo lãnh về việc SEABANK sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho *bên có nghĩa vụ* khi *bên có nghĩa vụ* không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết; khách hàng phải nhận nợ *bắt buộc* và hoàn trả cho SEABANK theo thỏa thuận²¹.
33. **“Chiết khấu”** là hình thức cấp tín dụng, theo đó SEABANK mua có kỳ hạn hoặc mua có bảo lưu quyền truy đòi các công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác của người thụ hưởng trước khi đến hạn thanh toán²².
34. **“Tái chiết khấu”** là việc SEABANK chiết khấu các công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác đã được chiết khấu trước khi đến hạn thanh toán²³.
35. **“Môi giới tiền tệ”** là việc SEABANK làm trung gian có thu phí môi giới để thu xếp thực hiện các hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác *theo quy định của Luật các TCTD 2024* giữa SEABANK với các tổ chức tín dụng, *chi nhánh ngân hàng nước ngoài*²⁴.
36. **“Tài khoản thanh toán”** là tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của khách hàng mở tại SEABANK để sử dụng các dịch vụ thanh toán do ngân hàng cung ứng²⁵.
37. **“Thư tín dụng”** là hình thức cấp tín dụng thông qua nghiệp vụ phát hành, xác nhận, thương lượng thanh toán, hoàn trả thư tín dụng.²⁶
38. **“Sản phẩm phái sinh”** là công cụ tài chính được định giá theo biến động dự kiến về giá trị của một tài sản tài chính gốc như lãi suất, ngoại hối, tiền tệ hoặc tài sản tài chính khác²⁷.
39. **“Góp vốn, mua cổ phần”** là việc SEABANK *trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức khác góp vốn cấu thành vốn điều lệ; mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác, bao gồm cả việc nhận chuyển nhượng, mua cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác; cấp vốn, góp vốn vào công ty con, công ty liên kết của SEABANK; góp vốn vào quỹ đầu tư*²⁸.
40. **“Khoản đầu tư dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần nhằm nắm quyền kiểm soát doanh nghiệp”** bao gồm khoản đầu tư chiếm trên 50% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết của một doanh nghiệp hoặc khoản đầu tư khác đủ để chi phối quyết định của ĐHĐCĐ hoặc Hội đồng thành viên của doanh nghiệp²⁹.
41. **“Người có liên quan”** là các cá nhân, tổ chức được xác định theo khoản 24 Điều 4 Luật các TCTD 2024 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

²¹ Khoản 2 Điều 4 Luật các TCTD 2024.

²² Khoản 6 Điều 4 Luật các TCTD 2024.

²³ Khoản 34 Điều 4 Luật các TCTD 2024.

²⁴ Khoản 20 Điều 4 Luật các TCTD 2024.

²⁵ Khoản 35 Điều 4 Luật các TCTD 2024.

²⁶ Khoản 36 Điều 4 Luật các TCTD 2024.

²⁷ Khoản 32 Điều 4 Luật các TCTD 2024.

²⁸ Khoản 16 Điều 4 Luật các TCTD 2024.

²⁹ Khoản 18 Điều 4 Luật các TCTD 2024.

42. “**Công ty con**” là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây³⁰:
- SEABANK hoặc SEABANK và người có liên quan của SEABANK sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% vốn cổ phần có quyền biểu quyết của công ty đó;
 - SEABANK có quyền bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên HĐQT, Hội đồng thành viên hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty đó;
 - SEABANK có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty đó;
 - SEABANK hoặc SEABANK và người có liên quan của SEABANK trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, Hội đồng thành viên của công ty đó.
43. “**Công ty liên kết**” là công ty trong đó SEABANK hoặc SEABANK và người có liên quan của SEABANK sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc trên 11% số cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là Công ty con³¹.
44. “**Kiểm soát đặc biệt**” là việc NHNN quyết định đặt một tổ chức tín dụng dưới sự kiểm soát trực tiếp của NHNN³².
45. “**Pháp luật**” có nghĩa là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quy định, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động ngân hàng.
46. “**Luật Doanh nghiệp 2020**” (hoặc “**LDN 2020**”) có nghĩa là Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).
47. “**Luật các Tổ chức tín dụng 2024**” (hoặc “**Luật các TCTD 2024**”) có nghĩa là Luật các tổ chức tín dụng được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18 tháng 01 năm 2024).

Điều 2. Áp dụng dẫn chiếu

- Trong Điều lệ này, bất kỳ dẫn chiếu nào tới bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản pháp luật thay thế của chúng.
- Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới cấu trúc, nội dung của Điều lệ này.

MỤC II - TÊN GỌI, TRỤ SỞ CHÍNH, MỤC TIÊU, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG

Điều 3. Tên, địa điểm đặt trụ sở chính, hệ thống cơ sở hoạt động và thời hạn hoạt động của ngân hàng

- Tên ngân hàng:
 Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Nam Á**
 Tên viết tắt bằng tiếng Việt: **Ngân hàng Đông Nam Á**
 Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: **Southeast Asia Commercial Joint Stock Bank**

³⁰ Khoản 9 Điều 4 Luật các TCTD 2024.

³¹ Khoản 11 Điều 4 Luật các TCTD 2024.

³² Khoản 19 Điều 4 Luật các TCTD 2024.

Tên viết tắt bằng tiếng Anh: **SEABANK**

2. Trụ sở chính đặt tại: 198 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
3. *Hệ thống cơ sở hoạt động của SEABANK:*
 - a) *Mạng lưới hoạt động của SEABANK bao gồm: các chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; các chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.*³³
 - b) *Trụ sở chính và địa điểm của các bộ phận nghiệp vụ của SEABANK theo quy định của pháp luật, NHNN;*
 - c) *Hệ thống cơ sở hoạt động khác của SEABANK được thành lập theo yêu cầu phát triển kinh doanh của Ngân hàng, phù hợp quy định của pháp luật, NHNN.*
4. Thời hạn hoạt động là **99 năm** kể từ ngày 25/3/1994. SEABANK có thể xin gia hạn hoặc xin thay đổi thời hạn hoạt động theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và được NHNN chấp thuận.

Điều 4. Dấu của SEABANK³⁴

1. HĐQT quyết định số lượng, hình thức, nội dung và mẫu con dấu, việc quản lý và sử dụng con dấu của SEABANK, bao gồm cả mẫu dấu của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và hệ thống mạng lưới khác phù hợp với quy định của pháp luật, NHNN và Điều lệ SEABANK.
2. Mẫu dấu của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và hệ thống mạng lưới khác của SEABANK phải thống nhất về nội dung, hình thức và kích thước mẫu dấu pháp nhân của Ngân hàng.
3. Việc thay đổi mẫu dấu của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và hệ thống mạng lưới khác của SeABank do thay đổi địa điểm, đổi tên hoặc thay đổi chi nhánh quản lý và việc cấp đổi do hư hỏng, mờ, mòn không sử dụng được do Tổng Giám đốc quyết định và thực hiện tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền

Điều 5. Người đại diện theo pháp luật của SEABANK³⁵

1. Người đại diện theo pháp luật của SEABANK là Chủ tịch HĐQT hoặc Tổng Giám đốc theo nghị quyết của HĐQT SEABANK trong từng thời kỳ.
2. Người đại diện theo pháp luật của SEABANK phải cư trú tại Việt Nam, trường hợp vắng mặt ở Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác là Người quản lý, Người điều hành đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện quyền, nghĩa vụ của *người đại diện theo pháp luật của SEABANK*.
3. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật cho đến khi người đại diện theo pháp luật của SEABANK trở lại làm việc tại SEABANK hoặc cho đến khi HĐQT quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của SEABANK.
4. Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp

³³ Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 32/2024/TT-NHNN

³⁴ Điều 43 Luật DN 2020.

³⁵ Điều 11 Luật các TCTD 2024; Điều 12 LDN 2020.

luật hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì HĐQT cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của SEABANK.

5. Người đại diện theo pháp luật của SEABANK có trách nhiệm sau đây:³⁶
 - a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của SEABANK;
 - b) Trung thành với lợi ích của SEABANK; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của SEABANK, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của SEABANK để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho SEABANK về doanh nghiệp mà mình và, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn theo quy định của pháp luật;
6. Người đại diện theo pháp luật của SEABANK chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho SEABANK do vi phạm trách nhiệm quy định tại Khoản 5 Điều này.

Điều 6. Mục tiêu và chiến lược của SEABANK

1. Trở thành Ngân hàng bán lẻ, đa năng, hiện đại với chất lượng dịch vụ nằm trong top 5 lựa chọn về dịch vụ và sản phẩm ngân hàng dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ và khách hàng cá nhân tại Việt Nam.
2. Từng bước hướng tới trở thành một tập đoàn ngân hàng - tài chính đa năng, hiện đại, nổi bật về chất lượng sản phẩm dịch vụ và uy tín thương hiệu.
3. Mở rộng hoạt động một cách vững chắc, an toàn, bền vững và toàn diện về tài chính, ngân hàng; áp dụng công nghệ hiện đại; cung cấp các dịch vụ tiện ích, đa dạng đến các doanh nghiệp và tầng lớp dân cư; duy trì và nâng cao khả năng sinh lời; bồi dưỡng và phát triển nguồn nhân lực nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và thích ứng nhanh chóng với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.
4. Là ngân hàng có nguồn nhân lực tốt nhất.

Điều 7. Nguyên tắc hoạt động

1. Quyền tự chủ trong hoạt động kinh doanh:³⁷
 - a) SEABANK có quyền tự chủ trong hoạt động kinh doanh và tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh của mình.
 - b) SEABANK có quyền từ chối yêu cầu cấp tín dụng, cung ứng các dịch vụ khác nếu thấy không đủ điều kiện, không có hiệu quả, không phù hợp với quy định pháp luật.
2. Hợp tác và cạnh tranh trong hoạt động ngân hàng:³⁸

SEABANK được hợp tác và cạnh tranh trong hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác theo quy định Pháp luật.

³⁶ Điều 13 LDN 2020.

³⁷ Điều 7 Luật các TCTD 2024.

³⁸ Điều 9 Luật các TCTD 2024.

3. Bảo vệ quyền lợi của khách hàng:³⁹

Để bảo vệ quyền lợi của khách hàng, SEABANK có trách nhiệm:

- a) Tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định pháp luật và công bố công khai việc tham gia bảo hiểm tiền gửi tại *trụ sở chính* và các chi nhánh;
- b) Tạo thuận lợi cho khách hàng gửi và rút tiền, bảo đảm thanh toán đủ, đúng hạn *tiền gốc, lãi* của khoản tiền gửi theo *thỏa thuận phù hợp* với quy định của pháp luật và của SEABANK trong từng thời kỳ;
- c) Từ chối việc điều tra, phong tỏa, cầm giữ, trích chuyển tiền gửi của khách hàng, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định Pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng;
- d) *Công bố công khai* lãi suất tiền gửi, phí dịch vụ, các quyền, nghĩa vụ của khách hàng đối với từng loại sản phẩm, dịch vụ đang cung ứng.
- e) Công bố *công khai* thời gian giao dịch chính thức. Trường hợp ngừng giao dịch *SeABank thực hiện các thủ tục niêm yết theo quy định của pháp luật*⁴⁰.

Điều 8. Nội dung và phạm vi hoạt động

1. Lĩnh vực kinh doanh của SEABANK là hoạt động kinh doanh tiền tệ, tín dụng và các dịch vụ tài chính, tiền tệ, ngân hàng phục vụ cho sản xuất kinh doanh, dịch vụ và phát triển của khách hàng thuộc các ngành và thành phần kinh tế.
2. SEABANK được tiến hành tất cả các hoạt động *kinh doanh của ngân hàng thương mại quy định trong giấy phép thành lập và hoạt động của SEABANK*⁴¹ và các hoạt động kinh doanh khác *phù hợp với quy định của pháp luật*.
3. SeABank có phạm vi kinh doanh và hoạt động cả trong nước và nước ngoài, phù hợp với quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị và pháp luật trong từng thời kỳ.
4. Việc tiến hành các hoạt động kinh doanh của SEABANK được thực hiện theo quy định của Luật các TCTD 2024, hướng dẫn của NHNN và các quy định của pháp luật có liên quan.

MỤC III - CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA SEABANK

Điều 9. Hoạt động vay, nhận tiền gửi⁴²

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi,
3. SEABANK được vay NHNN dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của *Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam*.
4. *SEABANK được vay nước ngoài theo quy định của pháp luật*.

³⁹ Điều 10 Luật các TCTD 2024.

⁴⁰ Khoản 5 Điều 10 Luật các TCTD 2024.

⁴¹ Điều 35 Luật các TCTD 2024.

⁴² Điều 107, 108 Luật các TCTD 2024.

5. SEABANK được vay, nhận tiền gửi của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Thống đốc NHNN⁴³.
6. Các hình thức vay, nhận tiền gửi khác phù hợp theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Hoạt động Cấp tín dụng⁴⁴

1. Cho vay;
2. Chiết khấu, tái chiết khấu;
3. Bảo lãnh ngân hàng;
4. Phát hành thẻ tín dụng;
5. Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế trong trường hợp SEABANK được phép thực hiện thanh toán quốc tế;
6. Thư tín dụng;
7. Các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Thống đốc NHNN.

Điều 11. Hoạt động cung ứng phương tiện, dịch vụ thanh toán⁴⁵

1. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
2. Cung ứng các phương tiện thanh toán.
3. Cung ứng các dịch vụ thanh toán sau đây:
 - a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;
 - b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản; dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Thống đốc NHNN.

Điều 12. Mở tài khoản⁴⁶

1. SEABANK phải mở tài khoản thanh toán tại NHNN và duy trì số tiền dự trữ bắt buộc trên tài khoản này.
2. SEABANK được mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.
3. SEABANK được mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

Điều 13. Vay, gửi tiền, mua, bán giấy tờ có giá⁴⁷

1. SEABANK mua, bán giấy tờ có giá với NHNN theo quy định của Luật NHNN Việt Nam.
2. SEABANK cho vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Thống đốc NHNN.

⁴³ Khoản 3 Điều 108 Luật các TCTD 2024.

⁴⁴ Khoản 3 Điều 107 Luật các TCTD 2024.

⁴⁵ Khoản 4,5,6 Điều 107 Luật các TCTD 2024.

⁴⁶ Điều 109 Luật các TCTD 2024.

⁴⁷ Khoản 2, 3 Điều 108 Luật các TCTD 2024.

Điều 14. Tổ chức và tham gia hệ thống thanh toán⁴⁸

1. SEABANK tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
2. SEABANK tham gia hệ thống thanh toán quốc tế *khi đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính phủ và được NHNN chấp thuận bằng văn bản.*

Điều 15. Kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh⁴⁹

1. SEABANK kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài *các dịch vụ, các sản phẩm sau đây sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản:*
 - a) Ngoại hối;
 - b) Phái sinh về lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác.
2. Việc *kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối* của SEABANK cho khách hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

Điều 16. Nghiệp vụ ủy thác và đại lý, giao đại lý⁵⁰

1. SEABANK ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong *hoạt động ngân hàng, giao đại lý thanh toán* theo quy định của *Thống đốc NHNN.*
2. SEABANK thực hiện *hoạt động đại lý bảo hiểm* theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của *Thống đốc NHNN.*

Điều 17. Góp vốn, mua cổ phần⁵¹

1. SEABANK dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 6 Điều này.
2. Khi cần thực hiện các hoạt động kinh doanh sau đây, SEABANK thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết:
 - a) Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu;
 - b) Cho thuê tài chính;
 - c) Bảo hiểm.
3. SEABANK thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.
4. SEABANK góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:
 - a) Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;
 - b) Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a khoản này *sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.*

⁴⁸ Điều 110 Luật các TCTD 2024.

⁴⁹ Điều 112 Luật các TCTD 2024.

⁵⁰ Điều 113 Luật các TCTD 2024.

⁵¹ Điều 111 Luật các TCTD 2024.

5. SEABANK thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
6. SEABANK, công ty con của SEABANK mua, nắm giữ cổ phần của tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của *Thống đốc* NHNN.
7. Mức góp vốn, mua cổ phần của SEABANK và các công ty con, công ty liên kết vào một doanh nghiệp quy định tại khoản 4 Điều này phải đảm bảo tuân thủ theo tỷ lệ do NHNN quy định.

Điều 18. Các hoạt động kinh doanh khác của SEABANK⁵²

1. SEABANK thực hiện các hoạt động kinh doanh sau đây trên cơ sở quy định của NHNN và pháp luật có liên quan trong từng thời kỳ:
 - a) Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.
 - b) Cung ứng dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản;
 - c) Mua, bán tín phiếu NHNN, trái phiếu doanh nghiệp; mua bán giấy tờ có giá khác, trừ mua, bán giấy tờ có giá quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;
 - d) Dịch vụ môi giới tiền tệ.
 - e) Kinh doanh vàng;
 - f) Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng;
 - g) Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác trong Giấy phép.
2. SEABANK thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của pháp luật có liên quan:
 - a. Mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
 - b. Phát hành trái phiếu;
 - c. Lưu ký chứng khoán
 - d. Nghiệp vụ ngân hàng giám sát;
 - e. Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
3. SEABANK thực hiện các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật và NHNN.

Điều 19. Giao dịch điện tử trong hoạt động của SEABANK⁵³

Hoạt động của SEABANK được thực hiện bằng phương tiện điện tử theo quy định của *Thống đốc* NHNN, quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Điều 20. Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của SEABANK⁵⁴

1. SEABANK được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của SEABANK.

⁵² Điều 114 Luật các TCTD 2024.

⁵³ Điều 105 Luật các TCTD 2024.

⁵⁴ Điều 100 Luật các TCTD 2024.

- SEABANK và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của SEABANK theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động

Trong quá trình hoạt động, SEABANK phải tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn và các quy định khác pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG II - VỐN, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU

MỤC I - VỐN ĐIỀU LỆ, VỐN HOẠT ĐỘNG

Điều 22. Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ của SEABANK tại thời điểm thông qua Điều lệ này là **24.957.000.000.000** (Hai mươi tư nghìn chín trăm năm mươi bảy tỷ) đồng, tương ứng với **2.495.700.000 cổ phần**.

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ (Mười nghìn đồng Việt Nam).

Mức vốn điều lệ này được thay đổi theo thực tế tăng vốn điều lệ của SEABANK trong từng thời kỳ và được ghi nhận trong Giấy phép của SEABANK theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Vốn điều lệ được hạch toán bằng VNĐ. SEABANK duy trì giá trị thực của Vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật. Giá trị thực của Vốn điều lệ được xác định bằng Vốn điều lệ và thặng dư Vốn cổ phần, cộng (trừ) lợi nhuận lũy kế chưa phân phối (lỗ lũy kế chưa xử lý) được phản ánh trên sổ sách kế toán.⁵⁵
- Vốn điều lệ được sử dụng vào các mục đích:
 - Mua, đầu tư vào tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động của SEABANK theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định không vượt quá 50% vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của SEABANK ghi trên sổ sách kế toán;⁵⁶
 - Góp vốn, mua cổ phần theo quy định pháp luật và NHNN;
 - Thành lập công ty con, công ty liên kết theo quy định pháp luật;
 - Cấp tín dụng;
 - Kinh doanh các dịch vụ khác theo quy định pháp luật;
 - Sử dụng vào mục đích khác phù hợp với quy định Pháp luật và quy định của SeABank trong từng thời kỳ.

Điều 23. Thay đổi Vốn điều lệ

- Việc thay đổi vốn điều lệ của SEABANK (tăng hoặc giảm) phải được thực hiện trên cơ sở quyết định của ĐHĐCĐ và phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thay đổi vốn điều lệ theo đúng quy định pháp luật hiện hành.⁵⁷
- Các hình thức tăng vốn điều lệ của SEABANK:

⁵⁵ Điều 5 Nghị định 93/2017/NĐ-CP.

⁵⁶ Khoản 3 Điều 144 Luật các TCTD 2024

⁵⁷ Điểm b khoản 1 Điều 37 Luật các TCTD 2024.

- a) Tăng từ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; thặng dư vốn cổ phần; lợi nhuận để lại và các quỹ khác theo quy định của pháp luật;
 - b) Phát hành cổ phiếu ra công chúng, phát hành cổ phiếu riêng lẻ;
 - c) Chuyển đổi từ *khoản vay*, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông;
 - d) Thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu mới của SEABANK;
 - e) Vốn do cổ đông góp thêm;
 - f) Các nguồn, hình thức khác theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Các trường hợp giảm vốn điều lệ của SEABANK:⁵⁸
- a) SeABank mua lại cổ phần đã bán theo quy định tại Điều 132 và Điều 133 của Luật Doanh nghiệp 2020;
 - b) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Trong các trường hợp này, SEABANK phải tổ chức ĐHĐCĐ bất thường hoặc đưa ra ĐHĐCĐ thường niên để quyết định biện pháp xử lý giảm vốn điều lệ sau khi đã xử lý bằng các biện pháp tài chính khác (sử dụng quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ để bù đắp; góp thêm vốn để xử lý....) mà vẫn không khắc phục được. Việc giảm vốn điều lệ gắn liền với việc giảm mệnh giá hoặc giảm số lượng cổ phần hoặc đồng thời cả hai hình thức này.

Điều 24. Vốn hoạt động của SEABANK⁵⁹

- 1. Vốn chủ sở hữu:
 - a) Vốn điều lệ;
 - b) Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỷ giá theo quy định của pháp luật;
 - c) Thặng dư vốn cổ phần;
 - d) Các quỹ: Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ, quỹ dự phòng tài chính;
 - e) Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối, lỗ lũy kế chưa xử lý;
 - f) Vốn khác thuộc sở hữu hợp pháp của SEABANK.
- 2. Vốn huy động:
 - a) Vốn huy động tiền gửi của các tổ chức và cá nhân;
 - b) Vốn nhận ủy thác đầu tư;
 - c) Vốn vay các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và ngoài nước;
 - d) Vốn vay NHNN;
 - e) Vốn huy động thông qua phát hành các loại giấy tờ có giá.
- 3. Các loại vốn khác theo quy định của pháp luật.

⁵⁸ Khoản 5 Điều 112 LDN.

⁵⁹ Điều 4 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP.

Điều 25. Sử dụng vốn, tài sản⁶⁰

1. SEABANK được sử dụng vốn để phục vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định theo quy định của pháp luật, bảo đảm nguyên tắc an toàn và phát triển vốn.
2. SEABANK được quyền thay đổi cơ cấu vốn, tài sản phục vụ cho việc phát triển hoạt động theo quy định của pháp luật.
3. SEABANK được điều động vốn và tài sản giữa các đơn vị trong hệ thống mạng lưới của SEABANK hoặc giữa các công ty thành viên độc lập. Việc điều động vốn, tài sản của SEABANK trong trường hợp này được thực hiện theo *quy định của SEABANK* trong từng thời kỳ.

MỤC II - CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU

Điều 26. Cổ phần⁶¹

1. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, toàn bộ cổ phần của SEABANK là cổ phần phổ thông; tất cả các cổ đông của SEABANK là cổ đông phổ thông.
2. SEABANK có thể có cổ phần ưu đãi, bao gồm các loại sau đây:
 - a) Cổ phần ưu đãi cổ tức là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hằng năm. Cổ tức được chia hằng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của SEABANK và chỉ được trả khi SEABANK có lãi. Trường hợp SEABANK kinh doanh thua lỗ hoặc có lãi nhưng không đủ để chia cổ tức cố định thì cổ tức cố định trả cho cổ phần ưu đãi cổ tức được cộng dồn vào các năm tiếp theo. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng do ĐHĐCĐ quyết định và được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và người quản lý, người điều hành khác của SEABANK không được mua cổ phần ưu đãi cổ tức do SEABANK phát hành. Người được mua cổ phần ưu đãi cổ tức do ĐHĐCĐ quyết định.

Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền và nghĩa vụ như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, dự họp ĐHĐCĐ, đề cử người tham gia HĐQT và BKS, trừ trường hợp nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
 - b) Cổ phần ưu đãi biểu quyết: Cổ phần ưu đãi biểu quyết là cổ phần phổ thông có nhiều hơn phiếu biểu quyết so với cổ phần phổ thông khác. Đối tượng được sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định của SeABank trong từng thời kỳ.
3. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

⁶⁰ Điều 6 Nghị định số 93/2017/NĐ-CP.

⁶¹ Điều 60 Luật các TCTD 2024 và Điều 114 LDN 2020.

4. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.
5. Khi cần thiết, để đáp ứng nhu cầu hoạt động phát triển của Ngân hàng, SEABANK có thể có các loại cổ phần khác phù hợp với các quy định của pháp luật và do ĐHĐCĐ quyết định.

Điều 27. Cổ phiếu⁶²

1. HĐQT quyết định việc phát hành, quản lý cổ phiếu dưới hình thức chứng chỉ và/hoặc bút toán ghi sổ và/hoặc dữ liệu điện tử. Cổ phiếu của SEABANK có các nội dung theo quy định pháp luật.
2. Mỗi cổ đông có thể được SEABANK cấp cổ phiếu theo từng loại cổ phần để ghi nhận số vốn góp.
3. Mỗi cổ phiếu được cấp phát không được ghi nhận nhiều loại cổ phần.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được SEABANK cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:
 - a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác.
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.
 - c) Trả phí theo quy định của SEABANK.
5. Cổ phiếu của SEABANK không được dùng để bảo đảm tại SEABANK.
6. SEABANK sẽ phát hành cổ phiếu mới cho các cổ đông trong trường hợp cổ phiếu phát hành dưới hình thức chứng chỉ trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cổ đông thanh toán đủ cổ phần cam kết mua và SeABank đã được NHNN chấp thuận điều chỉnh giấy phép hoạt động về vốn điều lệ theo quy định.

Điều 28. Tỷ lệ sở hữu cổ phần⁶³

1. Một cổ đông là cá nhân không được sở hữu cổ phần vượt quá 5% Vốn điều lệ của SEABANK.
2. Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu cổ phần vượt quá 10% Vốn điều lệ của SEABANK.
3. Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần vượt quá 15% Vốn điều lệ của SEABANK. Cổ đông lớn của SEABANK và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên của một tổ chức tín dụng khác.
4. Quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này không áp dụng đối với các trường hợp sau đây:
 - a) Sở hữu cổ phần tại công ty con, công ty liên kết của SEABANK là tổ chức tín dụng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.
 - b) Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại khoản 6 Điều này.

⁶² Điều 121 Luật DN 2020 và Điều 66 Luật các TCTD 2024.

⁶³ Điều 63 Luật các TCTD 2024.

5. Tỷ lệ sở hữu quy định tại các khoản 1, 2 Điều này bao gồm cả *số cổ phần sở hữu gián tiếp*. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại khoản 3 Điều này bao gồm cả cổ phần do cổ đông ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần và không bao gồm sở hữu cổ phần của người có liên quan là công ty con của cổ đông đó.
6. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại SeABank là 5% Vốn điều lệ.
7. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại SEABANK có thể thay đổi theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và/hoặc Hội đồng quản trị (trường hợp được Đại hội đồng cổ đông giao và ủy quyền) trong từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 29. Chào bán cổ phần

1. Chào bán cổ phần là việc SEABANK tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán để tăng Vốn điều lệ của Ngân hàng.
2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo các hình thức sau đây:
 - a) Chào bán cho các cổ đông hiện hữu: là trường hợp SEABANK tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán toàn bộ số cổ phần đó cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại SEABANK;
 - b) Chào bán ra công chúng;
 - c) Chào bán cổ phần riêng lẻ.
3. Điều kiện, trình tự, thủ tục chào bán cổ phần của SEABANK được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Trường hợp số lượng cổ phần dự kiến chào bán không được cổ đông và người nhận chuyển quyền *ưu tiên* mua đăng ký mua hết thì HĐQT có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại đó cho cổ đông của SEABANK và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.
4. *HĐQT toàn quyền quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ trường hợp:*
 - a) *Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;*
 - b) *Cổ phần chào bán cho tất cả các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở SEABANK;*
 - c) *Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ hoặc người được ĐHĐCĐ ủy quyền;*
 - d) *Cổ phần chào bán cho cán bộ nhân viên của SEABANK với mức giá tối thiểu bằng mệnh giá cổ phần. HĐQT quyết định đối tượng cán bộ nhân viên SEABANK được quyền mua cổ phần, giá chào bán cổ phần và các vấn đề khác liên quan việc chào bán cổ phần cho những đối tượng này;*
 - e) *Các trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do HĐQT xem xét, quyết định phù hợp với quy định của pháp luật.*
5. *Cổ phần của SEABANK có thể được mua bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật và các tài sản khác có thể định giá được bằng đồng Việt Nam theo quy định của pháp luật liên quan và phải được thanh toán đủ một lần.*

Quyền sở hữu trí tuệ được sử dụng để góp vốn bao gồm quyền tác giả, quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng và các quyền sở hữu trí tuệ khác theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Chỉ cá nhân, tổ chức là chủ sở hữu hợp pháp đối với các quyền nói trên mới có quyền sử dụng các tài sản đó để góp vốn. Trường hợp góp vốn bằng quyền sử dụng đất và các tài sản khác không phải là đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng thì phải là những tài sản cần thiết phục vụ trực tiếp cho hoạt động của SEABANK và phải được ĐHĐCĐ thông qua. Việc định giá và chuyển quyền sử dụng đất và quyền sở hữu các tài sản này được thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan.

6. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 37 Điều lệ này; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của SEABANK.
7. Trường hợp giá chào bán cổ phần cao hơn mệnh giá cổ phần thì phần chênh lệch được hạch toán vào thặng dư vốn cổ phần.
8. SEABANK thực hiện các thủ tục đề nghị sửa đổi mức vốn điều lệ tại Giấy phép hoạt động theo đúng quy định của Pháp luật và NHNN.⁶⁴

Điều 30. Chuyển nhượng cổ phần⁶⁵

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này, quy định nội bộ của SEABANK và/hoặc pháp luật có quy định khác.
2. Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện *phần vốn góp tại SeABank* là thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc của SEABANK không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.
3. Trong thời gian đang xử lý hậu quả *do trách nhiệm cá nhân* theo nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ hoặc theo quyết định của NHNN, thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật;
 - b) Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc bị buộc chuyển nhượng cổ phần theo *bản án*, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;
 - c) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án *phục hồi, phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, phương án chuyển giao bắt buộc* đã được phê duyệt.
4. Trường hợp mua, nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành Cổ đông lớn của SEABANK phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện. Cổ đông, người mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của SEABANK có trách nhiệm đề nghị và phối hợp với SEABANK thực hiện thủ tục xin chấp thuận đối với nội dung quy định tại điểm này.⁶⁶

⁶⁴ Điểm b khoản 1 Điều 37 Luật các TCTD 2024

⁶⁵ Điều 127 LDN 2020 và Điều 64 Luật các TCTD 2024.

⁶⁶ Điểm đ khoản 1 Điều 37 Luật các TCTD 2024.

5. Việc chuyển nhượng được thực hiện thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.
6. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của SEABANK.
7. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
8. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại SEABANK cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của SEABANK.
9. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông SEABANK từ thời điểm các thông tin của họ q được ghi đầy đủ vào Sổ đăng ký cổ đông *quy định tại khoản 2 Điều 37 của Điều lệ này.*

Điều 31. Mua lại cổ phần⁶⁷

1. SEABANK có thể mua cổ phần do chính SEABANK đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức điều kiện, trình tự, thủ tục quy định trong Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp 2020 và pháp luật về chứng khoán.
2. SEABANK chỉ được mua lại cổ phần của cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số *tiền tương đương với số cổ phần* được mua lại mà vẫn bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng và giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định của SEABANK;
3. SEABANK được quyền bán lại cổ phần đã mua theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này theo cách thức, điều kiện, trình tự, thủ tục phù hợp với pháp luật về chứng khoán.

Điều 32. Phát hành trái phiếu

1. SEABANK có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ. Việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi phải tuân thủ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, Luật các TCTD 2024 và quy định pháp luật về chứng khoán.
2. Đại hội đồng cổ đông thông qua:⁶⁸
 - a. Phương án phát hành, mua lại và hoán đổi trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ, trái phiếu kèm chứng quyền riêng lẻ phát hành trong nước.
 - b. Phương án phát hành, mua lại và hoán đổi trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền ra thị trường quốc tế.
3. Hội đồng Quản trị thông qua phương án phát hành trái phiếu và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này và *quy định cụ thể các nội dung chưa được quy định chi tiết trong phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền và các nội dung khác liên quan đến việc phát hành trái phiếu của SEABANK.*

⁶⁷ Điều 65 Luật các TCTD 2024 và Điều 132,133 LDN 2020.

⁶⁸ Điều 13 và Điều 28 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chào bán chào bán, giao dịch trái phiếu riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

CHƯƠNG III - CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA SEABANK

MỤC I - CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ

Điều 33. Cơ cấu tổ chức và quản lý

1. Cơ cấu tổ chức và quản lý của SEABANK bao gồm⁶⁹:
 - a) Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Hội đồng quản trị;
 - c) Ban kiểm soát;
 - d) Tổng Giám đốc.
2. HĐQT quy định cụ thể cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của bộ máy quản lý, điều hành phù hợp với quy định của pháp luật và quy mô hoạt động kinh doanh của SEABANK trong từng thời kỳ.
3. HĐQT, BKS, TGD phải xây dựng cơ chế phân cấp thẩm quyền, ủy quyền, phân công công việc trong nội bộ HĐQT, BKS, Ban TGD phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo việc quản trị điều hành SEABANK được an toàn, hiệu quả và thông suốt.

MỤC II - CỔ ĐÔNG

Điều 34. Cổ đông

1. SEABANK phải có ít nhất 100 cổ đông và không hạn chế số lượng tối đa, trừ trường hợp theo quy định pháp luật có liên quan.⁷⁰ Tổ chức, cá nhân nước ngoài chỉ được mua cổ phần của SEABANK theo quy định của pháp luật.
2. Việc cử người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức tại SEABANK được thực hiện theo quy định sau:⁷¹
 - a) Tổ chức là cổ đông có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông của SEABANK có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện theo ủy quyền.
 - b) Trường hợp cổ đông cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện *theo ủy quyền*. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.
 - c) Việc chỉ định người đại diện theo ủy quyền phải bằng văn bản, phải thông báo cho SEABANK và chỉ có hiệu lực đối với SEABANK kể từ ngày SEABANK nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - i. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;
 - ii. Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần, số cổ phần tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền;

⁶⁹ Điều 137 LDN 2020.

⁷⁰ Khoản 6 Điều 60 Luật các TCTD 2024.

⁷¹ Điều 14 LDN 2020.

- iii. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, *số định danh cá nhân* từng người đại diện theo ủy quyền;
 - iv. Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền, trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện;
 - v. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.
- d) Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- i. Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;
 - ii. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác do pháp luật quy định.
- e) Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức:
- i. Người đại diện theo ủy quyền nhân danh cổ đông thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ và pháp luật có liên quan. Mọi hạn chế của cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của cổ đông tương ứng tại ĐHĐCĐ đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba.
 - ii. Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp của ĐHĐCĐ; thực hiện các quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông cử đại diện.
 - iii. Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước cổ đông cử đại diện do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này. Cổ đông cử đại diện chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

Điều 35. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:⁷²
 - a) Tham dự, phát biểu ý kiến trong các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
 - b) Nhận cổ tức theo nghị quyết của ĐHĐCĐ.
 - c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông *sở hữu* của từng cổ đông trong SEABANK.
 - d) Chuyển nhượng cổ phần *hoặc/ và quyền mua cổ phần cho cổ đông khác của SEABANK, hoặc tổ chức, cá nhân khác* theo quy định của Điều lệ, quy định của SEABANK và pháp luật có liên quan.
 - e) Xem, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình.
 - f) Xem, tra cứu, trích lục, sao chụp Điều lệ SEABANK, *sổ biên bản họp ĐHĐCĐ, nghị quyết, quyết định* của ĐHĐCĐ theo quy định của SEABANK và pháp luật có liên quan.
 - g) Được *chia* phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần *sở hữu* tại SEABANK khi SEABANK giải thể hoặc phá sản.

⁷² Điều 61 Luật các TCTD 2024; Điều 115 LDN 2020; Điều 41 Luật Chứng khoán năm 2019.

- h) Ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ủy quyền lại và không được ứng cử với tư cách của chính mình.
 - i) Ứng cử, đề cử người tham gia HĐQT, BKS theo quy định tại Điều lệ này, các quy định nội bộ khác của SEABANK và pháp luật có liên quan.
 - j) Được đối xử bình đẳng.
 - k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do SEABANK công bố theo quy định của pháp luật.
 - l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **05%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:⁷³
- a) Xem, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của SEABANK.
 - b) Yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ trong trường hợp HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - c) Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của SEABANK khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, *số định danh cá nhân* đối với cổ đông là cá nhân; tên mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của SEABANK; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; và kèm theo yêu cầu kiểm tra phải có các tài liệu, chứng cứ chứng minh tính cần thiết của yêu cầu kiểm tra;
 - d) *Ứng cử*, đề cử người tham gia HĐQT, BKS của Ngân hàng. Việc đề cử người tham gia HĐQT và BKS thực hiện theo quy định của Điều lệ, quy định khác của SeABank và các quy định của pháp luật có liên quan.
 - e) Các quyền khác quy định tại Điều lệ và phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu **trên 10%** tổng số cổ phần phổ thông có quyền yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ⁷⁴.
4. Cổ đông và nhóm cổ đông quy định tại điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều này yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, *số định danh cá nhân* đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của SEABANK, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của HĐQT, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

⁷³ Khoản 2 Điều 115 LDN 2020.

⁷⁴ Điểm d khoản 2 Điều 67 Luật các TCTD 2024.

Điều 36. Nghĩa vụ của cổ đông⁷⁵

1. Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:
 - a) Cung cấp thông tin, địa chỉ liên lạc chính xác khi mua cổ phần, nhận chuyển nhượng cổ phần;
 - b) Thanh toán đủ số tiền tương ứng với số cổ phần đã cam kết mua trong thời hạn do SEABANK quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của SEABANK trong phạm vi vốn cổ phần đã góp vào SEABANK;
 - c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại SEABANK; không sử dụng nguồn vốn do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của SEABANK; không được góp vốn, mua cổ phần của SEABANK dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật;
 - d) Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi SEABANK dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được SEABANK mua lại hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ số vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong SEABANK phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của SEABANK trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
 - e) Tuân thủ Điều lệ và quy chế, quy định nội bộ của SEABANK;
 - f) Chấp hành các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT;
 - g) *Bảo mật các thông tin được SEABANK cung cấp theo quy định tại Điều lệ SEABANK và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin mà cổ đông được SEABANK cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;*
 - h) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ SEABANK và phù hợp với các quy định của pháp luật.
2. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư *cho tổ chức, cá nhân khác* phải cung cấp cho SEABANK thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư trong SEABANK. SEABANK có quyền đình chỉ quyền cổ đông của các cổ đông nhận ủy thác đầu tư trong trường hợp *cổ đông này không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ, không chính xác về chủ sở hữu thực sự các cổ phần.*⁷⁶
3. *Cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của SeABank phải cung cấp thông tin cho SEABANK theo quy định tại Điều 77 của Điều lệ này.*
4. *Cổ đông phải bảo đảm thông tin cung cấp, công bố công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin có liên quan theo quy định tại Điều này.*

⁷⁵ Điều 62 Luật các TCTD 2024; Điều 119 LDN 2020.

⁷⁶ Khoản 2 Điều 62 và Điều 49 Luật TCTD 2024.

Điều 37. Sổ đăng ký cổ đông⁷⁷

1. SEABANK phải lập và lưu giữ Sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp GCN ĐKDN. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản giấy, tệp dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin sở hữu cổ phần của các cổ đông SEABANK.
2. Sổ đăng ký cổ đông phải được lưu giữ tại trụ sở chính của SEABANK hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và/ hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông.
3. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với SEABANK hoặc thành viên lưu ký nơi cổ đông đã lưu ký cổ phiếu để cập nhật vào Sổ đăng ký cổ đông. SEABANK không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.
4. Việc cập nhật thay đổi của cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông được thực hiện quy định pháp luật của có liên quan.

MỤC III - ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 38. Đại hội đồng cổ đông⁷⁸

1. ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của SEABANK. ĐHĐCĐ có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của SEABANK;
 - b) *Thông qua Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của SEABANK;*
 - c) *Thông qua quy định về tổ chức và hoạt động của HĐQT, BKS, Quy chế nội bộ về quản trị công ty của SEABANK;*
 - d) Quyết định số lượng thành viên HĐQT, BKS từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT, thành viên BKS phù hợp với các điều kiện và tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan;
 - e) Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS và ngân sách hoạt động của HĐQT, BKS;
 - f) Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của HĐQT, BKS gây thiệt hại cho SEABANK và cổ đông của SEABANK;
 - g) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của SEABANK;
 - h) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
 - i) Thông qua *phương án* mua lại cổ phần đã bán theo quy định của pháp luật;
 - j) Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;
 - k) Thông qua *phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp SEABANK được can thiệp sớm;*

⁷⁷ Điều 122 LDN 2020.

⁷⁸ Khoản 3 Điều 67 Luật các TCTD 2024 và Điều 138, 147, 148 Luật DN 2020.

- l) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của SEABANK;
 - m) Thông qua báo cáo của HĐQT, BKS về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
 - n) Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, công ty con của SeABank;
 - o) Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của SEABANK tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của SEABANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - p) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của SEABANK mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của SEABANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - q) Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của SEABANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa SeABank với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của SEABANK; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của SEABANK; công ty con, công ty liên kết của SEABANK.
 - r) Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản SEABANK;
 - s) *Quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập theo quy định tại Điều 83 Điều lệ này.*
 - t) Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của SEABANK;
 - u) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).
2. Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua theo quy định sau đây:
- a) ĐHĐCĐ thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
 - b) Trừ trường hợp quy định tại điểm c, d, e khoản này, quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận hoặc khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản.
 - c) Đối với quyết định về các nội dung dưới đây thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận hoặc khi được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản:
 - i. Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
 - ii. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của SEABANK mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định

có giá trị từ 20% trở lên của SEABANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

- d) *Đối với quyết định về nội dung quy định tại điểm r khoản 1 Điều này thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.*
3. Việc bầu thành viên HĐQT và BKS phải được thực hiện dưới hình thức bầu dồn phiếu. Theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu x (nhân) với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên HĐQT, BKS theo quy định của SEABANK trong từng thời kỳ. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của Thẻ lệ bầu cử hoặc Điều lệ SEABANK⁷⁹.
4. Quyết định của ĐHĐCĐ về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ:⁸⁰
- Thông qua định hướng phát triển của SEABANK;
 - Quyết định số lượng thành viên HĐQT, BKS từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT, *thành viên* BKS phù hợp với các điều kiện và tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ này và theo các quy định của pháp luật;
 - Xem xét và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm của HĐQT, BKS gây thiệt hại cho SEABANK và cổ đông của SEABANK;
 - Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản SEABANK.

Điều 39. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông⁸¹

- HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.
- ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường. Địa điểm họp, *hình thức họp* ĐHĐCĐ cụ thể do HĐQT quyết định và được xác định là nơi Chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
- ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT quyết định gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp cần thiết nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- ĐHĐCĐ bất thường được triệu tập theo quyết định triệu tập họp của HĐQT trong các trường hợp sau đây:⁸²
 - HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của SEABANK;

⁷⁹ Khoản 3 Điều 148 LDN 2020.

⁸⁰ Khoản 5 Điều 67 Luật các TCTD 2024.

⁸¹ Điều 139, Điều 140 LDN 2020.

⁸² Khoản 2 Điều 67 Luật các TCTD 2024.

- b) Khi số thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật hoặc quy định của Điều lệ SEABANK;
 - c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông;
 - d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong trường hợp HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông thực hiện theo khoản 4 Điều 35 Điều lệ này;
 - e) Theo yêu cầu của BKS;
 - f) *Quyết định nội dung* theo yêu cầu của NHNN khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến toàn hoạt động của SEABANK;⁸³
 - g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
5. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong vòng **90 ngày** kể từ ngày số thành viên HĐQT, BKS còn lại như quy định tại điểm b) khoản 5 Điều này hoặc ngày nhận được yêu cầu quy định tại điểm c), d), e), f) khoản 5 Điều này.
 6. Trường hợp HĐQT không triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 5 Điều này, thì trong thời hạn **30 ngày** tiếp theo, BKS thay thế HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.
 7. Trường hợp BKS không triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại **điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 35 Điều lệ** này có quyền đại diện SEABANK triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.
 8. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp ĐHĐCĐ:
 - a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ *trên cơ sở danh sách cổ đông do Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam lập theo quy định*;
 - b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e) Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát;
 - f) Xác định thời gian, địa điểm và hình thức họp;
 - g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định;
 - h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.
 9. Tất cả các chi phí hợp lý để triệu tập và tiến hành một cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ do SEABANK hoàn lại, vì mục đích rõ ràng, các chi phí đó sẽ không bao gồm chi phí mà cổ đông phải chịu để tham dự ĐHĐCĐ, như chi phí ăn ở và đi lại và các chi phí liên quan khác.

Điều 40. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông⁸⁴

⁸³ Điều điểm e khoản 2 Điều 67 Luật các TCTD 2024.

⁸⁴ Điều 141 LDN 2020.

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của SEABANK. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ. SEABANK phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.⁸⁵
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập trên cơ sở danh sách của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và/ hoặc quy định của pháp luật có liên quan trong từng thời kỳ.
3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ này và quy định khác của SEABANK trong từng thời kỳ.

Điều 41. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông⁸⁶

1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chuẩn bị chương trình, nội dung, *hình thức, phương thức* họp.
2. Cổ đông và nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 35 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề cần đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến SEABANK chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận.
3. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này trong các trường hợp sau đây:
 - a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;
 - c) Những vấn đề không phù hợp với quy định tại Điều lệ SEABANK và/hoặc không phù hợp với các quy định của pháp luật.
4. ĐHĐCĐ phải thảo luận và biểu quyết thông qua các quyết định về các vấn đề được đưa vào chương trình họp. Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ SEABANK.⁸⁷

Điều 42. Mời họp Đại hội đồng cổ đông⁸⁸

1. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là **21 (hai mươi mốt)** ngày trước ngày khai mạc.
2. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp,; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông; thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

⁸⁵ Khoản 1 Điều 273 NĐ 155/2020/NĐ-CP.

⁸⁶ Điều 142 LDN 2020.

⁸⁷ Khoản 2 Điều 152 LDN 2020.

⁸⁸ Điều 143 LDN 2020.

3. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của SEABANK; đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương khi xét thấy cần thiết.

Trường hợp Cổ đông đã thông báo cho SEABANK hoặc/ và SEABANK có dữ liệu từ Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam địa chỉ thư điện tử (email) hoặc/ và số điện thoại di động, thông báo họp ĐHĐCĐ có thể được gửi tới email hoặc/ và số điện thoại di động đó và được coi là một phương thức bảo đảm tới cổ đông.

Cổ đông có trách nhiệm cập nhật bất kỳ thay đổi thông tin nào liên quan đến email, số điện thoại di động hoặc bất kỳ thông tin định danh nào khác với SEABANK hoặc thành viên lưu ký nơi cổ đông đã lưu ký cổ phiếu. SEABANK không chịu trách nhiệm nếu thông báo mời họp không đến được cổ đông do có sự thay đổi mà không cập nhật SEABANK hoặc cập nhật sau thời điểm gửi thông báo mời họp.

4. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
 - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
 - b. Phiếu biểu quyết.
5. Việc gửi tài liệu họp theo Thông báo mời họp quy định tại khoản 4 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của SEABANK. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

Điều 43. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông⁸⁹

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp ĐHĐCĐ hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức dự họp ĐHĐCĐ phải lập bằng văn bản phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan, quy chế tổ chức ĐHĐCĐ và quy định khác có liên quan. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải xuất trình bản gốc văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, hoặc bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

Trình tự, thủ tục họp và biểu quyết thông qua hình thức hội nghị trực tuyến, hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến, hoặc bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác do Người triệu tập họp ĐHĐCĐ quyết định và hướng dẫn, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của Ngân hàng, phù hợp với quy định của pháp luật liên quan (nếu có).
 - d) Gửi phiếu biểu quyết bản gốc đã biểu quyết, ký tên, đóng dấu (nếu có) đến cuộc họp thông qua bưu điện/ chuyển phát hoặc/ và qua email tới địa chỉ hoặc/ và email của SeABank theo thông báo mời họp;

⁸⁹ Điều 144 LDN 2020.

- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ và các quy định khác có liên quan của SEABANK.

Điều 44. Các điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông⁹⁰

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc, trừ trường hợp ĐHĐCĐ hoặc HĐQT có quyết định khác. Cuộc họp của ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ lần hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp của ĐHĐCĐ lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 45. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông⁹¹

Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành như sau, trừ trường hợp ĐHĐCĐ hoặc/và HĐQT có quy định khác:

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp ĐHĐCĐ.
2. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a) Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.
 - b) Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển đề ĐHĐCĐ bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.
 - c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp.
 - d) ĐHĐCĐ bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung họp phải được ĐHĐCĐ thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
5. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

⁹⁰ Điều 145 LDN 2020.

⁹¹ Điều 146, 147, 150 LDN 2020.

Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ có quyền yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba ngày làm việc kể từ ngày dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp ĐHĐCĐ trái với quy định tại khoản 8 Điều này, ĐHĐCĐ bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của SEABANK;
 - b) Thời gian và địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ;
 - c) Chương trình và nội dung họp;
 - d) Họ, tên Chủ tọa và thư ký;
 - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu biểu quyết, phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.
 - i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Biên bản họp ĐHĐCĐ phải lập bằng tiếng Việt, có thể được lập bằng tiếng nước ngoài. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

11. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
12. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của SEABANK. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản họp ĐHĐCĐ có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của SEABANK.

Điều 46. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản⁹²

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của SEABANK, bao gồm các nội dung theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 38 của Điều lệ này và trừ các trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 38 của Điều lệ này.
2. HĐQT chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến hoặc thời hạn khác dài hơn theo quyết định của HĐQT tại thời điểm lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định về công bố thông tin và quy định của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng Khoán Việt Nam. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến, tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều 42 của Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, *số định danh cá nhân* đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp, số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, *số định danh cá nhân* đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f) Thời hạn phải gửi về SEABANK phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến SEABANK bằng hình thức gửi thư hoặc *email* theo quy định sau đây:
 - a) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.
 - b) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến gửi về SEABANK phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

⁹² Điều 148 và Điều 149 LDN 2020.

- c) Trường hợp gửi thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về SEABANK phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
 - d) Các phiếu lấy ý kiến gửi về SEABANK sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi thư điện tử là không hợp lệ.
 - e) Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý của SEABANK. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.
6. Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
7. Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
8. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp SEABANK có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của SEABANK.
9. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của SEABANK.

Điều 47. Hiệu lực nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông⁹³

- 1. Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
- 2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 48 Điều lệ này thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có

⁹³ Điều 152 LDN 2020.

hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 48. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông⁹⁴

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc Biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 35 của Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ không thực hiện theo đúng quy định hiện hành và Điều lệ SEABANK, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 47 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ SEABANK.

Điều 49. Báo cáo kết quả họp Đại hội đồng cổ đông⁹⁵

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày *kết thúc* cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, SEABANK phải gửi đến NHNN tất cả nghị quyết, quyết định được ĐHĐCĐ thông qua..

MỤC IV- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 50. Thành phần và nhiệm kỳ Hội đồng quản trị⁹⁶

1. HĐQT là cơ quan *quản trị* có toàn quyền nhân danh SEABANK để quyết định, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của SEABANK, trừ những vấn đề thuộc quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ.
2. HĐQT SEABANK có *tối thiểu* 05 thành viên và không quá 11 thành viên, trong đó có *tối thiểu* 02 thành viên độc lập, 2/3 tổng số thành viên HĐQT phải là thành viên *độc lập* và thành viên không phải là người điều hành của SEABANK.⁹⁷
3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia HĐQT, nhưng không được vượt quá 02 thành viên HĐQT.⁹⁸
4. Nhiệm kỳ của HĐQT không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT. *Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT.* HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
5. Cơ cấu của HĐQT hướng đến sự đa dạng về kiến thức, kinh nghiệm, tuổi, giới tính và cơ cấu kỹ năng chuyên môn của HĐQT đảm bảo phù hợp với thực tế và nhu cầu quản trị của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Khi bầu các thành viên của HĐQT, SEABANK phải dự kiến ít nhất một phần ba số thành viên HĐQT sẽ tham gia bầu cử hoặc tái bầu cử trong ĐHĐCĐ thường niên.
6. HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT trong số các thành viên HĐQT. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung, thay thế và đương nhiên

⁹⁴ Điều 151 LDN 2020.

⁹⁵ Điều 68 Luật các TCTD 2024.

⁹⁶ Điều 50 Luật các TCTD 2024; Điều 153 và 154 LDN 2020.

⁹⁷ Khoản 1 Điều 69 Luật các TCTD 2024.

⁹⁸ Khoản 3 Điều 69 Luật các TCTD 2024.

mất tư cách của Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên HĐQT phải được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ này.

7. Trường hợp HĐQT có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, SEABANK phải bổ sung, đảm bảo đủ số lượng thành viên tối thiểu.
8. Chủ tịch HĐQT phải là người có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
9. Trường hợp cổ đông nước ngoài (bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài) tham gia HĐQT phải có thêm các điều kiện sau, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác:
 - a) Tỷ lệ số người tham gia thành viên HĐQT chỉ được tương ứng với tỷ lệ vốn góp của tất cả các cổ đông nước ngoài tại SEABANK;
 - b) Không được giữ chức Chủ tịch HĐQT của SEABANK.
10. HĐQT sử dụng con dấu của SEABANK để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.
11. HĐQT có bộ phận giúp việc. Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và hoạt động của bộ phận giúp việc do HĐQT quy định.⁹⁹
12. HĐQT thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác theo quyết định của Chủ tịch HĐQT. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.¹⁰⁰
13. HĐQT chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo Điều lệ này và quy định pháp luật liên quan.¹⁰¹

Điều 51. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị¹⁰²

HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

1. Trình ĐHĐCĐ quyết định, thông qua nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 1 Điều 38 Điều lệ này.
2. Quyết định việc thành lập chi nhánh, Văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của SEABANK trong nước và tại nước ngoài.
3. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của SEABANK.
4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và người điều hành khác theo quy định nội bộ của HĐQT SEABANK trong từng thời kỳ.
5. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của SEABANK tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của SEABANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; và cử người đại diện vốn góp của SEABANK tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó.

⁹⁹ Khoản 4, Điều 50 Luật các TCTD 2024.

¹⁰⁰ Khoản 3 Điều 153 LDN 2020.

¹⁰¹ Khoản 4 Điều 69 Luật các TCTD 2024.

¹⁰² Điều 70 Luật các TCTD 2024 và Điều 153 LDN 2020, Điều 278 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

6. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của SEABANK mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của SEABANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản của SEABANK thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;
7. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và chuyển giao công nghệ.
8. Quyết định các khoản cấp tín dụng trong trường hợp đặc biệt để thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và quy định của pháp luật, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 7 Điều 136 Luật các TCTC năm 2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).
9. Thông qua các hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của SEABANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa SEABANK với:
 - a) Công ty con, công ty liên kết của SEABANK,
 - b) Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của SEABANK, người có liên quan của người quản lý, thành viên BKS, cổ đông lớn của SEABANK.
10. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của SEABANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.
11. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công; định kỳ hàng năm đánh giá về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc.
12. Ban hành các Quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của SEABANK phù hợp với các quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
13. Xây dựng Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi ban hành.
14. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của SEABANK.
15. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên của SEABANK.
16. Quyết định chào bán cổ phần mới do SEABANK phát hành trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
17. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của SEABANK.
18. Quyết định mua lại cổ phần của SEABANK theo phương án được duyệt.
19. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
20. Trích lập và sử dụng các quỹ, chia lợi tức cổ phần theo quyết định của ĐHĐCĐ.
21. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình ĐHĐCĐ quyết định, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của BKS.

22. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ; triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua *nghị quyết*, quyết định của ĐHĐCĐ.
23. Tổ chức *thực hiện*, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ hoặc của HĐQT.
24. Thông báo kịp thời cho NHNN thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc.
25. Việc chỉ định và bãi miễn những người có quyền đại diện thương mại hay đại diện pháp lý của SEABANK.
26. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Ngân hàng.
27. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ sở hữu tại Công ty con, Công ty liên kết do SEABANK thành lập hoặc góp vốn thành lập.
28. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ này, *quy định nội bộ của Ngân hàng* và quy định của pháp luật.

Điều 52. Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị¹⁰³

1. Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số những thành viên HĐQT đã được ĐHĐCĐ bầu ra.
2. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thuộc HĐQT thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT, phù hợp với quy định của SEABANK trong từng thời kỳ. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.¹⁰⁴
3. Chủ tịch HĐQT có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình và kế hoạch hoạt động của HĐQT; *chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.*
 - b) *Thay mặt HĐQT ký các văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT;*
 - c) Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên HĐQT thực hiện quản trị hoạt động của SEABANK;
 - d) Chuẩn bị nội dung, chương trình và tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa các cuộc họp để thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT;
 - e) Tổ chức *việc* thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT;
 - f) Giám sát, *tổ chức giám sát việc* thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;

¹⁰³ Điều 70, 71 Luật các TCTD 2024; Điều 156 LDN 2020.

¹⁰⁴ Khoản 4 Điều 156 LDN 2020.

- g) *Làm chủ tọa họp ĐHĐCĐ;*
 - h) *Bảo đảm các thành viên HĐQT nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà HĐQT phải xem xét;*
 - i) *Giám sát các thành viên HĐQT trong việc thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ và các nhiệm vụ được phân công;*
 - j) *Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của HĐQT thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT trong thời gian vắng mặt hoặc/ và không thể thực hiện nhiệm vụ;*
 - k) *Định kỳ hàng năm, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên HĐQT, các Ủy ban/Hội đồng/Ban trực thuộc HĐQT và báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả đánh giá này;*
 - l) *Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác của thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.*
4. Phó Chủ tịch HĐQT có quyền và nhiệm vụ sau:
- a) *Thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn do Chủ tịch phân công;*
 - b) *Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác của thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.*
5. Thành viên HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau đây:¹⁰⁵
- a) *Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, của NHNN, Điều lệ của SEABANK, quy chế nội bộ của HĐQT và sự phân công của Chủ tịch HĐQT một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của SEABANK và cổ đông; phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.*
 - b) *Xem xét báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình, làm rõ các vấn đề có liên quan đến báo cáo;*
 - c) *Đề nghị Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT bất thường;*
 - d) *Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT; thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo quy định tại Điều lệ này. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước ĐHĐCĐ và trước HĐQT về những ý kiến của mình; Trường hợp nội dung biểu quyết có xung đột lợi ích với thành viên nào thì thành viên đó không được tham gia biểu quyết.*
 - e) *Thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định nội dung quy định tại các khoản 1, 5, 6, 7, 9, 10, 11, 13, 15, 16, 22 Điều 51 Điều lệ này.*
 - f) *Thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và của HĐQT;*
 - g) *Giải trình trước ĐHĐCĐ, HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu;*
 - h) *Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT;*

¹⁰⁵ Điều 65 Luật các TCTD 2010.

- i) Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng, kế hoạch hoạt động kinh doanh của SEABANK trong từng thời kỳ;
 - j) Báo cáo kịp thời và đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao mà thành viên HĐQT nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - k) Báo cáo UBCKNN, Sở Giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của SEABANK theo quy định của pháp luật;
 - l) Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này, *quy định khác của SEABANK* và quy định của pháp luật.
6. Thành viên độc lập HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau đây.¹⁰⁶
- a) Lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật chứng khoán;
 - b) Thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn do Chủ tịch phân công và các quyền hạn, nhiệm vụ khác của thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 53. Các cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch HĐQT được bầu trong cuộc họp đầu tiên của HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
2. Cuộc họp thường kỳ: HĐQT họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần.
3. Cuộc họp bất thường: Cuộc họp bất thường của HĐQT được Chủ tịch HĐQT triệu tập nếu xét thấy cần thiết hoặc theo đề nghị của:
 - a) Ít nhất hai thành viên HĐQT;
 - b) BKS hoặc thành viên HĐQT độc lập;
 - c) Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
 - d) Các trường hợp khác do Điều lệ này quy định.

Đề nghị họp HĐQT phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT. Người có thẩm quyền triệu tập họp HĐQT có quyền từ chối đề nghị nêu trên nếu vấn đề cần thảo luận và quyết định không thuộc thẩm quyền của HĐQT.
4. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp HĐQT bất thường của một trong các đối tượng nêu tại khoản 3 Điều này, Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp HĐQT.
5. Chủ tịch HĐQT *quyết định* cụ thể các trường hợp họp khẩn cấp, thời hạn thông báo và hình thức mời họp HĐQT trong trường hợp họp HĐQT khẩn cấp.
6. Địa điểm họp: Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành trụ sở chính của SEABANK hoặc những địa điểm khác do Chủ tịch HĐQT quy định.
7. Cuộc họp HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự từ xa thông qua phương tiện điện tử sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp. *Việc tổ chức họp thông qua hội nghị*

¹⁰⁶ Điều 277.3 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác được thực hiện theo quy định của HĐQT trong từng thời kỳ.

Điều 54. Điều kiện tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị¹⁰⁷

1. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT trở lên dự họp. Trường hợp triệu tập họp HĐQT định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập tiếp cuộc họp HĐQT lần hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Chủ tịch HĐQT quyết định một thời hạn ngắn hơn. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.
2. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho *thành viên* khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định của Điều lệ này và quy định của SEABANK có liên quan, *trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 5 Điều 52 Điều lệ này*;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của SeABank trong từng thời kỳ;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một giờ trước khi khai mạc và chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Điều 55. Thông báo, Chương trình và tài liệu họp Hội đồng quản trị¹⁰⁸

1. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày dự kiến họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
2. Thông báo mời họp có thể được gửi bằng giấy mời *hoặc/và* điện thoại, *hoặc/và* thư điện tử *hoặc/và* phương tiện điện tử hoặc phương tiện khác *đến địa chỉ hoặc/và* thư điện tử của thành viên HĐQT.
3. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với thành viên HĐQT. Các thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết. Các thành viên Ban Tổng Giám đốc, người quản lý, người điều hành hoặc các chuyên gia khác có thể tham dự cuộc họp của HĐQT theo giấy mời của Chủ tịch HĐQT.

Điều 56. Biểu quyết và thông qua chương trình tại cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Mỗi thành viên HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết về các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT.

¹⁰⁷ Điều 157 LDN 2020.

¹⁰⁸ Điều 157 LDN 2020.

2. Nghị quyết của HĐQT được thông qua *khi* được **đa số** thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT uỷ quyền Chủ tọa cuộc họp (trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt).
3. Thành viên HĐQT có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra HĐQT quyết định sẽ không tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận uỷ quyền của thành viên HĐQT khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
4. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên HĐQT và những nghi ngờ đó không được thành viên HĐQT đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên HĐQT có liên quan đó chưa được biết rõ.
5. Bất kỳ thành viên HĐQT nào có liên quan đến một trong các hợp đồng, giao dịch được quy định tại Điều 167 của Luật Doanh nghiệp 2020 sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 57. Biên bản họp Hội đồng quản trị¹⁰⁹

1. Cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài.
2. Biên bản họp có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - c) Thời gian, địa điểm họp;
 - d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp và cách thức họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.
 - i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.
3. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 2 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu

¹⁰⁹ Điều 158 LDN 2020.

trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với SEABANK do từ chối ký biên bản họp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

4. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của nội dung Biên bản họp HĐQT.
5. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của SEABANK.
6. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.

Điều 58. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

1. Chủ tịch HĐQT quyết định việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản.
2. *Thư ký Công ty/ Người phụ trách Quản trị Công ty* chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng bưu điện, *thư điện tử* hoặc phương thức điện tử khác và bảo đảm đến được từng thành viên HĐQT.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, chức vụ của thành viên HĐQT;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
 - e) Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f) Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về SEABANK;
 - g) Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên HĐQT và gửi về SEABANK theo quy định của SEABANK, trừ trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản dưới hình thức thư điện tử *hoặc/ và theo hình thức điện tử khác*.
5. Việc lấy ý kiến bằng văn bản dưới hình thức thư điện tử *hoặc theo hình thức điện tử khác* sẽ do Chủ tịch HĐQT quyết định. Trong trường hợp lấy ý kiến dưới hình thức thư điện tử *hoặc/ và theo hình thức điện tử khác*, việc gửi phương án biểu quyết được thực hiện qua thư điện tử *hoặc/ và theo hình thức điện tử khác* sẽ có giá trị tương đương với việc biểu quyết trên văn bản có chữ ký của thành viên HĐQT.
6. *Thư ký Công ty/ Người phụ trách Quản trị Công ty/ Bộ phận giúp việc của HĐQT* kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên HĐQT độc lập (hoặc 02 thành viên HĐQT) và thành viên Ban kiểm soát. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;
 - c) Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên HĐQT đã tham gia biểu quyết;

- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;
 - e) Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát (nếu có).
7. Thư ký Công ty/ Người phụ trách Quản trị Công ty/ Bộ phận giúp việc của HĐQT tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
 8. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của HĐQT thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên HĐQT trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
 9. Phiếu lấy ý kiến/ các thư điện tử/ Phiếu biểu quyết điện tử đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của SEABANK.
 10. Nghị quyết/quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết/quyết định này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết/quyết định được thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

Điều 59. Bộ máy giúp việc của Hội đồng quản trị¹¹⁰

1. HĐQT có các cán bộ nhân viên giúp việc chuyên trách HĐQT quy định cụ thể *cơ cấu tổ chức*, số lượng và *vị trí, vai trò, chức năng*, nhiệm vụ của mỗi thành viên giúp việc.
2. HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Ngân hàng để hỗ trợ hoạt động quản trị Ngân hàng được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị Ngân hàng phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện và có các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật và quy định của SEABANK có liên quan. Người phụ trách Quản trị Ngân hàng có thể kiêm nhiệm Thư ký Công ty theo quy định của LDN 2020.
3. HĐQT phải thành lập các Ủy ban để giúp HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình; trong đó tối thiểu phải có Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự. HĐQT quyết định việc thành lập, giải thể, quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế hoạt động, *thông qua các vấn đề/nội dung thuộc thẩm quyền* của các Ủy ban này theo hướng dẫn của NHNN và phù hợp với thực tế hoạt động của SEABANK.

Điều 60. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị¹¹¹

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu các thành viên Ban Tổng Giám đốc, người quản lý các đơn vị trực thuộc SEABANK cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của SEABANK và các đơn vị trực thuộc SEABANK.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do HĐQT quy định.

¹¹⁰ Khoản 4,5 Điều 50 Luật các TCTD 2024.

¹¹¹ Điều 159 LDN 2020.

MỤC V - BAN KIỂM SOÁT

Điều 61. Thành phần và nhiệm kỳ của Ban kiểm soát¹¹²

1. BKS thực hiện *giám sát*, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ của SEABANK, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.
2. BKS có số thành viên *tối thiểu là năm (05)* thành viên, trong đó có ít nhất một phần hai (1/2) tổng số thành viên *thường trú tại Việt Nam*. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát *tối đa do ĐHĐCĐ quyết định*.
3. BKS có bộ phận kiểm toán nội bộ, *bộ phận giúp việc* để thực hiện nhiệm vụ của mình. *BKS quyết định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và hoạt động của bộ phận giúp việc của BKS*.
4. Nhiệm kỳ của BKS không quá năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên BKS theo nhiệm kỳ của BKS. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. BKS của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi BKS của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
5. Trường hợp số thành viên BKS *có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, SEABANK phải bầu bổ sung, đảm bảo số thành viên tối thiểu. Ban Kiểm soát đương nhiệm được tiếp tục duy trì số lượng tối thiểu ít hơn số lượng tại khoản 2 Điều này đến hết nhiệm kỳ hoặc cho đến khi bầu bổ sung, thay thế thành viên BKS*.
6. Các thành viên BKS bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng BKS theo nguyên tắc **đa số**. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Điều 62. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát

1. Những người được bầu giữ chức Trưởng ban và thành viên BKS có trách nhiệm tiếp nhận bàn giao và đảm nhiệm công việc của chức danh được bầu. Những người bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho những người mới được bầu; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
2. BKS có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:¹¹³
 - a) *Giám sát hoạt động quản trị, điều hành SEABANK trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và hoạt động giám sát của mình.*
 - b) Ban hành Quy định nội bộ của BKS. Định kỳ hàng năm, xem xét lại Quy định nội bộ của BKS, *quy định nội bộ của SEABANK về chế độ kế toán, báo cáo.*
 - c) *Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.*

¹¹² Điều 51 Luật các TCTD 2024; Điều 168 LDN 2020.

¹¹³ Điều 52 Luật các TCTD 2024, Điều 170 LDN 2020.

- d) *Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành của SEABANK, có quyền sử dụng các nguồn lực của SEABANK để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập, tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của BKS.*
- e) *Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm của SEABANK; báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả thẩm định báo cáo tài chính; đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ can trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.*
- f) *Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của SEABANK thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.*
- g) *Giám sát việc chấp hành các quy định tại Chương VII Luật các TCTD 2024 về các hạn chế để đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng.*
- h) *Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của ngân hàng khi thấy cần thiết hoặc trong các trường hợp sau đây:*
- (i) Theo nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ;
 - (ii) Theo yêu cầu của NHNN hoặc của cổ đông lớn, nhóm cổ đông phù hợp với quy định của pháp luật. BKS triển khai thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Việc kiểm tra của BKS quy định tại khoản này không được cản trở, gây gián đoạn hoạt động bình thường trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của SEABANK.
- i) *Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.*
- j) *Kịp thời thông báo cho ĐHĐCĐ, HĐQT khi phát hiện người quản lý, người điều hành của SEABANK có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của SEABANK, nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).*
- k) *Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của SeABank, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.*
- l) *Đề nghị HĐQT họp bất thường hoặc đề nghị HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ họp bất thường theo quy định tại Điều lệ này.*
- m) *Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp HĐQT có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định tại Điều lệ này, quy định của pháp luật hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.*
- n) *Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của SEABANK.*

- o) *Kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về các hành vi vi phạm quy định tại các điểm g, k, n khoản 2 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, người có liên quan theo quy định của Luật các TCTD.*
- p) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định của SEABANK trong từng thời kỳ.

Điều 63. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát¹¹⁴

1. Trưởng BKS có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- a) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của BKS theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan;
- b) *Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát;*
- c) Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của BKS trên cơ sở ý kiến đề xuất của thành viên BKS liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của BKS; triệu tập và chủ tọa cuộc họp BKS;
- d) Thay mặt BKS ký các văn bản thuộc thẩm quyền của BKS;
- e) Thay mặt BKS triệu tập ĐHĐCĐ họp bất thường hoặc đề nghị HĐQT họp bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
- f) Tham dự các cuộc họp HĐQT, *có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết;*
- g) Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp HĐQT nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của HĐQT và báo cáo trước ĐHĐCĐ;
- h) Chuẩn bị kế hoạch làm việc của Ban kiểm soát và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên BKS;
- i) Đảm bảo các thành viên BKS nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà BKS phải xem xét.
- j) Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ *được phân công và quyền, nghĩa vụ* của thành viên BKS;
- k) *Chỉ được uỷ quyền cho một thành viên khác của BKS thực hiện quyền, nghĩa vụ của Trưởng ban trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ;*
- l) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.

2. Thành viên BKS có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:¹¹⁵

- a) Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ của SEABANK, quy định nội bộ của BKS và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng BKS để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của BKS một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của SEABANK và cổ đông; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình;
- b) Bầu một thành viên BKS làm Trưởng BKS;
- c) Yêu cầu Trưởng BKS triệu tập họp BKS bất thường;

¹¹⁴ Điều 53, Điều 54 Luật các TCTD 2024.

¹¹⁵ Điều 170 LDN 2020 và Điều 288 NĐ 155/2020/NĐ-CP.

- d) Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo, bản quyết toán năm tài chính và kiến nghị khắc phục các sai phạm (nếu có);
 - e) Được quyền yêu cầu *người quản lý báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành SeABANK*;
 - f) Yêu cầu người quản lý, người điều hành, nhân viên của SEABANK cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công;
 - g) Báo cáo Trường BKS về những sự kiện tài chính bất thường của SEABANK và chịu trách nhiệm về đánh giá, kết luận của mình;
 - h) Tham dự cuộc họp của BKS, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của BKS, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó;
 - i) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cổ đông về việc xác định tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ liên quan hoạt động SEABANK. Trường hợp che giấu hoặc không kịp thời kiến nghị xử lý đối với những sai phạm sẽ phải chịu trách nhiệm liên đới khi thực hiện nhiệm vụ;
 - j) Trung thành với lợi ích của SEABANK và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của SEABANK, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của SEABANK để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - k) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.
3. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát:¹¹⁶
- a) Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT, bao gồm:
 - i. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và tài liệu kèm theo.
 - ii. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của ĐHĐCĐ, HĐQT.
 - iii. Báo cáo của Tổng giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do SEABANK phát hành.
 - b) Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của SEABANK lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và cán bộ nhân viên của SEABANK trong giờ làm việc.
 - c) Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của SEABANK theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 64. Các cuộc họp của Ban kiểm soát¹¹⁷

1. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát nhưng phải đảm bảo họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) tổng số thành viên Ban Kiểm soát trở lên dự họp. Ban kiểm soát có thể lấy ý kiến bằng văn bản của các thành viên Ban Kiểm soát về các vấn đề thuộc thẩm quyền nếu xét thấy cần thiết.

¹¹⁶ Điều 171 LDN 2020.

¹¹⁷ Điều 289 NĐ 155/2020/NĐ-CP.

2. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng bằng tiếng Việt. Thư ký và các thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản. Biên bản họp Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên.
3. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà thành viên Ban kiểm soát quan tâm và cần làm rõ.

MỤC VI - TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 65. Tổng Giám đốc và Bộ máy giúp việc¹¹⁸

1. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất của SEABANK; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước pháp luật, ĐHĐCĐ và HĐQT, BKS về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
2. HĐQT bổ nhiệm một trong số thành viên của mình làm Tổng Giám đốc hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ ký một hợp đồng lao động quy định lương, thưởng, các quyền lợi và các điều khoản khác đối với Tổng Giám đốc.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 (năm) năm và thời hạn cụ thể của từng nhiệm kỳ do HĐQT quyết định. Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định tại Điều lệ này, Luật các Tổ chức tín dụng, và quy định của NHNN.
4. Phó Tổng Giám đốc là người *được phân công/ giao nhiệm vụ/phân cấp thẩm quyền* phụ trách điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của SEABANK *theo quyết định* của HĐQT *hoặc/ và* Tổng Giám đốc.
5. Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của SEABANK, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 66. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc¹¹⁹

Tổng Giám đốc có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

1. Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.
2. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của SEABANK theo đúng phân công công việc, phân quyền phán quyết, quy định khác của HĐQT, Điều lệ SEABANK và quy định pháp luật có liên quan; chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của SEABANK.
3. Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả theo hướng dẫn của NHNN và quy định pháp luật có liên quan.
4. Lập và trình HĐQT thông qua hoặc đề báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.

¹¹⁸ Điều 55 Luật các TCTD 2024, Điều 162 LDN 2020.

¹¹⁹ Điều 56 Luật các TCTD 2024; Điều 162 LDN 2020.

5. Ban hành theo thẩm quyền các quy chế, quy định nội bộ, các quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo phù hợp với quy định của SEABANK trong từng thời kỳ.
6. Báo cáo HĐQT, BKS, ĐHĐCĐ, NHNN và các cơ quan Nhà nước khác có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về hoạt động và kết quả hoạt động kinh doanh của SEABANK phù hợp với quy định của SEABANK trong từng thời kỳ.
7. Quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch hoả, hoả hoạn, sự cố) và chịu trách nhiệm về những quyết định đó và kịp thời báo cáo HĐQT.
8. Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức *quản lý của SEABANK trình HĐQT hoặc ĐHĐCĐ quyết định theo thẩm quyền.*
9. Đề nghị triệu tập họp HĐQT bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
10. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành của SEABANK, phù hợp với quy định phân công công việc, phân quyền phán quyết của HĐQT và quy định nội bộ về nhân sự của SEABANK trong từng thời kỳ, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, HĐQT.
11. Ký kết hợp đồng, *giao dịch khác* nhân danh SEABANK theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của SEABANK trong từng thời kỳ.
12. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của SEABANK.
13. Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng, phụ cấp (nếu có) của người lao động theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ này và các quy định nội bộ trong từng thời kỳ.
14. Tổ chức thực hiện phương án hoạt động kinh doanh và phương án đầu tư của Ngân hàng khi được HĐQT phê duyệt, phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của SEABANK trong từng thời kỳ.
15. Chịu sự kiểm tra, giám sát của HĐQT, Ban kiểm soát, NHNN và các cơ quan Nhà nước khác có thẩm quyền đối với việc thực hiện nhiệm vụ điều hành của mình.
16. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ SEABANK và quyết định của HĐQT.

MỤC VII - TIÊU CHUẨN, ĐIỀU KIỆN ĐỐI VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH VÀ MỘT SỐ CHỨC DANH KHÁC CỦA SEABANK

Điều 67. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị¹²⁰

1. Thành viên HĐQT phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Khoản 1 Điều 71 của Điều lệ này;
 - b) Có đạo đức nghề nghiệp *theo quy định của Thống đốc NHNN*;
 - c) Có *trình độ từ đại học trở lên*;
 - d) Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của các tổ chức tín dụng; hoặc

¹²⁰ Khoản 1 Điều 41 Luật các TCTD 2024 và Điều 155 LDN 2020.

- e) Có ít nhất 05 năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định áp dụng đối với SEABANK theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ; hoặc
 - f) Có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.
2. Thành viên độc lập của HĐQT phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
- a) Không phải là người đang làm việc cho chính SEABANK hoặc công ty con của SEABANK hoặc đã làm việc cho chính SEABANK hoặc công ty con của SEABANK trong 03 năm liền kề trước đó;
 - b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của SEABANK ngoài những khoản *thù lao* của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;
 - c) Không phải là người có vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột và vợ, chồng của những người này là Cổ đông lớn của SEABANK, hoặc là người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của SEABANK hoặc công ty con của SEABANK;
 - d) Không đại diện sở hữu cổ phần của SEABANK; không cùng người có liên quan sở hữu *trực tiếp, gián tiếp từ 01%* vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của SEABANK;
 - e) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của SEABANK tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó.
 - f) Các điều kiện, tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật liên quan.
3. Thành viên độc lập HĐQT phải thông báo với HĐQT về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập HĐQT kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. HĐQT phải thông báo trường hợp thành viên độc lập HĐQT không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp ĐHĐCĐ gần nhất hoặc triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập HĐQT đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập HĐQT có liên quan.

Điều 68. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát¹²¹

Thành viên Ban kiểm soát phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

1. Không thuộc *trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ* quy định tại Khoản 1 Điều 71 của Điều lệ này và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của SEABANK;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của SEABANK trong 03 năm liền trước đó.
2. Có đạo đức nghề nghiệp *theo quy định của Thống đốc NHNN*;
3. Có *trình độ* từ đại học trở lên về một trong các ngành *tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán*;

¹²¹ Khoản 3 Điều 41 Luật các TCTD 2024, Điều 169 LDN 2020.

4. Có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;
5. Không phải là người có liên quan của người quản lý của SEABANK;
6. Không phải là người quản lý của SEABANK; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của SEABANK;
7. *Trưởng Ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;*
8. Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 69. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Tổng Giám đốc¹²²

Tổng Giám đốc phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

1. Không thuộc *trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ* quy định tại Khoản 1 Điều 71 của Điều lệ này;
2. Có đạo đức nghề nghiệp *theo quy định của Thống đốc NHNN;*
3. Có *trình độ từ* đại học trở lên về một trong các ngành *tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;*
4. Có ít nhất 05 năm là người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định áp dụng đối với SEABANK theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;
5. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
6. Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 70. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc công ty con và các chức danh tương đương của SEABANK¹²³

Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc công ty con và các chức danh tương đương phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 71 của Điều lệ này; đối với Phó Tổng Giám đốc không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 71 của Điều lệ này;
2. Có *trình độ từ* đại học trở lên về một trong các ngành *tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán hoặc ngành khác thuộc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; hoặc*
3. Có *trình độ từ* đại học trở lên ngoài các ngành, lĩnh vực tại khoản 2 này và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;
4. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
5. *Kế toán trưởng phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật về kế toán.*

¹²² Khoản 4 Điều 41 Luật các TCTD 2024.

¹²³ Khoản 5 Điều 41 Luật các TCTD 2024.

MỤC VIII - NHỮNG TRƯỜNG HỢP KHÔNG ĐƯỢC ĐẢM NHIỆM CHỨC VỤ, KHÔNG CÙNG ĐẢM NHIỆM CHỨC VỤ

Điều 71. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ¹²⁴

1. Những người sau đây không được là thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và chức danh tương đương của SEABANK:
 - a) Người thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b) Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành *doanh nghiệp, hợp tác xã* theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
 - c) Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Chủ tịch và các thành viên HĐQT, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của doanh nghiệp, *thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là TCTD bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ*;
 - d) Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch HĐQT, thành viên *khác của HĐQT; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng Ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng Giám đốc của tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền* xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;
 - e) Người có liên quan của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc.
 - f) Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng;
2. Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc công ty con của SEABANK:
 - a) Người chưa thành niên; *người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi*; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành *hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định*;
 - c) Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
 - d) Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích;
 - e) Cán bộ, công chức, *viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên* trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên; *trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm*

¹²⁴ Điều 42 Luật các TCTD 2024.

giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại tổ chức tín dụng hoặc được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát tổ chức tín dụng theo yêu cầu nhiệm vụ.

- f) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp; *công nhân công an* trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam *trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại tổ chức tín dụng;*
 - g) Không đảm bảo tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp, năng lực điều hành và trình độ chuyên môn theo quy định của NHNN;
 - h) Các trường hợp khác theo quy định của SEABANK trong từng thời kỳ.
3. Cha, mẹ, vợ, chồng, con và anh, chị, em của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc là người phụ trách tài chính của SEABANK.

Điều 72. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ¹²⁵

- 1. Chủ tịch Hội đồng quản trị của SEABANK không được đồng thời là người điều hành, thành viên BKS của SEABANK và của tổ chức tín dụng khác, và không được đồng thời là người quản lý của doanh nghiệp khác.
- 2. Thành viên HĐQT không phải là thành viên độc lập không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
 - a) Người điều hành của SEABANK, *trừ trường hợp là Tổng Giám đốc của SEABANK;*
 - b) Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác, *trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của SEABANK;*
 - c) Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.
- 3. Thành viên độc lập HĐQT của SEABANK không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
 - a) Người điều hành của SEABANK;
 - b) Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác;
 - c) Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.
- 4. Thành viên BKS không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:
 - a) Người quản lý, người điều hành của SEABANK, hoặc tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác, nhân viên của SEABANK hoặc công ty con của SEABANK.;
 - b) Nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên HĐQT, thành viên Hội đồng thành viên của SEABANK là thành viên HĐQT, người điều hành hoặc cổ đông lớn của doanh nghiệp đó.
- 5. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của

¹²⁵ Điều 43 Luật các TCTD 2024.

tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác, trừ trường hợp Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương là người quản lý, người điều hành công ty con của SEABANK.

6. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật có liên quan.

Điều 73. Quy định về việc ứng cử/ đề cử tham gia bầu/ bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát¹²⁶

1. Các cổ đông/nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Điều lệ này có quyền ứng cử hoặc đề cử các ứng viên tham gia bầu/ bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS của SEABANK. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT và BKS phải thông báo và thực hiện các thủ tục hợp nhóm đề cử theo đúng thông báo của HĐQT và phải thông báo cho các cổ đông dự họp biết trước khi ĐHĐCĐ khai mạc. Trừ trường hợp HĐQT quyết định khác, số lượng ứng cử viên mà các nhóm có quyền đề cử sẽ được xác định như sau:
 - a) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 05% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được tự ứng cử hoặc đề cử tối đa một ứng cử viên;
 - b) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai ứng cử viên;
 - c) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba ứng cử viên;
 - d) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn ứng cử viên;
 - e) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa năm ứng cử viên;
 - f) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa sáu ứng cử viên;
 - g) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bảy ứng cử viên;
 - h) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa tám ứng cử viên.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên được cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử/ đề cử không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm hoặc BKS đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử các ứng viên còn lại theo trình tự, thủ tục và điều kiện do HĐQT quy định. Việc HĐQT, BKS được giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT, BKS theo quy định của pháp luật.

Điều 74. Chấp thuận danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc¹²⁷

1. Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc của SEABANK phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu, bổ nhiệm các chức danh này. Những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên

¹²⁶ Khoản 5 Điều 115 LDN 2020, Điều 274 và 285 NĐ 155/2020/NĐ-CP.

¹²⁷ Điều 44 Luật các TCTD năm 2024.

HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc của SEABANK phải thuộc danh sách đã được NHNN chấp thuận.

2. Thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến việc bầu, bổ nhiệm các chức danh quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện theo hướng dẫn của *Thống đốc* NHNN trong từng thời kỳ.
3. HĐQT phải thông báo cho NHNN danh sách những người được bầu, bổ nhiệm các chức danh quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bầu, bổ nhiệm và thực hiện công bố thông tin về kết quả bầu, bổ nhiệm theo quy định của pháp luật chứng khoán.

Điều 75. Đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc ¹²⁸

1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc:
 - a) *Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 71 của Điều lệ này;*
 - b) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông hoặc thành viên góp vốn của SEABANK khi tổ chức đó bị chấm dứt *tồn tại;*
 - c) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
 - d) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - e) SEABANK bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;
 - f) Hợp đồng thuê Tổng Giám đốc hết hiệu lực.
 - g) Chết.
2. HĐQT phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc *nhân sự* đương nhiên mất tư cách theo quy định tại *các điểm a, b, c d, f* khoản 1 Điều này gửi NHNN trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhân sự đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định tại Điều này và pháp luật.
3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc của SEABANK vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 76. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc¹²⁹

1. Chủ tịch và các thành viên HĐQT, Trưởng ban và các thành viên BKS, Tổng Giám đốc SEABANK bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong những trường hợp sau:
 - a) *Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức gửi HĐQT, BKS của SEABANK;*
 - b) Bãi nhiệm khi không tham gia các hoạt động của HĐQT (đối với thành viên HĐQT), Ban kiểm soát (Đối với thành viên BKS) trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

¹²⁸ Điều 45 Luật các TCTD 2024.

¹²⁹ Điều 46 Luật các TCTD 2010.

- c) Bãi nhiệm khi không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 67, Điều 68, Điều 69, Điều 70, Điều 71, Điều 72 của Điều lệ này;
 - d) *Bãi nhiệm khi thành viên độc lập của Hội đồng quản trị không đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 67, khoản 3 Điều 72 Điều lệ này; trừ trường hợp thành viên độc lập đã được bầu trước khi Điều lệ này có hiệu lực.*
 - e) Khi ĐHĐCĐ xét thấy cần thiết;¹³⁰
 - f) Theo yêu cầu của NHNN và/hoặc pháp luật có liên quan.¹³¹
2. Chủ tịch và các thành viên HĐQT, Trưởng ban và các thành viên BKS, Tổng Giám đốc SEABANK sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian *đương nhiệm*.
 3. HĐQT phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các *nhân sự* theo quy định tại khoản 1 Điều này và thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán.
 4. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:¹³²
 - a) Số lượng thành viên độc lập HĐQT giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan;
 - b) Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
 5. Trong thời hạn một (01) ngày làm việc kể từ ngày Tổng Giám đốc bị xác định đương nhiên mất tư cách theo quy định tại Khoản 1 Điều 75 Điều lệ này hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi chưa có người thay thế, HĐQT sẽ cử ngay một Phó Tổng Giám đốc điều hành hoạt động Ngân hàng để đảm bảo Ngân hàng hoạt động ổn định, liên tục và có văn bản báo cáo Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh). Người được cử điều hành ngân hàng phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao trong thời gian đảm nhận nhiệm vụ này.

MỤC IX - CÔNG KHAI LỢI ÍCH LIÊN QUAN, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH

Điều 77. Công khai lợi ích liên quan¹³³

1. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương của SEABANK phải cung cấp cho SEABANK các thông tin về lợi ích liên quan theo quy định tại Điều 49 Luật các TCTD 2024 và Luật Doanh nghiệp.
2. *Cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của SEABANK phải cung cấp cho SEABANK các thông tin sau đây:*

¹³⁰ Khoản 3 Điều 160 LDN 2020.

¹³¹ Khoản 1 Điều 74 Luật các TCTD 2024.

¹³² Khoản 4 Điều 160 LDN 2020.

¹³³ Điều 49 Luật các TCTD 2024; Điều 164 LDN 2020.

- a) *Họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp của cổ đông là người nước ngoài; số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương của cổ đông là tổ chức; ngày cấp, nơi cấp của giấy tờ này;*
 - b) *Thông tin về người có liên quan theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều 49 Luật các TCTD;*
 - c) *Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình tại SEABANK*
 - d) *Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của người có liên quan của mình tại SEABANK.*
3. *Đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này phải gửi SEABANK bằng văn bản cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.*
- Đối với thông tin tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này, cổ đông chỉ phải cung cấp thông tin cho SEABANK khi có mức thay đổi về tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình và người có liên quan từ 01% vốn điều lệ trở lên của SEABANK so với lần cung cấp liền trước.*
4. *SEABANK phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này tại trụ sở chính của SEABANK, báo cáo NHNN theo quy định và định kỳ hằng năm, SEABANK công bố thông tin tại khoản 1 và các điểm a, c, d khoản 2 Điều này với ĐHĐCĐ của SEABANK.*
 5. *SEABANK phải công bố công khai thông tin về họ và tên cá nhân, tên tổ chức là cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của SEABANK và thông tin quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này trên trang thông tin điện tử của SEABANK thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày SEABANK nhận được thông tin cung cấp.*
 6. *SEABANK phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của SEABANK theo quy định của LDN 2020 và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Ngân hàng.*
 7. *Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan theo quy định tại Khoản 1, khoản 2 và Khoản 6 Điều này được thực hiện theo quy định của LDN 2020, quy định của NHNN và quy định nội bộ của SEABANK trong từng thời kỳ.*
 8. *Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của SEABANK đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT, BKS và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về SEABANK.*

Điều 78. Quyền, nghĩa vụ của người quản lý, người điều hành của SEABANK¹³⁴

1. *Tuân thủ pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ SEABANK.*
2. *Thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của SEABANK, cổ đông.*
3. *Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của SEABANK, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của SEABANK để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác làm tổn hại tới lợi ích của SEABANK, cổ đông.*

¹³⁴ Điều 48 Luật các TCTD 2024.

4. *Chịu trách nhiệm trong việc chấp hành các quy định hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của Luật các TCTD.*
5. Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của SEABANK để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của SEABANK, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của NHNN.
6. Am hiểu về các loại rủi ro trong hoạt động của SEABANK.
7. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho SEABANK về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của SEABANK và chỉ được tham gia vào giao dịch đó khi được HĐQT chấp thuận.
8. Không được tạo điều kiện để bản thân hoặc người có liên quan của mình vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng khác của SEABANK với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của SEABANK.
9. Không được tăng lương, thù lao hoặc yêu cầu trả thưởng khi SEABANK bị lỗ.
10. *Trong phạm vi quyền, nghĩa vụ được giao, có trách nhiệm thực hiện yêu cầu bằng văn bản của NHNN đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của NHNN. Thực hiện khuyến nghị, cảnh báo rủi ro và an toàn hoạt động, cảnh báo nguy cơ dẫn đến vi phạm pháp luật về tiền tệ và ngân hàng; kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.*
11. Các nghĩa vụ khác do Điều lệ này quy định.

CHƯƠNG IV - CÔNG TY CON, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN SEABANK

Điều 79. Mối quan hệ giữa SEABANK và Công ty con

1. ĐHĐCĐ có thể thành lập các Công ty con ở trong nước và ngoài nước để hỗ trợ hoạt động của SEABANK khi có nhu cầu phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. *Trừ trường hợp Điều lệ của Công ty con có quy định khác, HĐQT hoặc người được HĐQT phân cấp thẩm quyền, giao nhiệm vụ có quyền nhân danh SEABANK thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu tại các Công ty con của SEABANK, cụ thể bao gồm nhưng không hạn chế:*
 - a. Quyết định/Phê duyệt cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty con phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của SEABANK;
 - b. Quyết định/Phê duyệt định hướng, chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty con;
 - c. Quyết định/Phê duyệt nội dung Điều lệ Công ty, sửa đổi và bổ sung, thay thế Điều lệ Công ty con phù hợp với pháp luật và quy định nội bộ của SEABANK;
 - d. Quyết định/Phê duyệt việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty con hoặc các chức danh khác theo quy định nội bộ do HĐQT ban hành;
 - e. Quyết định/Phê duyệt các nội dung khác theo quy định nội bộ của SEABANK, phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.

Điều 80. Người lao động và công đoàn

Việc thành lập và hoạt động Công đoàn của người lao động SEABANK được thực hiện theo quy định của pháp luật. Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của SEABANK với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, quy định của SEABANK và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG V - HỆ THỐNG KIỂM TOÁN, KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Điều 81. Hệ thống kiểm soát nội bộ¹³⁵

SEABANK sẽ thiết lập một hệ thống kiểm soát nội bộ như sau:

1. Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của SEABANK và được tổ chức thực hiện nhằm kiểm soát, phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra.
2. Các yêu cầu đối với hệ thống kiểm soát nội bộ SEABANK như sau:¹³⁶
 - a. Yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 57 Luật các TCTD năm 2024.
 - b. Phù hợp với quy mô, điều kiện và mức độ phức tạp trong hoạt động kinh doanh của SEABANK.
 - c. Có đủ nguồn lực về tài chính, con người, công nghệ thông tin để đảm bảo hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ.
 - d. Xây dựng, duy trì văn hóa kiểm soát, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cho SEABANK.
3. Hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của SEABANK phải được kiểm toán nội bộ, tổ chức kiểm toán độc lập đánh giá định kỳ.
4. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của hệ thống kiểm soát nội bộ và yêu cầu đối với nhân viên kiểm soát nội bộ được thực hiện theo hướng dẫn của NHNN và phù hợp với tình hình thực tế hoạt động của SEABANK.

Điều 82. Kiểm toán nội bộ¹³⁷

1. SEABANK phải thành lập kiểm toán nội bộ chuyên trách thuộc BKS thực hiện kiểm toán nội bộ SEABANK.
2. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về tính thích hợp và sự tuân thủ *cơ chế, chính sách*, quy trình, *quy định nội bộ của SEABANK*; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm SEABANK hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.
3. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo BKS và gửi Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc của SEABANK.

¹³⁵ Điều 57 Luật các TCTD 2024 và TT 13/2018/TT-NHNN (được sửa đổi, bổ sung bởi TT 40/2018/TT-NHNN).

¹³⁶ Điều 5 TT 13/2018/TT-NHNN.

¹³⁷ Điều 58 Luật các TCTD 2024.

Điều 83. Kiểm toán độc lập¹³⁸

1. Trước khi kết thúc năm tài chính, SEABANK phải lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập *đáp ứng yêu cầu* theo quy định của *Thông đốc* NHNN để kiểm toán *báo cáo tài chính và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính* trong năm tài chính tiếp theo.
2. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập SEABANK phải thông báo cho NHNN về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn.
3. Việc kiểm toán cụ thể các hoạt động của SEABANK được thực hiện theo quy định của Luật các Tổ chức Tín dụng, pháp luật về kiểm toán độc lập và văn bản hướng dẫn của NHNN.

CHƯƠNG VI - CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH – KẾ TOÁN, THÔNG TIN – BÁO CÁO

Điều 84. Chế độ tài chính¹³⁹

SeABank tự chủ về tài chính. Chế độ tài chính của SEABANK được thực hiện theo quy định của Luật các TCTD và pháp luật có liên quan.

Điều 85. Năm tài chính¹⁴⁰

Năm tài chính của SEABANK bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm dương lịch.

Điều 86. Hạch toán, kế toán¹⁴¹

SEABANK phải thực hiện hạch toán, kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán; *chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các khoản thu, chi và thực hiện các quy định về chế độ hóa đơn, chứng từ kế toán.*

Điều 87. Phân phối lợi nhuận sau thuế¹⁴²

1. Lợi nhuận của SEABANK sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phân lợi nhuận còn lại được phân phối theo thứ tự như sau:
 - a. Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có).
 - b. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp.
 - c. Trích **10%** vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của SEABANK. Mức tối đa của quỹ này không vượt quá mức vốn điều lệ của SEABANK.
 - d. Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính.
 - e. Quỹ đầu tư phát triển.
 - f. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

¹³⁸ Điều 59 Luật các TCTD 2024.

¹³⁹ Điều 151 Luật các TCTD 2024.

¹⁴⁰ Điều 14950 Luật các TCTD 2024.

¹⁴¹ Điều 150 Luật các TCTD 2024.

¹⁴² Điều 148 Luật các TCTD 2024 và Điều 23 NĐ 93/2017/NĐ-CP.

- g. Quỹ khen thưởng.
 - h. Quỹ phúc lợi.
 - i. Quỹ thưởng người quản lý.
 - j. Việc phân chia phần lợi nhuận còn lại và tỷ lệ trích đối với các quỹ tại điểm e, f, g, h, i Khoản này do HĐQT quyết định phù hợp với quy định của pháp luật liên quan và tình hình thực tế hoạt động của SEABANK.
2. SEABANK không được dùng Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính quy định tại khoản 1 Điều này để trả cổ tức cho cổ đông.

Điều 88. Quản lý và sử dụng các quỹ¹⁴³

1. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, vốn được cấp dùng để bổ sung vốn điều lệ.
2. Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí; sử dụng cho các mục đích khác theo quy định của pháp luật.
3. Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ trang thiết bị, điều kiện làm việc của SEABANK và bổ sung vốn điều lệ cho SEABANK. Căn cứ vào nhu cầu đầu tư và khả năng của quỹ, HĐQT quyết định hình thức và biện pháp đầu tư theo nguyên tắc có hiệu quả, an toàn và phát triển vốn.
4. Quỹ thưởng người quản lý, kiểm soát viên được sử dụng để:
 - a. Thưởng cho Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng;
 - b. Mức thưởng do ĐHĐCĐ quyết định trên cơ sở hiệu quả hoạt động kinh doanh của SEABANK và mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao, trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch HĐQT.
5. Quỹ khen thưởng dùng để:
 - a) Thưởng cuối năm hoặc thưởng thường kỳ cho cán bộ, nhân viên trong SEABANK. Mức thưởng do HĐQT quyết định theo đề nghị của Tổng Giám đốc và công đoàn của SEABANK trên cơ sở năng suất lao động, thành tích công tác của mỗi cán bộ, nhân viên trong SEABANK;
 - b) Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể của SEABANK có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ mang lại hiệu quả trong kinh doanh. Mức thưởng do HĐQT quyết định;
 - c) Thưởng cho cá nhân và đơn vị ngoài SEABANK có quan hệ kinh tế đã hoàn thành tốt những điều kiện hợp đồng, đóng góp có hiệu quả vào hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng. Mức thưởng do HĐQT quyết định.
6. *HĐQT, Tổng Giám đốc phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn quản lý, sử dụng Quỹ phúc lợi để:*
 - a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa, bổ sung vốn xây dựng các công trình phúc lợi của SEABANK, góp vốn đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng thỏa thuận;

¹⁴³ Điều 24 NB 93/2017/NĐ-CP.

- b) Chi cho các hoạt động thể thao, văn hóa, phúc lợi công cộng của tập thể cán bộ, nhân viên của SEABANK;
- c) Chi trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất cho cán bộ, nhân viên kể cả các cán bộ, nhân viên đã về hưu, mất sức của SEABANK;
- d) Chi cho các hoạt động phúc lợi khác;

Điều 89. Mua, đầu tư vào tài sản cố định¹⁴⁴

Trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh, SEABANK luôn đảm bảo duy trì giới hạn đầu tư, mua sắm tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động kinh doanh theo nguyên tắc: giá trị còn lại của tài sản cố định không vượt quá 50% vốn Điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ ghi trên sổ sách kế toán của SEABANK.

Điều 90. Cổ tức¹⁴⁵

1. Cổ tức trả cổ đông phổ thông được xác định căn cứ vào lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của SEABANK. SEABANK chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác; trích lập các quỹ của SEABANK và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật; ngay sau khi trả hết số cổ tức, SEABANK vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
2. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp ĐHĐCĐ thường niên, *trừ trường hợp trả cổ tức bằng cổ phần*. HĐQT phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi *tương tự thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 42 Điều lệ này* chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.

Thông báo phải ghi rõ tên SEABANK và địa chỉ trụ sở chính; họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, *số định danh cá nhân* đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của SEABANK.
3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của SEABANK hoặc bằng tài sản khác theo quyết định HĐQT.
4. Bất cứ cổ tức hay những khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt có liên quan tới một cổ phiếu sẽ phải được thực hiện bằng VNĐ và có thể được thanh toán bằng séc, chuyển khoản hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ liên lạc của cổ đông thụ hưởng và cổ đông đó phải chịu rủi ro. Ngoài ra, bất kỳ cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt có liên quan tới một cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi SEABANK đã được cung cấp chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép SEABANK thực hiện được việc chuyển khoản những khoản tiền đó trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. SEABANK sẽ không bị truy đòi đối với bất kỳ khoản tiền nào được SEABANK chuyển bằng chuyển khoản ngân

¹⁴⁴ Điều 144 Luật các TCTD 2024 và Khoản 4 Điều 6 NĐ 93/2017/NĐ-CP, Khoản 3 Điều 3 TT 16/2018/TT-BTC.

¹⁴⁵ Điều 135 LDN 2020.

hàng nhưng cổ đông thụ hưởng không nhận được nếu SEABANK đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do chính cổ đông đó cung cấp.

5. SEABANK sẽ không trả lãi suất cho bất cứ cổ tức hay một khoản tiền nào khác có tính chất lãi cho cổ tức, trừ trường hợp cổ tức được trả vào tài khoản tiền gửi của cổ đông tại SEABANK.
6. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ SEABANK.
7. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, SEABANK không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các Điều 123, 124 và 125 của LDN 2020. SEABANK *thực hiện* đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức *theo quy định của pháp luật có liên quan và tình hình thực tế của Ngân hàng.*

Điều 91. Công khai báo cáo tài chính¹⁴⁶

Trong vòng 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, SEABANK phải công khai báo cáo tài chính của mình theo quy định của pháp luật.

Điều 92. Tự chủ về tài chính của SEABANK

SEABANK tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh của mình, thực hiện nghĩa vụ và các cam kết của mình theo quy định của pháp luật.

Điều 93. Báo cáo¹⁴⁷

1. SEABANK phải thực hiện chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của NHNN.
2. Ngoài những báo cáo định kỳ theo quy định tại Khoản 1 Điều này, SEABANK có trách nhiệm lập và gửi các báo cáo đột xuất cho NHNN và các cơ quan có thẩm quyền có liên quan theo quy định pháp luật có liên quan.

Điều 94. Cung cấp và công bố thông tin¹⁴⁸

1. SEABANK cung cấp thông tin cho chủ tài khoản về những giao dịch và số dư trên tài khoản của họ tại SEABANK theo thỏa thuận với chủ tài khoản.
2. SEABANK có trách nhiệm *báo cáo* NHNN *thông tin liên quan đến* hoạt động kinh doanh và được NHNN cung cấp thông tin của những khách hàng có quan hệ tín dụng với SEABANK theo quy định của NHNN.
3. SEABANK có trách nhiệm công bố công tin theo quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng.
4. SEABANK có trách nhiệm cung cấp thông tin cho các cơ quan Nhà nước, công bố thông tin ra công chúng theo đúng các quy định pháp luật.

¹⁴⁶ Điều 154 Luật các TCTD 2024

¹⁴⁷ Điều 152 Luật các TCTD 2024.

¹⁴⁸ Điều 12 Luật các TCTD 2024.

Điều 95. Bảo mật thông tin¹⁴⁹

1. Người quản lý, người điều hành, *nhân viên* của SEABANK không được tiết lộ *thông tin khách hàng*, bí mật kinh doanh của SEABANK.
2. SEABANK phải đảm bảo bí mật thông tin *khách hàng của SEABANK theo quy định của Chính phủ*.
3. SEABANK không được cung cấp thông tin của khách hàng tại SEABANK cho các cá nhân, tổ chức khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

CHƯƠNG VII - TỔ CHỨC LẠI, PHÁ SẢN, GIẢI THỂ, THANH LÝ

Điều 96. Tổ chức lại ngân hàng¹⁵⁰

SEABANK tổ chức lại dưới hình thức chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản. Điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại được thực hiện theo quy định của NHNN.

Điều 97. Giải thể ngân hàng¹⁵¹

SEABANK bị giải thể trong các trường hợp sau:

1. ĐHCĐ thông qua quyết định giải thể và chấm dứt hoạt động SEABANK theo quy định của pháp luật và được NHNN chấp thuận;
2. Khi hết hạn hoạt động SEABANK không xin gia hạn giấy phép hoạt động hoặc xin gia hạn nhưng không được NHNN chấp thuận;
3. Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của SEABANK.
4. *SEABANK được can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt có tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ.*

Điều 98. Phá sản ngân hàng¹⁵²

1. Sau khi NHNN có văn bản chấm dứt kiểm soát đặc biệt hoặc *không áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán hoặc chấm dứt áp dụng biện pháp phục hồi khả năng thanh toán* mà SEABANK vẫn *mất khả năng thanh toán*, thì SEABANK phải nộp đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.
2. Việc phá sản SEABANK được thực hiện theo quy định về pháp luật phá sản.

Điều 99. Thanh lý ngân hàng¹⁵³

1. Trường hợp SEABANK bị tuyên bố phá sản, việc thanh lý SEABANK được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.
2. Khi giải thể theo Điều 97 của Điều lệ này, SEABANK tiến hành thanh lý ngay dưới sự giám sát của NHNN và theo trình tự, thủ tục thanh lý tài sản do *Thống đốc NHNN* quy định.

¹⁴⁹ Điều 13 Luật các TCTD 2024.

¹⁵⁰ Điều 201 Luật các TCTD 2024.

¹⁵¹ Điều 202 Luật các TCTD 2024.

¹⁵² Điều 203 Luật các TCTD 2024.

¹⁵³ Điều 204 Luật các TCTD 2024.

3. Mọi chi phí liên quan đến việc thanh lý do SEABANK chịu.

CHƯƠNG VIII - GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 100. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Bất cứ khi nào một sự tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới công việc của SEABANK hay tới quyền của các cổ đông nảy sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật các TCTD năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thực hiện hiện hành và bất kỳ luật hoặc các quy định hành chính nào khác quy định, giữa:
 - (i) Một cổ đông hay các cổ đông và SEABANK; hoặc
 - (ii) Bất kỳ cổ đông hay các cổ đông và HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc hay các chức danh quản lý, điều hành tương đương khác theo quy định của SEABANK,Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh, hoặc 30 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh tranh chấp trong trường hợp tranh chấp mang tính phức tạp, liên quan đến nhiều hoạt động, CBNV của SEABANK. Nếu tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào đều có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.
2. Nếu không có quyết định nào đạt được trong hòa giải trong vòng 90 ngày từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của hòa giải viên không được các bên chấp nhận, bất kỳ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án có thẩm quyền.
3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Trọng tài, Tòa án sẽ do Trọng tài, Tòa án phán quyết.

CHƯƠNG IX - ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 101. Điều khoản thi hành và chuyển tiếp

1. Điều lệ này được ĐHĐCĐ thông qua ngày ___ tháng ___ năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua, và thay thế Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và HĐQT thông qua ngày 28/5/2024.
2. Người quản lý, người điều hành và chức danh khác của SEABANK được bầu, bổ nhiệm trước ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại các Điều 67, 68, 69, 70, 71, 72 Điều lệ này thì được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.
3. Quy định tại Điều 75, 76 Điều lệ này không áp dụng cho Người quản lý, người điều hành và chức danh khác của SEABANK được bầu, bổ nhiệm trước ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành.
4. Trường hợp HĐQT của SEABANK không đáp ứng quy định tại khoản 2, 3 Điều 50 Điều lệ này thì được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ của HĐQT.

5. *Đến ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành, BKS của SEABANK có số lượng thành viên chưa tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 61 Điều lệ này thì được duy trì tiếp tục số lượng tối thiểu 03 thành viên cho đến hết nhiệm kỳ của BKS, của thành viên BKS, trừ trường hợp SEABANK bầu, bổ nhiệm bổ sung, thay thế thành viên BKS.*
6. Các vấn đề chưa được đề cập trong Điều lệ này sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật có liên quan. Khi có nội dung nào của Điều lệ này trái với các quy định của pháp luật thì đương nhiên hết hiệu lực thi hành, và SEABANK sẽ tự động áp dụng quy định của pháp luật tương ứng.
7. Điều lệ này gồm 09 chương, 101 điều, được lập thành 05 bản gốc và có giá trị pháp lý như nhau.

**THAY MẶT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á
CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

LÊ VĂN TÀN

**QUY CHẾ VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á**

*Nội dung sửa đổi, bổ sung
được in nghiêng*

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á

- Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á;
- Căn cứ *Biên bản kiểm phiếu biểu quyết lấy ý kiến* Đại hội đồng cổ đông *bằng văn bản của* Ngân hàng TMCP Đông Nam Á về việc thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung của Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát SeABank;
- Căn cứ điều kiện thực tế,

Ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Đông Nam Á như sau:

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế về tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Đông Nam Á:
 - a. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát, Thành viên Ban Kiểm soát của SeABank;
 - b. Quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, các nguyên tắc, cơ chế và phương thức hoạt động của Ban Kiểm soát của SeABank;
 - c. Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên BKS;
 - d. Điều chỉnh mối quan hệ làm việc giữa Ban Kiểm soát với các cổ đông; giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân bên ngoài; và giữa các thành viên Ban Kiểm soát với nhau.
2. Quy chế này được áp dụng cho Ban Kiểm soát của SeABank và các Đơn vị, cá nhân có liên quan của SeABank.

Điều 2. Định nghĩa¹

¹ Điều 4 Luật các TCTD năm 2024.

1. “**SeABank/ Ngân hàng**” được hiểu là Ngân hàng TMCP Đông Nam Á.
2. “**Quy chế**” được hiểu là Quy chế về tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát của SeABank.
3. “**Điều lệ**” được hiểu là Điều lệ SeABank.
4. “**BKS**” được hiểu là Ban Kiểm soát của SeABank.
5. “**Trưởng BKS**” được hiểu là Trưởng Ban Kiểm soát SeABank.
6. “**Thành viên BKS**” được hiểu là Thành viên Ban Kiểm soát SeABank.
7. “**HDQT**” được hiểu là Hội đồng Quản trị SeABank.
8. “**Hệ thống SeABank**” gồm SeABank, các đơn vị sự nghiệp, các đơn vị trực thuộc và các Công ty con, Công ty liên kết của SeABank.
9. “**Người Quản lý**” bao gồm Chủ tịch HDQT, thành viên *khác của* HDQT, Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác quy định tại Điều lệ của SeABank.
10. “**Người điều hành của SeABank**” bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh² và các chức danh tương đương khác của SeABank được HDQT bổ nhiệm làm Người điều hành của SeABank.
11. “**Công ty con**” là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây: (i) SeABank hoặc SeABank và người có liên quan của SeABank sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% số cổ phần có quyền biểu quyết; (ii) SeABank có quyền bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Thành viên hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty đó; (iii) SeABank có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty đó; (iv) *SeABank hoặc* SeABank và người có liên quan của SeABank trực tiếp *hoặc* gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Hội đồng Thành viên của công ty đó.
12. “**Công ty liên kết**” là công ty trong đó SeABank hoặc SeABank và người có liên quan của SeABank sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc trên 11% số cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là Công ty con của SeABank.
13. “**Cổ đông lớn**” là cổ đông sở hữu từ 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của SeABank, *bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp.*
14. “**Người có liên quan**” được định nghĩa theo Khoản 24 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng 2024 đối với các vấn đề tổ chức, hoạt động của SeABank được điều chỉnh bởi pháp luật về tổ chức tín dụng. Đối với việc công bố thông tin và các vấn đề khác mà pháp luật về tổ chức tín dụng không quy định, người có liên quan được xác định theo quy định của Luật doanh nghiệp và Luật chứng khoán.
15. “**Người có quan hệ gia đình**” bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.
16. “**NHNN**” được hiểu là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
17. “**Luật các TCTD 2024**” được hiểu là Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024.

² Theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh.

18. “**Luật Doanh nghiệp**” được hiểu là Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).
19. “**Điều lệ của SeABank**” được hiểu là Điều lệ tổ chức và hoạt động của SeABank, được Đại hội đồng cổ đông thông qua *bằng văn bản năm 2024*, và các bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) của Điều lệ này.

Điều 3. Vị trí, vai trò của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động của SeABank; thực hiện *giám sát*, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại Hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.³

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát⁴

1. Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của BKS chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của BKS.
2. Các thành viên BKS thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát hoạt động ngân hàng dưới sự phân công của Trưởng BKS theo một số nguyên tắc cơ bản sau đây:
 - a. BKS thảo luận, biểu quyết để quyết định các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của BKS SeABank thông qua các phiên họp hoặc xin ý kiến bằng văn bản. Việc tổ chức họp và xin ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo quy định tại Quy chế này, Điều lệ của SeABank và các quy định pháp luật có liên quan.
 - b. Thành viên BKS tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị, nhưng không tham gia biểu quyết đối với các nghị quyết của Hội đồng quản trị; thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của BKS; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông và trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Các thành viên BKS phải có đủ sức khỏe, năng lực, phẩm chất và tinh thần trách nhiệm; có trình độ chuyên môn, kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn; đồng thời phải chịu sự phân công của Trưởng BKS.
 - d. Các thành viên BKS chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về kết quả công việc, các ý kiến, quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
 - e. BKS tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định của SeABank.
 - f. Mọi diễn biến và những thông tin thu thập được trong quá trình giám sát của BKS phải được xem xét, đánh giá trung thực, khách quan trên cơ sở các tài liệu đã được kiểm tra tại chỗ hoặc qua hệ thống thông tin báo cáo.

CHƯƠNG II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

³ Khoản 1 Điều 51 Luật các TCTD 2024.

⁴ Điều 2 Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát mẫu ban hành kèm theo Phụ lục số IV Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

Điều 5. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát⁵

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Ngân hàng, Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông, *quy định nội bộ của Ban kiểm soát và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của SeABank và cổ đông; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.*
2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa SeABank và cổ đông.
3. Trung thành với lợi ích của SeABank và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của SeABank để tư lợi hoặc để phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. *Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập Ban kiểm soát họp bất thường.*
5. *Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.*
6. *Yêu cầu người quản lý báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành của SeABank.*
7. *Yêu cầu người quản lý, người điều hành, nhân viên của SeABank cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.*
8. *Báo cáo Trưởng ban kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường của SeABank và chịu trách nhiệm về đánh giá, kết luận của mình.*
9. *Tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.*
10. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của SeABank;
11. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định từ khoản 1 đến khoản 10 Điều này mà gây thiệt hại cho SeABank hoặc người khác thì các thành viên BKS phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó⁶. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Ngân hàng.
12. Trường hợp phát hiện có thành viên BKS vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì thông báo bằng văn bản đến BKS; yêu cầu người có hành vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát⁷

1. BKS của SeABank có *tối thiểu* 05 thành viên.
2. Thành viên BKS phải là người đáp ứng được các điều kiện quy định tại Quy chế này, Điều lệ SeABank và quy định của pháp luật, đồng thời không nhất thiết là cổ đông của SeABank.
3. BKS phải có hơn một nửa số thành viên BKS thường trú tại Việt Nam.
4. Nhiệm kỳ của BKS không quá 05 năm. BKS của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi BKS của nhiệm kỳ mới *tiếp quản công việc*.

⁵ Điều 54 Luật các TCTD 2024, Điều 173 Luật doanh nghiệp 2020 và Điều 3 Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát mẫu ban hành kèm theo Phụ lục số IV Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

⁶ Điều 173 Luật doanh nghiệp 2020.

⁷ Luật các TCTD 2024; Điều 168.1 Luật doanh nghiệp 2020.

5. Nhiệm kỳ của thành viên BKS theo nhiệm kỳ của BKS. Nhiệm kỳ của thành viên *được bổ sung hoặc thay thế* là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ.
6. Những người được bầu giữ chức Trưởng Ban và Thành viên BKS có trách nhiệm tiếp nhận bàn giao và đảm nhiệm công việc của chức danh được bầu. Những người bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho những người mới được bầu; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian đảm nhiệm chức danh đó.
7. Trường hợp số thành viên BKS không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ SeABank thì trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, SeABank phải *bầu* bổ sung đủ số lượng thành viên BKS *tối thiểu*.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện để được bầu, bổ nhiệm làm thành viên BKS

1. Thành viên BKS phải là những người có uy tín, đạo đức, nghề nghiệp và hiểu biết về hoạt động ngân hàng và đáp ứng được các yêu cầu về trình độ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp do NHNN quy định và phù hợp với Điều lệ của SeABank.
2. Các thành viên BKS phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 68 Điều lệ của SeABank.
3. Những người không được là Thành viên BKS của SeABank thực hiện theo Điều 71 Điều lệ của SeABank.
4. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ thành viên BKS được thực hiện theo Điều 72 Điều lệ của SeABank.
5. Thành viên BKS của SeABank không phải là (i) người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác; (ii) không phải là người quản lý Ngân hàng; (iii) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Ngân hàng; (iv) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng trong 03 năm liền trước đó; (v) không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý của Ngân hàng và công ty mẹ của Ngân hàng.
6. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ của SeABank.

Điều 8. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng BKS do BKS bầu trong số các thành viên BKS; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số⁸.
2. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, *ngân hàng*, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.
3. *Trưởng Ban Kiểm soát phải cư trú ở Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.*
4. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát quy định tại Điều 63 Điều lệ của SeABank.

Điều 9. Đề cử, ứng cử và bầu thành viên Ban kiểm soát

⁸ Điều 168.2 Luật doanh nghiệp 2020

1. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo Điều 73 Điều lệ của SeABank, Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng và hướng dẫn/ thông báo/ quy định của HĐQT Ngân hàng trong từng thời kỳ.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo trình tự, thủ tục và điều kiện tại Điều lệ SeABank, Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng và Quy chế này.⁹
3. Đại hội đồng cổ đông quyết định số lượng thành viên BKS với số cổ đông đại diện trên **50%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận *hoặc khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản* và tổ chức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế các thành viên BKS dưới hình thức bầu dồn phiếu. Theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu x (nhân) với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết *hoặc một phần tổng số phiếu bầu* số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.¹⁰
4. Người trúng cử thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên quy định tại Điều lệ của SeABank. Trường hợp có hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí Điều lệ của SeABank hoặc Thể lệ bầu cử.¹¹
5. Các thành viên BKS sẽ bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng BKS.
6. Danh sách thành viên BKS dự kiến bầu phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu các chức danh này. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận danh sách dự kiến việc bầu, bổ nhiệm thành viên BKS được thực hiện theo quy định của NHNN trong từng thời kỳ.

Điều 10. Đương nhiên mất tư cách

Việc đương nhiên mất tư cách thành viên BKS thực hiện theo Điều 75 Điều lệ của SeABank.

Điều 11. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên BKS

Trưởng ban và các thành viên BKS bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo Điều 76 Điều lệ của SeABank.

Điều 12. Thay thế thành viên BKS

1. Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày Trưởng BKS bị đương nhiên mất tư cách, các thành viên BKS có trách nhiệm tổ chức họp BKS để bầu một thành viên BKS (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo Quy chế này) làm Trưởng BKS.
2. Trưởng BKS muốn thôi đảm nhiệm chức vụ phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và BKS. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn, BKS phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Trưởng BKS mới theo quy định hiện hành.

⁹ Điều 285 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

¹⁰ Khoản 4 Điều 67 Luật các TCTD 2024.

¹¹ Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020.

- Thành viên BKS muốn thôi đảm nhiệm chức vụ phải có đơn gửi đến HĐQT và BKS để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.
- Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên BKS mới để thay thế cho thành viên BKS bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

Điều 13. Thông báo về việc bầu, bổ nhiệm, miễn, nhiệm thành viên BKS¹²

- Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, SeABank công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:
 - Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - Trình độ chuyên môn;
 - Quá trình công tác;
 - Các chức danh quản lý khác;
 - Lợi ích có liên quan tới Ngân hàng và các bên có liên quan của Ngân hàng;
 - Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ SeABank;
- SeABank thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin và báo cáo NHNN trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày *thông qua quyết định* bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định.

CHƯƠNG III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của BKS¹³

- Giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Ngân hàng; giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của SeABank của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động trong quản trị, điều hành ngân hàng; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao *theo quy định của pháp luật và Điều lệ của SeABank*.
- Giám sát hoạt động quản trị, điều hành SeABank trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.*

¹² Điều 274 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Điều 10 Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát mẫu ban hành kèm theo Phụ lục số IV của Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

¹³ Điều 52 Luật các TCTD 2024 và Điều 170 LDN 2020, Điều 288 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua; ban hành quy định nội bộ của BKS, và định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của BKS, *quy định nội bộ* về kế toán và báo cáo của Ngân hàng.
4. *Ban kiểm soát có bộ phận kiểm toán nội bộ và bộ phận giúp việc để thực hiện nhiệm vụ của mình. BKS bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ và bộ phận giúp việc.*
5. *Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; có quyền được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành ngân hàng, có quyền sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát.*
6. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Ngân hàng; *quyết định* tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết.
7. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm của SeABank, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị; báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên về kết quả thẩm định báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. BKS có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
8. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
9. Giám sát *thực trạng* tài chính của Ngân hàng; *Kiểm tra* sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của ngân hàng khi thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của *Ngân hàng Nhà nước hoặc của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông phù hợp với quy định của pháp luật*. BKS triển khai thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến *tổ chức, cá nhân có yêu cầu*.
10. *Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của SeABank, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này..*
11. *Ban kiểm soát có bộ phận kiểm toán nội bộ và bộ phận giúp việc để thực hiện nhiệm vụ của mình.*
12. Kiến nghị Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng (nếu có).¹⁴
13. Kịp thời thông báo bằng văn bản trong thời hạn 48 giờ cho *Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị* khi phát hiện người quản lý, *người điều hành Ngân hàng có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của SeABank, nghị quyết, quyết định của Đại hội*

¹⁴ Khoản 7 Điều 170 Luật Doanh nghiệp 2020.

đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, đồng thời yêu cầu người vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).¹⁵

14. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Luật các TCTD, Điều lệ của SeABank, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị và các quy định khác có liên quan.
15. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng Quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định *theo Điều lệ của SeABank, quy định của pháp luật* hoặc có quyết định vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của SeABank.
16. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
17. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Ngân hàng.
18. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
19. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
20. *Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của SeABank thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.*
21. *Giám sát việc chấp hành các quy định tại Chương VII của Luật các TCTD 2024 về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của SeABank.*
22. *Kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 14, 16 và 22 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, người có liên quan theo quy định của Luật các TCTD 2024.*
23. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ của SeABank và quy định của pháp luật.

Điều 15. Quyền được cung cấp thông tin cho BKS ¹⁶

1. Thành viên Ban kiểm soát được nhận các thông tin, tài liệu sau đây vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị:
 - a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do SeABank phát hành.
2. Thành viên BKS có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của SeABank lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của SeABank làm việc trong thời giờ làm việc.

¹⁵ Khoản 8 Điều 52 Luật các TCTD 2024; Điều 165 Luật doanh nghiệp 2020; Điều 170.8 Luật doanh nghiệp 2020; Khoản 5 Điều 288 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

¹⁶ Điều 171 Luật Doanh nghiệp 2020.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của SeABank theo yêu cầu của thành viên BKS hoặc Ban Kiểm soát (theo đúng quy định của pháp luật).
4. Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát không được tiết lộ bí mật của SeABank.

Điều 16. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên *tối thiểu* theo quy định của pháp luật;
 - b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 35 Điều lệ của SeABank;
 - c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.
2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Ngân hàng.
3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Ngân hàng hoàn lại.

CHƯƠNG IV

CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 17. Cuộc họp của BKS

1. Cuộc họp của BKS được tổ chức theo các hình thức sau đây:
 - a. Cuộc họp thường kỳ: BKS họp định kỳ ít nhất hai lần trong một năm.
 - b. Cuộc họp bất thường: Được triệu tập để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất và theo đề nghị của:
 - (i) Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - (ii) Từ hai phần ba số thành viên Hội đồng quản trị trở lên;
 - (iii) Trưởng BKS;
 - (iv) Từ hai phần ba số thành viên BKS trở lên;
 - (v) Tổng giám đốc;

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát.
2. Địa điểm họp. Các cuộc họp BKS sẽ được tiến hành tại trụ sở chính của SeABank hoặc một địa điểm khác theo quyết định của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc địa điểm nơi Trưởng Ban Kiểm soát tham dự họp.

3. Hình thức và phương thức họp: Cuộc họp của BKS có thể thực hiện thông qua hình thức hội nghị trực tiếp hoặc hội nghị trực tuyến, hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến, hoặc bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác do Trưởng BKS quyết định. Trình tự, thủ tục họp và biểu quyết của BKS do Trưởng BKS quyết định và hướng dẫn, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của Ngân hàng.
4. Thông báo và Chương trình họp: Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành sau 05 ngày kể từ gửi thông báo cho các thành viên Ban kiểm soát. Thông báo về cuộc họp Ban kiểm soát được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát và cả các phiếu bầu cho những thành viên Ban kiểm soát không thể dự họp. Những thành viên Ban kiểm soát này sẽ gửi phiếu bầu cho Ban kiểm soát trước khi họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bux điện, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên BKS được đăng ký tại SeABank.

5. Trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp BKS bất thường của một trong các đối tượng nêu tại khoản điểm b khoản 1 Điều này, Trưởng BKS phải triệu tập và tiến hành cuộc họp BKS bất thường. Trường hợp sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng BKS không triệu tập cuộc họp BKS, người đề nghị họp có quyền thay thế Trưởng BKS triệu tập họp BKS. Trường hợp Trưởng Ban không triệu tập họp BKS theo đề nghị thì Trưởng Ban phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng.
6. Trường hợp triệu tập BKS định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng BKS phải triệu tập tiếp cuộc họp BKS lần hai trong thời gian không quá 15 (mười lăm) ngày tiếp theo. Sau hai lần triệu tập họp BKS không đủ số thành viên tham dự, Trưởng BKS phải thông báo cho Hội đồng quản trị biết và đề nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 30 ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên BKS.
7. Số thành viên tham dự yêu cầu:
 - a. Cuộc họp BKS được coi là hợp lệ khi có từ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên BKS trở lên dự họp. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên BKS có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên BKS khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản trực tiếp hoặc qua thư điện tử tới Trưởng BKS.
 - b. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, kiểm toán nội bộ và kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên BKS quan tâm.
8. Biểu quyết:
 - a. Các quyết định của BKS được thông qua nếu được đa số thành viên BKS có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng BKS hoặc thành viên BKS được Trưởng BKS ủy quyền chủ tọa (trường hợp Trưởng BKS vắng mặt).
 - b. Thành viên BKS có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra BKS quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận ủy quyền của thành viên BKS khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

- c. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên BKS hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên BKS và những nghi ngờ đó không được thành viên BKS đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên BKS có liên quan đó chưa được biết rõ.
9. Trường hợp BKS lấy ý kiến bằng văn bản: Trường BKS có thể lấy ý kiến các thành viên để thông qua quyết định về một vấn đề thuộc thẩm quyền. Việc lấy ý kiến bằng văn bản có thể thực hiện qua hình thức điện tử theo quyết định của Trường BKS. Quyết định của BKS thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên BKS tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:
 - a. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số thành viên BKS có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;
 - b. Số lượng thành viên BKS có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp BKS quy định tại khoản 7 Điều này.
 10. Biên bản:
 - a. Cuộc họp BKS phải được ghi đầy đủ, rõ ràng và chi tiết vào biên bản họp. Biên bản họp BKS được lập bằng tiếng Việt. Thư ký và các thành viên BKS tham dự cuộc họp phải ký tên vào biên bản họp và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát¹⁷.
 - b. Trường hợp thành viên trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do; nếu không ghi rõ lý do thì biểu quyết của thành viên đó đối với những nội dung tại cuộc họp coi như không có giá trị.
 - c. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản cuộc họp BKS cho các thành viên BKS chậm nhất sau 07 ngày kể từ ngày họp BKS, trừ trường hợp Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi Biên bản.

Điều 18. Hoạt động kiểm tra của BKS

1. BKS thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và giám sát hoạt động tài chính trong SeABank và các công ty con thông qua việc kiểm tra hoạt động quản lý và sử dụng nguồn vốn, hoạt động đầu tư, việc chấp hành chế độ hạch toán, quản lý tài sản ...
2. BKS sử dụng Phòng Kiểm toán nội bộ trực thuộc để thực hiện hoạt động kiểm tra, rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về tính thích hợp và sự tuân thủ *cơ chế*, quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong Ngân hàng; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm hoạt động Ngân hàng an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.
3. Hình thức kiểm tra:

¹⁷ Điều 289 nghị định 155/2020/NĐ-CP

- Kiểm tra từ xa.
 - Kiểm tra tại chỗ: định kỳ hoặc đột xuất.
4. Phương thức kiểm tra:
- Kiểm tra sau.
 - Tham gia góp ý kiến về những quyết định, chủ trương, chính sách và việc ban hành các quy định nội bộ thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị để đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ của SeABank và bảo vệ quyền lợi của cổ đông.

Điều 19. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Ngân hàng, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Ngân hàng, công ty con, công ty khác do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Ngân hàng với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Báo cáo kết quả giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của SeABank thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
7. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành khác.
8. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
9. Và các nội dung khác BKS xét thấy cần thiết.

Điều 20. Kinh phí hoạt động của BKS ¹⁸

1. Kinh phí hoạt động (bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý và các lợi ích khác trong quá trình thực hiện công việc) của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của SeABank theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của SeABank.

¹⁸ Điều 172 Luật Doanh nghiệp 2020

2. Đại hội đồng cổ đông quyết định thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của BKS dựa trên kết quả kinh doanh của SeABank và thành tích công tác của BKS, phù hợp với quy định của pháp luật và của SeABank trong từng thời kỳ.
3. Tổng mức thù lao và kinh phí hoạt động của BKS không được vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của BKS đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Điều 21. Công khai các lợi ích liên quan và giao dịch với thành viên BKS và người có liên quan của họ

1. Thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng thực hiện công khai các lợi ích có liên quan theo quy định pháp luật và quy định của Điều lệ SeABank, Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng và quy định nội bộ khác có liên quan.
2. Giao dịch với thành viên BKS và người có liên quan của họ thực hiện theo quy định pháp luật và quy định của Điều lệ SeABank, Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng và quy định nội bộ khác có liên quan.

Điều 22. Mọi quan hệ làm việc

1. Đối với cổ đông:
 - a) Các thành viên BKS được Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Trong quá trình thực hiện trách nhiệm và nhiệm vụ của mình, BKS và các thành viên BKS phải luôn coi trọng lợi ích của cổ đông, chịu trách nhiệm trước cổ đông về việc xác định tính chính xác, trung thực các số liệu, hồ sơ liên quan hoạt động của SeABank.
 - b) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên hoạt động của Ban kiểm soát và kết quả giám sát hoạt động của Ngân hàng theo quy định của pháp luật và quy định của SeABank trong từng thời kỳ¹⁹.
2. Đối với Hội đồng quản trị:
 - a. BKS có mối quan hệ độc lập với HĐQT, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của HĐQT;²⁰
 - b. BKS phải phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị trong quá trình hoạt động;
 - c. BKS hoạt động với tư cách khách quan độc lập tương đối trong quá trình kiểm tra, kiểm soát các hoạt động kinh doanh, quản lý, điều hành ngân hàng; đồng thời BKS có trách nhiệm phối hợp cùng Hội đồng quản trị theo dõi chi đạo quá trình chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của BKS sau mỗi lần kiểm tra, kiểm toán.
 - d. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các thành viên của Ban điều hành phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của SeABank theo yêu cầu của BKS và thư ký phải bảo đảm rằng tất cả bản sao chụp các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên BKS vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

¹⁹ Điều 290 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

²⁰ Điều 21 Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

- e. Trưởng BKS, thành viên Ban Kiểm soát được tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị, nhưng không tham gia biểu quyết đối với các nghị quyết của Hội đồng quản trị; thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của BKS; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông và trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.
 - f. Trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, kế hoạch kiểm toán nội bộ cho năm tới đã được BKS phê duyệt phải được gửi cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc của SeABank.
3. Đối với Ban Tổng giám đốc/Giám đốc các Khối/ Phòng/ Ban/ Đơn vị kinh doanh và các bộ máy chuyên môn nghiệp vụ (sau đây gọi chung là “Giám đốc các Đơn vị”):
- a. BKS có mối quan hệ độc lập với Ban TGD, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc/Giám đốc các Khối/ Phòng/ Ban/ Đơn vị kinh doanh và các bộ máy chuyên môn nghiệp vụ;²¹
 - b. Ban Tổng giám đốc/ Giám đốc các Đơn vị chịu sự kiểm tra, giám sát của BKS đối với việc thực hiện nhiệm vụ điều hành của mình. Định kỳ hoặc đột xuất (theo yêu cầu của BKS) cung cấp tất cả các báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết cho BKS; đồng thời, phải có trách nhiệm theo dõi chỉ đạo bộ máy chuyên môn nghiệp vụ chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của BKS sau mỗi lần kiểm tra, phúc tra, kể cả những sai sót của bản thân Tổng giám đốc/Giám đốc các Chi nhánh.
 - c. BKS được sử dụng hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ SeABank để thực thi nhiệm vụ của BKS; yêu cầu các bộ phận nghiệp vụ và nhân viên trực tiếp làm nghiệp vụ giải trình các công việc đã làm, xuất trình văn bản chỉ đạo, chứng từ sổ sách ghi chép và các tài liệu có liên quan khác (khi cần thiết) trong hoạt động để phục vụ việc kiểm tra hoặc kiểm toán.
 - d. Ban Kiểm soát thảo luận với Tổng Giám đốc về Chính sách kiểm toán nội bộ, Kế hoạch Kiểm toán nội bộ và thực hiện phê duyệt các Kế hoạch chính sách này trên cơ sở đã thống nhất với Hội đồng quản trị;
 - e. Khi thực thi nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát, các thành viên BKS phải bảo đảm không làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của SeABank.
4. Giám sát của quản lý cấp cao đối với kiểm toán nội bộ:²²
- a. Giám sát, đánh giá việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ;
 - b. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ trong việc:
 - (i) Thực hiện kiểm toán nội bộ;
 - (ii) Rà soát, đánh giá tính hiệu quả của kiểm toán nội bộ và kết quả thực hiện nhiệm vụ của Trưởng kiểm toán nội bộ;
 - (iii) Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của kiểm toán nội bộ theo yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác;

²¹ Điều 20 Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

²² Điều 13 TT 13/2018/TT-NHNN.

- c. Rà soát, đánh giá để đảm bảo tính hiệu quả của công tác kiểm toán nội bộ; chịu trách nhiệm chính về việc đảm bảo chất lượng hoạt động kiểm toán nội bộ;
 - d. Đảm bảo công tác kiểm toán nội bộ có vị trí thích hợp trong SeABank và không có các trở ngại bất hợp lý đối với hoạt động kiểm toán nội bộ;
 - e. Xây dựng, sửa đổi, bổ sung và thường xuyên hoàn thiện quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động của kiểm toán nội bộ;
 - f. Phê duyệt chính sách kiểm toán nội bộ (trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này); phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch kiểm toán nội bộ hằng năm theo đề nghị của Trưởng kiểm toán nội bộ, đảm bảo kế hoạch kiểm toán nội bộ được định hướng theo rủi ro;
 - g. Đảm bảo phối hợp có hiệu quả với kiểm toán độc lập, kiểm toán Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh);
 - h. Thực hiện báo cáo trực tiếp lên mọi cơ quan, mọi cấp trong SeABank và ngoài SeABank theo quy định của pháp luật và quy định của SeABank; Thực hiện gửi các báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước theo quy định.
5. Giữa các thành viên BKS với nhau: ²³
- a. Các thành viên BKS có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của BKS theo quy định pháp luật, Điều lệ SeABank và Quy chế này.
 - b. Các thành viên BKS phải đoàn kết gắn bó với nhau, phải thật sự tôn trọng nhau, phải giúp đỡ và động viên nhau hoàn thành mọi nhiệm vụ được phân công; đồng thời phải mạnh dạn đấu tranh để xây dựng, củng cố và vì sự phát triển của SeABank.
 - c. Trưởng BKS là người điều phối và phân công công việc chung của BKS nhưng không có quyền chi phối các thành viên BKS. Thành viên BKS phải có trách nhiệm báo cáo với Trưởng BKS về tình hình hoạt động của SeABank.

CHƯƠNG III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này được xây dựng căn cứ vào Điều lệ của SeABank, quy định của pháp luật hiện hành.
2. *Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Biên bản kiểm phiếu biểu quyết lấy ý kiến bằng văn bản ngày / /2024 và thay thế các Quy chế, quy định khác đã được ban hành.*
3. *Thành viên BKS của SeABank được bầu, bổ nhiệm trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại các Điều 7, Điều 8 Quy chế này thì được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.*
4. *Đến ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành, BKS của SeABank có số lượng thành viên chưa tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy chế này thì được duy trì tiếp tục số lượng*

²³ Điều 19 Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Mẫu ban hành kèm theo Phụ lục số IV Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

tối thiểu 03 thành viên cho đến hết nhiệm kỳ của BKS, của thành viên BKS, trừ trường hợp SeABank bầu, bổ nhiệm bổ sung, thay thế thành viên BKS.

5. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trường hợp có sự thay đổi các văn bản quy phạm pháp luật được nêu trong Quy chế này, quy định mới sẽ đương nhiên được áp dụng.
6. Trường BKS có quyền hướng dẫn và quy định chi tiết các nội dung trong Quy chế này để thực hiện các nhiệm vụ được giao đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ SeABank và Quy chế này.
7. Các thành viên BKS, thành viên Hội đồng Quản trị, Phòng Kiểm toán nội bộ và các đơn vị, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

LÊ VĂN TÀN

QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á

*Nội dung sửa đổi, bổ sung
được in nghiêng*

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- *Căn cứ Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2024, và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;*
- Căn cứ Điều lệ tổ chức, hoạt động của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á;
- *Căn cứ Biên bản kiểm phiếu biểu quyết lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản ngày ... tháng ... năm 2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế nội bộ về quản trị của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á;*
- Xét tình hình thực tế,

Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đông Nam Á như sau:

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (“SeABank”) quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, mối quan hệ công tác, quy trình giải quyết công việc, *việc kế thừa và đánh giá hoạt động* của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật các Tổ chức tín dụng, Điều lệ của SeABank và các quy định khác của pháp luật, quy định nội bộ của SeABank có liên quan.
- Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng, và các cá nhân, đơn vị có liên quan trên toàn hệ thống SeABank.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

- “SeABank” hoặc “Ngân hàng” được hiểu là Ngân hàng TMCP Đông Nam Á.
- “Quy chế” được hiểu là Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đông Nam Á.
- “**HDQT**” được hiểu là Hội đồng quản trị của SeABank.
- “**Chủ tịch HDQT**” được hiểu là Chủ tịch HDQT SeABank.
- “**Thành viên HDQT**” được hiểu là Thành viên HDQT SeABank.
- “**Hệ thống SeABank**” được hiểu là SeABank, các đơn vị sự nghiệp, các đơn vị trực thuộc và các Công ty con, Công ty liên kết của SeABank.

7. **“Người quản lý của SEABANK”** bao gồm Chủ tịch và thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác do HĐQT quy định.¹
8. **“Người điều hành của SeABank”** bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của SeABank.²
9. **“Công ty con”** là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây³:
 - a. SEABANK hoặc SEABANK và người có liên quan của SEABANK sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% vốn cổ phần có quyền biểu quyết của công ty đó;
 - b. SEABANK có quyền bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên HĐQT, Hội đồng thành viên hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty đó;
 - c. SEABANK có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty đó;
 - d. SEABANK hoặc SEABANK và người có liên quan của SEABANK trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của ĐHCĐ, HĐQT, Hội đồng thành viên của công ty đó.
10. **“Công ty liên kết”** là công ty trong đó SeABank hoặc SeABank và người có liên quan của SeABank sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc trên 11% số cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là Công ty con của SeABank⁴.
11. **“Cổ đông lớn”** là cổ đông sở hữu từ 05% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của SEABANK, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp.⁵
12. **“Người có liên quan”** là các cá nhân, tổ chức được xác định theo khoản 24 Điều 4 Luật các TCTD 2024 và các quy định pháp luật khác có liên quan⁶.
13. **“NHNN”** được hiểu là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
14. **“Luật các Tổ chức tín dụng 2024”** (hoặc **“Luật các TCTD 2024”**) có nghĩa là Luật các tổ chức tín dụng được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18 tháng 01 năm 2024).
15. **“Luật Doanh nghiệp”** (hoặc **“LDN 2020”**) có nghĩa là Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).
16. **“Điều lệ của SeABank”** (hoặc **“Điều lệ”**) được hiểu là Điều lệ tổ chức và hoạt động của SeABank, được Đại hội đồng cổ đông thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản ngày ... tháng ... năm 2024, và các Điều lệ sửa đổi, bổ sung theo quyết định của HĐQT trong từng thời kỳ (nếu có).

Điều 3. Cơ cấu tổ chức của HĐQT⁷

1. HĐQT là cơ quan *quản trị* của SeABank, có toàn quyền nhân danh SeABank để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của SeABank, trừ những vấn đề thuộc *chức năng, nhiệm vụ* và thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát của SeABank.
2. Nhiệm kỳ của HĐQT không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT. *Nhiệm kỳ của thành viên*

¹ Khoản 26 Điều 4 Luật các TCTD 2024.

² Khoản 25 Điều 4 Luật các TCTD năm 2024.

³ Khoản 9 Điều 4 Luật các TCTD 2024.

⁴ Khoản 11 Điều 4 Luật các TCTD 2024, Khoản 43 Điều 1 Điều lệ SeABank

⁵ Khoản 4 Điều 4 Luật các TCTD 2024 .

⁶ Khoản 24 Điều 4 Luật các TCTD 2024 và Khoản 41 Điều 1 Điều lệ SeABank

⁷ Điều 50, Khoản 2 Điều 69 Luật các TCTD 2024; Điều 153 và 154 Luật Doanh nghiệp 2020.

HĐQT được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

3. HĐQT SeABank có tối thiểu 05 thành viên và không quá 11 thành viên. ĐHĐCĐ quyết định số lượng thành viên HĐQT từng nhiệm kỳ khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận⁸.
4. Cơ cấu của HĐQT⁹:
 - a) HĐQT có tối thiểu 02 thành viên độc lập, và 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành của SeABank.
 - b) Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia HĐQT, nhưng không được vượt quá 02 thành viên Hội đồng quản trị¹⁰.
 - c) Cơ cấu của HĐQT đảm bảo sự đa dạng về chuyên môn, kinh nghiệm, độ tuổi, giới tính, văn hóa và quan điểm, đặc điểm cá nhân của HĐQT đảm bảo phù hợp với thực tế và nhu cầu quản trị của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
 - d) HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT trong số các thành viên HĐQT. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung, thay thế và đương nhiên mất tư cách của Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên HĐQT phải được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ của SeABank. Trong trường hợp có từ 02 Phó Chủ tịch HĐQT trở lên, HĐQT sẽ bầu một Phó Chủ tịch thứ nhất hoặc một Phó Chủ tịch Thường trực (nếu xét thấy cần thiết).
5. Tiêu chuẩn, điều kiện của Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT:
 - a) Tiêu chuẩn, điều kiện của Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT được bầu bổ sung/ thay thế hoặc nhiệm kỳ mới: thực hiện theo quy định tại Điều 67 Điều lệ SEABANK và quy định pháp luật có liên quan.
 - b) Khi xem xét, thông qua danh sách nhân sự dự kiến bầu thành viên HĐQT trên cơ sở đề cử, ứng cử của cổ đông, HĐQT có thể tham khảo áp dụng các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo thông lệ, chuẩn mực quốc tế tốt về quản trị công ty và dựa trên trình độ, cam kết, vai trò dự kiến của họ trong HĐQT để đảm bảo tính đa dạng, hiệu quả trong cơ cấu HĐQT theo quy định tại điểm c khoản Điều này.
 - c) Chủ tịch HĐQT, các thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT đương nhiệm không đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a khoản này được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu.
6. Chủ tịch HĐQT phải là người có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
7. Trường hợp cổ đông nước ngoài (bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài) tham gia HĐQT phải có thêm các điều kiện sau, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác:
 - a. Tỷ lệ số người tham gia thành viên HĐQT chỉ được tương ứng với tỷ lệ vốn góp của tất cả các cổ đông nước ngoài tại SEABANK;
 - b. Không được giữ chức Chủ tịch HĐQT của SEABANK.
8. HĐQT thành lập bộ máy giúp việc theo quy định tại Điều 31 Quy chế này để giúp việc cho HĐQT trong việc thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT. Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động của bộ phận giúp việc do HĐQT quy định.

⁸ Khoản 4 Điều 67 Luật các TCTD 2024

⁹ Khoản 8 Điều 210 Luật các TCTD 2024

¹⁰ Khoản 3 Điều 69 Luật các TCTD 2024

Điều 4. Quy định về kế thừa, tuyển chọn, đề cử, ứng cử, bầu thành viên HĐQT¹¹

1. *HĐQT lập kế hoạch nhân sự kế thừa thành viên HĐQT trên cơ sở đề nghị của TGD hoặc/ và UBNS nhằm hạn chế những rủi ro có thể phát sinh từ việc thành viên HĐQT từ nhiệm, đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định pháp luật và/ hoặc Điều lệ Ngân hàng. Theo đó, HĐQT có thể xác định số lượng và danh sách ứng viên tiềm năng đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định pháp luật và quy định của SEABANK trong từng thời kỳ cho vị trí thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT từ các nguồn sau:*
 - a. *Ban Điều hành của Ngân hàng (bao gồm Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc các Khối Phòng/Ban/ Đơn vị), và/ hoặc các cán bộ quản lý khác đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện áp dụng cho thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT và đã có thời gian làm việc tại Ngân hàng tối thiểu 05 năm trở lên; hoặc*
 - b. *Theo giới thiệu của các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc hoặc/ và từ các tổ chức, cung cấp dịch vụ nhân sự chuyên nghiệp khác.*
2. *HĐQT đương nhiệm sẽ giới thiệu các ứng viên trên để các cổ đông/ nhóm cổ đông tổ chức đề cử hoặc HĐQT đề cử trong trường hợp cổ đông không đề cử đủ số lượng tối thiểu thành viên HĐQT theo quy định pháp luật.*
3. *Quy trình tuyển chọn, đề cử, ứng cử thành viên HĐQT¹²:*
 - a) *HĐQT (1) thông báo cho các cổ đông số lượng thành viên dự kiến được bầu, số lượng thành viên độc lập của HĐQT, các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để các cổ đông tự ứng cử hoặc đề cử người giữ các chức danh này theo quy định của Pháp luật và Điều lệ SeABank, (2) và hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ, thời hạn và các nội dung khác liên quan đến việc đề cử, ứng cử cho cổ đông. Số lượng ứng cử viên mà các nhóm cổ đông được quyền đề cử sẽ được xác định theo khoản 1 Điều 73 Điều lệ SeABank.*
 - b) *Trên cơ sở danh sách ứng cử hoặc đề cử của các cổ đông, HĐQT thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn; lập và thông qua danh sách dự kiến nhân sự bầu.*
 - c) *Trường hợp các cổ đông không ứng cử, đề cử đủ số lượng ứng cử viên đối với thành viên HĐQT (bao gồm cả thành viên độc lập HĐQT), hoặc ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, HĐQT có quyền đề cử bổ sung, thay thế người đủ điều kiện, tiêu chuẩn hoặc tổ chức đề cử các ứng viên còn lại theo trình tự, thủ tục và điều kiện do HĐQT quy định.*
 - d) *Đối với nhân sự ứng cử hoặc được đề cử không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định, HĐQT thông báo rõ lý do cho người ứng cử và cổ đông/nhóm cổ đông đề cử nhân sự này.*
 - e) *HĐQT lập hồ sơ trình NHNN đề nghị chấp thuận Danh sách dự kiến nhân sự theo quy định pháp luật.*
 - f) *Những người được bầu làm thành viên HĐQT phải thuộc danh sách đã được NHNN chấp thuận. Việc bầu thành viên HĐQT phải hoàn thành trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày ký trên văn bản chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của NHNN.*
 - g) *Kết quả bầu thành viên HĐQT được thông báo cho NHNN trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bầu và công bố thông tin theo quy định.¹³*
4. **Cách thức bầu thành viên HĐQT:** Việc bầu thành viên HĐQT phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng

¹¹ Điều 73 Điều lệ SeABank

¹² Điều 73 Điều lệ SeABank.

¹³ Điều 44 Luật TCTD 2024

với tổng số cổ phần sở hữu x (nhân) với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên HĐQT theo quy định của SeABank trong từng thời kỳ. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy định về bầu cử hoặc Điều lệ SeABank¹⁴

5. ĐHCĐ thực hiện bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT dưới hình thức bầu dồn phiếu tại cuộc họp phù hợp với các tiêu chuẩn điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế này và Thẻ lệ bầu cử tại cuộc họp.
6. *SeABank sẽ tổ chức bầu bổ sung thành viên HĐQT để đảm bảo đủ số lượng thành viên trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày HĐQT Ngân hàng có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Quy chế này.*¹⁵

Điều 5. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT¹⁶

1. HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể, kết hợp với sự quản lý, phân công và điều phối của Chủ tịch HĐQT và Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT, tùy thuộc vào cơ chế phân công công việc, phân cấp thẩm quyền của HĐQT.
2. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của HĐQT đã được thông qua.
3. Nghị quyết, Quyết định của HĐQT có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết, quyết định đó và tính chất bắt buộc thi hành đối với tất cả các đơn vị và cá nhân trong toàn Hệ thống SeABank.
4. HĐQT giao trách nhiệm, phân công, phân cấp thẩm quyền hoặc/và ủy quyền cho thành viên Ban Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
5. Tất cả các hoạt động của HĐQT, các thành viên HĐQT và bộ máy giúp việc HĐQT phải bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ của SeABank và bảo đảm lợi ích của SeABank.

CHƯƠNG II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT¹⁷

1. Quản trị SeABank theo quy định pháp luật, Điều lệ của SeABank và quy định khác của Ngân hàng, đảm bảo Ngân hàng được định hướng, kiểm soát và vận hành đáp ứng quyền, lợi ích và nghĩa vụ của các bên liên quan, phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cổ đông, Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và hoạt động của Ngân hàng.
3. Quyết định việc thành lập chi nhánh, Văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của SEABANK trong nước và tại nước ngoài.

¹⁴ Khoản 3 Điều 148 LDN 2020, Khoản 3 Điều 38 Điều lệ SeABank

¹⁵ Khoản 2 Điều 50 Luật các TCTD năm 2024

¹⁶ Điều 2 Mẫu Quy chế hoạt động của HĐQT ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.

¹⁷ Điều 70 Luật các TCTD 2024; Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 278 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; Điều 51 Điều lệ SeABank.

4. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của SEABANK.
5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, *thưởng*, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và người điều hành khác theo quy định nội bộ của HĐQT SEABANK trong từng thời kỳ.
6. Thông qua phương án góp vốn, mua, *bán cổ phần, phần vốn góp của SEABANK tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của SEABANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; và cử người đại diện vốn góp của SEABANK tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó.*
7. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của SEABANK *mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của SEABANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản của SEABANK thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.*
8. Quyết định các khoản cấp tín dụng trong trường hợp đặc biệt để thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và quy định của pháp luật, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 7 Điều 136 Luật các TCTC năm 2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).
9. Thông qua các hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của SEABANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa SEABANK với:
 - a) Công ty con, công ty liên kết của SEABANK,
 - b) Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của SEABANK, người có liên quan của người quản lý, thành viên BKS, cổ đông lớn của SEABANK.
10. *Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, cầm cố, thế chấp tài sản của Ngân hàng có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Ngân hàng, trừ trường hợp Điều lệ Ngân hàng có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp 2020 và quy định tại Điều lệ Ngân hàng.*¹⁸
11. *Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của SEABANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.*
12. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và chuyển giao công nghệ
13. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên của SEABANK.
14. Quyết định chào bán cổ phần mới do SEABANK phát hành trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.
15. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của SEABANK.
16. Quyết định mua lại cổ phần của SEABANK theo *phương án được duyệt.*
17. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
18. Trích lập và sử dụng các quỹ, chia lợi tức cổ phần theo quyết định của ĐHĐCĐ.
19. Thông báo kịp thời cho NHNN thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc.

¹⁸ Điểm h khoản 2 Điều 153 LDN 2020.

20. Việc chỉ định và bãi miễn những người có quyền đại diện thương mại hay đại diện pháp lý của SEABANK.
21. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Ngân hàng.
22. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ sở hữu tại Công ty con, Công ty liên kết do SEABANK thành lập hoặc góp vốn thành lập.
23. Thực hiện các công việc liên quan đến Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:
 - a. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan, trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, *thông qua các nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 1 Điều 38 Điều lệ Ngân hàng* và quy định pháp luật, trừ những nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.
 - b. Thông qua chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp, *hình thức họp và phương thức biểu quyết* của Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Tổ chức *thực hiện*, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ.
 - e. Thực hiện các công việc hoặc giao dịch khác được ĐHĐCĐ giao hoặc/và ủy quyền.
24. Thực hiện các công việc liên quan đến hoạt động của HĐQT bao gồm:
 - a. Thông qua chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;
 - b. Tổ chức *thực hiện*, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
25. Thực hiện các công việc liên quan đến Ban Tổng Giám đốc, gồm:
 - a. Phê duyệt kế hoạch kinh doanh hàng năm do Tổng Giám đốc đề nghị.
 - b. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật hoặc/và được phân công, phân cấp thẩm quyền, ủy quyền thực hiện;
 - c. Định kỳ hàng năm đánh giá hiệu quả làm việc của Ban Tổng giám đốc.
 - d. Thực hiện giám sát của quản lý cấp cao đối với Ban Tổng Giám đốc theo quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của SeABank và pháp luật có liên quan.
26. Ban hành các văn bản, quy định nội bộ của SeABank:
 - a. Ban hành các Quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của SEABANK phù hợp với các quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, Ban Kiểm soát.
 - b. Xây dựng Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi ban hành.
 - c. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của SEABANK.
 - d. Các quy định nội bộ khác thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định của SeABank và pháp luật có liên quan trong từng thời kỳ.
27. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác ngoài thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, hoặc/và theo sự phân công và/hoặc giao và ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III
TIÊU CHUẨN VÀ ĐIỀU KIỆN BẦU, BỔ NHIỆM, BÃI NHIỆM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Thành viên HĐQT

Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên HĐQT thực hiện theo Khoản 1 Điều 67 Điều lệ của SeABank.

Điều 8. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Thành viên HĐQT độc lập

Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên HĐQT thực hiện theo Khoản 2 Điều 67 Điều lệ của SeABank.

Điều 9. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ

Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ thực hiện theo Điều 71 Điều lệ của SeABank.

Điều 10. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ

Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ thực hiện theo Điều 72 Điều lệ của SeABank.

Điều 11. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên HĐQT

1. Đương nhiên mất tư cách của thành viên HĐQT thực hiện theo Điều 75 Điều lệ của SeABank.
2. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT thực hiện theo Điều 76 Điều lệ của SeABank.

Điều 12. Thay thế và bổ sung thành viên HĐQT

1. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT, phù hợp với quy định của SeABank trong từng thời kỳ. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.¹⁹
2. Trường hợp Chủ tịch HĐQT bị đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT thì Phó Chủ tịch thứ nhất hoặc Phó Chủ tịch Thường trực hoặc một Phó Chủ tịch (trong trường hợp không có Phó Chủ tịch thứ nhất, Phó Chủ tịch Thường trực) tạm thời điều hành công việc của HĐQT. Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày Chủ tịch HĐQT bị đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT, các thành viên HĐQT có trách nhiệm tổ chức họp HĐQT để bầu một trong các Phó Chủ tịch hoặc một thành viên HĐQT (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Chủ tịch HĐQT.
3. Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT muốn thôi đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch phải có đơn gửi đến HĐQT. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn, HĐQT phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT theo quy định hiện hành.
4. Thành viên HĐQT muốn thôi đảm nhiệm chức vụ phải có đơn hoặc văn bản gửi HĐQT để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

¹⁹ Khoản 4 Điều 156 LDN 2020, Khoản 2 Điều 52 Điều lệ SeABA.

5. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên HĐQT mới để thay thế cho thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.
6. Những người được bầu giữ chức Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên HĐQT có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên HĐQT bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên HĐQT mới được bầu xử lý; đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian đảm nhiệm chức danh đó.

CHƯƠNG IV

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐQT²⁰

Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của SeABank, trừ trường hợp ĐHĐCĐ hoặc HĐQT có quyết định khác, có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:

1. Lập chương trình *công tác*, kế hoạch hoạt động của HĐQT để trình HĐQT thông qua; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
2. Thay mặt HĐQT ký các văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT.
3. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên HĐQT thực hiện *công tác* quản trị Ngân hàng và giám sát các thành viên HĐQT trong việc thực hiện *quyền hạn, nghĩa vụ* và các nhiệm vụ được phân công, phân cấp thẩm quyền.
4. *Chỉ đạo* chuẩn bị nội dung, chương trình và tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa các cuộc họp của HĐQT để thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT.
5. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT và giám sát, *tổ chức giám sát* việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
6. *Làm chủ tọa* họp ĐHĐCĐ.
7. Bảo đảm các thành viên HĐQT nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà HĐQT phải xem xét
8. Ủy quyền cho một trong số Phó Chủ tịch hoặc/và thành viên HĐQT đảm nhiệm công việc của mình trong thời gian vắng mặt hoặc/ và không thể thực hiện nhiệm vụ/ *không tham gia xử lý công việc tại Ngân hàng*.
9. Chủ tịch HĐQT với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các công việc của người đại diện theo pháp luật theo quy định pháp luật và quy định của SeABank trong từng thời kỳ.
10. *Định kỳ hàng năm*, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên HĐQT, các Ủy ban/Hội đồng/Ban trực thuộc HĐQT và báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả đánh giá này;
11. Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của SeABank.

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Chủ tịch HĐQT

1. Thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật, quy định của Ngân hàng hoặc được giao nhiệm vụ hoặc/ và phân cấp thẩm quyền, hoặc/ và phân công công việc.

²⁰ Điều 71 Luật các TCTD 2024, khoản 3 Điều 52 Điều lệ SeABank

2. Thay mặt HĐQT ký các văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT theo nhiệm vụ được giao hoặc/ và phân công, phân cấp thẩm quyền hoặc/ và ủy quyền.
3. Theo ủy quyền bằng văn bản của Chủ tịch HĐQT, thay mặt Chủ tịch HĐQT giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của Chủ tịch khi Chủ tịch vắng mặt.

Điều 15. Quyền và Nghĩa vụ của Thành viên HĐQT, thành viên HĐQT độc lập²¹

1. Thành viên HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau đây
 - a. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên HĐQT theo đúng quy định pháp luật, quy định nội bộ của Ngân hàng và/ hoặc phân công, phân cấp thẩm quyền, giao nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Ngân hàng và cổ đông; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình;
 - b. Xem xét báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình, làm rõ các vấn đề có liên quan đến báo cáo;
 - c. Đề nghị Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT bất thường theo quy định;
 - d. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT; thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các quy định nội bộ có liên quan. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước ĐHĐCĐ và trước HĐQT về những ý kiến của mình; *Trường hợp nội dung biểu quyết có xung đột lợi ích hoặc có liên quan tới lợi ích của thành viên nào thì thành viên đó không được tham gia biểu quyết.*
 - e. *Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của HĐQT thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT trong thời gian vắng mặt hoặc/ và không thể thực hiện nhiệm vụ, trừ các vấn đề quy định tại các khoản 1, 5, 6, 7, 9, 10, 11, 13, 15, 16, 22 Điều 51 Điều lệ SeABank.*
 - f. Tham gia các Ủy ban/ Tiểu Ủy ban/ Hội đồng ... theo phân công, giao nhiệm vụ của HĐQT;
 - g. Thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và của HĐQT;
 - h. Giải trình trước ĐHĐCĐ, HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT;
 - j. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng, kế hoạch hoạt động kinh doanh của SEABANK trong từng thời kỳ;
 - k. Báo cáo kịp thời và đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao mà thành viên HĐQT nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - l. Báo cáo UBCKNN, Sở Giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của SEABANK theo quy định của pháp luật
 - m. *Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho SeABank về quyền lợi có thể gây xung đột mà mình có được ở các tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột lợi ích với SeABank và chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi HĐQT đã xem xét và chấp thuận.*
 - n. *Không được cạnh tranh bất hợp pháp với SeABank hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của SeABank.*
 - o. *Không được tạo điều kiện để cá nhân mình hoặc người có liên quan của mình theo quy định tại Điều lệ vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng khác của SeABank với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của SeABank.*

²¹ Điều 72 Luật các TCTD 2024 Khoản 5,6 Điều 52 Điều lệ SeABank

- p. Không được tăng thù lao hoặc yêu cầu trả thưởng khi SeABank bị lỗ.
 - q. Trung thành với lợi ích của SeABank và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của SeABank, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của SeABank để thu lợi cá nhân phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác hoặc làm tổn hại tới lợi ích của SeABank và các cổ đông.
 - r. Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của SeABank.
2. Thành viên độc lập HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
- a. Lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật chứng khoán;
 - b. *Tham gia các Ủy ban/ Tiểu Ủy ban/ Hội đồng ... theo phân công, giao nhiệm vụ của HĐQT;*
 - c. Thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn do Chủ tịch phân công và các quyền hạn, nhiệm vụ khác của thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG V

CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ LẤY Ý KIẾN THÀNH VIÊN HĐQT BẰNG VĂN BẢN

Điều 16. Quy định về cuộc họp đầu tiên của HĐQT²²

Cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn (07) bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

Điều 17. Cuộc họp của HĐQT²³

1. Cuộc họp thường kỳ: HĐQT họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần.
2. Cuộc họp Bất thường: Cuộc họp bất thường của HĐQT được Chủ tịch HĐQT triệu tập nếu xét thấy cần thiết hoặc theo đề nghị của:
 - a. Ít nhất hai thành viên HĐQT;
 - b. BKS hoặc thành viên HĐQT độc lập;
 - c. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) *chức danh* quản lý khác;
 - d. Các trường hợp khác do Điều lệ SeABank quy định.

Đề nghị *họp HĐQT* phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT. Người có thẩm quyền triệu tập họp HĐQT có quyền từ chối đề nghị nêu trên nếu vấn đề cần thảo luận và quyết định không thuộc thẩm quyền của HĐQT.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị *họp HĐQT bất thường* quy định tại khoản 2 Điều này, Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập và tiến hành cuộc họp HĐQT bất thường. Trường hợp Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền không triệu tập cuộc họp HĐQT *theo đề nghị* thì phải chịu trách

²² Điều 157 Luật doanh nghiệp 2020, Điều 53 Điều lệ SeABank.

²³ Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 53 Điều lệ SeABank.

nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với ngân hàng, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng; trong trường hợp này, người đề nghị triệu tập họp có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường, các thành viên HĐQT dự họp bỏ phiếu bầu chủ tọa cuộc họp.

Điều 18. Địa điểm họp

Các cuộc họp HĐQT sẽ được tiến hành tại địa chỉ trụ sở chính của SeABank hoặc địa điểm khác theo quyết định của Chủ tịch HĐQT.

Điều 19. Thông báo và Chương trình họp²⁴

1. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất (05) năm ngày làm việc trước ngày dự kiến họp. Thông báo về cuộc họp HĐQT được lập thành văn bản bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài (tùy theo khả năng cho phép), trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc, biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và phiếu biểu quyết của thành viên.
2. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng *giấy mời hoặc/và điện thoại, hoặc/và thư điện tử hoặc/và phương tiện điện tử hoặc phương tiện khác*, nhưng phải bảo đảm đến từng thành viên HĐQT.
3. Đối với các trường hợp cần họp khẩn cấp để giải quyết các vấn đề cấp bách, thời hạn thông báo và hình thức thông báo mời họp HĐQT sẽ do Chủ tịch HĐQT quyết định.
4. *Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với thành viên HĐQT. Các thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết. Các thành viên Ban Tổng Giám đốc, người quản lý, người điều hành hoặc các chuyên gia khác có thể tham dự cuộc họp của HĐQT theo giấy mời của Chủ tịch HĐQT.*

Điều 20. Điều kiện tiến hành cuộc họp HĐQT

1. Cuộc họp HĐQT theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên HĐQT trở lên tham dự (trực tiếp hoặc thành viên HĐQT khác được ủy quyền)²⁵. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một nửa) số thành viên HĐQT dự họp.²⁶
2. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên HĐQT có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên HĐQT khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến chủ tọa cuộc họp HĐQT chậm nhất 01 giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp.
4. Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT và thành viên được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) *Ủy quyền cho thành viên khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định của Điều lệ này và quy định của SEABANK có liên quan, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 5 Điều 52 Điều lệ Ngân hàng;*

²⁴ Điều 55 Điều lệ SeABank

²⁵ Khoản 8 Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020.

²⁶ Khoản 8 Điều 157 Luật DN 2020.

- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của SeABank trong từng thời kỳ;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một giờ trước khi khai mạc và chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Điều 21. Biểu quyết và thông qua chương trình tại cuộc họp HĐQT²⁷

1. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp HĐQT. Thành viên HĐQT không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền cho thành viên khác dự họp theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, Quy chế này hoặc thực hiện gửi văn bản theo quy định tại khoản 4 Điều 20 của Quy chế này.
2. Nghị quyết của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo ủy quyền. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT uỷ quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt).
3. Thành viên HĐQT có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra HĐQT quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận uỷ quyền của thành viên HĐQT khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
4. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên HĐQT và những nghi ngờ đó không được thành viên HĐQT đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên HĐQT có liên quan đó chưa được biết rõ.
5. Bất kỳ thành viên HĐQT nào có liên quan đến một bên trong hợp đồng, giao dịch được nêu tại Khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp 2020 sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 22. Tuyên bố quyền lợi

Thành viên HĐQT nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thoả thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thoả thuận dự kiến giao kết với SeABank phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp HĐQT, tại đây HĐQT sẽ xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thoả thuận đó không. Nếu như sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo tại cuộc họp HĐQT đầu tiên sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.

Điều 23. Tổ chức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản²⁸.

1. Chủ tịch HĐQT quyết định việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản.
2. Văn phòng HĐQT chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng bưu điện, thư điện tử hoặc phương thức điện tử khác và bảo đảm đến được từng thành viên HĐQT.
3. Trường hợp HĐQT lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên HĐQT tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:

²⁷ Điều 56 Điều lệ SeABank

²⁸ Điều 58 Điều lệ SeABank

- a. Đa số các thành viên HĐQT biểu quyết tán thành đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT uỷ quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt).
 - b. Số lượng thành viên HĐQT có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp HĐQT.
4. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, *Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của SeABank (nếu có)*.
 - b. Mục đích lấy ý kiến.
 - c. Họ, tên và chức vụ của thành viên HĐQT.
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua.
 - e. Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
 - f. Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về SeABank.
 - g. Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.
5. Hình thức gửi Phiếu lấy ý kiến: Chủ tịch HĐQT/Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT xem xét, quyết định gửi Phiếu lấy ý kiến trực tiếp đến địa chỉ liên lạc hoặc/và gửi qua thư điện tử đã đăng ký tại SeABank của thành viên HĐQT.
6. Cách thức bỏ phiếu của các thành viên HĐQT:
- a. Trường hợp Phiếu lấy ý kiến được gửi trực tiếp tới địa chỉ liên lạc của các thành viên HĐQT: Các thành viên HĐQT biểu quyết thông qua việc ký vào Phiếu lấy ý kiến và gửi về Văn phòng HĐQT theo đúng thời hạn quy định. Nếu quá thời hạn đề nghị gửi lại theo quy định thì Phiếu lấy ý kiến đó được coi như các thành viên không có ý kiến.
 - b. *Trường hợp Phiếu lấy ý kiến được gửi qua thư điện tử hoặc phương thức điện tử khác: Các thành viên HĐQT biểu quyết trực tiếp qua thư điện tử hoặc phương tiện điện tử khác. Ý kiến biểu quyết được gửi từ thư điện tử hoặc phương tiện điện tử khác của thành viên HĐQT sẽ được coi là ý kiến biểu quyết chính thức và có hiệu lực của thành viên HĐQT đó. Ý kiến biểu quyết qua thư điện tử hoặc phương tiện điện tử khác trong trường hợp này có giá trị pháp lý tương đương như việc biểu quyết trên văn bản có chữ ký của thành viên HĐQT.*
7. Kiểm phiếu biểu quyết và ban hành Nghị quyết:
- a. Văn phòng HĐQT thực hiện kiểm phiếu biểu quyết, lập biên bản và thực hiện các thủ tục ban hành Nghị quyết (i) ngay sau khi nhận đủ phiếu biểu quyết của các thành viên HĐQT gửi về địa chỉ của Văn phòng HĐQT hoặc gửi về thư điện tử của Văn phòng HĐQT hoặc phương tiện điện tử khác (nếu có); (ii) hoặc sau khi kết thúc thời hạn lấy ý kiến theo quy định.
 - b. Văn phòng HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên HĐQT độc lập (hoặc 02 thành viên HĐQT) và thành viên Ban kiểm soát. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, *Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của SeABank (nếu có)*.
 - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến.

- Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên HĐQT đã tham gia biểu quyết.
 - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến.
 - Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát (nếu có).
8. Văn phòng HĐQT tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
 9. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên HĐQT trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
 10. Phiếu lấy ý kiến/ các thư điện tử/*Phiếu biểu quyết điện tử* đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của SEABANK.
 11. Quyết định/Nghị quyết của HĐQT được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản (trực tiếp và/hoặc gửi qua thư điện tử *hoặc/ và phương tiện điện tử khác*) đều có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT.

Điều 24. Biên bản họp HĐQT²⁹

1. Các cuộc họp HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp HĐQT phải được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, và có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
2. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của nội dung Biên bản họp HĐQT. Chủ tọa cuộc họp HĐQT có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản cuộc họp của HĐQT cho các thành viên HĐQT và những biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi Biên bản.
3. Biên bản họp phải có những nội dung chính như sau:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
 - b. Thời gian, địa điểm họp.
 - c. Mục đích, chương trình và nội dung họp.
 - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do.
 - e. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp.
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng.

²⁹ Điều 158 LDN 2020; Điều 57 Điều lệ SeABank

- i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa, các thành viên HĐQT tham dự họp và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.
4. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 3 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với SeABank do từ chối ký biên bản họp theo quy định tại Điều lệ và pháp luật có liên quan.
5. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của SeABank.

Điều 25. Thành phần dự họp HĐQT

1. Trưởng Ban kiểm soát là thành phần tham dự thường xuyên của các cuộc họp HĐQT³⁰. Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý, chuyên gia khác có thể được mời tham dự họp HĐQT, được quyền phát biểu nhưng không được tham gia biểu quyết.
2. Khách mời hoặc người có liên quan chỉ được mời tham dự cuộc họp của HĐQT khi có sự đồng ý bằng văn bản hoặc giấy mời của Chủ tịch HĐQT.

Điều 26. Cuộc họp HĐQT theo các hình thức trực tuyến

1. Các thành viên HĐQT có thể tham gia họp và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc các hình thức tương tự khác. Việc họp trực tuyến cần đảm bảo : (i) mỗi thành viên họp đều có thể nghe thấy thành viên HĐQT khác tham gia phát biểu tại cuộc họp (ii) phát biểu ý kiến với các thành viên HĐQT khác.
2. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là có mặt tại cuộc họp đó. Địa điểm họp trực tuyến là địa điểm Chủ tọa có mặt hoặc địa điểm tập trung các thành viên HĐQT đồng nhất.
3. *Nghị quyết/quyết định của HĐQT trong trường hợp này sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp. Sau đó, Biên bản họp HĐQT sẽ được hoàn thiện theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Quy chế này.*

Điều 27. Hiệu lực của các quyết định, nghị quyết của HĐQT

1. Nếu Điều lệ SeABank không quy định khác, nghị quyết, quyết định của HĐQT có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết, quyết định đó.
2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông, thành viên HĐQT yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện đối với nghị quyết, quyết định đã được thông qua thì nghị quyết, quyết định bị khởi kiện vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác.

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 28. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được *giao nhiệm vụ, hoặc/ và phân công, phân cấp thẩm quyền.*

³⁰ Khoản 5 Điều 53 Luật các TCTD 2024.

- Trong quá trình xử lý công việc, thành viên HĐQT được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên HĐQT khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên HĐQT còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch HĐQT hoặc/ và Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế này.
- Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên HĐQT thì các thành viên HĐQT phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch HĐQT/ Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT về việc bàn giao đó.

Điều 29. Mối quan hệ với Ban Tổng Giám đốc

Với vai trò quản trị, HĐQT ban hành các nghị quyết/quyết định để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, HĐQT kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết/quyết định.

Điều 30. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

- Mối quan hệ giữa HĐQT và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa HĐQT với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
- Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu và *chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc* xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII

CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 31. Bộ máy giúp việc của HĐQT³¹

- HĐQT sẽ sử dụng Bộ máy giúp việc và con dấu của SeABank để thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ của mình.
- HĐQT sẽ có các chuyên gia/ trợ lý giúp việc chuyên trách và sẽ quy định cụ thể số lượng và các nhiệm vụ của mỗi chuyên gia/trợ lý giúp việc.
- HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Ngân hàng để hỗ trợ hoạt động quản trị Ngân hàng được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị Ngân hàng phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện và có các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật và quy định của SEABANK có liên quan. Người phụ trách Quản trị Ngân hàng có thể kiêm nhiệm Thư ký Công ty theo quy định của LDN 2020.
- HĐQT phải thành lập các Ủy ban để giúp HĐQT thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có 02 Ủy ban, bao gồm Ủy ban nhân sự và Ủy ban Quản lý rủi ro. HĐQT quy định việc thành lập, giải thể, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế hoạt động, ra quyết định của các Ủy ban và/hoặc cơ quan trực thuộc HĐQT, phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật và quy định của SeABank trong từng thời kỳ.
- Hội đồng quản trị có thể thành lập Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng quản trị. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán có thể là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.³²*
- Hội đồng Quản trị có thể thành lập Ủy ban Môi trường – Xã hội – Quản trị (ESG) là cơ quan chuyên môn trực thuộc HĐQT, tham mưu, giúp việc cho HĐQT trong việc xây dựng, thực thi chiến lược về ESG của Ngân hàng.*

³¹Khoản 4,5 Điều 50 Luật các TCTD 2024, Điều 59 Điều lệ SeABank

³²Điều 161 Luật Doanh nghiệp 2020.

Điều 32. Trình báo cáo hằng năm³³

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Ngân hàng;
 - b. Báo cáo tài chính;
 - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Ngân hàng;
 - d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ không có quy định khác.
3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Ngân hàng không quy định thời hạn khác dài hơn.

Điều 33. Thù lao và kinh phí hoạt động

Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên HĐQT được hưởng thù lao, lương, thưởng, lợi ích khác và được chi trả các chi phí hợp lý cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và được thực hiện theo quy định riêng của HĐQT trong từng thời kỳ, phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.

Điều 34. Chế độ thông tin báo cáo HĐQT

1. Nơi tiếp nhận các thông tin, báo cáo, thư từ của HĐQT là Văn phòng HĐQT, trừ các thông tin, báo cáo, thư từ ghi đích danh cá nhân thành viên HĐQT.
2. Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc được uỷ quyền có trách nhiệm gửi báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động của SeABank theo yêu cầu công tác quản trị của HĐQT. Văn phòng HĐQT có trách nhiệm sao gửi đến các thành viên HĐQT những thông tin cần thiết khi có yêu cầu.
3. Các thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc và Người phụ trách các đơn vị trong Ngân hàng cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của SeABank cũng như của từng đơn vị trong SeABank.
4. Tất cả các báo cáo chính thức của SeABank gửi HĐQT phải có chữ ký và ghi rõ tên của người có trách nhiệm và được bảo quản như tài liệu mật của SeABank.
5. Các văn bản của Tổng Giám đốc gửi đến các cơ quan quản lý Nhà nước các cấp, các cơ quan thông tin đại chúng theo yêu cầu hợp pháp của các cơ quan đó đều phải đồng thời gửi cho Chủ tịch HĐQT/ Phó Chủ tịch HĐQT để báo cáo.
6. Các thành viên HĐQT, Văn phòng HĐQT phải tuân thủ việc bảo quản hồ sơ và bảo vệ thông tin theo quy định của Nhà nước và của SeABank về chế độ thông tin, bảo quản tài liệu.

Điều 35. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT SeABank ban hành kèm theo Quyết định số ... /2022/QĐ-HĐQT ngày/...../2022 của HĐQT SeABank.
2. Trường hợp HĐQT của SEABANK không đáp ứng quy định tại khoản 3, 10 Điều 3 Quy chế này thì được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ của HĐQT.

³³ Khoản 1 Điều 175 Luật DN 2020

3. Người quản lý của SEABANK được bầu, bổ nhiệm trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại các Điều 6,7,8,9 Quy chế này thì được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.
4. Trường hợp có sự thay đổi các văn bản quy phạm pháp luật được nêu trong Quy chế này, thì các quy định mới đương nhiên có hiệu lực áp dụng.
5. Chủ tịch HĐQT SeABank hướng dẫn và quy định chi tiết các nội dung trong Quy chế này để thực hiện các nhiệm vụ được giao đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ SeABank và Quy chế này.
6. Các thành viên HĐQT, thành viên Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc các Khối/ Trung tâm, Trưởng các Phòng/ Ban tại Hội sở và Giám đốc các chi nhánh và các đơn vị, cá nhân liên quan của SeABank có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nơi nhận:

- Ban Kiểm soát;
- Như Khoản 6 Điều 35 (đề t/h);
- Lưu VPHĐQT.

LÊ VĂN TÀN

QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ CỦA NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á

*Nội dung sửa đổi, bổ sung
được in nghiêng*

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức, hoạt động của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á;
- Căn cứ Biên bản kiểm phiếu biểu quyết lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản ngày ... tháng ... năm 2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế nội bộ về quản trị của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á;
- Xét tình hình thực tế,

Ban hành Quy chế nội bộ về quản trị của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á như sau:

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích ban hành và phạm vi điều chỉnh

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeABank) quy định về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”), Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban Kiểm soát (“BKS”), Ban Tổng Giám đốc (“Ban TGD”); trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm, đánh giá hiệu quả hoạt động, công tác kế thừa thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD; và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ của SeABank và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ, viết tắt

1. UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
2. SeABank/ Ngân hàng: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Nam Á;
3. ĐHĐCĐ: là Đại hội đồng cổ đông;
4. HĐQT: là Hội đồng Quản trị;
5. BKS: là Ban Kiểm soát;
6. TGD: là Tổng Giám đốc;
7. UBNS: là Ủy ban Nhân sự trực thuộc HĐQT;
8. CBTT: là công bố thông tin;

9. “Điều lệ của SeABank” (hoặc Điều lệ) được hiểu là Điều lệ tổ chức và hoạt động của SeABank, được thông qua theo Biên bản kiểm phiếu biểu quyết lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản ngày ...tháng ... năm 2024, và các bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) của Điều lệ này.
10. Các từ hoặc thuật ngữ khác trong Quy chế này: được thực hiện theo quy định của Điều lệ Ngân hàng.

Điều 3. Các nguyên tắc quản trị cơ bản¹

Quy chế này được xây dựng trên cơ sở những nguyên tắc quản trị cơ bản sau:

1. Đảm bảo *khung* quản trị, *cơ cấu tổ chức quản lý* của Ngân hàng hợp lý, hiệu quả, tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan, Điều lệ SeABank và hướng tới các chuẩn mực, thông lệ tốt trong nước và quốc tế về quản trị công ty;
2. Đảm bảo quản trị có tính chiến lược, có tính tổng thể, hệ thống, tính kiểm soát và phù hợp với tình hình thực tế, định hướng phát triển bền vững của ngành, của SeABank trong từng thời kỳ;
3. Bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc; nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với Ngân hàng và cổ đông;
4. Bảo đảm quyền của cổ đông, đối xử bình đẳng giữa các cổ đông;
5. Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên liên quan trong quản trị Ngân hàng;
6. Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của Ngân hàng; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng;
7. Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị Ngân hàng.

Điều 4. Khung quản trị và cơ cấu tổ chức quản lý của SeABank

Khung quản trị và cơ cấu tổ chức quản lý SeABank bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng Quản trị;
3. Ban Kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG II

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 5. Vai trò, quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò của ĐHĐCĐ: ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của SEABANK.
2. Quyền hạn và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ: thực hiện theo Điều lệ của SeABank và quy định pháp luật liên quan trong từng thời kỳ.

Điều 6. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông²

¹ Điều 40 Luật Chứng khoán năm 2019.

² Điều 139, Điều 140 LDN 2020 và Điều 39 Điều lệ SeABank.

1. ĐHĐCĐ họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ có thể họp bất thường. Địa điểm họp ĐHĐCĐ được xác định là nơi Chủ tọa tham dự họp và ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.
3. ĐHĐCĐ họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT quyết định gia hạn họp ĐHĐCĐ thường niên trong trường hợp cần thiết nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
4. ĐHĐCĐ bất thường được triệu tập theo quyết định triệu tập họp của HĐQT trong các trường hợp sau đây:³
 - a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của SEABANK;
 - b) Khi số thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật hoặc quy định của Điều lệ SEABANK;
 - c) *Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông;*⁴
 - d) *Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong trường hợp HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông thực hiện theo khoản 4 Điều 35 Điều lệ của SeABank;*⁵
 - e) Theo yêu cầu của BKS;
 - f) Quyết định nội dung theo yêu cầu của NHNN khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của SEABANK;⁶
 - g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
5. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong vòng **90 ngày** kể từ ngày số thành viên HĐQT, BKS còn lại *không đảm bảo số lượng tối thiểu theo quy định tại điểm b) khoản 4 Điều này hoặc ngày nhận được yêu cầu quy định tại điểm c), d), e), f) khoản 4 Điều này.*
6. Trường hợp HĐQT không triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 5 Điều này, thì trong thời hạn **30 ngày** tiếp theo, BKS thay thế HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ theo quy định của Điều lệ của SEABANK và pháp luật có liên quan.
7. Trường hợp BKS không triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại điểm b) khoản 2, khoản 3 Điều 35 Điều lệ của SeABank có quyền đại diện SEABANK triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định của Điều lệ của SeABank, Quy chế này và quy định pháp luật có liên quan.
8. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp ĐHĐCĐ⁷:
 - a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ
 - b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c) Lập chương trình, nội dung và *lựa chọn hình thức, phương thức biểu quyết tại cuộc họp;*
 - d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

³ Khoản 2 Điều 67 Luật các TCTD năm 2024.

⁴ Khoản 2d Điều 67 Luật các TCTD 2024 và Khoản 4c Điều 39; Khoản 3 Điều 35 Điều lệ SeABank

⁵ Khoản 2 Điều 35; Khoản 4d Điều 39 Điều lệ SeABank; Khoản 2 Điều 115 LDN 2020;

⁶ Điểm e khoản 2 Điều 67 Luật các TCTD năm 2024

⁷ Khoản 5 Điều 140 LDN 2020

- e) Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, thành viên BKS;
 - f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định;
 - h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.
9. Tất cả các chi phí hợp lý để triệu tập và tiến hành một cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ do SEABANK hoàn lại, vì mục đích rõ ràng, các chi phí đó sẽ không bao gồm chi phí mà cổ đông phải chịu để tham dự ĐHĐCĐ, như chi phí ăn ở và đi lại và các chi phí liên quan khác.

Điều 7. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông⁸

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của SEABANK hoặc trên cơ sở danh sách của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ. SEABANK phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.⁹
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong Sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Quy chế này hoặc quy định riêng của SeABank trong từng thời kỳ.

Điều 8. Chương trình, nội dung và hình thức họp Đại hội đồng cổ đông¹⁰

1. Cổ đông và nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 35 Điều lệ của SeABank có quyền kiến nghị các vấn đề cần đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến SEABANK chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc trừ trường hợp Điều lệ SEABANK có quy định thời hạn khác. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số định danh cá nhân/ mã số doanh nghiệp, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận theo quy định tại khoản 3 Điều này.
2. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 1 Điều này trong các trường hợp sau đây:
 - a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;
 - c) Những vấn đề không phù hợp với quy định tại Điều lệ SEABANK và/hoặc không phù hợp với các quy định của pháp luật.

⁸ Điều 141 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 40 Điều lệ SeABank.

⁹ Khoản 1 Điều 273 NĐ 155/2020/NĐ-CP.

¹⁰ Điều 142 LDN 2020.

Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- ĐHĐCĐ phải thảo luận và biểu quyết thông qua các quyết định về các vấn đề được đưa vào chương trình họp. Nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ của SEABANK.¹¹

Trình tự, thủ tục biểu quyết thông qua hình thức hội nghị trực tuyến, hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến, hoặc bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác do HĐQT quyết định đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của Ngân hàng, phù hợp với quy định của pháp luật liên quan (nếu có);

- Hình thức họp ĐHĐCĐ:

- Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành thông qua hình thức họp trực tiếp hoặc họp trực tuyến hoặc họp trực tuyến kết hợp với trực tiếp.
- Trình tự, thủ tục và cách thức tiến hành ĐHĐCĐ thông qua hình thức họp trực tuyến hoặc kết hợp trực tuyến và trực tiếp do HĐQT quyết định đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của Ngân hàng trong từng thời kỳ.*

Điều 9. Mời họp Đại hội đồng cổ đông¹²

- Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là **21 (hai mươi mốt)** ngày trước ngày khai mạc nếu Điều lệ không quy định thời hạn dài hơn.
- Thông báo mời họp ĐHĐCĐ phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, số định danh cá nhân; thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu đối với người dự họp.*
- Thông báo được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được cổ đông SEABANK thông qua thư điện tử và/hoặc địa chỉ liên lạc và/hoặc điện thoại di động và/hoặc hình thức khác mà cổ đông đã đăng ký với SEABANK hoặc đơn vị lưu ký chứng khoán của cổ đông. Đồng thời, thông báo mời họp được đăng tải trên trang thông tin điện tử của SEABANK; và đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương theo quy định của Điều lệ SEABANK khi xét thấy cần thiết.
- Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
 - Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
 - Phiếu biểu quyết;

Việc gửi tài liệu họp theo Thông báo mời họp này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của SEABANK. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

Điều 10. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông¹³

- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, uỷ quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp ĐHĐCĐ hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này.
- Việc uỷ quyền cho cá nhân, tổ chức dự họp ĐHĐCĐ phải lập bằng văn bản, phù hợp với quy định của pháp luật về dân sự và bao gồm tối thiểu các nội dung sau: tên cổ đông ủy quyền,

¹¹ Khoản 2 Điều 152 LDN 2020.

¹² Điều 143 LDN 2020 và Điều 42 Điều lệ SeABank.

¹³ Điều 144 LDN 2020 và Điều 43 Điều lệ SeABank.

số định danh cá nhân/ mã số doanh nghiệp, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi được ủy quyền, thời hạn được ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Trường hợp cổ đông là pháp nhân, phải có dấu và chữ ký của người đại diện phần vốn góp, đại diện theo pháp luật của cổ đông. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải xuất trình văn bản ủy quyền (*bản gốc*) khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của Điều lệ SEABANK trong từng thời kỳ.
 - d) Gửi phiếu biểu quyết *bản gốc đã biểu quyết, ký tên, đóng dấu (nếu có)* đến cuộc họp thông qua *buu điện/ chuyển phát hoặc/ và qua thư điện tử tới địa chỉ hoặc/ và thư điện tử của SeABank theo thông báo mời họp.*
 - e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo Điều lệ và các quy định khác có liên quan của SEABANK.

Điều 11. Các điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông¹⁴

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện **trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.**
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc, trừ trường hợp ĐHĐCĐ hoặc HĐQT có quyết định khác. Cuộc họp của ĐHĐCĐ triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện **từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.**
3. Trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ lần hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp của ĐHĐCĐ lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 12. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông¹⁵

Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành như sau, trừ trường hợp Điều lệ có quy định khác:

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, SEABANK phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp ĐHĐCĐ và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ngân hàng cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền (*nếu có*) và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình.
 - b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi

¹⁴ Điều 145 LDN 2020 và Điều 44 Điều lệ SeABank.

¹⁵ Điều 146, 147, 150 LDN 2020 và Điều 45 Điều lệ SeABank.

2. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a) Chủ tịch HĐQT làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên HĐQT khác làm Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ do HĐQT triệu tập. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
 - b) Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển để ĐHĐCĐ bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.
 - c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp.
 - d) ĐHĐCĐ bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu để kiểm phiếu hoặc giám sát việc kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung họp phải được ĐHĐCĐ thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp, cụ thể:
 - a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp ĐHĐCĐ;
 - b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu biểu quyết sẽ được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác.
6. Thành viên HĐQT và thành viên BKS phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên HĐQT và thành viên BKS phải báo cáo bằng văn bản với HĐQT và BKS.¹⁶
7. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Ngân hàng có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, SeABank phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của SeABank dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Ngân hàng.¹⁷
8. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ có các quyền sau đây: quyền
 - a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

¹⁶ Khoản 4 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

¹⁷ Khoản 4 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

- b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHĐCĐ.
9. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp ĐHĐCĐ đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba ngày làm việc kể từ ngày dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
10. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp ĐHĐCĐ trái với quy định tại khoản 9 Điều này, ĐHĐCĐ bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
11. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp/ *số giấy phép thành lập và hoạt động của SEABANK*;
 - Thời gian và địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ;
 - Chương trình và nội dung họp;
 - Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông tham dự, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu biểu quyết tương ứng;
 - Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.
12. Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 11 Điều này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với SeABank do từ chối ký biên bản họp theo quy định tại Điều này và pháp luật có liên quan.
13. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải lập bằng tiếng Việt, có thể được lập bằng tiếng nước ngoài. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
14. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

15. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của SEABANK.
16. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản họp ĐHĐCĐ có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của SEABANK.
17. Trường hợp SeABank áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến sẽ thực hiện theo quy định riêng của HĐQT trong từng thời kỳ, và đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 13. Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên¹⁸

1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ SeABank và đảm bảo có các nội dung sau:
 - a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và thành viên HĐQT theo quy định pháp luật.
 - b. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các nghị quyết/ quyết định của HĐQT.
 - c. Báo cáo về các giao dịch theo quy định pháp luật.
 - d. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của HĐQT.
 - e. Hoạt động của các Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị.
 - f. Kết quả giám sát đối với Ban Tổng giám đốc và người điều hành khác.
 - g. Các kế hoạch trong tương lai.
2. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp và đảm bảo có các nội dung sau:
 - a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát theo quy định pháp luật.
 - b) Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát.
 - c) Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Ngân hàng.
 - d) Báo cáo đánh giá về giao dịch của người có liên quan theo quy định pháp luật.
 - e) Báo cáo kết quả giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của SeABank thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
 - f) Kết quả giám sát đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và người điều hành khác của Ngân hàng.
 - g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cổ đông.

¹⁸ Điều 280, Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ;

Điều 14. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản¹⁹

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của SEABANK, bao gồm các nội dung theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 38 của Điều lệ SeABank và trừ các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 38 của Điều lệ của SeABank.
2. HĐQT chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến hoặc thời hạn khác dài hơn theo quyết định của HĐQT tại thời điểm lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định về công bố thông tin và trên cơ sở danh sách của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng Khoán Việt Nam *cung cấp*. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp/ *số giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng*;
 - ii. Mục đích lấy ý kiến;
 - iii. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, *số định danh cá nhân* đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp, số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, *số định danh cá nhân* đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - iv. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
 - v. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - vi. Thời hạn phải gửi về SEABANK phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - vii. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến SEABANK bằng hình thức gửi thư, hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
 - a) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.
 - b) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến gửi về SEABANK phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - c) Trường hợp gửi thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về SEABANK phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
 - d) Các phiếu lấy ý kiến gửi về SEABANK sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi thư điện tử là không hợp lệ.
 - e) Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. *Việc biểu quyết bằng phương thức điện tử khác do HĐQT quyết định và hướng dẫn cụ thể khi tổ chức xin ý kiến cổ đông bằng văn bản, phù hợp với tình hình thực tế của Ngân hàng.*
6. *Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua theo quy định sau đây:²⁰*

¹⁹ Điều 148 và Điều 149 LDN 2020 và Điều 46 Điều lệ SeABank.

²⁰ Khoản 4 Điều 67 Luật các TCTD năm 2024.

- a) Trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này, quyết định của ĐHĐCĐ trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua khi được số cổ đông đại diện **trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận** hoặc tỷ lệ khác cao hơn nếu Điều lệ SEABANK có quy định;
 - b) Đối với quyết định của ĐHĐCĐ trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản về nội dung sau đây phải được số cổ đông đại diện **trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận** hoặc tỷ lệ khác cao hơn nếu Điều lệ SEABANK có quy định:
 - i. Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
 - ii. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.
7. HĐQT tổ chức kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý của SEABANK. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.
8. Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
9. Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.
10. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp SEABANK có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của SEABANK.
11. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của SEABANK.

Điều 15. Hiệu lực nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông²¹

1. Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ này.

²¹ Điều 152 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 47 Điều lệ SeABank.

- Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 16 Quy chế này thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 16. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông²²

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 35 của Điều lệ SeABank có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau:

- Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ không thực hiện theo đúng quy định hiện hành và Điều lệ SEABANK, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Quy chế này.
- Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ của SEABANK.

Điều 17. Báo cáo kết quả họp Đại hội đồng cổ đông²³

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, SEABANK phải gửi đến NHNN tất cả nghị quyết, quyết định được ĐHĐCĐ thông qua.

CHƯƠNG III**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ****Điều 18. Vai trò, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT²⁴**

- HĐQT là cơ quan *quản trị* của SEABANK có toàn quyền nhân danh SEABANK để quyết định, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của SEABANK, trừ những vấn đề thuộc quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ.
- Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT: thực hiện theo Điều 51 Điều lệ của SeABank và *quy định pháp luật, quy định của SeABank trong từng thời kỳ*.

Điều 19. Cơ cấu, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên HĐQT²⁵

- Nhiệm kỳ, số lượng và cơ cấu của HĐQT:*
 - Nhiệm kỳ của HĐQT không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
 - HĐQT SEABANK phải có tối thiểu 05 thành viên và không quá 11 thành viên, trong đó, có tối thiểu 02 thành viên độc lập, và 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành của SeABank.
 - Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia HĐQT, nhưng không được vượt quá 02 thành viên Hội đồng quản trị²⁶

²² Điều 151 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 48 Điều lệ SeABank.

²³ Điều 68 Luật các TCTD năm 2024 và Điều 49 Điều lệ SeABank.

²⁴ Điều 50 Luật các TCTD 2024

²⁵ Điều 50 Điều lệ SeABank; Điều 69 Luật các TCTD năm 2024

²⁶ Khoản 3 Điều 69 Luật các TCTD 2024

- d) Cơ cấu của HĐQT đảm bảo sự đa dạng về *chuyên môn*, kinh nghiệm, độ tuổi, giới tính, văn hóa và *quan điểm, đặc điểm cá nhân* của HĐQT đảm bảo phù hợp với thực tế và nhu cầu quản trị của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
2. *Tiêu chuẩn, điều kiện của Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT:*
- a) *Tiêu chuẩn, điều kiện của Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT được bầu bổ sung/ thay thế hoặc bầu mới: thực hiện theo quy định tại Điều 67 Điều lệ SEABANK và quy định pháp luật có liên quan.*
- b) *HĐQT khi xem xét, thông qua danh sách nhân sự dự kiến bầu thành viên HĐQT trên cơ sở đề cử, ứng cử của cổ đông có thể tham khảo áp dụng các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo thông lệ, chuẩn mực quốc tế tốt về quản trị công ty và dựa trên trình độ, cam kết, vai trò dự kiến của họ trong HĐQT để đảm bảo tính đa dạng, hiệu quả trong cơ cấu HĐQT.*
- c) *Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT đương nhiệm trong trường hợp chưa đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a khoản này được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu theo quy định.*

Điều 20. Quy định về kế thừa, đề cử, ứng cử, bầu thành viên HĐQT²⁷

1. *HĐQT lập kế hoạch nhân sự kế thừa thành viên HĐQT trên cơ sở đề nghị của TGD hoặc/ và UBNS nhằm hạn chế những rủi ro có thể phát sinh từ việc thành viên HĐQT từ nhiệm, đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định pháp luật và/ hoặc Điều lệ Ngân hàng. Theo đó, HĐQT có thể xác định số lượng và danh sách ứng viên tiềm năng đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định pháp luật và quy định của SEABANK trong từng thời kỳ cho vị trí thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT từ các nguồn sau:*
- a. *Ban Điều hành của Ngân hàng (bao gồm Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc các Khối Phòng/Ban/ Đơn vị), và/ hoặc các cán bộ quản lý khác đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện áp dụng cho thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT và đã có thời gian làm việc tại Ngân hàng tối thiểu 05 năm trở lên; hoặc*
- b. *Theo giới thiệu của các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc hoặc/ và từ các tổ chức, cung cấp dịch vụ nhân sự chuyên nghiệp khác.*
2. *HĐQT đương nhiệm sẽ giới thiệu các ứng viên trên để các cổ đông/ nhóm cổ đông tổ chức đề cử hoặc HĐQT đề cử trong trường hợp cổ đông không đề cử đủ số lượng tối thiểu thành viên HĐQT theo quy định pháp luật.*
3. *Quy trình tuyển chọn, đề cử, ứng cử thành viên HĐQT²⁸:*
- a) *HĐQT (1) thông báo cho các cổ đông số lượng thành viên dự kiến được bầu, số lượng thành viên độc lập của HĐQT, các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để các cổ đông tự ứng cử hoặc đề cử người giữ các chức danh này theo quy định Pháp luật và Điều lệ SeABank, (2) và hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ, thời hạn và các nội dung khác liên quan đến việc đề cử, ứng cử cho cổ đông. Số lượng ứng cử viên mà các nhóm cổ đông được quyền đề cử sẽ được xác định theo khoản 1 Điều 73 Điều lệ SeABank.*
- b) *Trên cơ sở danh sách ứng cử hoặc đề cử của các cổ đông, HĐQT thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn; lập và thông qua danh sách dự kiến nhân sự bầu.*
- c) *Trường hợp các cổ đông không ứng cử, đề cử đủ số lượng ứng cử viên đối với thành viên HĐQT (bao gồm cả thành viên độc lập HĐQT), hoặc ứng cử viên không đảm bảo*

²⁷ Điều 73 Điều lệ SeABank

²⁸ Điều 73 Điều lệ SeABank.

đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, HĐQT có quyền đề cử bổ sung, thay thế người đủ điều kiện, tiêu chuẩn hoặc tổ chức đề cử các ứng viên còn lại theo trình tự, thủ tục và điều kiện do HĐQT quy định.

- d) Đối với nhân sự ứng cử hoặc được đề cử không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định, HĐQT thông báo rõ lý do cho người ứng cử và cổ đông/nhóm cổ đông đề cử nhân sự này.
 - e) HĐQT lập hồ sơ trình NHNN đề nghị chấp thuận Danh sách dự kiến nhân sự theo quy định pháp luật.
 - f) Những người được bầu làm thành viên HĐQT phải thuộc danh sách đã được NHNN chấp thuận. Việc bầu thành viên HĐQT phải hoàn thành trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày ký trên văn bản chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của NHNN.
 - g) *Kết quả bầu thành viên HĐQT được thông báo cho NHNN trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bầu và công bố thông tin theo quy định.*²⁹
4. Cách thức bầu thành viên HĐQT: Việc bầu thành viên HĐQT phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu x (nhân) với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên HĐQT theo quy định của SeABank trong từng thời kỳ. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy định về bầu cử hoặc Điều lệ SeABank³⁰.

Điều 21. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung/ thay thế thành viên HĐQT

1. Đương nhiên mất tư cách của thành viên HĐQT: HĐQT thực hiện theo Điều 75 Điều lệ của SeABank.
2. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT: thực hiện theo Điều 76 Điều lệ của SeABank.
3. Bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT:
 - 3.1. *Khi thành viên HĐQT đương nhiệm được bầu trước khi Quy chế này có hiệu lực từ nhiệm hoặc đương nhiên mất tư cách hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định, HĐQT sẽ tiến hành bầu bổ sung/ thay thế thành viên HĐQT. Trình tự thủ tục thực hiện việc bầu bổ sung/ thay thế thành viên HĐQT được thực hiện tương tự bầu mới.*
 - 3.2. *SeABank sẽ tổ chức bầu bổ sung thành viên HĐQT trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật hoặc quy định nội bộ của Ngân hàng.*

Điều 22. Thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT

Thù lao và lợi ích khác của thành viên HĐQT được thực hiện theo Điều lệ SeABank và quy định riêng của HĐQT về thù lao, chi phí công vụ áp dụng cho HĐQT trong từng thời kỳ.

Điều 23. Trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT và lấy ý kiến bằng thành viên HĐQT bằng văn bản

²⁹ Điều 44 Luật TCTD 2024

³⁰ Khoản 3 Điều 148 LDN 2020, Khoản 3 Điều 38 Điều lệ SeABank

Thực hiện theo quy định tại Điều lệ của SeABank và Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT SeABank.

Điều 24. Các Ủy ban/ Hội đồng và cơ quan trực thuộc Hội đồng quản trị

1. HĐQT phải thành lập tối thiểu 02 Ủy ban, bao gồm Ủy ban nhân sự và Ủy ban Quản lý rủi ro. *HĐQT có thể thành lập Ủy ban về Kiểm toán, Ủy ban về Môi trường – Quản trị - Xã hội (ESG), Ủy ban về Phát triển Bền vững và các Ủy ban/ Hội đồng khác, khi xét thấy cần thiết.*
2. HĐQT quyết định việc thành lập, giải thể, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động, ra quyết định của các Ủy ban và/hoặc cơ quan trực thuộc HĐQT khác, phù hợp với các quy định pháp luật và *nhu cầu thực tế của SeABank* trong từng thời kỳ³¹.
3. Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự phải đảm bảo mỗi ủy ban có ít nhất trên một phần hai (1/2) số thành viên có quyền biểu quyết là thành viên không phải người điều hành.
4. Người đứng đầu các Ủy ban phải là thành viên Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên Ủy ban quản lý rủi ro.

Điều 25. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị SeABank³²

1. HĐQT bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị SeABank để hỗ trợ công tác quản trị Ngân hàng. Người phụ trách quản trị SeABank có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp 2020³³.
2. Người phụ trách quản trị Ngân hàng không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của SeABank.

Điều 26. Quyền hạn và trách nhiệm của Người phụ trách quản trị Ngân hàng³⁴

1. Tư vấn cho Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Ngân hàng và cổ đông;
2. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
4. Tham dự các cuộc họp;
5. Tư vấn thủ tục lập các *quyết định/ nghị quyết* của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;
6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT, thành viên BKS phù hợp với quy định của pháp luật, quy định của SeABank trong từng thời kỳ.
7. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Ngân hàng;
8. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
9. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng;
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ SeABank.

Điều 27. Trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị SeABank

³¹ Điều 9 Thông tư 13/2018/TT-NHNN.

³² Điều 59 Điều lệ SeABank, Khoản 1 Điều 281 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật chứng khoán

³³ Khoản 3 Điều 60 Điều lệ SeABank

³⁴ Khoản 3 Điều 281 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật chứng khoán

Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị SeABank do HĐQT quyết định, phù hợp quy định nội bộ của SeABank trong từng thời kỳ.

Điều 28. Công bố thông tin về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị SeABank³⁵

1. Trong vòng 24 giờ kể từ khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty hoặc nhận được đơn xin từ chức của Người phụ trách quản trị công ty, SeABank phải công bố thông tin về các quyết định này theo quy định của pháp luật chứng khoán.
2. SeABank phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Bản cung cấp thông tin của người nội bộ theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG IV

BAN KIỂM SOÁT

Điều 29. Vai trò, nhiệm vụ và quyền hạn của BKS, thành viên BKS³⁶

1. BKS thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ SeABank và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.
2. Nhiệm vụ và quyền hạn của BKS: thực hiện theo Điều 62 Điều lệ của SeABank và các quy định của SeABank trong từng thời kỳ.
3. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên BKS: thực hiện theo Điều 63 Điều lệ SeABank và các quy định của SeABank trong từng thời kỳ.

Điều 30. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên BKS

Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên BKS thực hiện theo Điều 61 Điều lệ của SeABank.

Điều 31. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên BKS

Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên BKS thực hiện theo Điều 68 Điều lệ của SeABank, các quy định pháp luật, quy định của SeABank trong từng thời kỳ hướng đến các tiêu chuẩn, điều lệ theo thông lệ quốc tế về quản trị công ty.

Điều 32. Quy định về kế thừa, tuyển chọn, đề cử, ứng cử, bầu thành viên Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát lập kế hoạch nhân sự kế thừa thành viên Ban Kiểm soát nhằm hạn chế những rủi ro có thể phát sinh từ việc thành viên Ban Kiểm soát từ nhiệm, đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định pháp luật và quy định của SEABANK trong từng thời kỳ.
2. BKS xác định số lượng và danh sách ứng viên tiềm năng đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện áp dụng cho thành viên Ban Kiểm soát theo quy định pháp luật và quy định của SEABANK từ các nguồn sau:
 - a. Ban Điều hành của Ngân hàng (bao gồm Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc các Khối Phòng/Ban/ Đơn vị), và/ hoặc các cán bộ quản lý khác đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện áp dụng cho thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT và đã có thời gian làm việc tại Ngân hàng tối thiểu 05 năm trở lên; hoặc

³⁵ Điều 1, Khoản 1, Điều 11, Thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

³⁶ Điều 51, 52, 53 và 54 Luật các TCTD năm 2024; Điều 62, 63 Điều lệ SeABank.

- b. Theo giới thiệu của các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc hoặc/ và từ các tổ chức, cung cấp dịch vụ nhân sự chuyên nghiệp khác.
3. Ban Kiểm soát đương nhiệm sẽ giới thiệu các ứng viên tiềm năng để các cổ đông/ nhóm cổ đông đề cử hoặc Ban Kiểm soát trực tiếp đề cử trong trường hợp cổ đông không đề cử đủ số lượng tối thiểu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định pháp luật.
 4. Quy trình ứng cử, đề cử thành viên BKS được thực hiện theo cách thức đề cử thành viên HĐQT quy định tại Khoản 3 Điều 20 Quy chế này, Điều 73 Điều lệ của SeABank và Quy định/ Hướng dẫn về đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS SeABank trong từng thời kỳ.
 5. Việc bầu thành viên BKS phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu x (nhân) với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên BKS theo quy định của SeABank trong từng thời kỳ. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy định về bầu cử hoặc Điều lệ SeABank³⁷.

Điều 33. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Việc đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS theo quy định tại Điều 75 và 76 Điều lệ SeABank.

Điều 34. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS³⁸

1. Trong vòng 24 giờ kể từ khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát, nhận được đơn xin từ chức của thành viên Ban kiểm soát, SeABank phải công bố thông tin về các quyết định này trên các trang thông tin điện tử của SeABank (trong đó cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ); đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
2. Kết quả bầu, bổ nhiệm thành viên BKS được thông báo cho NHNN trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bầu, bổ nhiệm và công bố thông tin theo quy định về công bố thông tin.
3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các thành viên BKS thì Hội đồng quản trị phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước³⁹

Điều 35. Cuộc họp và thông qua quyết định của BKS

Cuộc họp và thông qua quyết định của BKS thực hiện theo quy định tại Điều 64 Điều lệ SeABank và các quy định của SeABank trong từng thời kỳ.

Điều 36. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên BKS⁴⁰

1. Thành viên BKS được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác của BKS và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;
2. Thành viên BKS được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động

³⁷ Khoản 3 Điều 148 LDN 2020.

³⁸ Điểm 1, Khoản 1, Điều 11, Thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Khoản 3 Điều 44 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

³⁹ Khoản 3 Điều 46 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

⁴⁰ Điều 172 Luật Doanh nghiệp 2020.

hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của SeABank theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của SeABank.

CHƯƠNG V

TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 37. Vai trò, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất công việc kinh doanh hàng ngày của SEABANK; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước pháp luật, ĐHCĐ và HĐQT, BKS về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc: thực hiện theo quy định tại Điều 66 Điều lệ của SeABank và các quy định pháp luật, quy định khác của SeABank trong từng thời kỳ.

Điều 38. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

1. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 (năm) năm và thời hạn cụ thể của từng nhiệm kỳ do HĐQT quyết định. Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, Luật các TCTD năm 2024, và quy định của NHNN⁴¹.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc: được thực hiện Điều 69 Điều lệ của SeABank.

Điều 39. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc

1. HĐQT bổ nhiệm một trong số thành viên của mình làm Tổng Giám đốc hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ ký một hợp đồng lao động quy định lương, thưởng, các quyền lợi và các điều khoản khác đối với Tổng Giám đốc⁴².
2. Danh sách nhân sự dự kiến bổ nhiệm Tổng Giám đốc phải được NHNN chấp thuận trước khi bổ nhiệm. Trình tự, thủ tục trình NHNN chấp thuận thực hiện theo quy định pháp luật.

Điều 40. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc

1. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc được thực hiện theo Điều 75 và Điều 76 Điều lệ và quy định của SeABank trong từng thời kỳ.
2. Trường hợp khuyết Tổng Giám đốc, HĐQT sẽ bổ nhiệm Tổng Giám đốc trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày khuyết Tổng Giám đốc.

Điều 41. Thông báo và công bố thông tin về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bổ nhiệm, SeABank phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước kết quả bổ nhiệm Tổng giám đốc⁴³.
2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, đối với Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị, phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước⁴⁴.

⁴¹ Khoản 3 Điều 65 Điều lệ SeABank;

⁴² Khoản 2 Điều 65 Điều lệ SeABank

⁴³ Khoản 3 Điều 44 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024

⁴⁴ Khoản 3 Điều 46 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024

3. Trong vòng 24 giờ kể từ khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc, nhận được đơn xin từ chức của Tổng Giám đốc, SeABank phải công bố thông tin này trên các trang thông tin điện tử của SeABank, đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh⁴⁵.

Điều 42. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc⁴⁶

1. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do HĐQT quyết định.
2. Tiền lương của Tổng Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của SeABank theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của SeABank và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 43. Kế hoạch nhân sự kế thừa Tổng Giám đốc

1. *Mục tiêu: Kế hoạch nhân sự kế thừa Tổng Giám đốc được xây dựng để đảm bảo tính liên tục và nhất quán của vị trí Tổng Giám đốc Ngân hàng; đảm bảo người kế thừa có đầy đủ năng lực, kinh nghiệm cần thiết, đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện để đảm nhiệm vị trí Tổng Giám đốc theo quy định pháp luật, quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ; giảm chi phí tìm kiếm nhân tài; và xây dựng và duy trì sự tin tưởng từ phía cổ đông, khách hàng, và nhân viên.*
2. *Tổng Giám đốc hoặc UBNS có thể lập kế hoạch nhân sự kế thừa đảm bảo đáp ứng sự thay đổi nhân sự đột ngột, hoặc trong thời hạn 3-5 năm, hoặc dài hạn, nêu rõ số lượng và danh sách ứng viên tiềm năng đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện đảm nhiệm vị trí Tổng Giám đốc theo quy định pháp luật và quy định của SeABank trong từng thời kỳ, từ các nguồn sau:*
 - a. *Ban Điều hành của Ngân hàng (bao gồm Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc các Khối Phòng/Ban/ Đơn vị), và/ hoặc các cán bộ quản lý khác đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện áp dụng cho chức danh Tổng Giám đốc và đã có thời gian làm việc tại Ngân hàng tối thiểu 05 năm trở lên; hoặc*
 - b. *Theo giới thiệu của các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc hoặc/ và từ các tổ chức, cung cấp dịch vụ nhân sự chuyên nghiệp khác.*
3. *Tổng Giám đốc hoặc UBNS đương nhiệm sẽ giới thiệu các ứng viên tiềm năng để HĐQT xem xét, đánh giá và trình NHNN chấp thuận trước khi bổ nhiệm TGD, khi xét thấy cần thiết.*

CHƯƠNG VIII**QUAN HỆ CÔNG TÁC GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT
VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC****Điều 44. Nguyên tắc phối hợp**

HĐQT, BKS và Tổng Giám đốc, Người quản lý, Người điều hành khác (sau đây gọi chung là Ban Điều hành) phối hợp hoạt động theo các nguyên tắc sau:

1. Luôn vì lợi ích chung của SeABank;
2. Tuân thủ chặt chẽ các quy định liên quan của pháp luật và của SeABank;
3. Làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, *trung thành*, trung thực, *cẩn trọng*, hợp tác và thường xuyên trao đổi nhằm cùng nhau tháo gỡ vướng mắc, khó khăn (nếu có).

⁴⁵ Điều 1, Khoản 1, Điều 11, Thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

⁴⁶ Điều 163 LDN 2020.

Điều 45. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị với Tổng Giám đốc và Người quản lý, Người điều hành khác

HĐQT quy định cụ thể về mối quan hệ phối hợp giữa HĐQT, Ban Điều hành và Người quản lý khác trong từng thời kỳ, đảm bảo các nguyên tắc cơ bản sau:

1. HĐQT chịu trách nhiệm trước ĐHCĐ và cổ đông, trước pháp luật về kết quả hoạt động cuối cùng của SeABank.
2. HĐQT thực hiện nhiệm vụ quản trị Ngân hàng theo quy định tại Điều lệ SeABank, Quy chế này và quy định nội bộ của SeABank, phù hợp với quy định của pháp luật. Hội đồng Quản trị quyết định các vấn đề có liên quan đến mục đích, quyền lợi của SeABank, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (không bao gồm các vấn đề Đại hội đồng cổ đông đã giao và ủy quyền việc ra quyết định cho Hội đồng Quản trị) và các vấn đề cần xin chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật.
3. Hội đồng Quản trị chỉ đạo Ban Điều hành tổ chức triển khai đầy đủ các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông (thường niên và/ hoặc bất thường trong nhiệm kỳ được bầu), các quy định của Điều lệ SeABank, các quy định của pháp luật, việc thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước và kiểm tra, giám sát mọi hoạt động của SeABank.
4. Tại các phiên họp của HĐQT, Chủ tịch HĐQT/ Người chủ trì phiên họp căn cứ nội dung cuộc họp để mời Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc hoặc Người điều hành khác phụ trách mảng công việc có liên quan theo quy định về phân công công việc, phân cấp thẩm quyền của SeABank dự họp, báo cáo và tham gia ý kiến (nếu có).
5. Tại các phiên họp định kỳ hoặc đột xuất của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương hoặc các phiên họp liên quan đến các nội dung quan trọng do Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương khác, người chủ trì căn cứ nội dung cuộc họp có thể mời Chủ tịch HĐQT hoặc các thành viên HĐQT có liên quan tham dự họp và tham gia ý kiến (nếu có).
6. Tổng Giám đốc SeABank hoặc người được Tổng Giám đốc giao, phân cấp thẩm quyền, phân công công việc, ủy quyền chịu trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo định kỳ (quý, 6 tháng, năm) hoặc khi có yêu cầu.
7. Hội đồng Quản trị được quyền yêu cầu Ban điều hành và các Đơn vị báo cáo thực hiện cung cấp thông tin, chấp hành chế độ báo cáo nhằm thực hiện chức năng quản trị, kiểm soát ngân hàng theo quy định tại Điều lệ, quy định nội bộ SeABank, phù hợp với quy định của pháp luật. Các thông tin, số liệu báo cáo, cung cấp cho Hội đồng Quản trị phải đảm bảo tính trung thực, khách quan, kịp thời, đầy đủ, phản ánh đúng tình hình hoạt động của SeABank, phù hợp với yêu cầu quản trị ngân hàng, phù hợp với quy định của pháp luật.
8. Tổng Giám đốc SeABank có trách nhiệm thiết lập và duy trì thực hiện chế độ thông tin báo cáo đối với Hội đồng Quản trị SeABank bao gồm cả cách thức gửi/ nhận thông tin, báo cáo đảm bảo kịp thời, nhanh chóng, an toàn, bảo mật; chịu trách nhiệm về chất lượng các thông tin, báo cáo cung cấp cho Hội đồng Quản trị.
9. Hội đồng Quản trị tạo điều kiện để các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, những Người quản lý khác được tham gia học tập, nâng cao trình độ, các hoạt động khảo sát thực tế trong và ngoài nước nhằm trau dồi, học hỏi kinh nghiệm, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành SeABank.

Điều 46. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị với Ban kiểm soát⁴⁷

⁴⁷ Điều 171 LDN 2020.

1. BKS được mời tham dự cuộc họp định kỳ hoặc bất thường của HĐQT. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến BKS cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT, bao gồm:
 - a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT và tài liệu kèm theo;
 - b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của ĐHĐCĐ và HĐQT;
 - c. Báo cáo của Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc hoặc chức danh tương đương khác trình HĐQT hoặc tài liệu khác do Ngân hàng phát hành.
2. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, BKS được yêu cầu HĐQT cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của SeABank.

Điều 47. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Ban điều hành và Người quản lý khác

1. Phối hợp trong triển khai công việc được giao
 - a) Trường hợp xét thấy cần thiết, Ban điều hành và Người quản lý khác có thể mời Ban kiểm soát tham dự họp Ban điều hành hoặc các cuộc họp khác. Khi tham dự, Ban kiểm soát có thể góp ý kiến (nếu có).
 - b) Ban điều hành và Người quản lý khác, Giám đốc các Khối/ Phòng/Ban Hội sở chính SeABank thực hiện báo cáo BKS theo định kỳ (tháng, quý, năm) các công việc theo quy định của SeABank.
 - c) Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo yêu cầu của Trưởng ban kiểm soát, Ban điều hành và Người quản lý khác cung cấp các thông tin, báo cáo có liên quan đến mảng việc mà thành viên Ban kiểm soát đó được phân công thực hiện.
 - d) Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của SeABank, Ban điều hành và Người quản lý khác cần báo cáo ngay cho Trưởng ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát trực tiếp theo dõi mảng việc đó.
 - e) Ban điều hành và Người quản lý khác có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Trưởng ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất.

2. Phối hợp khác

Các thành viên Ban kiểm soát được tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ, các hoạt động khảo sát thực tế trong và ngoài nước nhằm trau dồi, học hỏi kinh nghiệm, nâng cao kiến thức.

CHƯƠNG IX

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN

Điều 48. Quyền, nghĩa vụ của người quản lý, người điều hành SeABank⁴⁸

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ của SeABank, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông SeABank.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của SeABank và cổ đông của SeABank.

⁴⁸ Điều 48 Luật các TCTD năm 2024.

3. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của SeABank, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của SeABank để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác làm tổn hại tới lợi ích của SeABank, cổ đông của SeABank.
4. Chịu trách nhiệm trong việc chấp hành các quy định hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng của SeABank theo quy định của Luật các TCTD năm 2024.
5. Thông báo đầy đủ, kịp thời, chính xác cho SeABank về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể xung đột với lợi ích của SeABank và chỉ được tham gia vào giao dịch đó khi HĐQT đã xem xét và chấp thuận.
6. Không được cạnh tranh bất hợp pháp với SeABank hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của SeABank.
7. Không được tạo điều kiện để cá nhân mình hoặc người có liên quan của mình quy định tại Khoản 41 Điều 1 Điều lệ của SeABank vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng khác của SeABank với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của SeABank.
8. Không được tăng lương, thù lao hoặc yêu cầu trả thưởng cho người quản lý, người điều hành khi ngân hàng bị lỗ.
9. Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của Ngân hàng để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của Ngân hàng, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của Ngân hàng Nhà nước.
10. Am hiểu về các loại rủi ro trong hoạt động của Ngân hàng.
11. Trong phạm vi quyền, nghĩa vụ được giao, có trách nhiệm thực hiện yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước. Thực hiện khuyến nghị, cảnh báo rủi ro và an toàn hoạt động, cảnh báo nguy cơ dẫn đến vi phạm pháp luật về tiền tệ và ngân hàng; kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.
12. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của SeABank.

Điều 49. Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột quyền lợi⁴⁹

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 48 của Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Ngân hàng.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và những Người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa SeABank, công ty con, công ty do SeABank nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những Người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật
4. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với các giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

⁴⁹ Điều 291 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

- Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các thành viên khác của Ban điều hành không được mua hoặc bán hoặc giao dịch cổ phiếu của SeABank hay của các công ty con khi họ có quyền chiếm hữu thông tin có thể ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu này trong khi các cổ đông khác không có thông tin đó.

Điều 50. Cung cấp, công bố công khai thông tin⁵⁰

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương của SeABank phải công khai với SeABank các thông tin như sau:
 - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 5% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên.
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc).
 - Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;
 - Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.
- Cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của SeABank phải cung cấp cho SeABank các thông tin sau đây:
 - Họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp của cổ đông là người nước ngoài; số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương của cổ đông là tổ chức; ngày cấp, nơi cấp của giấy tờ này;
 - Thông tin về người có liên quan theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;
 - Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình tại SeABank;
 - Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của người có liên quan của mình tại SeABank.
- Đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải gửi SeABank bằng văn bản cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin. Đối với thông tin tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này, cổ đông chỉ phải cung cấp thông tin cho SeABank khi có mức thay đổi về tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình và người có liên quan từ 01% vốn điều lệ trở lên của SeABank so với lần cung cấp liền trước.
- SeABank phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này tại trụ sở chính của SeABank và gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày SeABank nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hằng năm, SeABank công bố thông tin quy định tại các điểm a, b, d khoản 1 và các điểm a, c, d khoản 2 Điều này với Đại hội đồng cổ đông của SeABank.
- SeABank phải công bố công khai thông tin về họ và tên cá nhân, tên tổ chức là cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của SeABank và thông tin quy định tại điểm c và điểm d

⁵⁰ Điều 49 Luật các TCTD năm 2024 và Điều 164 Luật Doanh nghiệp 2020.

khoản 2 Điều này trên trang thông tin điện tử của SeABank trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày SeABank nhận được thông tin cung cấp.

- Đối tượng cung cấp thông tin phải bảo đảm thông tin cung cấp trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin đó.*
- Ban kiểm soát có quyền yêu cầu những người phải công khai lợi ích liên quan theo quy định tại Khoản 1 Điều này cung cấp và cập nhật định kỳ những thông tin về những người có liên quan của họ.*
- Ban Kiểm soát phải lập, cập nhật ngay khi có thay đổi và công khai danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, người điều hành và các chức danh quản lý khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ SeABank, những người có liên quan của những người này; và danh sách người có liên quan của SeABank và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Ngân hàng.*
- Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật.*

Điều 51. Giao dịch với người có liên quan

- Khi tiến hành các giao dịch với những người có liên quan, Ngân hàng ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và quy định của SeABank trong từng thời kỳ.*
- Thẩm quyền và trình tự thủ tục chấp thuận, phê duyệt giao dịch với người có liên quan thực hiện theo quy định pháp luật, Điều lệ SeABank và theo quy định riêng của SeABank trong từng thời kỳ.*
- SeABank áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Ngân hàng.*

Điều 52. Giao dịch với cổ đông, người quản lý Ngân hàng và người có liên quan của các đối tượng này⁵¹

Giao dịch với cổ đông, người quản lý của Ngân hàng và người có liên quan của các đối tượng này được thực hiện theo quy định của Pháp luật, Điều lệ SeABank và các quy định khác có liên quan của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

Điều 53. Đảm bảo quyền hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến SeABank⁵²

- SeABank tôn trọng quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến SeABank, và thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng theo quy định pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và quy định riêng của Ngân hàng trong từng thời kỳ.*
- SeABank tuân thủ các quy định của pháp luật về lao động, môi trường và xã hội.*

CHƯƠNG X

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC CỦA SEABANK

⁵¹ Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

⁵² Điều 294 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 54. Phương thức và quy trình đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và Người quản lý khác

1. Tùy thuộc vào quyết định của Hội đồng Quản trị, việc đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát (trong trường hợp đánh giá thành viên Ban kiểm soát), thành viên Ban điều hành và Người quản lý khác có thể có được thực hiện theo một hoặc một số cách thức sau đây:
 - a) Tự nhận xét đánh giá;
 - b) Đánh giá hoạt động định kỳ 06 tháng;
 - c) Đánh giá hoạt động hàng năm vào dịp cuối năm;
 - d) Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm đột xuất;
 - e) Cách thức khác do Hội đồng Quản trị lựa chọn vào từng thời điểm.
2. Hội đồng Quản trị sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng Quản trị và các chức danh do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm *theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ*.
3. Ban kiểm soát sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của thành viên Ban kiểm soát và các chức danh do Ban kiểm soát bổ nhiệm. Quy trình đánh giá hoạt động của thành viên Ban kiểm soát và các chức danh do Ban kiểm soát bổ nhiệm thực hiện theo quy định của Ban Kiểm soát trong từng thời kỳ.
4. Tổng Giám đốc sẽ tiến hành đánh giá hiệu quả công việc của các chức danh do Tổng Giám đốc bổ nhiệm và thực hiện theo quy định của SeABank trong từng thời kỳ.
5. Việc xem xét thuê bên thứ ba độc lập đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT, BKS, Ban Điều hành và Người quản lý khác sẽ do Chủ tịch HĐQT/ Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT quyết định đảm bảo phù hợp với nhu cầu quản trị của Ngân hàng.
6. Việc xếp loại các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành được thực hiện trên cơ sở kết quả hoạt động, kinh nghiệm, kỹ năng chuyên môn của các thành viên HĐQT, BKS, TGD được thực hiện theo quy định của SeABank trong từng thời kỳ (nếu có).

Điều 55. Tiêu chí đánh giá hoạt động

Tiêu chí đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và Người quản lý khác bao gồm:

1. Về kết quả thực hiện công việc được giao, bao gồm :
 - (i) mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc theo chức năng, nhiệm vụ và/ hoặc được phân công công việc, phân cấp thẩm quyền, giao và ủy quyền (nếu có) của từng cá nhân;
 - (ii) sự phát triển, kết quả hoạt động của (các) đơn vị/ dự án được phân công phụ trách;
 - (iii) và kết quả hoạt động chung của Ngân hàng, có thể bao gồm các chỉ tiêu Môi trường – Xã hội – Quản trị
2. Phẩm chất đạo đức, lối sống, tư tưởng, việc tuân thủ và chấp hành Điều lệ SeABank, chủ trương, chính sách của SeABank và quy định của pháp luật;
3. Tinh thần học tập nâng cao trình độ, tính trung thực, cầu thị trong công tác, ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao và vị trí đang đảm nhiệm;
4. Khả năng quản lý, phong cách, thái độ trong quản lý công việc;
5. Đoàn kết, phối hợp trong đơn vị, với các đơn vị và mức độ tín nhiệm với nhân viên.
6. Các tiêu chí khác theo quy định của SeABank trong từng thời kỳ.

Điều 56. Khen thưởng, kỷ luật

1. Khen thưởng:
 - a. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và Người quản lý khác có thành tích trong việc quản trị, điều hành SeABank và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng theo quy định của pháp luật và/ hoặc SeABank.
 - b. Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể về hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và/ hoặc quy định của SeABank trong từng thời kỳ.
2. Kỷ luật:
 - a. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và Người quản lý khác trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm các quy định khác có liên quan của pháp luật, Điều lệ SeABank và các quy định khác có liên quan của SeABank, thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và quy định của SeABank.
 - b. Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật đối với các thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc và Người quản lý, Người điều hành khác sẽ được thực hiện theo quy định của SeABank trong từng thời kỳ.

CHƯƠNG IX**XỬ LÝ VI PHẠM VÀ HIỆU LỰC****Điều 57. Xử lý vi phạm**

1. Khi thấy bất kỳ cán bộ, nhân viên nào của SeABank (bao gồm cả các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành) có hành vi vi phạm Quy chế này, người phát hiện phải thông báo ngay cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Trưởng Ban kiểm soát.
2. Mọi trường hợp vi phạm Quy chế này sẽ được Hội đồng Quản trị/cấp thẩm quyền của SeABank xem xét và xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật và/ hoặc SeABank. Trong trường hợp hành vi vi phạm của người đó gây thiệt hại cho SeABank, người vi phạm còn phải bồi thường thiệt hại cho SeABank theo quy định.

Điều 58. Điều khoản chuyển tiếp và thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày.../.../2024.
2. *Người quản lý, người điều hành và chức danh khác của SEABANK được bầu, bổ nhiệm trước ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại Điều 19 Quy chế này thì được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.*
3. *Trường hợp HĐQT của SEABANK không đáp ứng quy định tại Điều 18 Quy chế này thì được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ của HĐQT.*
4. *Đến ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành, BKS của SEABANK có số lượng thành viên chưa tuân thủ quy định tại Điều 29 Quy chế này thì được duy trì tiếp tục số lượng tối thiểu 03 thành viên cho đến hết nhiệm kỳ của BKS, của thành viên BKS, trừ trường hợp SEABANK bầu, bổ nhiệm bổ sung, thay thế thành viên BKS.*
5. Trong trường hợp mâu thuẫn giữa quy định của Quy chế này với quy định của Điều lệ SeABank về cùng một vấn đề, thì quy định của Điều lệ SeABank sẽ được ưu tiên áp dụng.

6. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, Người quản lý khác và các cán bộ, nhân viên SeABank có trách nhiệm thực hiện Quy chế này./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

LÊ VĂN TÀN

PHỤ LỤC CÁC ĐIỂM MỚI CỦA ĐIỀU LỆ SEABANK NĂM 2024

Những nội dung được sửa đổi, bổ sung sẽ được *in nghiêng*.

Những nội dung được thay thế, bãi bỏ sẽ được *gạch ngang*.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>1. Footnote theo Luật các TCTD năm 2010, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và các văn bản hướng dẫn, thi hành.</p> <p>2. Trung tâm Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán</p> <p>3. “Số giấy tờ pháp lý”</p>	<p>1. Footnote được sửa đổi, bổ sung theo Luật các TCTD năm 2024.</p> <p>2. Đổi tên thành “Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam”.</p> <p>3. Đổi thành “số định danh cá nhân” đối với cá nhân.</p> <p>4. Sửa đổi các tham chiếu trong các chân trang của Dự thảo Điều lệ theo Luật các TCTD năm 2024.</p>	<p>Phù hợp với Luật các TCTD năm 2024 và Luật Căn cước 2023 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/7/2024.</p>
<p>PHẦN MỞ ĐẦU:</p> <p>Ngân hàng Thương mại cổ phần (“TMCP”) Đông Nam Á là Ngân hàng thương mại cổ phần (sau đây gọi tắt là “SEABANK”) được thực hiện hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật vì mục tiêu lợi nhuận, góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội của Nhà nước. Tổ chức và hoạt động của SEABANK được thực hiện theo Điều lệ này, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.</p> <p>Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua và các nghị quyết của Hội đồng Quản trị có liên quan (nếu có).</p>	<p>Ngân hàng Thương mại cổ phần (“TMCP”) Đông Nam Á là Ngân hàng thương mại cổ phần (sau đây gọi tắt là “SEABANK”) được thực hiện hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật vì mục tiêu lợi nhuận, <i>đáp ứng nhu cầu dịch vụ tài chính, ngân hàng của tổ chức, cá nhân và góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, kinh tế - xã hội của Nhà nước.</i> Tổ chức và hoạt động của SEABANK được thực hiện theo Điều lệ này, các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.</p> <p><i>Nội dung Điều lệ này đã được ĐHĐCĐ SeABank thông qua dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và các nghị quyết của HĐQT có liên quan.</i></p>	<p>Phù hợp với thực tế và định hướng, chiến lược của Ngân hàng.</p>
<p>Điều 1. Định nghĩa và giải thích</p> <p>16. “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần các loại đã bán.</p> <p>18. “Vốn tự có” gồm các giá trị thực của Vốn điều lệ của SEABANK và các quỹ dự trữ, một số tài sản nợ khác theo quy định của NHNN,</p>	<p>Điều 1. Định nghĩa và giải thích</p> <p>14. Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần của SEABANK đã bán cho cổ đông.</p> <p>15. Vốn tự có” gồm giá trị thực của vốn điều lệ cộng một số quỹ dự trữ, cộng một số tài sản nợ khác, trừ các khoản phải giảm trừ theo quy định của Thống đốc NHNN.¹</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Khoản 45 Điều 4 Luật các TCTD năm 2024.</p>

¹ Khoản 45 Điều 4 Luật các TCTD năm 2024.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>25. “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 5% cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của SEABANK.</p>	<p>22. “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu từ 05% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của SEABANK, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp.²</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 4.8 Luật các TCTD 2024.</p>
<p>26. “Sở hữu gián tiếp” là việc tổ chức, cá nhân sở hữu Vốn điều lệ của SEABANK thông qua người có liên quan hoặc thông qua ủy thác đầu tư.</p>	<p>23. “Sở hữu gián tiếp” là việc tổ chức, cá nhân sở hữu vốn điều lệ của SEABANK thông qua ủy thác đầu tư hoặc thông qua doanh nghiệp mà tổ chức, cá nhân đó sở hữu trên 50% vốn điều lệ.³</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 4.33 Luật các TCTD 2024</p>
<p>30. “Nhận tiền gửi” là hoạt động SEABANK nhận tiền của tổ chức, cá nhân dưới hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu và các hình thức nhận tiền gửi khác theo nguyên tắc có hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi cho người gửi tiền theo thỏa thuận.</p>	<p>27. “Nhận tiền gửi” là hoạt động SEABANK nhận tiền của tổ chức, cá nhân dưới hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, phát hành chứng chỉ tiền gửi và các hình thức nhận tiền gửi khác theo nguyên tắc có hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi theo thỏa thuận cho tổ chức, cá nhân gửi tiền (sau đây gọi là người gửi tiền)⁴.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 4.27 Luật các TCTD 2024</p>
<p>31. “Cấp tín dụng” là việc SEABANK thỏa thuận để tổ chức, cá nhân sử dụng một khoản tiền hoặc cam kết cho phép sử dụng một khoản tiền theo nguyên tắc có hoàn trả bằng nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, mua, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, phát hành thẻ tín dụng, bảo lãnh ngân hàng, cam kết phát hành dưới hình thức thư tín dụng chứng từ (L/C) và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, bao gồm cả việc cấp tín dụng từ nguồn vốn của pháp nhân khác mà SEABANK chịu rủi ro theo quy định của pháp luật.</p>	<p>28. “Cấp tín dụng” là việc SEABANK thỏa thuận để tổ chức, cá nhân sử dụng một khoản tiền hoặc cam kết cho phép sử dụng một khoản tiền theo nguyên tắc có hoàn trả bằng nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, cho thuê tài chính, bao thanh toán, mua, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, phát hành thẻ tín dụng, bảo lãnh ngân hàng, <i>thư tín dụng</i> và các nghiệp vụ cấp tín dụng khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, bao gồm cả việc cấp tín dụng từ nguồn vốn của pháp nhân khác mà SEABANK chịu rủi ro theo quy định của pháp luật⁵.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo khoản 11 Điều 3 Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15 tháng 11 năm 2019, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 09/2024/TT-NHNN.</p>
<p>32. “Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản” là việc SEABANK cung ứng phương tiện thanh toán; thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thẻ ngân hàng, thư tín dụng và các dịch vụ thanh toán khác cho khách hàng thông qua tài khoản của khách hàng.</p>	<p>29. Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản” là việc SEABANK cung ứng phương tiện thanh toán; thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thẻ ngân hàng và các dịch vụ thanh toán khác cho khách hàng thông qua tài khoản của khách hàng.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 4.14 Luật các TCTD</p>
<p>33. Cho vay” là hình thức cấp tín dụng, theo đó SEABANK giao</p>	<p>30. “Cho vay” là hình thức cấp tín dụng, theo đó SEABANK giao</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung</p>

² Điều 4.8 Luật các TCTD 2024 .

³ Điều 4.33 Luật các TCTD 2024.

⁴ Điều 4.27 Luật các TCTD 2024.

⁵ Sửa theo Điều 4.4 Luật các TCTD 2024.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định trong một thời gian nhất định theo thỏa thuận với nguyên tắc có hoàn trả cả gốc và lãi.	hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định, trong một thời gian nhất định, theo nguyên tắc có hoàn trả <i>đầy đủ tiền gốc, lãi theo thỏa thuận với khách hàng.</i>	theo Điều 4.7 Luật các TCTD
34. “Bao thanh toán” là hình thức cấp tín dụng cho bên bán hàng hoặc bên mua hàng thông qua việc mua lại có bảo lưu quyền truy đòi các khoản phải thu hoặc các khoản phải trả phát sinh từ việc mua, bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ theo hợp đồng mua, bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ.	31. Bao thanh toán” là hình thức cấp tín dụng <i>thông qua việc mua lại khoản phải thu của bên bán hoặc ứng trước tiền thanh toán thay cho bên mua theo hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ giữa bên mua và bên bán.</i>	Sửa đổi, bổ sung theo Điều 4.1 Luật các TCTD
35. “Bảo lãnh ngân hàng” là hình thức cấp tín dụng, theo đó SEABANK cam kết với bên nhận bảo lãnh về việc SEABANK sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho khách hàng khi khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết; khách hàng phải nhận nợ và hoàn trả cho SEABANK theo thỏa thuận.	32. “Bảo lãnh ngân hàng” là hình thức cấp tín dụng, theo đó SEABANK cam kết với bên nhận bảo lãnh về việc SEABANK sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho <i>bên có nghĩa vụ</i> khi <i>bên có nghĩa vụ</i> không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết; khách hàng phải nhận nợ và hoàn trả cho SEABANK theo thỏa thuận.	Sửa đổi, bổ sung theo Điều 4.18 Luật các TCTD 2024.
36. “Chiết khấu” là việc SEABANK mua có kỳ hạn hoặc mua có bảo lưu quyền truy đòi các công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác của người thụ hưởng trước khi đến hạn thanh toán.	33. “Chiết khấu” là <i>hình thức cấp tín dụng, theo đó</i> SEABANK mua có kỳ hạn hoặc mua có bảo lưu quyền truy đòi các công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác của người thụ hưởng trước khi đến hạn thanh toán.	Sửa đổi, bổ sung theo Điều 4.6 Luật các TCTD 2024
38. “Môi giới tiền tệ” là việc SEABANK làm trung gian có thu phí môi giới để thu xếp thực hiện các hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác giữa SEABANK với các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính khác.	35. “Môi giới tiền tệ” là việc SEABANK làm trung gian có thu phí môi giới để thu xếp thực hiện các hoạt động ngân hàng và các hoạt động kinh doanh khác <i>theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng</i> giữa SEABANK với các tổ chức tín dụng, <i>chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</i>	
Không quy định.	37. “Thư tín dụng” là hình thức cấp tín dụng <i>thông qua nghiệp vụ phát hành, xác nhận, thương lượng thanh toán, hoàn trả thư tín dụng.</i> ⁶	Sửa đổi, bổ sung theo Khoản 36 Điều 4 Luật các TCTD năm 2024
41. “Sản phẩm phái sinh” là công cụ tài chính được định giá theo biến động dự kiến về giá trị của một tài sản tài chính gốc như <i>tỷ giá, lãi suất, ngoại hối, tiền tệ hoặc tài sản tài chính khác.</i>	38. “Sản phẩm phái sinh” là công cụ tài chính được định giá theo biến động dự kiến về giá trị của một tài sản tài chính gốc như <i>lãi suất, ngoại hối, tiền tệ hoặc tài sản tài chính khác.</i>	Sửa đổi, bổ sung theo Điều 4.32 Luật các TCTD 2024 bỏ từ “tỷ giá”.

⁶ Khoản 36 Điều 4 Luật các TCTD năm 2024.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>42. “Góp vốn, mua cổ phần” là việc SEABANK góp vốn cấu thành vốn điều lệ, mua cổ phần của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác, bao gồm cả việc cấp vốn, góp vốn vào công ty con, công ty liên kết của SEABANK; góp vốn vào quỹ đầu tư và ủy thác vốn cho các tổ chức khác góp vốn, mua cổ phần theo các hình thức nêu trên.</p>	<p>39. “Góp vốn, mua cổ phần” là việc SEABANK <i>trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức khác góp vốn cấu thành vốn điều lệ; mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác, bao gồm cả việc nhận chuyển nhượng, mua cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác; cấp vốn, góp vốn vào công ty con, công ty liên kết của SEABANK; góp vốn vào quỹ đầu tư.</i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 4.16 Luật các TCTD 2024</p>
<p>44. “Người có liên quan” được hiểu là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) SEABANK với công ty con của SEABANK và ngược lại; các công ty con của SEABANK với nhau; người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của SEABANK, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại; b) SEABANK với người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của SEABANK hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại; c) SEABANK với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% Vốn Điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại SEABANK và ngược lại; d) Cá nhân với vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của người này; e) SEABANK với cá nhân theo quy định tại điểm d khoản này của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% Vốn Điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của SEABANK và ngược lại; 	<p>41. “Người có liên quan” là các cá nhân, tổ chức được xác định <i>theo khoản 24 Điều 4 Luật các Tổ chức Tín dụng 2024 và các quy định pháp luật khác có liên quan.</i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 4.24 Luật các TCTD năm 2024.</p>

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>f) Cá nhân được ủy quyền đại diện cho tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản này với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau;</p> <p>g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p>		
<p>45. “Công ty con” là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) SEABANK hoặc SEABANK và người có liên quan của SEABANK sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% vốn cổ phần có quyền biểu quyết;</p> <p>b) SEABANK có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên HĐQT, Hội đồng thành viên hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty con;</p> <p>c) SEABANK có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty con;</p> <p>d) SEABANK và người có liên quan của SEABANK trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, Hội đồng thành viên của công ty con.</p>	<p>42. “Công ty con” là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây⁷:</p> <p>a) SEABANK hoặc SEABANK và người có liên quan của SEABANK sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% vốn cổ phần có quyền biểu quyết của công ty đó;</p> <p>b) SEABANK có quyền bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên HĐQT, Hội đồng thành viên hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty đó;</p> <p>c) SEABANK có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty đó;</p> <p>d) SEABANK hoặc SEABANK và người có liên quan của SEABANK trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, Hội đồng thành viên của công ty đó.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 4.9 Luật các TCTD 2024.</p> <p>Bỏ từ “gián tiếp, trực tiếp”.</p>
<p>47. “Kiểm soát đặc biệt” là việc một tổ chức tín dụng bị đặt dưới sự kiểm soát trực tiếp của NHNN do có nguy cơ mất khả năng chi trả, mất khả năng thanh toán.</p>	<p>44. “Kiểm soát đặc biệt” là việc NHNN quyết định đặt một tổ chức tín dụng dưới sự kiểm soát trực tiếp của NHNN.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 4.19 Luật các TCTD 2024.</p>
<p>50. “Luật các Tổ chức tín dụng 2010” (hoặc “Luật các TCTD 2010”) có nghĩa là Luật các tổ chức tín dụng được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 16 tháng 06 năm 2010, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các TCTD và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).</p>	<p>47. “Luật các Tổ chức tín dụng 2024” (hoặc “Luật các TCTD 2024”) có nghĩa là Luật các tổ chức tín dụng được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18 tháng 01 năm 2024).</p>	<p>Đảm bảo phù hợp với thực tế Luật các TCTD năm 2024 được ban hành.</p>
<p>Điều 3. Tên, địa điểm đặt trụ sở chính và thời gian hoạt động của ngân hàng</p>	<p>Điều 3. Tên, địa điểm đặt trụ sở chính và thời hạn hoạt động của ngân hàng</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 39 Luật</p>

⁷ Khoản 9 Điều 4 Luật các TCTD 2024.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>Ngân hàng TMCP Đông Nam Á được phép hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 0051/NH5-GP ngày 25 tháng 3 năm 1994 do Thống đốc NHNN cấp và có:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam. Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Nam Á Tên viết tắt bằng tiếng Việt: Ngân hàng Đông Nam Á Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: Southeast Asia Commercial Joint Stock Bank Tên viết tắt bằng tiếng Anh: SEABANK Trụ sở chính đặt tại: Số 198 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Điện thoại: +84 24 3944 8688 Fax: +84 24 3944 8689 Email: seabank@seabank.com.vn Website: www.seabank.com.vn Hệ thống mạng lưới của SEABANK: <ol style="list-style-type: none"> Hệ thống mạng lưới hoạt động của SEABANK bao gồm: các chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; các chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng 100% vốn và các hình thức hiện diện thương mại khác ở nước ngoài; Hội sở chính; công ty con, công ty liên kết và các hình thức tổ chức hoạt động khác trong và ngoài nước phù hợp quy định của pháp luật.⁸ Hệ thống mạng lưới của SEABANK được thành lập theo yêu cầu phát triển kinh doanh của Ngân hàng, phù hợp quy định của pháp luật, NHNN. 	<ol style="list-style-type: none"> Tên ngân hàng: Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Nam Á Tên viết tắt bằng tiếng Việt: Ngân hàng Đông Nam Á Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: Southeast Asia Commercial Joint Stock Bank Tên viết tắt bằng tiếng Anh: SEABANK Trụ sở chính đặt tại: Số 198 Trần Quang Khải, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam. <i>Hệ thống cơ sở hoạt động</i> của SEABANK: <ol style="list-style-type: none"> Mạng lưới hoạt động của SEABANK bao gồm: các chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp ở trong nước; các chi nhánh, văn phòng đại diện, ngân hàng con ở nước ngoài của SEABANK theo quy định của pháp luật;⁹ <i>Trụ sở chính và địa điểm của các bộ phận nghiệp vụ của SEABANK theo quy định của pháp luật, NHNN.</i> Hệ thống mạng lưới hoạt động của SEABANK được thành lập theo yêu cầu phát triển kinh doanh của Ngân hàng, phù hợp quy định của pháp luật, NHNN. Thời hạn hoạt động là 99 năm kể từ ngày 25/3/1994. SEABANK có thể xin gia hạn hoặc xin thay đổi thời hạn hoạt động theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và được NHNN chấp thuận. 	<p>các TCTD 2024.</p> <p>Bãi bỏ quy định về điện thoại, fax, email, website, con dấu, và bảng cân đối kế toán trong Điều khoản vì nội dung này không bắt buộc theo quy định pháp luật và có thể thay đổi theo tình hình thực tế từng thời kỳ, hoặc đã được quy định ở điều khoản để tránh trùng lặp.</p>

⁸ Điều 3 Thông tư số 21/2013/TT-NHNN

⁹ Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 32/2024/TT-NHNN.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>5. Vốn điều lệ của SEABANK tại thời điểm thông qua Điều lệ này là 24.537.000.000 đồng, tương ứng với 2.453.700.000 cổ phần.</p> <p>Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ (Mười nghìn đồng Việt Nam).</p> <p>Mức vốn điều lệ này được thay đổi theo thực tế tăng vốn điều lệ của SEABANK trong từng thời kỳ và được ghi nhận trong Giấy phép hoặc/và GCN ĐKDN của SEABANK theo quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>6. Con dấu riêng và tài khoản riêng mở tại NHNN và các tổ chức tín dụng trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật, quy định của NHNN.</p> <p>7. Bảng cân đối tài sản và các quỹ theo quy định của pháp luật.</p> <p>8. Thời hạn hoạt động là 99 năm kể từ ngày 25/3/1994. SEABANK có thể xin gia hạn hoặc xin thay đổi thời hạn hoạt động theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và được NHNN chấp thuận.</p>		
<p>Điều 7. Nguyên tắc hoạt động</p> <p>1. Tự chủ hoạt động:¹⁰</p> <p>a) SEABANK có quyền tự chủ trong hoạt động kinh doanh và tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của mình. Không tổ chức, cá nhân nào được can thiệp trái pháp luật vào hoạt động kinh doanh của SEABANK.</p> <p>b) SEABANK có quyền từ chối yêu cầu cấp tín dụng, cung ứng các dịch vụ khác nếu thấy không đủ điều kiện, không có hiệu quả, không phù hợp với quy định pháp luật.</p>	<p>Điều 7. Nguyên tắc hoạt động</p> <p>1. <i>Quyền tự chủ trong hoạt động kinh doanh:</i>¹⁴</p> <p>a) SEABANK có quyền tự chủ trong hoạt động kinh doanh và tự chịu trách nhiệm về kết quả <i>hoạt động</i> kinh doanh của mình.</p> <p>b) SEABANK có quyền từ chối yêu cầu cấp tín dụng, cung ứng các dịch vụ khác nếu thấy không đủ điều kiện, không có hiệu quả, không phù hợp với quy định pháp luật.</p> <p>2. Hợp tác và cạnh tranh trong hoạt động ngân hàng:¹⁵</p> <p>SEABANK được hợp tác và cạnh tranh trong hoạt động ngân hàng</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 7, Điều 9 và Điều 10.5 Luật các TCTD 2024</p>

¹⁰ Điều 7 Luật các TCTD 2010.

¹⁴ Điều 7 Luật các TCTD 2024.

¹⁵ Điều 9 Luật các TCTD 2024.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>2. Hợp tác và cạnh tranh trong hoạt động ngân hàng:¹¹</p> <p>a) SEABANK được hợp tác và cạnh tranh trong hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác theo quy định Pháp luật.</p> <p>b) SEABANK phải tuân thủ các quy định về nghiêm cấm hành vi hạn chế cạnh tranh hoặc hành vi cạnh tranh không lành mạnh có nguy cơ gây tổn hại hoặc gây tổn hại đến việc thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia, an toàn của hệ thống các tổ chức tín dụng, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.</p> <p>c) SEABANK phải tuân thủ các quy định cụ thể của Chính phủ về các hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong hoạt động ngân hàng và hình thức xử lý các hành vi này.</p> <p>3. Bảo vệ quyền lợi của khách hàng:¹²</p> <p>Để bảo vệ quyền lợi của khách hàng, SEABANK có trách nhiệm:</p> <p>a) Tham gia tổ chức bảo toàn, bảo hiểm tiền gửi theo quy định Pháp luật và công bố công khai việc tham gia tổ chức bảo toàn, bảo hiểm tiền gửi tại Hội sở và (các) chi nhánh;</p> <p>b) Tạo thuận lợi cho khách hàng gửi và rút tiền, bảo đảm thanh toán đủ, đúng hạn gốc và lãi của các khoản tiền gửi theo quy định của pháp luật và của SEABANK trong từng thời kỳ;</p> <p>c) Từ chối việc điều tra, phong tỏa, cầm giữ, trích chuyển tiền gửi của khách hàng, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định Pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng;</p>	<p>và hoạt động kinh doanh khác theo quy định Pháp luật.</p> <p>3. Bảo vệ quyền lợi của khách hàng:¹⁶</p> <p>Để bảo vệ quyền lợi của khách hàng, SEABANK có trách nhiệm:</p> <p>a) Tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định pháp luật và công bố công khai việc tham gia bảo hiểm tiền gửi tại <i>trụ sở chính</i> và các chi nhánh;</p> <p>b) Tạo thuận lợi cho khách hàng gửi và rút tiền, bảo đảm thanh toán đủ, đúng hạn <i>tiền gốc</i>, lãi của khoản tiền gửi theo <i>thỏa thuận phù hợp</i> với quy định của pháp luật và của SEABANK trong từng thời kỳ;</p> <p>c) Từ chối việc điều tra, phong tỏa, cầm giữ, trích chuyển tiền gửi của khách hàng, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định Pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng;</p> <p>d) <i>Công bố</i> công khai lãi suất tiền gửi, phí dịch vụ, các quyền, nghĩa vụ của khách hàng đối với từng loại sản phẩm, dịch vụ đang cung ứng.</p> <p>e) Công bố <i>công khai</i> thời gian giao dịch chính thức. Trường hợp ngừng giao dịch <i>SeABank thực hiện các thủ tục niêm yết, báo cáo theo quy định của pháp luật</i>¹⁷.</p>	

¹¹ Điều 9 Luật các TCTD 2010.

¹² Điều 10 Luật các TCTD 2010.

¹⁶ Điều 10 Luật các TCTD 2024.

¹⁷ Khoản 5 Điều 10 Luật các TCTD 2024.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>d) Thông báo công khai lãi suất tiền gửi, phí dịch vụ, các quyền, nghĩa vụ của khách hàng đối với từng loại sản phẩm, dịch vụ đang cung ứng.</p> <p>e) Công bố thời gian giao dịch chính thức và không được tự ý ngừng giao dịch vào thời gian đã công bố. Trường hợp ngừng giao dịch trong thời gian giao dịch chính thức, SEABANK phải niêm yết tại nơi giao dịch chậm nhất là 24 giờ trước thời điểm ngừng giao dịch.</p> <p>4. Trách nhiệm phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố¹³</p> <p>a) SEABANK không được che giấu, thực hiện hoạt động kinh doanh liên quan đến khoản tiền đã có bằng chứng về nguồn gốc bất hợp pháp;</p> <p>b) SEABANK xây dựng quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố;</p> <p>c) SEABANK thực hiện các biện pháp phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố;</p> <p>d) SEABANK hợp tác với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc điều tra hoạt động rửa tiền, tài trợ khủng bố.</p>		
<p>Điều 9. Hoạt động vay vốn, nhận tiền gửi¹⁸</p> <ol style="list-style-type: none"> Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn trong nước và nước ngoài. SEABANK được vay vốn của tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật. SEABANK được vay vốn của NHNN dưới hình thức tái 	<p>Điều 9. Hoạt động vay, nhận tiền gửi</p> <ol style="list-style-type: none"> Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, SEABANK được vay NHNN dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của <i>Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam</i>. SEABANK được vay nước ngoài theo quy định của pháp luật. SEABANK được vay, nhận tiền gửi của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của <i>Thống đốc</i> 	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Khoản 3 Điều 108 Luật các TCTD 2024</p>

¹³ Điều 11 Luật các TCTD 2010.

¹⁸ Khoản 1, 2 Điều 90 và Điều 98, 99, 100 Luật các TCTD 2010.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>cấp vốn theo quy định của NHNN.</p> <p>5. Các hình thức khác phù hợp theo quy định của pháp luật.</p>	<p><i>NHNN</i>¹⁹.</p> <p>6. Các hình thức <i>vay, nhận tiền gửi</i> khác phù hợp theo quy định của pháp luật.</p>	
<p>Điều 10. Hoạt động Cấp tín dụng²⁰</p> <p>1. Cho vay;</p> <p>2. Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;</p> <p>3. Bảo lãnh ngân hàng;</p> <p>4. Phát hành thẻ tín dụng;</p> <p>5. Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế khi được phép thực hiện thanh toán quốc tế;</p> <p>6. Các hình thức cấp tín dụng khác sau khi được NHNN chấp thuận.</p>	<p>Điều 10. Hoạt động Cấp tín dụng²¹</p> <p>1. Cho vay;</p> <p>2. Chiết khấu, tái chiết khấu;</p> <p>3. Bảo lãnh ngân hàng;</p> <p>4. Phát hành thẻ tín dụng;</p> <p>5. Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế <i>trong trường hợp SEABANK được phép thực hiện thanh toán quốc tế;</i></p> <p>6. <i>Thư tín dụng;</i></p> <p>7. Các hình thức cấp tín dụng khác <i>theo quy định của Thống đốc NHNN.</i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Khoản 3 Điều 107 Luật các TCTD 2024</p>
<p>Điều 11. Hoạt động cung ứng phương tiện, dịch vụ thanh toán²²</p> <p>1. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.</p> <p>2. Cung ứng các phương tiện thanh toán.</p> <p>3. Cung ứng các dịch vụ thanh toán sau đây:</p> <p>a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;</p> <p>b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế và các dịch vụ thanh toán khác sau khi được NHNN chấp thuận.</p>	<p>Điều 11. Hoạt động cung ứng phương tiện, dịch vụ thanh toán²³</p> <p>1. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.</p> <p>2. Cung ứng các phương tiện thanh toán.</p> <p>3. Cung ứng các dịch vụ thanh toán sau đây:</p> <p>a) Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, <i>chuyển tiền</i>, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;</p> <p>b) Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế <i>sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản; dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Thống đốc NHNN</i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 107.6.a Luật các TCTD 2024 lược bỏ Thư tín dụng, bổ sung dịch vụ Chuyển tiền</p>

¹⁹ Khoản 3 Điều 108 Luật các TCTD 2024.

²⁰ Khoản 3 Điều 98 Luật các TCTD 2010.

²¹ Khoản 3 Điều 107 Luật các TCTD 2024.

²² Khoản 4,5,6 Điều 98 Luật các TCTD 2010.

²³ Khoản 4,5,6 Điều 107 Luật các TCTD 2024.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>Điều 12. Mở tài khoản²⁴</p> <p>1. SEABANK phải mở tài khoản tiền gửi tại NHNN và duy trì trên tài khoản tiền gửi này số dư bình quân không thấp hơn mức dự trữ bắt buộc.</p> <p>2. SEABANK được mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng khác.</p> <p>3. SEABANK được mở tài khoản tiền gửi, tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.</p>	<p>Điều 12. Mở tài khoản²⁵</p> <p>1. SEABANK phải mở tài khoản <i>thanh toán</i> tại NHNN và duy trì <i>số tiền</i> dự trữ bắt buộc <i>trên tài khoản này</i>.</p> <p>2. SEABANK được mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng <i>được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản</i>.</p> <p>3. SEABANK được mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 109 Luật các TCTD 2024</p>
<p>Chưa quy định.</p>	<p>Điều 13. Vay, gửi tiền, mua, bán giấy tờ có²⁶</p> <p>1. <i>SEABANK được mua, bán giấy tờ có giá với NHNN theo quy định của Luật NHNN Việt Nam.</i></p> <p>2. <i>SEABANK được cho vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua bán giấy tờ có kỳ hạn có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Thống đốc NHNN.</i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Khoản 2, 3 Điều 108 Luật các TCTD 2024</p>
<p>Điều 13. Tổ chức và tham gia các hệ thống thanh toán²⁷</p> <p>2. SEABANK được tham gia hệ thống thanh toán quốc tế sau khi được NHNN chấp thuận</p>	<p>Điều 14. Tổ chức và tham gia hệ thống thanh toán²⁸</p> <p>2. SEABANK được tham gia hệ thống thanh toán quốc tế <i>khi đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính phủ và được NHNN chấp thuận bằng văn bản.</i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 110 Luật các TCTD 2024</p>
<p>Điều 14. Tham gia thị trường tiền tệ²⁹</p> <p>SEABANK được tham gia đấu thầu tín phiếu Kho bạc, mua, bán công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Kho bạc, tín phiếu NHNN và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.</p>	<p>Bãi bỏ.</p>	<p>Luật các TCTD năm 2024 không quy định.</p>
<p>Điều 15. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh³⁰</p>	<p>Điều 15. Kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối và</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 112 Luật</p>

²⁴ Điều 101 Luật các TCTD 2010.

²⁵ Điều 109 Luật các TCTD 2024.

²⁶ Khoản 2, 3 Điều 108 Luật các TCTD 2024.

²⁷ Điều 102 Luật các TCTD 2010.

²⁸ Điều 110 Luật các TCTD 2024.

²⁹ Điều 104 Luật các TCTD 2010.

³⁰ Điều 105 Luật các TCTD 2010.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>1. SEABANK được kinh doanh, cung ứng dịch vụ cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các sản phẩm sau đây, phù hợp với chấp thuận của NHNN:</p> <p>a) Ngoại hối;</p> <p>b) Phái sinh về tỷ giá, lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác.</p> <p>2. Việc cung ứng dịch vụ ngoại hối của SEABANK cho khách hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối</p>	<p>sản phẩm phái sinh³¹</p> <p>1. SEABANK được kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài <i>các dịch vụ, các sản phẩm sau đây sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản:</i></p> <p>c) Ngoại hối;</p> <p>d) Phái sinh về lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác.</p> <p>2. Việc <i>kinh doanh ngoại hối</i>, cung ứng dịch vụ ngoại hối của SEABANK cho khách hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.</p>	<p>các TCTD 2024</p>
<p>Điều 16. Nghiệp vụ ủy thác và đại lý³²</p> <p>SEABANK được quyền ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của NHNN.</p>	<p>Điều 16. Nghiệp vụ ủy thác và đại lý, giao đại lý³³</p> <p>1. SEABANK được quyền ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong <i>hoạt động ngân hàng, giao đại lý thanh toán</i> theo quy định của <i>Thống đốc NHNN</i>.</p> <p>2. <i>SEABANK được thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động bảo hiểm theo quy định của Thống đốc NHNN.</i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 113. Luật các TCTD.</p>
<p>Điều 17. Góp vốn, mua cổ phần³⁴</p> <p>1. SEABANK chỉ được dùng Vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 6 Điều này.</p> <p>2. Khi cần thực hiện các hoạt động kinh doanh sau đây, SEABANK phải thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết:</p> <p>a) Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán;</p>	<p>Điều 17. Góp vốn, mua cổ phần³⁵</p> <p>1. SEABANK chỉ được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 6 Điều này.</p> <p>2. Khi cần thực hiện các hoạt động kinh doanh sau đây, SEABANK phải thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết:</p> <p>a) Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu;</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 111 Luật các TCTD 2024.</p>

³¹ Điều 112 Luật các TCTD 2024.

³² Điều 106 Luật các TCTD 2010.

³³ Điều 113 Luật các TCTD 2024.

³⁴ Điều 103 Luật các TCTD 2010.

³⁵ Điều 111 Luật các TCTD 2024.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu;</p> <p>b) Cho thuê tài chính;</p> <p>c) Bảo hiểm.</p> <p>3. SEABANK được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.</p> <p>4. SEABANK được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:</p> <p>a) Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;</p> <p>b) Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a khoản này.</p> <p>5. Việc thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này và việc góp vốn, mua cổ phần của SEABANK theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này phải được sự chấp thuận trước bằng văn bản của NHNN.</p> <p>6. SEABANK, công ty con của SEABANK được mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của NHNN.</p>	<p>b) Cho thuê tài chính;</p> <p>c) Bảo hiểm.</p> <p>3. SEABANK được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.</p> <p>4. SEABANK được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:</p> <p>a) Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;</p> <p>b) Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a khoản này <i>sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản</i>.</p> <p>5. <i>SeABank</i> thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này <i>sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản</i>.</p> <p>6. SEABANK, công ty con của SEABANK được mua, nắm giữ cổ phần của tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của <i>Thống đốc</i> NHNN.</p>	
<p>Điều 1. Các hoạt động kinh doanh khác của SEABANK³⁶</p> <p>1. Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.</p> <p>2. Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.</p>	<p>Điều 18. Các hoạt động kinh doanh khác của SEABANK³⁸</p> <p>1. <i>SEABANK thực hiện các hoạt động kinh doanh sau đây trên cơ sở quy định của NHNN và pháp luật có liên quan trong từng thời kỳ:</i></p> <p>a) Dịch vụ quản lý tiền mặt; <i>dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng,</i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 114 Luật các TCTD 2020.</p>

³⁶ Điều 107 Luật các TCTD 2010 và Thông tư 17/2017/TT-NHNN.

³⁸ Điều 105 Luật các TCTD 2024.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>3. Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.</p> <p>4. Dịch vụ môi giới tiền tệ.³⁷</p> <p>5. Lưu ký chứng khoán, kinh doanh vàng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.</p> <p>6. Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa.</p> <p>7. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.</p> <p>8. Ví điện tử.</p> <p>9. Hoạt động mua, bán nợ.</p> <p>10. Các hoạt động khác theo quy định của Pháp luật và NHNN</p>	<p><i>chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.</i></p> <p><i>b) Cung ứng dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản;</i></p> <p><i>c) Mua, bán tín phiếu NHNN, trái phiếu doanh nghiệp; mua bán giấy tờ có giá khác, trừ mua, bán giấy tờ có giá quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;</i></p> <p><i>d) Dịch vụ môi giới tiền tệ.</i></p> <p><i>e) Kinh doanh vàng;</i></p> <p><i>f) Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng;</i></p> <p><i>g) Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác trong Giấy phép.</i></p> <p>2. SEABANK được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của pháp luật có liên quan:</p> <p><i>a) Mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;</i></p> <p><i>b) Phát hành trái phiếu;</i></p> <p><i>c) Lưu ký chứng khoán</i></p> <p><i>d) Nghiệp vụ ngân hàng giám sát;</i></p> <p><i>e) Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.</i></p> <p>3. SEABANK thực hiện các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật và NHNN.</p>	
<p>Điều 19. Hoạt động ngân hàng điện tử³⁹</p> <p>1. SEABANK được thực hiện các hoạt động kinh doanh qua việc</p>	<p>Điều 19. Giao dịch điện tử trong hoạt động của SEABANK⁴⁰</p> <p>Hoạt động của SEABANK được thực hiện bằng phương tiện điện tử</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 105 Luật</p>

³⁷ Từ Điều 97 đến Điều 107, Điều 132 và Điều 133 Luật các TCTD 2010.

³⁹ Điều 97, 133 Luật các TCTD 2010.

⁴⁰ Điều 105 Luật các TCTD 2024.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>sử dụng các phương tiện điện tử theo hướng dẫn của NHNN về quản lý rủi ro và quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</p> <p>2. SEABANK phải bảo đảm an toàn và bảo mật trong hoạt động ngân hàng điện tử theo hướng dẫn của NHNN.</p>	<p><i>theo quy định của Thống đốc NHNN, quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</i></p>	<p>các TCTD 2024.</p>
<p>Chưa quy định</p>	<p>Điều 22. Vốn điều lệ</p> <p>Vốn điều lệ của SEABANK tại thời điểm thông qua Điều lệ này là 24.957.000.000.000 (Hai mươi tư nghìn chín trăm năm mươi bảy tỷ) đồng, tương ứng với 2.495.700.000 cổ phần</p>	<p>Cập nhật mức vốn điều lệ của Ngân hàng đã được NHNN chấp thuận tại Quyết định số 970/QĐ-NHNN ngày 21/05/2024 về việc chấp thuận điều chỉnh mức vốn điều lệ trên Giấy phép hoạt động của SeABank từ 24.537 tỷ đồng lên 24.957 tỷ đồng</p>
<p>Điều 23. Thay đổi vốn điều lệ</p> <p>2. Các hình thức tăng vốn điều lệ của SEABANK:</p> <p>a) Tăng từ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; Quỹthặng dư vốn cổ phần; lợi nhuận để lại và các quỹ khác theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Phát hành cổ phiếu ra công chúng, phát hành cổ phiếu riêng lẻ;</p> <p>c) Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông;</p> <p>d) Thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu mới của SEABANK;</p> <p>e) Kết chuyển nguồn thặng dư vốn để bổ sung tăng vốn điều lệ;</p> <p>f) Vốn do cổ đông góp thêm;</p> <p>g) Các nguồn, hình thức khác theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, phù hợp với quy định của pháp luật.</p>	<p>Điều 23. Thay đổi vốn điều lệ</p> <p>2. Các hình thức tăng vốn điều lệ của SEABANK:</p> <p>a) Tăng từ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; thặng dư vốn cổ phần; lợi nhuận để lại và các quỹ khác theo quy định của pháp luật;</p> <p>b) Phát hành cổ phiếu ra công chúng, phát hành cổ phiếu riêng lẻ;</p> <p>c) Chuyển đổi từ khoản vay, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông;</p> <p>d) Thực hiện chi trả cổ tức bằng cổ phiếu mới của SEABANK;</p> <p>e) Vốn do cổ đông góp thêm;</p> <p>f) Các nguồn, hình thức khác theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, phù hợp với quy định của pháp luật.</p>	<p>Bãi bỏ để tránh trùng lặp.</p>

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>Điều 26. Cổ phần</p> <p>Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, dự họp ĐHCĐ, đề cử người tham gia HĐQT và BKS, trừ trường hợp nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	<p>Điều 26. Cổ phần</p> <p>Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền <i>và nghĩa vụ</i> như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, dự họp ĐHCĐ, đề cử người tham gia HĐQT và BKS, trừ trường hợp nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 60.3 Luật các TCTD 2024</p>
<p>Điều 27. Cổ phiếu⁴¹</p> <p>1. HĐQT quyết định việc phát hành, quản lý cổ phiếu dưới hình thức chứng chỉ và/hoặc bút toán ghi sổ và/hoặc dữ liệu điện tử. Cổ phiếu của SEABANK bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của SEABANK; b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần; c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu; d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; e) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của SEABANK; f) Số đăng ký tại Sở đăng ký cổ đông (Mã cổ đông) và ngày phát hành cổ phiếu; 	<p>Điều 27. Cổ phiếu⁴²</p> <p>1. HĐQT quyết định việc phát hành, quản lý cổ phiếu dưới hình thức chứng chỉ và/hoặc bút toán ghi sổ và/hoặc dữ liệu điện tử. Cổ phiếu của SEABANK <i>có các nội dung theo quy định pháp luật.</i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 121 Luật DN 2020 và Điều 66 Luật các TCTD 2024. Quy định tham chiếu để khi thay đổi nội dung của cổ phiếu sẽ không làm ảnh hưởng đến Điều lệ của Ngân hàng.</p>

⁴¹ Điều 121 Luật DN 2020 và Điều 58 Luật các TCTD 2010.

⁴² Điều 121 Luật DN 2020 và Điều 66 Luật các TCTD 2024.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
g) Các nội dung khác theo quy định của pháp luật hoặc/và theo quy định của SEABANK trong từng thời kỳ.		
<p>Điều 28. Tỷ lệ sở hữu cổ phần⁴³</p> <ol style="list-style-type: none"> Một cổ đông là cá nhân không được sở hữu vượt quá 5% Vốn điều lệ của SEABANK. Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu vượt quá 15% Vốn điều lệ của SEABANK, trừ các trường hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 55 Luật các TCTD. Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu vượt quá 20% Vốn điều lệ của SEABANK, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 55 Luật các TCTD. Cổ đông lớn của SEABANK và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 5% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng khác. Tỷ lệ sở hữu quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này bao gồm cả phần vốn ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần. 	<p>Điều 28. Tỷ lệ sở hữu cổ phần⁴⁴</p> <ol style="list-style-type: none"> Một cổ đông là cá nhân không được sở hữu <i>cổ phần</i> vượt quá 5% Vốn điều lệ của SEABANK. Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu <i>cổ phần</i> vượt quá 10% Vốn điều lệ của SEABANK. Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu <i>cổ phần</i> vượt quá 15% Vốn điều lệ của SEABANK. <i>Cổ đông lớn của SEABANK và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên của một tổ chức tín dụng khác.</i> <i>Quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này không áp dụng đối với các trường hợp sau đây:</i> <ol style="list-style-type: none"> <i>Sở hữu cổ phần tại công ty con, công ty liên kết của SEABANK là tổ chức tín dụng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 17 Điều lệ này.</i> <i>Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại khoản 6 Điều này.</i> Tỷ lệ sở hữu quy định tại các khoản 1, 2 Điều này bao gồm cả <i>số cổ phần sở hữu gián tiếp. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại khoản 3 Điều này bao gồm cả cổ phần do cổ đông ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần và không bao gồm sở hữu cổ phần của người có liên quan là công ty con của cổ đông đó.</i> 	Sửa đổi, bổ sung theo Điều 63 Luật các TCTD năm 2024.
Điều 29 và 30	Hợp nhất hai điều 29 và 30 thành 01 điều khoản – Điều 29 vì cùng là điều khoản liên quan đến chào bán cổ phần.	Tránh trùng lặp nội dung.

⁴³ Điều 55 Luật các TCTD 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

⁴⁴ Điều 63 Luật các TCTD 2024.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>Điều 31. Chuyển nhượng cổ phần⁴⁵</p> <p>2. Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc của SEABANK không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.⁴⁶</p> <p>3. Trong thời gian đang xử lý hậu quả theo nghị quyết của ĐHĐCĐ hoặc theo quyết định của NHNN do trách nhiệm cá nhân, thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây.⁴⁷</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc là đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật; b. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc bị buộc chuyển nhượng cổ phần theo quyết định của Tòa án; c. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. <p>4. Các trường hợp chuyển nhượng cổ phần sau đây phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện các thủ tục chuyển nhượng.⁴⁸</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Mua bán, chuyển nhượng cổ phần của Cổ đông lớn; b. Mua bán, chuyển nhượng cổ phần dẫn đến Cổ đông lớn trở thành cổ đông thường và ngược lại. 	<p>Điều 30. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>2. Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện <i>phần vốn góp tại SeABank</i> là thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc của SEABANK không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Trong thời gian đang xử lý hậu quả <i>do trách nhiệm cá nhân</i> theo nghị quyết, <i>quyết định</i> của ĐHĐCĐ hoặc theo quyết định của NHNN, thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây: Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật; b) Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc bị buộc chuyển nhượng cổ phần theo <i>bản án</i>, quyết định của Tòa án <i>đã có hiệu lực pháp luật</i>; c) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án <i>phục hồi, phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, phương án chuyển giao bắt buộc đã được</i> phê duyệt. <p>3. <i>Trường hợp mua, nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành Cổ đông lớn của SEABANK phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện. Cổ đông, người mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của SEABANK có trách nhiệm đề nghị và phối hợp với SEABANK thực hiện thủ tục xin chấp thuận đối với nội dung quy định tại điểm này</i>⁴⁹.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 37.1.đ và Điều 64 Luật các TCTD 2024.</p>

⁴⁵ Điều 127 LDN 2020 và Điều 56 Luật các TCTD 2010.

⁴⁶ Khoản 1 Điều 56 Luật các TCTD 2010.

⁴⁷ Khoản 2 Điều 56 Luật các TCTD 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

⁴⁸ Điểm đ khoản 1 Điều 29 Luật các TCTD 2010.

⁴⁹ Điểm đ khoản 1 Điều 37 Luật các TCTD 2024.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>Điều 32. Mua lại cổ phần</p> <p>2. SEABANK chỉ được mua lại cổ phần của cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại mà vẫn bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định; trường hợp mua lại cổ phần dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của SEABANK thì phải được NHNN chấp thuận trước bằng văn bản.</p>	<p>Điều 32. Mua lại cổ phần⁵⁰</p> <p>2. SEABANK chỉ được mua lại cổ phần của cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số <i>tiền tương đương</i> với số cổ phần được mua lại mà vẫn bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng và giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định <i>của SeABank</i>;</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 65 Luật các TCTD 2024.</p>
<p>Điều 33. Phát hành trái phiếu</p>	<p>Điều 33. Phát hành trái phiếu</p> <p>3. Hội đồng Quản trị thông qua phương án phát hành trái phiếu và báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này và <i>quy định cụ thể các nội dung chưa được quy định chi tiết trong phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền và các nội dung khác liên quan đến việc phát hành trái phiếu.</i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung phù hợp với thực tế triển khai phát hành trái phiếu.</p>
<p>Điều 36. Quyền của cổ đông</p> <p>1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:⁵¹</p> <ol style="list-style-type: none"> Tham dự, phát biểu ý kiến trong các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ SEABANK quy định đối với tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.. Được nhận cổ tức theo nghị quyết của ĐHĐCĐ. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ số cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong SEABANK. Tự do chuyển nhượng cổ phần cho người khác theo quy định trong Điều lệ, quy định của SEABANK và pháp luật 	<p>Điều 35. Quyền của cổ đông</p> <p>1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:⁵⁴</p> <ol style="list-style-type: none"> Tham dự, phát biểu ý kiến trong các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết. Nhận cổ tức theo nghị quyết của ĐHĐCĐ. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông <i>sở hữu</i> của từng cổ đông trong SEABANK. Chuyển nhượng cổ phần hoặc/ và <i>quyền mua cổ phần cho cổ đông khác của SEABANK, hoặc tổ chức, cá nhân khác</i> theo quy định của Điều lệ, quy định của SEABANK và pháp luật có liên quan. Xem, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc 	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 61 Luật các TCTD 2024 và để tránh trùng lặp.</p>

⁵⁰ Điều 65 Luật các TCTD 2024 và Điều 132,133 LDN 2020.

⁵¹ Điều 53 Luật các TCTD 2010; Điều 115 LDN 2020; Điều 41 Luật Chứng khoán năm 2019.

⁵⁴ Điều 61 Luật các TCTD 2024; Điều 115 LDN 2020; Điều 41 Luật Chứng khoán năm 2019.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>có liên quan.</p> <p>e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác.</p> <p>f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ SEABANK, biên bản họp ĐHĐCĐ và các nghị quyết của ĐHĐCĐ theo quy định của SEABANK và pháp luật có liên quan.</p> <p>g) Nhận thông tin về tình hình hoạt động của SEABANK theo quy định tại Điều lệ SEABANK.</p> <p>h) Được nhận một phần các tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần sở hữu tại SEABANK khi SEABANK giải thể hoặc phá sản.</p> <p>i) Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ủy quyền lại và không được ứng cử với tư cách của chính mình.</p> <p>j) Được ứng cử, đề cử người tham gia HĐQT, BKS theo quy định tại Điều lệ này, các quy định nội bộ khác của SEABANK và pháp luật có liên quan.</p> <p>k) Được đối xử bình đẳng.</p> <p>l) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do SEABANK công bố theo quy định của pháp luật.</p> <p>m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:⁵²</p>	<p>trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình.</p> <p>f) Xem, tra cứu, trích lục, sao chụp Điều lệ SEABANK, sổ biên bản họp ĐHĐCĐ, nghị quyết, <i>quyết định</i> của ĐHĐCĐ theo quy định của SEABANK và pháp luật có liên quan.</p> <p>g) Được <i>chia</i> phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần sở hữu tại SEABANK khi SEABANK giải thể hoặc phá sản.</p> <p>h) Ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ủy quyền lại và không được ứng cử với tư cách của chính mình.</p> <p>i) Ứng cử, đề cử người tham gia HĐQT, BKS theo quy định tại Điều lệ này, các quy định nội bộ khác của SEABANK và pháp luật có liên quan.</p> <p>j) Được đối xử bình đẳng.</p> <p>k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do SEABANK công bố theo quy định của pháp luật.</p> <p>l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:⁵⁵</p> <p>a) Xem, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của SEABANK.</p> <p>b) Yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ trong trường hợp HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;</p> <p>c) Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản</p>	

⁵² Khoản 2 Điều 115 LDN 2020.

⁵⁵ Khoản 2 Điều 115 LDN 2020.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của HĐQT, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua HĐQT và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của SEABANK.</p> <p>b) Yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ trong trường hợp HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;</p> <p>c) Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của SEABANK khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của SEABANK; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; và kèm theo yêu cầu kiểm tra phải có các tài liệu, chứng cứ chứng minh tính cần thiết của yêu cầu kiểm tra;</p> <p>d) Các quyền khác quy định tại Điều lệ và phù hợp với quy định của pháp luật.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người tham gia HĐQT, BKS. Việc đề cử người tham gia HĐQT và BKS thực hiện theo Điều 75 Điều lệ của SeABank và các quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ.⁵³</p>	<p>lý, điều hành hoạt động của SEABANK khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của SEABANK; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; và kèm theo yêu cầu kiểm tra phải có các tài liệu, chứng cứ chứng minh tính cần thiết của yêu cầu kiểm tra;</p> <p>d) <i>Ứng cử/</i> Đề cử người tham gia HĐQT, BKS của Ngân hàng. Việc đề cử người tham gia HĐQT và BKS thực hiện theo quy định của Điều lệ, quy định khác của SeABank và các quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>e) Các quyền khác quy định tại Điều lệ và phù hợp với quy định của pháp luật.</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ⁵⁶.</p>	

⁵³ Điểm c khoản 1 Điều 59 Luật các TCTD 2010.

⁵⁶ Điểm d khoản 2 Điều 67 Luật các TCTD 2024.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>Điều 37. Nghĩa vụ của cổ đông⁵⁷</p> <p>1. Cổ đông phổ thông có nghĩa vụ sau:</p> <p>Không quy định.</p> <p>2. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư của cá nhân, tổ chức khác phải cung cấp cho SEABANK thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư. SEABANK có quyền đình chỉ quyền cổ đông của các cổ đông này trong trường hợp phát hiện họ không cung cấp thông tin xác thực về chủ sở hữu thực sự các cổ phần.</p>	<p>Điều 36. Nghĩa vụ của cổ đông⁵⁸</p> <p>1. Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:</p> <p><i>g) Bảo mật thông tin được Ngân hàng cung cấp theo quy định của pháp luật và Điều lệ của tổ chức tín dụng; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; không được phát tán, sao, gửi thông tin được tổ chức tín dụng cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.</i></p> <p>2. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp cho SEABANK thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư trong SEABANK. SEABANK có quyền đình chỉ quyền cổ đông của các cổ đông nhận ủy thác đầu tư trong trường hợp cổ đông này không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ, không chính xác về chủ sở hữu thực sự các cổ phần.⁵⁹</p> <p>3. Cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của SeABank phải cung cấp (lần đầu và khi có thay đổi) các thông tin dưới đây bằng văn bản cho SeABank trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi:</p> <p>a) Họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp của cổ đông là người nước ngoài; số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương của cổ đông là tổ chức; ngày cấp, nơi cấp của giấy tờ này;</p> <p>b) Thông tin về người có liên quan bao gồm:</p> <p>i. Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 62 Luật các TCTD 2024; Điều 119 LDN 2020.</p>

⁵⁷ Điều 54 Luật các TCTD 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 119 LDN 2020.

⁵⁸ Điều 62 Luật các TCTD 2024; Điều 119 LDN 2020.

⁵⁹ Khoản 2 Điều 62 Luật TCTD 2024.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
	<p>ii. Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.</p> <p>iii. Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình tại SeABank;</p> <p>iv. Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của người có liên quan của mình tại SeABank.</p> <p>4. Đối với thông tin tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này, cổ đông chỉ phải cung cấp thông tin cho SeABank khi có mức thay đổi về tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình và người có liên quan từ 01% vốn điều lệ trở lên của SeABank so với lần cung cấp liền trước.</p> <p>5. Cổ đông phải bảo đảm thông tin cung cấp, công bố công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin có liên quan theo quy định tại Điều này</p>	
<p>Điều 39. Đại hội đồng cổ đông⁶⁰</p> <p>1. ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của SEABANK. ĐHĐCĐ có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a) Thông qua định hướng phát triển của SEABANK;</p> <p>b) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ;</p> <p>c) Phê chuẩn quy định về tổ chức và hoạt động của HĐQT, BKS, Quy chế nội bộ về quản trị công ty của SEABANK;</p> <p>d) Quyết định số lượng thành viên HĐQT, BKS từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT, thành viên BKS phù hợp với các điều kiện và tiêu</p>	<p>Điều 38. Đại hội đồng cổ đông⁶²</p> <p>1. ĐHĐCĐ gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của SEABANK. ĐHĐCĐ có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a) Thông qua định hướng phát triển của SEABANK;</p> <p>b) <i>Thông qua Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của SeABank;</i></p> <p>c) <i>Thông qua</i> quy định về tổ chức và hoạt động của HĐQT, BKS, Quy chế nội bộ về quản trị công ty của SEABANK;</p> <p>d) Quyết định số lượng thành viên HĐQT, BKS từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT, thành viên BKS phù hợp với các điều kiện và tiêu</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 67 Luật các TCTD 2024.</p>

⁶⁰ Khoản 2 Điều 59 Luật các TCTD 2010 và Điều 138, 147, 148 Luật DN 2020.

⁶² Khoản 3 Điều 67 Luật các TCTD 2024 và Điều 138, 147, 148 Luật DN 2020.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>chuẩn quy định tại Điều lệ này và theo các quy định của pháp luật;</p> <p>e) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của SEABANK.</p> <p>f) Quyết định mức thù lao, phụ cấp, thưởng và các lợi ích khác đối với HĐQT, BKS và ngân sách hoạt động của HĐQT, BKS;</p> <p>g) Xem xét và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm của HĐQT, BKS gây thiệt hại cho SEABANK và cổ đông của SEABANK;</p> <p>h) Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của SEABANK;</p> <p>i) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;</p> <p>j) Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán theo quy định của pháp luật;⁶¹</p> <p>k) Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;</p> <p>l) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của SEABANK;</p> <p>m) Thông qua báo cáo của HĐQT, BKS về việc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được giao;</p> <p>n) Quyết định thành lập công ty con;</p> <p>o) Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của SEABANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p>	<p>chuẩn quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan;</p> <p>e) Quyết định mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên HĐQT, thành viên BKS và ngân sách hoạt động của HĐQT, BKS;</p> <p>f) Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của HĐQT, BKS gây thiệt hại cho SEABANK và cổ đông của SEABANK;</p> <p>g) <i>Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của SEABANK;</i></p> <p>h) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;</p> <p>i) Thông qua <i>phương án</i> mua lại cổ phần đã bán theo quy định của pháp luật;</p> <p>j) Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;</p> <p>k) Thông qua <i>phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp SEABANK được can thiệp sớm;</i></p> <p>l) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của SEABANK;</p> <p>m) Thông qua báo cáo của HĐQT, BKS về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;</p> <p>n) Quyết định thành lập <i>hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài,</i> công ty con của SeABank;</p> <p>o) Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, <i>phần vốn góp</i> của SEABANK tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà <i>giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị từ 20% vốn điều lệ</i> trở lên của SEABANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p>	

⁶¹ Điểm i Khoản 2 Điều 59 Luật các TCTD 2010

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>p) Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của SEABANK có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của SEABANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>q) Thông qua các hợp đồng có giá trị trên 20% vốn điều lệ của SEABANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa:</p> <ol style="list-style-type: none"> i. SEABANK với thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và người có liên quan của họ; ii. SEABANK với Cổ đông lớn, người có liên quan của Cổ đông lớn của SEABANK; iii. SEABANK với công ty con, công ty liên kết của SEABANK. <p>r) Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản SEABANK;</p> <p>s) Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của SEABANK;</p> <p>t) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).</p> <p>2. Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua theo quy định sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) ĐHĐCĐ thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. b) Trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này, quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận. c) Đối với quyết định về các vấn đề dưới đây thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận: 	<p>p) Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản <i>có định</i> của SEABANK mà <i>mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản có định có giá trị từ 20%</i> vốn điều lệ trở lên của SEABANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>q) Thông qua hợp đồng, <i>giao dịch khác</i> có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của SEABANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa SeABank với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông lớn của SEABANK; người có liên quan của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, cổ đông lớn của SEABANK; công ty con, công ty liên kết của SEABANK.</p> <p>r) Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản SEABANK;</p> <p>s) <i>Quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập thực theo quy định tại Điều 84 Điều lệ này.</i></p> <p>t) Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của SEABANK;</p> <p>u) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).</p> <p>2. Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua theo quy định sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) ĐHĐCĐ thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. b) Trừ trường hợp quy định tại điểm c, d, e khoản này, quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận <i>hoặc khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản.</i> c) Đối với quyết định về các <i>nội dung</i> dưới đây thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ 	

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>i. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ SEABANK;</p> <p>ii. Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;</p> <p>iii. Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của SEABANK có giá trị từ 20% trở lên so với vốn điều lệ của SEABANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</p> <p>iv. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản SEABANK.</p>	<p>đồng dự họp chấp thuận <i>hoặc khi được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản:</i></p> <p><i>i. Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;</i></p> <p><i>ii. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của SEABANK mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% trở lên của SEABANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;</i></p> <p>d) <i>Đối với quyết định về nội dung quy định tại điểm r khoản 1 Điều này thì phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.</i></p>	
<p>Điều 40. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông 4. ĐHCĐ thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:</p> <p>a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của SEABANK;</p> <p>b) Báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>c) Báo cáo của HĐQT về hoạt động quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT của SEABANK;</p> <p>d) Báo cáo của BKS về kết quả kinh doanh của SEABANK, về kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc;</p> <p>e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và của từng thành viên BKS;</p> <p>f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.</p> <p>5. ĐHCĐ bất thường được triệu tập theo quyết định triệu tập họp</p>	<p>Điều 39. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông 4. Bãi bỏ.</p> <p>4. ĐHCĐ bất thường được triệu tập theo quyết định triệu tập họp của HĐQT trong các trường hợp sau đây:⁶⁵</p> <p>a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của SEABANK;</p> <p>b) Khi số thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật hoặc quy định của Điều lệ SEABANK;</p> <p>c) Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông;</p> <p>d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong trường hợp HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông thực hiện theo khoản 5 Điều 35 Điều lệ này;</p>	<p>Bãi bỏ khoản 4 để tránh trùng lặp và phù hợp với nội dung của Điều khoản này.</p> <p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 139, Điều 140 LDN 2020.</p>

⁶⁵ Khoản 2 Điều 67 Luật các TCTD 2024.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>của HĐQT trong các trường hợp sau đây:⁶³</p> <ul style="list-style-type: none"> a) HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của SEABANK; b) Khi số thành viên HĐQT, BKS còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật hoặc quy định của Điều lệ SEABANK; c) Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục tối thiểu là 6 tháng; d) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong trường hợp HĐQT vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông thực hiện theo khoản 5 Điều 36 Điều lệ này; e) Theo yêu cầu của BKS; f) Theo yêu cầu của NHNN trong trường hợp xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của SEABANK để quyết định về nội dung NHNN yêu cầu;⁶⁴ g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. 	<ul style="list-style-type: none"> e) Theo yêu cầu của BKS; f) <i>Quyết định nội dung</i> theo yêu cầu của NHNN khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của SEABANK;⁶⁶ g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. 	
<p>Điều 43. Mời họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của SEABANK; trường hợp SEABANK xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương. Trường hợp Cổ đông đã thông báo cho SEABANK về số fax, địa chỉ email, thông báo họp ĐHĐCĐ có thể gửi tới số fax, địa chỉ email đó. Trong trường hợp là nhân viên của SEABANK, thông báo có thể được gửi tới nơi làm việc của từng cá nhân trong các phong bì dán</p>	<p>Điều 42. Mời họp Đại hội đồng cổ đông⁶⁷</p> <p>3. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của SEABANK; đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương khi xét thấy cần thiết.</p> <p><i>Trường hợp Cổ đông đã thông báo cho SEABANK hoặc/ và SEABANK có dữ liệu từ Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam địa chỉ thư điện tử (email) hoặc/ và số điện thoại di động,</i></p>	<p>Thực hiện khuyến nghị và các thông lệ tốt về quản trị của IFC và HOSE.</p>

⁶³ Khoản 1 Điều 59 Luật các TCTD 2010.

⁶⁴ Điều 60 Luật các TCTD 2010.

⁶⁶ Điều điểm e khoản 2 Điều 67 Luật các TCTD 2024.

⁶⁷ Điều 143 LDN 2020.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
kín.	<p><i>thông báo hợp ĐHĐCĐ có thể được gửi tới email hoặc/ và số điện thoại di động đó và được coi là một phương thức bảo đảm tới cổ đông.</i></p> <p><i>Cổ đông có trách nhiệm cập nhật bất kỳ thay đổi thông tin nào liên quan đến email, số điện thoại di động hoặc bất kỳ thông tin định danh nào khác với SEABANK hoặc thành viên lưu ký nơi cổ đông đã lưu ký cổ phiếu. SEABANK không chịu trách nhiệm nếu thông báo mời họp không đến được cổ đông do có sự thay đổi mà không cập nhật SEABANK hoặc cập nhật sau thời điểm gửi thông báo mời họp.</i></p>	
<p>Điều 44. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Trình tự, thủ tục họp và biểu quyết thông qua hình thức hội nghị trực tuyến, hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến, hoặc bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác do HĐQT quyết định và hướng dẫn, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của Ngân hàng;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, thư điện tử đã đăng ký tại SEABANK.</p> <p>e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ và các quy định khác có liên quan của SEABANK.</p>	<p>Điều 43. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, hoặc bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.</p> <p>Trình tự, thủ tục họp và biểu quyết thông qua hình thức hội nghị trực tuyến, hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến, hoặc bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác do Người triệu tập họp Đại hội quyết định và hướng dẫn, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của Ngân hàng, <i>phù hợp với quy định của pháp luật liên quan (nếu có).</i></p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết <i>bản gốc đã biểu quyết, ký tên, đóng dấu (nếu có)</i> đến cuộc họp thông qua <i>buu điện/ chuyển phát hoặc/ và qua email tới địa chỉ hoặc/ và email của SeABank theo thông báo mời họp.</i></p>	Sửa đổi, bổ sung để làm rõ cách thức biểu quyết qua hình thức email/ buu điện/ chuyển phát để thực hiện.
<p>Điều 47. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản⁶⁸</p>	<p>Điều 46. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông dưới</p>	Sửa đổi, bổ sung theo thực tế vận

⁶⁸ Điều 148 và Điều 149 LDN 2020.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>4. c. Trường hợp gửi thư điện tử đã đăng ký với SEABANK phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p>	<p>hình thức lấy ý kiến bằng văn bản⁶⁹</p> <p>4. c. Trường hợp gửi thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về SEABANK phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p>	<p>hành với Tổng Công ty Thanh toán và Bù trừ chứng khoán</p>
<p>Điều 49. Hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông⁷⁰</p>	<p>Điều 48. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 151 LDN 2020</p>
<p>Điều 50. Báo cáo kết quả họp Đại hội đồng cổ đông⁷¹</p> <p>Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, tất cả các nghị quyết, quyết định được ĐHĐCĐ thông qua phải được gửi đến NHNN</p>	<p>Điều 49. Báo cáo kết quả họp Đại hội đồng cổ đông⁷²</p> <p>Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày <i>kết thúc</i> cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, SEABANK phải gửi đến NHNN tất cả nghị quyết, quyết định được ĐHĐCĐ thông qua.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 68 Luật các TCTD 2024</p>
<p>Điều 51. Thành phần và nhiệm kỳ Hội đồng quản trị</p> <p>1. HĐQT là cơ quan quản lý cao nhất của SEABANK, có toàn quyền nhân danh SEABANK để quyết định, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của SEABANK, trừ những vấn đề thuộc quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ</p> <p>2. HĐQT SEABANK có không ít hơn 05 thành viên và không quá 11 thành viên, trong đó có ít nhất 01 thành viên độc lập. Tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên HĐQT phải là thành viên không phải là người điều hành và thành viên độc lập.⁷³</p> <p>3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia HĐQT, nhưng không được vượt quá 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên HĐQT.⁷⁴</p>	<p>Điều 50. Thành phần và nhiệm kỳ Hội đồng quản trị</p> <p>1. HĐQT là cơ quan <i>quản trị</i> có toàn quyền nhân danh SEABANK để quyết định, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của SEABANK, trừ những vấn đề thuộc quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ.</p> <p>2. HĐQT SEABANK có <i>tối thiểu</i> 05 thành viên và không quá 11 thành viên, trong đó có <i>tối thiểu</i> 02 thành viên độc lập. 2/3 tổng số thành viên HĐQT phải là thành viên <i>độc lập</i> và <i>thành viên</i> không phải là người điều hành của SEABANK.⁷⁵</p> <p>3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia HĐQT, nhưng không được vượt quá <i>02 thành viên Hội đồng quản trị.</i>⁷⁶</p> <p>4. Nhiệm kỳ của HĐQT không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 50, Khoản 4 Điều 69 Luật các TCTD 2024 và đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên HĐQT theo quy định tại Điều</p>

⁶⁹ Điều 148 và Điều 149 LDN 2020.

⁷⁰ Điều 151 LDN 2020.

⁷¹ Điều 61 Luật các TCTD 2010.

⁷² Điều 68 Luật các TCTD 2024.

⁷³ Khoản 1 Điều 62 Luật các TCTD 2010.

⁷⁴ Khoản 2 Điều 62 Luật các TCTD 2010.

⁷⁵ Khoản 1 Điều 69 Luật các TCTD 2024.

⁷⁶ Khoản 3 Điều 69 Luật các TCTD 2024.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>4. Nhiệm kỳ của HĐQT không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT. Thành viên HĐQT có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</p> <p>7. Trường hợp số thành viên HĐQT không đủ hai phần ba tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ 05 thành viên theo quy định tại Điều lệ này thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, SEABANK phải bổ sung đủ số lượng thành viên HĐQT.</p> <p>8. Chủ tịch HĐQT phải là người có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm. Trường hợp cổ đông nước ngoài (bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài) tham gia HĐQT phải có thêm các điều kiện sau, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác:</p> <p>a) Tỷ lệ số người tham gia thành viên HĐQT chỉ được tương ứng với tỷ lệ vốn góp của tất cả các cổ đông nước ngoài tại SEABANK;</p> <p>b) Không làm thành viên HĐQT quá 02 tổ chức tín dụng tại Việt Nam;</p> <p>c) Không được giữ chức Chủ tịch HĐQT của SEABANK.</p>	<p>viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT. <i>Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT.</i> HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</p> <p>7. Trường hợp HĐQT <i>có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, SEABANK phải bổ sung, đảm bảo đủ số lượng thành viên tối thiểu.</i></p> <p>8. Chủ tịch HĐQT phải là người có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm. Trường hợp cổ đông nước ngoài (bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài) tham gia HĐQT phải có thêm các điều kiện sau, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác:</p> <p>a) <i>Tỷ lệ số người tham gia thành viên HĐQT chỉ được tương ứng với tỷ lệ vốn góp của tất cả các cổ đông nước ngoài tại SEABANK;</i></p> <p>b) <i>Không được giữ chức Chủ tịch HĐQT của SEABANK.</i></p> <p>10. <i>HĐQT có bộ phận giúp việc. Chức năng, nhiệm vụ của bộ phận giúp việc do HĐQT quy định.⁷⁷</i></p> <p>12. <i>HĐQT chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo Điều lệ này và quy định pháp luật liên quan.</i></p>	
<p>Điều 52. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị</p> <p>HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau đây:</p> <p>1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và hoạt động của Ngân hàng.</p>	<p>Điều 51. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị⁷⁸</p> <p>1. <i>Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 1 Điều 39 Điều lệ này.</i></p> <p>4. <i>Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức</i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 70 Luật các TCTD 2024</p>

⁷⁷ Khoản 4, Điều 50 Luật các TCTD 2024.

⁷⁸ Điều 70 Luật các TCTD 2024 và Điều 153 LDN 2020, Điều 278 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng quản trị, Người phụ trách quản trị công ty của Ngân hàng và người quản lý, người điều hành khác theo quy định nội bộ của HĐQT SEABANK trong từng thời kỳ.</p> <p>5. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của SEABANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; và cử người đại diện vốn góp của SEABANK tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó.</p> <p>6. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của SEABANK từ 10% trở lên so với vốn điều lệ của SEABANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của SEABANK thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ này; Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và chuyển giao công nghệ.</p> <p>10. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc.</p> <p>11. Quyết định mua lại cổ phần của SEABANK theo các quy định có liên quan.</p> <p>12. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.</p> <p>13. Đề nghị Thống đốc NHNN chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật.</p>	<p>lương, <i>thưởng</i>, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và người điều hành khác theo quy định nội bộ của HĐQT SEABANK trong từng thời kỳ.</p> <p>5. <i>Thông qua</i> phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, <i>phần vốn góp</i> của SEABANK tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác <i>mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20%</i> vốn điều lệ của SEABANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; và cử người đại diện vốn góp của SEABANK tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó.</p> <p>6. <i>Thông qua</i> quyết định đầu tư, mua, bán tài sản <i>có định</i> của SEABANK <i>mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản có định có giá trị từ 10%</i> vốn điều lệ trở lên của SEABANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản của SEABANK thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.</p> <p>10. <i>Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10%</i> vốn điều lệ trở lên của SEABANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các <i>hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.</i></p> <p>11. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công; <i>định kỳ hàng năm đánh giá</i> về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc.</p> <p>12. Quyết định mua lại cổ phần của SEABANK theo <i>phương án được duyệt.</i></p>	<p></p>
<p>Điều 53. Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 52. Quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị⁸⁰</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 71 và Luật các TCTD</p>

⁸⁰ Điều 70, 71 Luật các TCTD 2024; Điều 156 LDN 2020.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>4. Chủ tịch HĐQT có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Lập chương trình và kế hoạch hoạt động của HĐQT; b) Phân công nhiệm vụ của các thành viên HĐQT thực hiện quản trị hoạt động của SEABANK; c) Chuẩn bị nội dung, chương trình và tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa các phiên họp để thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT; d) Tổ chức thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT; e) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT; f) Thay mặt HĐQT triệu tập và chủ tọa họp ĐHĐCĐ; g) Bảo đảm các thành viên HĐQT nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà HĐQT phải xem xét; h) Giám sát các thành viên HĐQT trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn chung; i) Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban/Hội đồng/Ban của HĐQT tối thiểu mỗi năm 01 lần và báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả đánh giá này; j) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác của thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. <p>5. Thành viên HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau đây.⁷⁹</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, của NHNN, Điều lệ của SEABANK, quy chế nội bộ của HĐQT và sự phân công của Chủ tịch HĐQT một cách trung thực vì lợi ích của SEABANK và cổ đông; b) Xem xét báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, 	<p>3. Chủ tịch HĐQT có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Lập chương trình và kế hoạch hoạt động của HĐQT; <i>chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.</i> b) <i>Thay mặt HĐQT ký các văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT;</i> c) Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên HĐQT thực hiện quản trị hoạt động của SEABANK; d) Chuẩn bị nội dung, chương trình và tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa các cuộc họp để thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT; e) Tổ chức <i>việc</i> thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT; f) Giám sát, <i>tổ chức giám sát việc</i> thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT; g) <i>Làm</i> chủ tọa họp ĐHĐCĐ; h) Bảo đảm các thành viên HĐQT nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà HĐQT phải xem xét; i) Giám sát các thành viên HĐQT trong việc thực hiện <i>quyền, nghĩa vụ của thành viên HĐQT</i> và các nhiệm vụ <i>được phân công</i>; j) <i>Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Hội đồng quản trị thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.</i> k) <i>Định kỳ hàng năm, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên Hội đồng quản trị, các Ủy ban/Hội đồng/Ban của HĐQT và báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả đánh giá này.</i> <p>5. Thành viên HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau đây.⁸¹</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Thực hiện <i>quyền, nghĩa vụ của thành viên HĐQT</i> theo quy định 	<p>2024</p>

⁷⁹ Điều 65 Luật các TCTD 2010.

⁸¹ Điều 65 Luật các TCTD 2010.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>có ý kiến hoặc yêu cầu người quản trị, điều hành ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo;</p> <p>c) Đề nghị Chủ tịch HĐQT triệu tập HĐQT phiên bất thường;</p> <p>d) Tham dự đầy đủ các phiên họp của HĐQT; thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo quy định tại Điều lệ này, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước ĐHĐCĐ và trước HĐQT về những ý kiến của mình;</p> <p>e) Triển khai thực hiện các quyết định của ĐHĐCĐ và của HĐQT;</p> <p>f) Có trách nhiệm giải trình trước ĐHĐCĐ, HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu;</p> <p>g) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT;</p> <p>h) Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng, kế hoạch hoạt động kinh doanh của SEABANK trong từng thời kỳ;</p> <p>i) Báo cáo kịp thời và đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao mà thành viên HĐQT nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;</p> <p>j) Báo cáo UBCKNN, Sở Giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của SEABANK theo quy định của pháp luật;</p> <p>k) Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.</p>	<p>của pháp luật, của NHNN, Điều lệ của SEABANK, quy chế nội bộ của HĐQT và sự phân công của Chủ tịch HĐQT một cách trung thực, <i>cẩn trọng</i>, vì lợi ích của SEABANK và cổ đông; <i>phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.</i></p> <p>b) Xem xét báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình, làm rõ các vấn đề có liên quan đến báo cáo;</p> <p>c) Đề nghị Chủ tịch HĐQT triệu tập <i>họp</i> HĐQT bất thường;</p> <p>d) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT; thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo quy định tại Điều lệ này. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước ĐHĐCĐ và trước HĐQT về những ý kiến của mình; <i>Trường hợp nội dung biểu quyết có xung đột lợi ích với thành viên nào thì thành viên đó không được tham gia biểu quyết.</i></p> <p>e) <i>Thành viên Hội đồng quản trị không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định nội dung quy định tại các khoản 1, 5, 6, 7, 9, 10, 11, 13, 15, 16, 22 Điều 52 Điều lệ này.</i></p>	
<p>Điều 54. Các cuộc họp Hội đồng quản trị</p> <p>5. Chủ tịch HĐQT quy định cụ thể các trường hợp họp khẩn cấp, thời hạn thông báo và hình thức mời họp HĐQT trong trường hợp họp HĐQT khẩn cấp.</p>	<p>Điều 53. Các cuộc họp Hội đồng quản trị</p> <p>5. Chủ tịch HĐQT <i>quyết định</i> cụ thể các trường hợp họp khẩn cấp, thời hạn thông báo và hình thức mời họp HĐQT trong trường hợp họp HĐQT khẩn cấp.</p>	<p>Bổ sung theo khuyến nghị của Tổ chức Tài chính Quốc tế IFC và</p>

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>7. 7. Cuộc họp HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự từ xa thông qua phương tiện điện tử sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng sau đó phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.</p>	<p>7. Cuộc họp HĐQT có thể tổ chức theo hình thức nghị sự từ xa thông qua phương tiện điện tử sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp. <i>Việc tổ chức họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác được thực hiện theo quy định của HĐQT trong từng thời kỳ.</i></p>	<p>HOSE, phù hợp với thực tế triển khai trong từng thời kỳ.</p>
<p>Điều 55. Điều kiện tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị</p> <p>2. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định của Điều lệ này và quy định của SEABANK có liên quan; Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của SeABank trong từng thời kỳ; Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. <p>Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p>	<p>Điều 54 Điều kiện tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị⁸²</p> <p>3. Thành viên HĐQT được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; Ủy quyền cho <i>thành viên khác</i> đến dự họp và biểu quyết theo quy định của Điều lệ này và quy định của SEABANK có liên quan, <i>trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 5 Điều 53 Điều lệ này;</i> Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của SeABank trong từng thời kỳ; <i>Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, thư điện tử.</i> <p>Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một giờ trước khi khai mạc và chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p>	
<p>Điều 56. Thông báo, Chương trình và tài liệu họp Hội đồng quản trị</p> <p>2. Thông báo mời họp có thể được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương tiện khác và bảo đảm đến được địa chỉ hiện tại của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại</p>	<p>Điều 55. Thông báo, Chương trình và tài liệu họp Hội đồng quản trị⁸³</p> <p>2. Thông báo mời họp có thể được gửi bằng giấy mời, điện thoại, <i>email</i>, phương tiện điện tử hoặc phương tiện khác <i>đến địa chỉ của thành viên HĐQT.</i></p>	<p>Bổ sung theo khuyến nghị của Tổ chức Tài chính Quốc tế IFC và HOSE</p>

⁸² Điều 157 LDN 2020.

⁸³ Điều 157 LDN 2020.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>SEABANK.</p> <p>Điều 59. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản</p> <p>2. Thư ký HĐQT chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương thức khác và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại SEABANK.</p> <p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên HĐQT và gửi về SEABANK theo quy định của SEABANK, trừ trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản dưới hình thức thư điện tử.</p> <p>5. Việc lấy ý kiến bằng văn bản dưới hình thức thư điện tử sẽ do Chủ tịch HĐQT quyết định. Trong trường hợp lấy ý kiến dưới hình thức thư điện tử, việc gửi phương án biểu quyết được thực hiện qua thư điện tử đã đăng ký tại Ngân hàng và có giá trị tương đương với việc biểu quyết trên văn bản có chữ ký của thành viên HĐQT.</p> <p>6. Thư ký HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên HĐQT độc lập (hoặc 02 thành viên HĐQT) và thành viên Ban kiểm soát. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây.</p> <p>7. Thư ký HĐQT tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>9. Phiếu lấy ý kiến/ các thư điện tử biểu quyết đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của SEABANK.</p>	<p>Điều 58. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản</p> <p>2. <i>Bộ phận giúp việc của HĐQT</i> chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng <i>thư, thư điện tử</i> hoặc phương thức điện tử khác và bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT.</p> <p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên HĐQT và gửi về SEABANK theo quy định của SEABANK, trừ trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản dưới hình thức thư điện tử <i>hoặc biểu quyết theo hình thức điện tử khác</i>.</p> <p>5. Việc lấy ý kiến bằng văn bản dưới hình thức thư điện tử <i>hoặc theo hình thức điện tử khác</i> sẽ do Chủ tịch HĐQT quyết định. Trong trường hợp lấy ý kiến dưới hình thức thư điện tử <i>hoặc theo hình thức điện tử khác</i>, việc gửi phương án biểu quyết được thực hiện qua thư điện tử <i>hoặc theo hình thức điện tử khác</i> sẽ có giá trị tương đương với việc biểu quyết trên văn bản có chữ ký của thành viên HĐQT.</p> <p>6. <i>Thư ký Công ty/ Người phụ trách Quản trị Công ty/ Bộ phận giúp việc của HĐQT</i> kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên HĐQT độc lập (hoặc 02 thành viên HĐQT) và thành viên Ban kiểm soát. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây.</p> <p>7. <i>Thư ký Công ty/ Người phụ trách Quản trị Công ty</i> tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>9. Phiếu lấy ý kiến/ các thư điện tử/ <i>Phiếu biểu quyết điện tử</i> đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều</p>	<p>Bổ sung theo khuyến nghị của Tổ chức Tài chính Quốc tế IFC và HOSE và chức danh Thư ký HĐQT trong Luật các TCTD năm 2024 đã được bãi bỏ, thay thế bằng Bộ phận giúp việc của HĐQT.</p> <p>Thư ký Công ty theo quy định của Điều 156.5 Luật Doanh nghiệp có trách nhiệm giúp việc và ghi nhận BBH của HĐQT.</p>

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>Điều 62. Thư ký HĐQT</p>	<p>phải được lưu giữ tại trụ sở chính của SEABANK.</p> <p>Bãi bỏ</p>	<p>Bãi bỏ theo Điều 50 của Luật các TCTD năm 2024. Theo đó, chức danh Thư ký HĐQT được thay thế bằng Bộ phận giúp việc và Bộ phận giúp việc có tên gọi, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức sẽ do HĐQT quyết định.</p>
<p>Điều 63. Thành phần và nhiệm kỳ của Ban kiểm soát⁸⁴</p> <ol style="list-style-type: none"> BKS thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ của SEABANK, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT. BKS có số thành viên ít nhất là ba (03) thành viên và nhiều nhất là 05 (năm) thành viên, trong đó có ít nhất một phần hai (1/2) tổng số thành viên là thành viên chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại SEABANK và doanh nghiệp khác. Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của SEABANK. BKS có bộ phận kiểm toán nội bộ, được sử dụng các nguồn lực của SEABANK, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình. Nhiệm kỳ của BKS không quá năm (05) năm. Nhiệm kỳ của 	<p>Điều 61. Thành phần và nhiệm kỳ của Ban kiểm soát⁸⁵</p> <ol style="list-style-type: none"> BKS thực hiện <i>giám sát</i>, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ của SEABANK, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT. BKS có số thành viên <i>tối thiểu là năm (05)</i> thành viên, trong đó có ít nhất một phần hai (1/2) tổng số thành viên <i>thường trú tại Việt Nam. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát tối đa do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</i> BKS có bộ phận kiểm toán nội bộ, <i>bộ phận giúp việc</i> để thực hiện nhiệm vụ của mình. Nhiệm kỳ của BKS không quá năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên BKS theo nhiệm kỳ của BKS. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. BKS của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi BKS của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc. Trường hợp số thành viên BKS <i>ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn 90 ngày kể</i> 	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 51 Luật các TCTD 2024; Điều 168 LDN 2020</p>

⁸⁴ Điều 44 Luật các TCTD 2010; Điều 168 LDN 2020.

⁸⁵ Điều 51 Luật các TCTD 2024; Điều 168 LDN 2020.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>thành viên BKS theo nhiệm kỳ của BKS. Thành viên BKS có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. BKS của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi BKS của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</p> <p>5. Trường hợp số thành viên BKS không đủ hai phần ba (2/3) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ này thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, SEABANK phải bổ sung đủ số lượng thành viên BKS.</p> <p>6. Các thành viên BKS bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng BKS theo nguyên tắc đa số.</p>	<p><i>từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, SEABANK phải bầu bổ sung, đảm bảo số thành viên tối thiểu.</i></p> <p>6. Các thành viên BKS bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng BKS theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của ngân hàng.</p>	
<p>Điều 63.</p> <p>2. BKS có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:⁸⁶</p> <p>a) Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ SEABANK trong quản trị, điều hành ngân hàng; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và hoạt động giám sát của mình.</p> <p>b) Ban hành Quy định nội bộ của BKS. Định kỳ hàng năm, xem xét lại Quy định nội bộ của BKS, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.</p> <p>c) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.</p> <p>d) Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý; điều hành ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ được giao.</p>	<p>Điều 62. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát</p> <p>2. BKS có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:⁸⁷</p> <p>a) Giám sát <i>hoạt động quản trị, điều hành của SEABANK trong việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước ĐHĐCĐ</i> trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và hoạt động giám sát của mình.</p> <p>b) Ban hành Quy định nội bộ của BKS. Định kỳ hàng năm, xem xét lại Quy định nội bộ của BKS, <i>quy định nội bộ của SEABANK về chế độ kế toán và báo cáo.</i></p> <p>c) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.</p> <p>d) <i>Tổ chức</i> thực hiện kiểm toán nội bộ; <i>được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành của SEABANK, có quyền sử dụng các nguồn lực của SEABANK để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập, tổ chức bên ngoài</i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 52.1 Luật các TCTD</p>

⁸⁶ Điều 45 Luật các TCTD 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 170 LDN 2020.

⁸⁷ Điều 52 Luật các TCTD 2024, Điều 170 LDN 2020.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>e) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm của SEABANK (bao gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện) và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT. Báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.</p> <p>f) Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của SEABANK; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Ngân hàng.</p> <p>g) Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của ngân hàng khi thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 36 Điều lệ này. BKS triển khai thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu trên. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của BKS quy định tại khoản này không được cản trở, gây gián đoạn hoạt động bình thường trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của SEABANK.</p> <p>h) Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.</p> <p>i) Kịp thời thông báo cho HĐQT khi phát hiện trường hợp vi phạm của người quản lý SEABANK trong vòng 48 giờ theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật hiện hành có liên quan, đồng thời yêu cầu người vi phạm chấm dứt hành vi</p>	<p><i>để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của BKS.</i></p> <p>e) <i>Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hàng năm của SEABANK; báo cáo ĐHĐCĐ về kết quả thẩm định báo cáo tài chính; đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.</i></p> <p>f) <i>Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của SEABANK thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</i></p> <p>g) <i>Giám sát việc chấp hành các quy định tại Chương VII Luật các TCTD 2024 về các hạn chế để đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng.</i></p> <p>h) Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của ngân hàng khi thấy cần thiết hoặc <i>trong các trường hợp sau đây:</i></p> <p>(i) Theo nghị quyết, <i>quyết định</i> của ĐHĐCĐ;</p> <p>(ii) Theo yêu cầu của NHNN hoặc của cổ đông lớn, nhóm cổ đông phù hợp với quy định của pháp luật. BKS triển khai thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến <i>tổ chức, cá nhân có yêu cầu</i>. Việc kiểm tra của BKS quy định tại khoản này không được cản trở, gây gián đoạn hoạt động bình thường trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của SEABANK.</p> <p>i) Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.</p>	

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).</p> <p>j) Lập danh sách những người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc và cổ đông sáng lập, cổ đông lớn của ngân hàng; lưu giữ và cập nhật thay đổi danh sách này.</p> <p>k) Đề nghị HĐQT họp bất thường hoặc đề nghị HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ họp bất thường theo quy định tại Điều lệ này.</p> <p>l) Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp HĐQT có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định tại Điều lệ này, quy định của pháp luật hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.</p> <p>m) Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của SEABANK.</p> <p>n) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định của SEABANK trong từng thời kỳ.</p>	<p>j) Kịp thời thông báo cho ĐHĐCĐ, HĐQT khi phát hiện người quản lý, người điều hành của SEABANK có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, quy định nội bộ của SEABANK, nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).</p> <p>k) Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của SeABank, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.</p> <p>l) Đề nghị HĐQT họp bất thường hoặc đề nghị HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ họp bất thường theo quy định tại Điều lệ này.</p> <p>m) Triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp HĐQT có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định tại Điều lệ này, quy định của pháp luật hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.</p> <p>n) Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của SEABANK.</p> <p>o) Kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về các hành vi vi phạm quy định tại các điểm g, k, n khoản 2 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, người có liên quan theo quy định của Luật các TCTD.</p> <p>p) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định của SEABANK trong từng thời kỳ.</p>	
<p>Điều 64. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Trưởng BKS có nhiệm vụ và quyền hạn sau:</p> <p>a) Tổ chức triển khai việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của</p>	<p>Điều 63. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát⁸⁹</p> <p>1. Trưởng BKS có nhiệm vụ và quyền hạn sau:</p> <p>a) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của BKS theo quy định</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 53, Điều 54 Luật các TCTD 2024</p>

⁸⁹ Điều 53, Điều 54 Luật các TCTD 2024.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>BKS theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan;</p> <p>b) Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của BKS trên cơ sở ý kiến đề xuất của thành viên BKS liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của BKS; triệu tập và chủ tọa cuộc họp BKS;</p> <p>c) Thay mặt BKS ký các văn bản thuộc thẩm quyền của BKS;</p> <p>d) Thay mặt BKS triệu tập ĐHĐCĐ họp bất thường hoặc đề nghị HĐQT họp bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;</p> <p>e) Tham dự các cuộc họp HĐQT, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị, nhưng không tham gia biểu quyết;</p> <p>f) Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp HĐQT nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của HĐQT và báo cáo trước ĐHĐCĐ;</p> <p>g) Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên BKS;</p> <p>h) Đảm bảo các thành viên BKS nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà BKS phải xem xét.</p> <p>i) Giám sát, chỉ đạo các thành viên BKS triển khai thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của BKS;</p> <p>j) Ủy quyền cho một trong số thành viên BKS đảm nhiệm công việc của Trưởng ban trong thời gian vắng mặt;</p> <p>k) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.</p> <p>2. Thành viên BKS có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:⁸⁸</p> <p>a) Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ của SEABANK, quy định nội bộ của BKS và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;</p>	<p>của Điều lệ này và pháp luật có liên quan;</p> <p>b) <i>Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát;</i></p> <p>c) Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của BKS trên cơ sở ý kiến đề xuất của thành viên BKS liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của BKS; triệu tập và chủ tọa cuộc họp BKS;</p> <p>d) Thay mặt BKS ký các văn bản thuộc thẩm quyền của BKS;</p> <p>e) Thay mặt BKS triệu tập ĐHĐCĐ họp bất thường hoặc đề nghị HĐQT họp bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;</p> <p>f) Tham dự các cuộc họp HĐQT, <i>có quyền phát biểu ý kiến</i> nhưng không <i>được</i> biểu quyết;</p> <p>g) Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp HĐQT nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của HĐQT và báo cáo trước ĐHĐCĐ;</p> <p>h) Chuẩn bị kế hoạch làm việc <i>của Ban kiểm soát</i> và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên BKS;</p> <p>i) Đảm bảo các thành viên BKS nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà BKS phải xem xét.</p> <p>j) Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ <i>được phân công và quyền, nghĩa vụ</i> của thành viên BKS;</p> <p>k) <i>Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của BKS thực hiện quyền, nghĩa vụ của Trưởng ban trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ;</i></p> <p>l) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.</p> <p>1. Thành viên BKS có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:⁹⁰</p> <p>a) Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ của SEABANK, quy</p>	

⁸⁸ Điều 170 LDN 2020 và Điều 288 NĐ 155/2020/NĐ-CP.

⁹⁰ Điều 170 LDN 2020 và Điều 288 NĐ 155/2020/NĐ-CP.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>b) Bầu một thành viên BKS làm Trưởng BKS;</p> <p>c) Yêu cầu Trưởng BKS triệu tập họp BKS bất thường;</p> <p>d) Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo, bản quyết toán năm tài chính và kiến nghị khắc phục các sai phạm (nếu có);</p> <p>e) Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của SEABANK cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công;</p> <p>f) Báo cáo Trưởng BKS về những sự kiện tài chính bất thường và chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình;</p> <p>g) Tham dự cuộc họp của BKS, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của BKS, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó;</p> <p>h) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cổ đông về việc xác định tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ liên quan hoạt động SEABANK. Trường hợp che giấu hoặc không kịp thời kiến nghị xử lý đối với những sai phạm sẽ phải chịu trách nhiệm liên đới khi thực hiện nhiệm vụ;</p> <p>i) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của SEABANK;</p> <p>j) Trung thành với lợi ích của SEABANK và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của SEABANK, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của SEABANK để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>k) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>định nội bộ của BKS và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng BKS để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của BKS một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của SEABANK và cổ đông; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình;</p> <p>b) Bầu một thành viên BKS làm Trưởng BKS;</p> <p>c) Yêu cầu Trưởng BKS triệu tập họp BKS bất thường;</p> <p>d) Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo, bản quyết toán năm tài chính và kiến nghị khắc phục các sai phạm (nếu có);</p> <p>e) Được quyền yêu cầu người quản lý báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành SeABANK;</p> <p>f) Yêu cầu người quản lý, người điều hành, nhân viên của SEABANK cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công;</p> <p>g) Báo cáo Trưởng BKS về những sự kiện tài chính bất thường của SEABANK và chịu trách nhiệm về đánh giá, kết luận của mình;</p> <p>h) Tham dự cuộc họp của BKS, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của BKS, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó;</p> <p>i) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cổ đông về việc xác định tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ liên quan hoạt động SEABANK. Trường hợp che giấu hoặc không kịp thời kiến nghị xử lý đối với những sai phạm sẽ phải chịu trách nhiệm liên đới khi thực hiện nhiệm vụ;</p> <p>j) Trung thành với lợi ích của SEABANK và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của SEABANK, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của SEABANK để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>k) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.</p>	

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>Điều 68. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc</p> <p>8. Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức và hoạt động nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của SEABANK trình HĐQT hoặc ĐHĐCĐ quyết định theo thẩm quyền.</p> <p>11. Ký kết hợp đồng nhân danh SEABANK theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của SEABANK trong từng thời kỳ.</p>	<p>Điều 66. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc⁹¹</p> <p>8. Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức <i>quản lý của SEABANK trình HĐQT hoặc ĐHĐCĐ quyết định theo thẩm quyền.</i></p> <p>11. Ký kết hợp đồng, <i>giao dịch khác</i> nhân danh SEABANK theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của SEABANK trong từng thời kỳ.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 56 Luật các TCTD 2024</p>
<p>Điều 69. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Thành viên HĐQT phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 72 của Điều lệ này;</p> <p>b) Có đạo đức nghề nghiệp;</p> <p>c) Có bằng đại học trở lên;</p> <p>d) Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của các tổ chức tín dụng; hoặc</p> <p>e) Có ít nhất 05 năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định áp dụng đối với SEABANK theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ; hoặc</p> <p>f) Có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.</p> <p>2. Thành viên độc lập của HĐQT phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không phải là người đang làm việc cho chính SEABANK hoặc công ty con của SEABANK hoặc đã làm việc cho chính</p>	<p>Điều 67. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị⁹²</p> <p>1. Thành viên HĐQT phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Khoản 1 Điều 71 của Điều lệ này;</p> <p>b) Có đạo đức nghề nghiệp <i>theo quy định của Thống đốc NHNN;</i></p> <p>c) <i>Có trình độ từ</i> đại học trở lên;</p> <p>d) Có ít nhất 03 năm là người quản lý, người điều hành của các tổ chức tín dụng; hoặc</p> <p>e) Có ít nhất 05 năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định áp dụng đối với SEABANK theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ; hoặc</p> <p>f) Có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.</p> <p>2. Thành viên độc lập của HĐQT phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <p>a) Không phải là người đang làm việc cho chính SEABANK hoặc công ty con của SEABANK hoặc đã làm việc cho chính SEABANK hoặc công ty con của SEABANK trong 03 năm</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Khoản 1 Điều 41 Luật các TCTD 2024 và Điều 155 LDN 2020</p>

⁹¹ Điều 56 Luật các TCTD 2024; Điều 162 LDN 2020.

⁹² Khoản 1 Điều 41 Luật các TCTD 2024 và Điều 155 LDN 2020.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>SEABANK hoặc công ty con của SEABANK trong 03 năm liền kề trước đó;</p> <p>b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của SEABANK ngoài những khoản phụ cấp của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;</p> <p>c) Không phải là người có vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột và vợ, chồng của những người này là Cổ đông lớn của SEABANK, hoặc là người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của SEABANK hoặc công ty con của SEABANK;</p> <p>d) Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của SEABANK; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của SEABANK;</p> <p>e) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của SEABANK tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó.</p> <p>f) Các điều kiện, tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật liên quan.</p>	<p>liền kề trước đó;</p> <p>b) Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của SEABANK ngoài những khoản <i>thù lao</i> của thành viên HĐQT được hưởng theo quy định;</p> <p>c) Không phải là người có vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột và vợ, chồng của những người này là Cổ đông lớn của SEABANK, hoặc là người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của SEABANK hoặc công ty con của SEABANK;</p> <p>d) <i>Không đại diện sở hữu cổ phần của SEABANK</i>; không cùng người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của SEABANK;</p> <p>e) Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của SEABANK tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kề trước đó.</p> <p>f) Các điều kiện, tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật liên quan.</p>	
<p>Điều 70. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 72 của Điều lệ này và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của SEABANK;</p> <p>b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của SEABANK trong 03 năm liền trước đó.</p> <p>2. Có đạo đức nghề nghiệp;</p>	<p>Điều 68. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát⁹³</p> <p>1. Không thuộc <i>trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ</i> quy định tại Khoản 1 Điều 71 của Điều lệ này và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của SEABANK;</p> <p>b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của SEABANK trong 03 năm liền trước đó.</p> <p>2. Có đạo đức nghề nghiệp <i>theo quy định của Thống đốc NHNN</i>;</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 41.3.đ Luật các TCTD 2024</p>

⁹³ Khoản 3 Điều 41 Luật các TCTD 2024, Điều 169 LDN 2020.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<ol style="list-style-type: none"> 3. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; 4. Có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán; 5. Không phải là người có liên quan của người quản lý của SEABANK; 6. Không phải là người quản lý của SEABANK; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của SEABANK; 7. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm (đối với thành viên Ban kiểm soát chuyên trách); 8. Các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan. 	<ol style="list-style-type: none"> 3. Có <i>trình độ</i> từ đại học trở lên về một trong các ngành <i>tài chính, ngân hàng</i>, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán; 4. Có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán; 5. Không phải là người có liên quan của người quản lý của SEABANK; 6. Không phải là người quản lý của SEABANK; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của SEABANK; 7. <i>Trưởng Ban kiểm soát phải cư trú</i> tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm; 8. Các tiêu <i>chuẩn</i>, điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan. 	
<p>Điều 71. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Tổng Giám đốc</p> <p>Tổng Giám đốc phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 72 của Điều lệ này; 2. Có đạo đức nghề nghiệp; 3. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật; 4. Có ít nhất 05 năm là người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định áp dụng đối với SEABANK theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán. 	<p>Điều 69. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Tổng Giám đốc⁹⁴</p> <p>Tổng Giám đốc phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Không thuộc trường <i>hợp không được đảm nhiệm chức vụ</i> quy định tại Khoản 1 Điều 71 của Điều lệ này; 2. Có đạo đức nghề nghiệp <i>theo quy định của Thống đốc NHNN</i>; 3. Có <i>trình độ</i> từ đại học trở lên về một trong các ngành <i>tài chính, ngân hàng</i>, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, <i>kế toán, kiểm toán</i>. 4. Có ít nhất 05 năm là người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định áp dụng đối với SEABANK theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán. 	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Khoản 4 Điều 41 Luật các TCTD 2024</p>

⁹⁴ Khoản 4 Điều 41 Luật các TCTD 2024.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>5. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>Điều 72. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc công ty con và các chức danh tương đương của SEABANK</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 74 của Điều lệ này; đối với Phó Tổng Giám đốc không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 74 của Điều lệ này; 2. Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; hoặc 3. Có bằng đại học trở lên ngoài các ngành, lĩnh vực tại khoản 2 này và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; 4. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm. 	<p>5. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>Điều 70. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc công ty con và các chức danh tương đương của SEABANK⁹⁵</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Error! Reference source not found. của Điều lệ này; đối với Phó Tổng Giám đốc không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Error! Reference source not found. 71 của Điều lệ này; 2. Có <i>trình độ</i> từ đại học trở lên về một trong các ngành <i>tài chính, ngân hàng</i>, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, <i>kế toán, kiểm toán hoặc ngành khác thuộc</i> lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; hoặc 3. Có <i>trình độ từ</i> đại học trở lên ngoài các ngành, lĩnh vực tại khoản 2 này và có ít nhất 03 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; 4. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm. 5. <i>Kế toán trưởng còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật về kế toán.</i> 	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Khoản 5 Điều 41 Luật các TCTD 2024</p>
<p>Điều 73. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Những người sau đây không được là thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và chức danh tương đương của SEABANK: <ol style="list-style-type: none"> a) Người thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này; b) Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng; c) Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên 	<p>Điều 71. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ⁹⁶</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Những người sau đây không được là thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và chức danh tương đương của SEABANK: <ol style="list-style-type: none"> a) Người thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều này; b) Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành <i>doanh nghiệp, hợp tác xã</i> theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng; c) Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp 	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 42 Luật các TCTD 2024</p>

⁹⁵ Khoản 5 Điều 41 Luật các TCTD 2024.

⁹⁶ Điều 42 Luật các TCTD 2024.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Chủ tịch và các thành viên HĐQT, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;</p> <p>d) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;</p> <p>e) Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc của tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan pháp luật xác định người đó có sai phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;</p> <p>f) Người có liên quan của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc không được là thành viên BKS của SEABANK;</p> <p>g) Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng;</p> <p>h) Người có liên quan của Chủ tịch HĐQT không được là Tổng Giám đốc của SEABANK.</p>	<p>đanh của công ty hợp danh, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Chủ tịch và các thành viên HĐQT, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của doanh nghiệp, <i>thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là TCTD bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ;</i></p> <p>d) Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch HĐQT, thành viên khác của HĐQT; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng Ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng Giám đốc của tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;</p> <p>e) Người có liên quan của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc.</p> <p>f) Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng;</p> <p>2. Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc công ty con của SEABANK:</p> <p>a) Người chưa thành niên; <i>người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;</i> người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;</p> <p>b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành hình phạt tù; <i>đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc;</i> đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;</p>	

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>2. Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc công ty con của SEABANK:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; c) Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên; d) Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích; e) Cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, và người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên; f) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam; g) Không đảm bảo tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp, năng lực điều hành và trình độ chuyên môn theo quy định của NHNN; h) Các trường hợp khác theo quy định của SEABANK trong từng thời kỳ. 	<ul style="list-style-type: none"> c) Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên; d) Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích; e) Cán bộ, công chức, <i>viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong</i> trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% vốn điều lệ trở lên; <i>trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại tổ chức tín dụng hoặc được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát tổ chức tín dụng theo yêu cầu nhiệm vụ.</i> f) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp; <i>công nhân công an</i> trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam <i>trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại tổ chức tín dụng;</i> g) Không đảm bảo tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp, năng lực điều hành và trình độ chuyên môn theo quy định của NHNN; h) Các trường hợp khác theo quy định của SEABANK trong từng thời kỳ. 	
<p>Điều 74. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị của SEABANK không được đồng thời là người điều hành của SEABANK và của tổ chức tín dụng khác, và không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các</p>	<p>Điều 72. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ⁹⁷</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị của SEABANK không được đồng thời là người điều hành, <i>thành viên BKS</i> của SEABANK và của tổ chức tín dụng khác, và không được đồng thời là <i>người quản lý</i> của doanh nghiệp khác.</p> <p>2. <i>Thành viên HĐQT không phải là thành viên độc lập không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:</i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 43 Luật các TCTD 2024</p>

⁹⁷ Điều 43 Luật các TCTD 2024.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>chức danh tương đương của doanh nghiệp khác. Thành viên HĐQT của SEABANK không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác (trừ trường hợp tổ chức này là công ty con của SEABANK) hoặc là thành viên BKS của SEABANK.</p> <p>2. Trường BKS không được đồng thời là thành viên BKS, người quản lý của tổ chức tín dụng khác. Thành viên BKS không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:</p> <p>a) Thành viên HĐQT, người điều hành, nhân viên của SEABANK hoặc công ty con của SEABANK hoặc nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc của SEABANK là thành viên HĐQT, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó;</p> <p>b) Thành viên HĐQT, thành viên Hội đồng thành viên, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên BKS của doanh nghiệp đó đang là thành viên HĐQT, người điều hành tại SEABANK.</p> <p>3. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương không được đồng thời là thành viên HĐQT, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên BKS của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của SEABANK.</p> <p>4. Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương của SEABANK không được đồng thời là Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.</p> <p>5. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật có liên quan.</p>	<p>a) <i>Người điều hành của SEABANK, trừ trường hợp là Tổng Giám đốc của SEABANK;</i></p> <p>b) <i>Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành công ty con của SEABANK;</i></p> <p>c) <i>Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.</i></p> <p>3. <i>Thành viên độc lập HĐQT của SEABANK không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:</i></p> <p>a) <i>Người điều hành của SEABANK;</i></p> <p>b) <i>Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác;</i></p> <p>c) <i>Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.</i></p> <p>4. Thành viên BKS không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:</p> <p>c) <i>Người quản lý, người điều hành của SEABANK, hoặc tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác, nhân viên của SEABANK hoặc công ty con của SEABANK.;</i></p> <p>d) <i>Nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên HĐQT, thành viên Hội đồng thành viên của SEABANK là thành viên HĐQT, người điều hành hoặc cổ đông lớn của doanh nghiệp đó.</i></p> <p>5. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương không được đồng thời là <i>người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác, trừ trường hợp Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương là người quản lý, người điều hành công ty con của SEABANK.</i></p>	
<p>Điều 75. Quy định về việc đề cử tham gia bầu/ bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát</p>	<p>Điều 73. Quy định về việc ứng cử/ đề cử tham gia bầu/ bầu bổ</p>	

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>1. Các cổ đông/nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Điều lệ này có quyền đề cử các ứng viên tham gia bầu/ bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS của SEABANK. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT và BKS phải thông báo và thực hiện các thủ tục hợp nhóm đề cử theo đúng thông báo của HĐQT và phải thông báo cho các cổ đông dự họp biết trước khi ĐHCĐ khai mạc. Trừ trường hợp HĐQT quyết định khác, số lượng ứng cử viên mà các nhóm có quyền đề cử sẽ được xác định như sau:</p> <p>a. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một ứng cử viên.</p>	<p>sung thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát⁹⁸</p> <p>1. Các cổ đông/nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Điều lệ này có quyền ứng cử/ đề cử các ứng viên tham gia bầu/ bầu bổ sung thành viên HĐQT, BKS của SEABANK. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT và BKS phải thông báo và thực hiện các thủ tục hợp nhóm đề cử theo đúng thông báo của HĐQT và phải thông báo cho các cổ đông dự họp biết trước khi ĐHCĐ khai mạc. Trừ trường hợp HĐQT quyết định khác, số lượng ứng cử viên mà các nhóm có quyền đề cử sẽ được xác định như sau:</p> <p>a. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 05% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ứng cử/ đề cử tối đa một ứng cử viên.</p>	
<p>Điều 76. Chấp thuận danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc</p> <p>3. HĐQT phải thông báo cho NHNN danh sách những người được bầu, bổ nhiệm các chức danh quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày bầu, bổ nhiệm và thực hiện công bố thông tin về kết quả bầu, bổ nhiệm theo quy định của pháp luật chứng khoán.</p>	<p>Điều 74. Chấp thuận danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc</p> <p>3. HĐQT phải thông báo cho NHNN danh sách những người được bầu, bổ nhiệm các chức danh quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bầu, bổ nhiệm và thực hiện công bố thông tin về kết quả bầu, bổ nhiệm theo quy định của pháp luật chứng khoán.</p>	
<p>Điều 77. Đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc</p> <p>1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc:</p> <p>a) Mất năng lực hành vi dân sự, chết;</p> <p>b) Vi phạm quy định tại Điều 73 của Điều lệ này về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;</p>	<p>Điều 75. Đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc⁹⁹</p> <p>1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc:</p> <p>a) <i>Thuộc một trong các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Điều 71 của Điều lệ này;</i></p> <p>b) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông hoặc thành viên góp vốn của SEABANK khi tổ chức đó bị</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 45 Luật các TCTD 2024</p>

⁹⁸ Khoản 5 Điều 115 LDN 2020, Điều 274 và 285 NĐ 155/2020/NĐ-CP.

⁹⁹ Điều 45 Luật các TCTD 2024.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>c) Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông hoặc thành viên góp vốn của SEABANK khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;</p> <p>d) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;</p> <p>e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>f) SEABANK bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;</p> <p>g) Hợp đồng thuê Tổng Giám đốc hết hiệu lực.</p>	<p>chấm dứt <i>tồn tại</i>;</p> <p>c) Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;</p> <p>d) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>e) SEABANK bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;</p> <p>f) Hợp đồng thuê Tổng Giám đốc hết hiệu lực.</p> <p>g) Chết.</p>	
<p>Điều 78. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc</p> <p>1. Chủ tịch và các thành viên HĐQT, Trưởng ban và các thành viên BKS, Tổng Giám đốc SEABANK bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong những trường hợp sau:</p> <p>a) Năng lực hành vi dân sự bị hạn chế;</p> <p>b) Có đơn xin từ chức với lý do hợp lý gửi HĐQT, Ban kiểm soát;</p> <p>c) Không tham gia các hoạt động của HĐQT (đối với thành viên HĐQT), Ban kiểm soát (Đối với thành viên BKS) trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>d) Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định Điều 72, 73, 74 của Điều lệ này;</p> <p>e) Không đảm bảo yêu cầu về tính độc lập đối với thành viên HĐQT độc lập;</p> <p>f) Khi ĐHĐCĐ xét thấy cần thiết;¹⁰⁰</p> <p>g) Theo yêu cầu của NHNN và/hoặc pháp luật có liên quan.¹⁰¹</p>	<p>Điều 76. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc¹⁰³</p> <p>1. Chủ tịch và các thành viên HĐQT, Trưởng ban và các thành viên BKS, Tổng Giám đốc SEABANK bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong những trường hợp sau:</p> <p>a) <i>Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức gửi HĐQT, BKS của SEABANK;</i></p> <p>b) <i>Bãi nhiệm khi không tham gia các hoạt động của HĐQT (đối với thành viên HĐQT), Ban kiểm soát (Đối với thành viên BKS) trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</i></p> <p>c) <i>Bãi nhiệm khi không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều lệ này;</i></p> <p>d) <i>Bãi nhiệm khi thành viên độc lập của Hội đồng quản trị không đáp ứng quy định tại khoản 2 Điều 67, khoản 3 Điều 72 Điều lệ này; trừ trường hợp thành viên độc lập đã được bầu trước khi Điều lệ này có hiệu lực.</i></p> <p>e) Khi ĐHĐCĐ xét thấy cần thiết;¹⁰⁴</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 46 Luật các TCTD 2010</p>

¹⁰⁰ Khoản 3 Điều 160 LDN 2020.

¹⁰¹ Khoản 1 Điều 37 Luật các TCTD 2010.

¹⁰³ Điều 46 Luật các TCTD 2010.

¹⁰⁴ Khoản 3 Điều 160 LDN 2020.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>2. Chủ tịch và các thành viên HĐQT, Trưởng ban và các thành viên BKS, Tổng Giám đốc SEABANK sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.</p> <p>3. HĐQT phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều này và thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán.</p> <p>4. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:¹⁰²</p> <p>a) Số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba so với số lượng quy định tại Điều lệ này. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;</p> <p>b) Số lượng thành viên độc lập HĐQT giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan;</p> <p>c) Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</p>	<p>f) Theo yêu cầu của NHNN và/hoặc pháp luật có liên quan.¹⁰⁵</p> <p>2. Chủ tịch và các thành viên HĐQT, Trưởng ban và các thành viên BKS, Tổng Giám đốc SEABANK sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>3. HĐQT phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các nhân sự theo quy định tại khoản 1 Điều này và thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán.</p> <p>4. HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để bầu bổ sung thành viên HĐQT trong trường hợp sau đây:¹⁰⁶</p> <p>a) Số lượng thành viên độc lập HĐQT giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan;</p> <p>b) Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, ĐHĐCĐ bầu thành viên mới thay thế thành viên HĐQT đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</p>	
<p>Điều 79. Công khai lợi ích liên quan</p> <p>1. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương của SEABANK phải công khai với SEABANK các thông tin sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, mã số doanh nghiệp và ngày cấp GCN ĐKDN, nơi đăng ký kinh</p>	<p>Điều 77. Công khai lợi ích liên quan</p> <p>1. Thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương của SEABANK phải cung cấp cho SEABANK các thông tin về lợi ích liên quan theo quy định tại Điều 49 Luật các TCTD 2024 và Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của SEABANK phải</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 49 Luật các TCTD 2024 và Luật Doanh nghiệp</p>

¹⁰² Khoản 4 Điều 160 LDN 2020.

¹⁰⁵ Khoản 1 Điều 74 Luật các TCTD 2024.

¹⁰⁶ Khoản 4 Điều 160 LDN 2020.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% vốn điều lệ trở lên; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần;</p> <p>b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, mã số doanh nghiệp và ngày cấp GCN ĐKDN, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và người có liên quan đang là thành viên HĐQT, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc.</p> <p>2. Việc công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này và việc thay đổi thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.</p> <p>3. SEABANK phải công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này định kỳ hằng năm cho ĐHCĐ của SEABANK và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của SEABANK.</p> <p>4. SEABANK phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của SEABANK theo quy định của LDN 2020 và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Ngân hàng.</p> <p>5. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 4 Điều này được thực hiện theo quy định của LDN 2020, quy định của NHNN và quy định nội bộ của SEABANK trong từng thời kỳ.</p> <p>6. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của SEABANK đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT, BKS và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về SEABANK.</p>	<p><i>cung cấp cho SEABANK các thông tin sau đây:</i></p> <p>a) <i>Họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp của cổ đông là người nước ngoài; số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương của cổ đông là tổ chức; ngày cấp, nơi cấp của giấy tờ này;</i></p> <p>b) <i>Thông tin về người có liên quan theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;</i></p> <p>c) <i>Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình tại SEABANK đó;</i></p> <p>d) <i>Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của người có liên quan của mình tại SEABANK.</i></p> <p>3. <i>Đối tượng</i> quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này <i>phải gửi SEABANK bằng văn bản cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.</i></p> <p><i>Đối với thông tin tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này, cổ đông chỉ phải cung cấp thông tin cho SEABANK khi có mức thay đổi về tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình và người có liên quan từ 01% vốn điều lệ trở lên của SEABANK so với lần cung cấp liền trước.</i></p> <p>4. <i>SEABANK phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này tại trụ sở chính của SEABANK và gửi báo cáo bằng văn bản cho NHNN trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày SEABANK nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hằng năm, SEABANK công bố thông tin quy định tại các điểm a, b, d khoản 1 và các điểm a, c, d khoản 2 Điều này với Đại hội đồng cổ đông của SEABANK.</i></p> <p>5. <i>SEABANK phải công bố công khai thông tin về họ và tên cá nhân, tên tổ chức là cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của tổ chức tín dụng và thông tin quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này trên trang thông tin điện tử của SEABANK thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày SEABANK nhận được thông tin cung cấp.</i></p>	

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>7. SEABANK phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước các thông tin quy định tại khoản 1 Điều này trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày SEABANK nhận được thông tin công khai theo quy định tại khoản 2 Điều này.</p>	<p>6. SEABANK phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của SEABANK theo quy định của LDN 2020 và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Ngân hàng.</p> <p>7. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan theo quy định tại Khoản 1, khoản 2 và Khoản 6 Điều này được thực hiện theo quy định của LDN 2020, quy định của NHNN và quy định nội bộ của SEABANK trong từng thời kỳ. <i>HDQT quy định trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích liên quan.</i></p> <p>8. Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của SEABANK đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT, BKS và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về SEABANK.</p>	
<p>Điều 80. Quyền, nghĩa vụ của người quản lý, người điều hành của SEABANK</p> <ol style="list-style-type: none"> Thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết của ĐHĐCĐ. Thực hiện quyền, nghĩa vụ một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của SEABANK, cổ đông. Trung thành với SEABANK; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của SEABANK, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của SEABANK để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác làm tổn hại tới lợi ích của SEABANK, cổ đông. Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của SEABANK để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm 	<p>Điều 78. Quyền, nghĩa vụ của người quản lý, người điều hành của SEABANK¹⁰⁷</p> <ol style="list-style-type: none"> <i>Tuân thủ</i> pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết, <i>quyết định</i> của ĐHĐCĐ SEABANK. Thực hiện quyền, nghĩa vụ <i>được giao</i> một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của SEABANK, cổ đông. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của SEABANK, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của SEABANK để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác làm tổn hại tới lợi ích của SEABANK, cổ đông. <i>Chịu trách nhiệm trong việc chấp hành các quy định hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín</i> 	<p>Điều 48 Luật các TCTD 2024</p>

¹⁰⁷ Điều 48 Luật các TCTD 2024.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>soát mọi hoạt động của SEABANK, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của NHNN.</p> <p>5. Am hiểu về các loại rủi ro trong hoạt động của SEABANK.</p> <p>6. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho SEABANK về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của SEABANK và chỉ được tham gia vào giao dịch đó khi được HĐQT chấp thuận.</p> <p>7. Không được tạo điều kiện để bản thân hoặc người có liên quan của mình vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng khác của SEABANK với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của SEABANK.</p> <p>8. Không được tăng lương, thù lao hoặc yêu cầu trả thưởng khi SEABANK bị lỗ.</p> <p>9. Các nghĩa vụ khác do Điều lệ này quy định.</p>	<p><i>dụng theo quy định của Luật các TCTD.</i></p> <p>5. Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của SEABANK để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của SEABANK, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của NHNN.</p> <p>6. Am hiểu về các loại rủi ro trong hoạt động của SEABANK.</p> <p>7. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho SEABANK về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của SEABANK và chỉ được tham gia vào giao dịch đó khi được HĐQT chấp thuận.</p> <p>8. Không được tạo điều kiện để bản thân hoặc người có liên quan của mình vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng khác của SEABANK với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của SEABANK.</p> <p>9. Không được tăng lương, thù lao hoặc yêu cầu trả thưởng khi SEABANK bị lỗ.</p> <p>10. <i>Trong phạm vi quyền, nghĩa vụ được giao, có trách nhiệm thực hiện yêu cầu bằng văn bản của NHNN đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của NHNN. Thực hiện khuyến nghị, cảnh báo rủi ro và an toàn hoạt động, cảnh báo nguy cơ dẫn đến vi phạm pháp luật về tiền tệ và ngân hàng; kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.</i></p> <p>11. Các nghĩa vụ khác do Điều lệ này quy định.</p>	
<p>Điều 81. Mối quan hệ giữa SEABANK và Công ty con</p> <p>2. ĐHĐCĐ có thể thành lập các Công ty con ở trong nước và ngoài nước để hỗ trợ hoạt động của SEABANK khi có nhu cầu phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. HĐQT hoặc người được HĐQT phân cấp thẩm quyền, ủy quyền có quyền nhân danh SEABANK thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu tại các Công ty con của SEABANK,</p>	<p>Điều 79. Mối quan hệ giữa SEABANK và Công ty con</p> <p>1. ĐHĐCĐ có thể thành lập các Công ty con ở trong nước và ngoài nước để hỗ trợ hoạt động của SEABANK khi có nhu cầu phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>2. <i>Trừ trường hợp Điều lệ của Công ty con có quy định khác, HĐQT hoặc người được HĐQT phân cấp thẩm quyền, giao nhiệm vụ có quyền nhân danh SEABANK thực hiện các quyền</i></p>	<p>Nhằm phù hợp với thực tế hoạt động của các Công ty con của Ngân hàng.</p>

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>cụ thể bao gồm nhưng không hạn chế:</p> <p>a) Quyết định/Phê duyệt cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty con phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của SEABANK;</p> <p>b) Quyết định/Phê duyệt định hướng, chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty con;</p> <p>c) Quyết định/Phê duyệt nội dung Điều lệ Công ty, sửa đổi và bổ sung, thay thế Điều lệ Công ty con phù hợp với pháp luật và quy định nội bộ của SEABANK;</p> <p>d) Quyết định/Phê duyệt việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty con hoặc các chức danh khác theo quy định nội bộ do HĐQT ban hành;</p> <p>e) Quyết định/Phê duyệt các nội dung khác theo quy định nội bộ của SEABANK, phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.</p>	<p>và nghĩa vụ của Chủ sở hữu tại các Công ty con của SEABANK, cụ thể bao gồm nhưng không hạn chế:</p> <p>a) Quyết định/Phê duyệt cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty con phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của SEABANK;</p> <p>b) Quyết định/Phê duyệt định hướng, chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty con;</p> <p>c) Quyết định/Phê duyệt nội dung Điều lệ Công ty, sửa đổi và bổ sung, thay thế Điều lệ Công ty con phù hợp với pháp luật và quy định nội bộ của SEABANK;</p> <p>d) Quyết định/Phê duyệt việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty con hoặc các chức danh khác theo quy định nội bộ do HĐQT ban hành;</p> <p>e) Quyết định/Phê duyệt các nội dung khác theo quy định nội bộ của SEABANK, phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.</p>	
<p>Điều 82. Người lao động và công đoàn</p> <p>1. Việc thành lập và hoạt động Công đoàn của người lao động SEABANK được thực hiện theo quy định của pháp luật. Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của SEABANK với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, quy định của SEABANK và quy định pháp luật hiện hành.</p> <p>2. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm đề xuất các quy định liên quan đến việc tuyển dụng, thuê mướn lao động, buộc thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động của SEABANK trình HĐQT phê duyệt theo đúng quy định về phân công công việc, phân quyền phán quyết của SEABANK trong từng thời kỳ.</p>	<p>Điều 80. Người lao động và công đoàn</p> <p>Việc thành lập và hoạt động Công đoàn của người lao động SEABANK được thực hiện theo quy định của pháp luật. Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của SEABANK với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, quy định của SEABANK và quy định pháp luật hiện hành.</p>	<p>Bãi bỏ do nội dung không thuộc Điều khoản này và đã được quy định riêng.</p>

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>Điều 83. Hệ thống kiểm soát nội bộ</p> <p>SEABANK sẽ thiết lập một hệ thống kiểm soát nội bộ như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của SEABANK được xây dựng phù hợp với quy định tại Luật các TCTD, hướng dẫn của NHNN và các quy định của Pháp luật có liên quan, và được tổ chức thực hiện nhằm kiểm soát, phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra. Các yêu cầu đối với hệ thống kiểm soát nội bộ SEABANK như sau: <ol style="list-style-type: none"> Yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 40 Luật các TCTD. Phù hợp với quy mô, điều kiện và mức độ phức tạp trong hoạt động kinh doanh của SEABANK. Có đủ nguồn lực về tài chính, con người, công nghệ thông tin để đảm bảo hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ. Xây dựng, duy trì văn hóa kiểm soát, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cho SEABANK. Hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của SEABANK phải được kiểm toán nội bộ, tổ chức kiểm toán độc lập đánh giá định kỳ. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của hệ thống kiểm soát nội bộ và yêu cầu đối với nhân viên kiểm soát nội bộ được thực hiện theo hướng dẫn của NHNN và phù hợp với tình hình thực tế hoạt động của SEABANK. 	<p>Điều 81. Hệ thống kiểm soát nội bộ¹⁰⁸</p> <p>SEABANK sẽ thiết lập một hệ thống kiểm soát nội bộ như sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của SEABANK và được tổ chức thực hiện nhằm kiểm soát, phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra. Các yêu cầu đối với hệ thống kiểm soát nội bộ SEABANK như sau:¹⁰⁹ <ol style="list-style-type: none"> Yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 57 Luật các TCTD năm 2024. Phù hợp với quy mô, điều kiện và mức độ phức tạp trong hoạt động kinh doanh của SEABANK. Có đủ nguồn lực về tài chính, con người, công nghệ thông tin để đảm bảo hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ. Xây dựng, duy trì văn hóa kiểm soát, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cho SEABANK. Hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của SEABANK phải được kiểm toán nội bộ, tổ chức kiểm toán độc lập đánh giá định kỳ. Cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của hệ thống kiểm soát nội bộ và yêu cầu đối với nhân viên kiểm soát nội bộ được thực hiện theo hướng dẫn của NHNN và phù hợp với tình hình thực tế hoạt động của SEABANK. 	<p>Sửa đổi để đảm bảo phù hợp với Luật các TCTD năm 2024 và thực tế hoạt động.</p>
<p>Điều 84. Kiểm toán nội bộ</p>	<p>Điều 82. Kiểm toán nội bộ¹¹⁰</p>	<p>Điều 58 Luật các</p>

¹⁰⁸ Điều 57 Luật các TCTD 2024 và TT 13/2018/TT-NHNN (được sửa đổi, bổ sung bởi TT 40/2018/TT-NHNN).

¹⁰⁹ Điều 5 TT 13/2018/TT-NHNN.

¹¹⁰ Điều 58 Luật các TCTD 2024.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<ol style="list-style-type: none"> SEABANK phải thành lập kiểm toán nội bộ chuyên trách thuộc BKS thực hiện kiểm toán nội bộ SEABANK. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ; đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong SEABANK; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm SEABANK hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo kịp thời cho HĐQT, BKS và gửi Tổng Giám đốc của SEABANK. 	<ol style="list-style-type: none"> SEABANK phải thành lập kiểm toán nội bộ chuyên trách thuộc BKS thực hiện kiểm toán nội bộ SEABANK. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về tính thích hợp và sự tuân thủ <i> cơ chế, chính sách</i>, quy trình, quy định <i> nội bộ của SEABANK</i>; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm SEABANK hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo BKS và <i> gửi Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc của SEABANK</i> 	TCTD 2024.
<p>Điều 85. Kiểm toán độc lập</p> <ol style="list-style-type: none"> Trước khi kết thúc năm tài chính, SEABANK phải lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập đủ điều kiện theo quy định của NHNN để kiểm toán các hoạt động của mình trong năm tài chính tiếp theo. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập SEABANK phải thông báo cho NHNN về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn. SEABANK phải thực hiện kiểm toán độc lập lại trong trường hợp báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ của tổ chức kiểm toán độc lập. Việc kiểm toán cụ thể các hoạt động của SEABANK được thực hiện theo quy định của Luật các Tổ chức Tín dụng, pháp luật về kiểm toán độc lập và văn bản hướng dẫn của NHNN. 	<p>Điều 83. Kiểm toán độc lập¹¹¹</p> <ol style="list-style-type: none"> Trước khi kết thúc năm tài chính, SEABANK phải lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập <i> đáp ứng yêu cầu</i> theo quy định của <i> Thống đốc NHNN để kiểm toán báo cáo tài chính và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo.</i> Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định chọn tổ chức kiểm toán độc lập SEABANK phải thông báo cho NHNN về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn. Việc kiểm toán cụ thể các hoạt động của SEABANK được thực hiện theo quy định của Luật các Tổ chức Tín dụng, pháp luật về kiểm toán độc lập và văn bản hướng dẫn của NHNN. 	
<p>Điều 86. Chế độ tài chính</p> <p>Chế độ tài chính của SEABANK được thực hiện theo quy định của Chính phủ</p>	<p>Điều 84. Chế độ tài chính¹¹²</p> <p><i>SeABank tự chủ về tài chính. Chế độ tài chính của SEABANK được thực hiện theo quy định của Luật các TCTD và pháp luật có liên quan.</i></p>	Điều 151 Luật các TCTD 2024

¹¹¹ Điều 59 Luật các TCTD 2024.

¹¹² Điều 151 Luật các TCTD 2024.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>Điều 87. Năm tài chính</p> <p>Năm tài chính của SEABANK bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.</p>	<p>Điều 85. Năm tài chính¹¹³</p> <p>Năm tài chính của SEABANK bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 <i>cùng</i> năm dương lịch.</p>	
<p>Điều 88. Hạch toán, kế toán</p> <p>SEABANK phải thực hiện hạch toán, kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán.</p>	<p>Điều 86. Hạch toán, kế toán¹¹⁴</p> <p>SEABANK phải thực hiện hạch toán, kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán; <i>chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các khoản thu, chi và thực hiện các quy định về chế độ hóa đơn, chứng từ kế toán.</i></p>	<p>Điều 150 Luật các TCTD 2024.</p>
<p>Điều 89. Phân phối lợi nhuận sau thuế</p> <p>1. Lợi nhuận của SEABANK sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại được phân phối theo thứ tự như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có). b) Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp. c) Trích 5% vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của SEABANK. Mức tối đa của quỹ này không vượt quá mức vốn điều lệ của SEABANK. d) Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính. e) Quỹ đầu tư phát triển. f) Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm. g) Quỹ khen thưởng. h) Quỹ phúc lợi. i) Quỹ thưởng người quản lý. 	<p>Điều 87. Phân phối lợi nhuận sau thuế¹¹⁵</p> <p>1. Lợi nhuận của SEABANK sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, phần lợi nhuận còn lại được phân phối theo thứ tự như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có). b) Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp. c) Trích 10% vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ của SEABANK. Mức tối đa của quỹ này không vượt quá mức vốn điều lệ của SEABANK. d) Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính. e) Quỹ đầu tư phát triển. f) Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm. g) Quỹ khen thưởng. h) Quỹ phúc lợi. i) Quỹ thưởng người quản lý. 	<p>Điều 148 Luật các TCTD 2024 và Điều 23 NĐ 93/2017/NĐ-CP</p>

¹¹³ Điều 149 Luật các TCTD 2024.

¹¹⁴ Điều 150 Luật các TCTD 2024.

¹¹⁵ Điều 148 Luật các TCTD 2024 và Điều 23 NĐ 93/2017/NĐ-CP.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>j) Việc phân chia phần lợi nhuận còn lại và tỷ lệ trích đối với các quỹ tại điểm e, f, g, h, i Khoản này do HĐQT quyết định phù hợp với quy định của pháp luật liên quan và tình hình thực tế hoạt động của SEABANK.</p> <p>2. SEABANK không được dùng Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính quy định tại khoản 1 Điều này để trả cổ tức cho cổ đông.</p>	<p>j) Việc phân chia phần lợi nhuận còn lại và tỷ lệ trích đối với các quỹ tại điểm e, f, g, h, i Khoản này do HĐQT quyết định phù hợp với quy định của pháp luật liên quan và tình hình thực tế hoạt động của SEABANK.</p> <p>2. SEABANK không được dùng Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính quy định tại khoản 1 Điều này để trả cổ tức cho cổ đông.</p>	
<p>Điều 90. Quản lý và sử dụng các quỹ</p> <p>6. Quỹ phúc lợi dùng để:</p> <p>a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa, bổ sung vốn xây dựng các công trình phúc lợi của SEABANK, góp vốn đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng thỏa thuận;</p> <p>b) Chi cho các hoạt động thể thao, văn hóa, phúc lợi công cộng của tập thể cán bộ, nhân viên của SEABANK;</p> <p>c) Chi trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất cho cán bộ, nhân viên kể cả các cán bộ, nhân viên đã về hưu, mất sức của SEABANK;</p> <p>d) Chi cho các hoạt động phúc lợi khác.</p> <p>HĐQT, Tổng Giám đốc phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn quản lý, sử dụng.</p>	<p>Điều 88. Quản lý và sử dụng các quỹ¹¹⁶</p> <p>6. <i>HĐQT, Tổng Giám đốc phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn quản lý, sử dụng</i> Quỹ phúc lợi để:</p> <p>e) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa, bổ sung vốn xây dựng các công trình phúc lợi của SEABANK, góp vốn đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành, hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng thỏa thuận;</p> <p>f) Chi cho các hoạt động thể thao, văn hóa, phúc lợi công cộng của tập thể cán bộ, nhân viên của SEABANK;</p> <p>g) Chi trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất cho cán bộ, nhân viên kể cả các cán bộ, nhân viên đã về hưu, mất sức của SEABANK;</p> <p>h) Chi cho các hoạt động phúc lợi khác.</p>	<p>Soạn thảo lại để dễ hiểu, thực hiện hơn.</p>
<p>Điều 93. Cổ tức</p> <p>2. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp ĐHĐCĐ thường niên. HĐQT phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để đảm bảo đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký</p>	<p>Điều 91. Trả cổ tức¹¹⁷</p> <p>2. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp ĐHĐCĐ thường niên, <i>trừ trường hợp trả cổ tức bằng cổ phần</i>. HĐQT phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi <i>trương tự thông báo mời họp Đại hội đồng</i></p>	<p>Điều 135 LDN 2020 và đảm bảo phù hợp với thực tế triển khai việc chi trả cổ tức bằng cổ phần.</p>

¹¹⁶ Điều 24 NĐ 93/2017/NĐ-CP.

¹¹⁷ Điều 135 LDN 2020.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.</p> <p>7. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, SEABANK không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các Điều 123, 124 và 125 của LDN 2020. SEABANK phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.</p>	<p><i>cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 42 Điều lệ này</i> chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.</p> <p>7. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, SEABANK không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các Điều 123, 124 và 125 của LDN 2020. SEABANK <i>thực hiện</i> đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức <i>theo quy định của pháp luật có liên quan và tình hình thực tế của Ngân hàng.</i></p>	
<p>Điều 96. Cung cấp thông tin¹¹⁸</p> <p>2. SEABANK có trách nhiệm <i>cung cấp</i> các thông tin cho NHNN về tình hình hoạt động kinh doanh và được NHNN cung cấp thông tin của những khách hàng có quan hệ tín dụng với SEABANK theo quy định của NHNN.</p>	<p>Điều 95. Cung cấp và công bố thông tin¹¹⁹</p> <ol style="list-style-type: none"> SEABANK cung cấp thông tin cho chủ tài khoản về những giao dịch và số dư trên tài khoản của họ tại SEABANK theo thỏa thuận với chủ tài khoản. SEABANK có trách nhiệm <i>báo cáo</i> NHNN <i>thông tin liên quan đến</i> hoạt động kinh doanh và được NHNN cung cấp thông tin của những khách hàng có quan hệ tín dụng với SEABANK theo quy định của NHNN. SEABANK có trách nhiệm công bố công tin theo quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng. SEABANK có trách nhiệm cung cấp thông tin cho các cơ quan Nhà nước, công bố thông tin ra công chúng theo đúng các quy định pháp luật. 	<p>Điều 12 Luật các TCTD 2024 và quy định về công bố thông tin theo pháp luật chứng khoán.</p>
<p>Điều 97. Bảo mật thông tin</p> <ol style="list-style-type: none"> Cán bộ, nhân viên của SEABANK, người quản lý, người điều hành của SEABANK và những người có liên quan không được tiết lộ bí mật kinh doanh của SEABANK. SEABANK phải đảm bảo bí mật thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản gửi và các giao dịch của khách hàng tại SEABANK. 	<p>Điều 96. Bảo mật thông tin¹²⁰</p> <ol style="list-style-type: none"> Người quản lý, người điều hành, <i>nhân viên</i> của SEABANK không được tiết lộ <i>thông tin khách hàng</i>, bí mật kinh doanh của SEABANK. SEABANK phải đảm bảo bí mật thông tin <i>khách hàng của SEABANK</i> theo quy định của Chính phủ. SEABANK không được cung cấp thông tin của khách hàng tại 	<p>Điều 13 Luật các TCTD 2024</p>

¹¹⁸ Điều 13 Luật các TCTD 2010.

¹¹⁹ Điều 12 Luật các TCTD 2024.

¹²⁰ Điều 13 Luật các TCTD 2024.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>3. SEABANK không được cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản của khách hàng tại SEABANK cho các cá nhân, tổ chức khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.</p>	<p>SEABANK cho các cá nhân, tổ chức khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.</p>	
<p>Điều 99. Giải thể ngân hàng</p> <p>SEABANK bị giải thể trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. ĐHCĐ thông qua quyết định giải thể và chấm dứt hoạt động SEABANK theo quy định của pháp luật và được NHNN chấp thuận; 2. Khi hết hạn hoạt động SEABANK không xin gia hạn giấy phép hoạt động hoặc xin gia hạn nhưng không được NHNN chấp thuận; 3. Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của SEABANK. 	<p>Điều 98. Giải thể ngân hàng¹²¹</p> <p>SEABANK bị giải thể trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. ĐHCĐ thông qua quyết định giải thể và chấm dứt hoạt động SEABANK theo quy định của pháp luật và được NHNN chấp thuận; 2. Khi hết hạn hoạt động SEABANK không xin gia hạn giấy phép hoạt động hoặc xin gia hạn nhưng không được NHNN chấp thuận; 3. Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của SEABANK. 4. SEABANK được can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt có tổ chức tín dụng tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ 	<p>Điều 202 Luật các TCTD 2024</p>
<p>Điều 100. Phá sản ngân hàng</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Sau khi NHNN có văn bản chấm dứt kiểm soát đặc biệt hoặc văn bản chấm dứt áp dụng hoặc văn bản không áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán mà SEABANK vẫn lâm vào tình trạng phá sản, thì SEABANK phải làm đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản. 2. Việc phá sản SEABANK được thực hiện theo quy định về pháp luật phá sản. 	<p>Điều 99. Phá sản ngân hàng¹²²</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Sau khi NHNN có văn bản chấm dứt kiểm soát đặc biệt hoặc không áp dụng các biện pháp phục hồi khả năng thanh toán hoặc chấm dứt áp dụng biện pháp phục hồi khả năng thanh toán mà SEABANK vẫn mất khả năng thanh toán, thì SEABANK phải nộp đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản. 2. Việc phá sản SEABANK được thực hiện theo quy định về pháp luật phá sản. 	<p>Điều 203 Luật các TCTD 2024</p>
<p>Điều 103. Điều khoản thi hành</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được ĐHCĐ thông 	<p>Điều 101. Điều khoản thi hành và chuyển tiếp¹²³</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Điều lệ này được ĐHCĐ thông qua ngày ___ tháng ___ năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày được thông qua, và thay thế Điều 	<p>Điều 210 Luật các TCTD</p>

¹²¹ Điều 202 Luật các TCTD 2024.

¹²² Điều 203 Luật các TCTD 2024.

¹²³ Điều 210 Luật các TCTD năm 2024.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>qua, thay thế cho tất cả các bản Điều lệ của SEABANK trước đây.</p> <p>2. Các vấn đề chưa được đề cập trong Điều lệ này sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật có liên quan. Khi có nội dung nào của Điều lệ này trái với các quy định của pháp luật thì đương nhiên hết hiệu lực thi hành, và SEABANK sẽ tự động áp dụng quy định của pháp luật tương ứng.</p> <p>3. Điều lệ này gồm 09 chương, 103 điều, được lập thành 10 bản gốc, có giá trị như nhau.</p>	<p><i>lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và HĐQT thông qua ngày 28/5/2024.</i></p> <p>2. <i>Người quản lý, người điều hành và chức danh khác của SEABANK được bầu, bổ nhiệm trước ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại các Điều 67, 68, 69, 70, 71, 72 Điều lệ này thì được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.</i></p> <p>3. <i>Quy định tại Điều 75, 76 Điều lệ này không áp dụng cho Người quản lý, người điều hành và chức danh khác của SEABANK được bầu, bổ nhiệm trước ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành.</i></p> <p>4. <i>Trường hợp HĐQT của SEABANK không đáp ứng quy định tại khoản 2, 3 Điều 50 Điều lệ này thì được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ của HĐQT.</i></p> <p>5. <i>Đến ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành, BKS của SEABANK có số lượng thành viên chưa tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 61 Điều lệ này thì được duy trì tiếp tục số lượng tối thiểu 03 thành viên cho đến hết nhiệm kỳ của BKS, của thành viên BKS, trừ trường hợp SEABANK bầu, bổ nhiệm bổ sung, thay thế thành viên BKS.</i></p> <p>6. Các vấn đề chưa được đề cập trong Điều lệ này sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật có liên quan. Khi có nội dung nào của Điều lệ này trái với các quy định của pháp luật thì đương nhiên hết hiệu lực thi hành, và SEABANK sẽ tự động áp dụng quy định của pháp luật tương ứng.</p> <p>7. Điều lệ này gồm 09 chương, 101 điều, được lập thành 05 bản gốc và có giá trị pháp lý như nhau</p>	

PHỤ LỤC CÁC ĐIỂM MỚI CỦA QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

Những nội dung được sửa đổi, bổ sung sẽ được *in nghiêng*.

Những nội dung được thay thế, bãi bỏ sẽ được ~~gạch ngang~~.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p align="center">HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á</p> <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành; - Căn cứ Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2017, và các văn bản hướng dẫn thi hành; - Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành; - Căn cứ Điều lệ tổ chức, hoạt động của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á; - Căn cứ Nghị quyết số.....của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 về việc thông qua Dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị SeABank; - Xét tình hình thực tế, 	<p align="center"><i>ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành; - <i>Căn cứ Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2024, và các văn bản hướng dẫn thi hành;</i> - Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành; - <i>Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;</i> - Căn cứ Điều lệ tổ chức, hoạt động của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á; - <i>Căn cứ Biên bản kiểm phiếu biểu quyết lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản ngày ... tháng ... năm 2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế nội bộ về quản trị của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á;</i> 	<p>Sửa đổi, bổ sung để phù hợp thực tế ban hành.</p>
<p>Các điều khoản có quy định “Số giấy tờ pháp lý cá nhân”.</p>	<p>Sửa đổi thành “Số định danh cá nhân”.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Luật căn cước công dân năm 2023.</p>
<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>1. Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (“SeABank”) quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, mối quan hệ công tác, quy trình giải quyết công việc của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật các Tổ chức tín dụng, Điều lệ</p>	<p>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</p> <p>1. Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (“SeABank”) quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, mối quan hệ công tác, quy trình giải quyết công việc, <i>việc kế thừa và đánh giá hoạt động</i> của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật các Tổ chức tín dụng, Điều lệ</p>	<p>Bổ sung nội dung theo khuyến nghị của IFC và HOSE về quản trị công ty.</p>

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
của SeABank và các quy định khác của pháp luật, quy định nội bộ của SeABank có liên quan.	của SeABank và các quy định khác của pháp luật, quy định nội bộ của SeABank có liên quan.	
<p>Điều 2. Giải thích từ ngữ</p> <p>9. “Công ty con” được hiểu là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây: (i) SeABank hoặc SeABank và người có liên quan của SeABank sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% vốn cổ phần có quyền biểu quyết; (ii) SeABank có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên HĐQT, Hội đồng thành viên hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty con; (iii) SeABank có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty; (iv) SeABank và người có liên quan của SeABank trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, Hội đồng thành viên của công ty.</p> <p>11. “Cổ đông lớn” được hiểu là cổ đông sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của SeABank.</p> <p>12. “Người có liên quan” được hiểu là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với SeABank thuộc một trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Công ty con của SeABank và ngược lại; các công ty con của SeABank với nhau; người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của SeABank, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại; b. SeABank với người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của SeABank hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại; c. SeABank với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% Vốn Điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại SeABank và ngược lại; 	<p>Điều 2. Giải thích từ ngữ</p> <p>9. Công ty con” là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây¹:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. SEABANK hoặc SEABANK và người có liên quan của SEABANK sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% vốn cổ phần có quyền biểu quyết của công ty đó; b. SEABANK có quyền bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên HĐQT, Hội đồng thành viên hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty đó; c. SEABANK có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty đó; d. SEABANK hoặc SEABANK và người có liên quan của SEABANK trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, Hội đồng thành viên của công ty đó. <p>11. “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu từ 05% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của SEABANK, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp.²</p> <p>12. “Người có liên quan” là các cá nhân, tổ chức được xác định theo khoản 24 Điều 4 Luật các TCTD 2024 và các quy định pháp luật khác có liên quan³.</p> <p>14. “Luật các Tổ chức tín dụng 2024” (hoặc “Luật các TCTD 2024”) có nghĩa là Luật các tổ chức tín dụng được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18 tháng 01 năm 2024).</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Luật các TCTD năm 2024.</p>

¹ Khoản 9 Điều 4 Luật các TCTD 2024.

² Khoản 4 Điều 4 Luật các TCTD 2024 .

³ Khoản 24 Điều 4 Luật các TCTD 2024 và Khoản 41 Điều 1 Điều lệ SeABank

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>d. Cá nhân với vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của người này;</p> <p>e. SeABank với cá nhân theo quy định tại điểm d khoản này của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% Vốn Điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của SeABank và ngược lại;</p> <p>f. Cá nhân được ủy quyền đại diện cho tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản này với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phân vốn góp của cùng một tổ chức với nhau.</p> <p>g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật có liên quan.</p> <p>14. “Luật các TCTD 2010” được hiểu là Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2017.</p> <p>16. “Điều lệ của SeABank” (hoặc Điều lệ) được hiểu là Điều lệ tổ chức và hoạt động của SeABank, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua, và các Điều lệ sửa đổi, bổ sung theo quyết định của HĐQT trong từng thời kỳ (nếu có).</p>	<p>16. “Điều lệ của SeABank” (hoặc “Điều lệ”) được hiểu là <i>Điều lệ tổ chức và hoạt động của SeABank, được Đại hội đồng cổ đông thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản ngày ... tháng ... năm 2024, và các Điều lệ sửa đổi, bổ sung theo quyết định của HĐQT trong từng thời kỳ (nếu có).</i></p>	
<p>Điều 3. Cơ cấu và tổ chức của HĐQT</p> <p>1. HĐQT là cơ quan quản trị của SeABank, có toàn quyền nhân danh SeABank để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của SeABank, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát của SeABank.⁴</p> <p>2. Nhiệm kỳ của HĐQT không quá 05 năm. Mỗi thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi</p>	<p>Điều 3. Cơ cấu và tổ chức của HĐQT¹¹</p> <p>1. HĐQT là cơ quan <i>quản trị</i> của SeABank, có toàn quyền nhân danh SeABank để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của SeABank, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát của SeABank.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của HĐQT không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được <i>bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT</i>. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung và tái cấu trúc nội dung của Điều này theo Điều 50, Khoản 2 Điều 69 Luật các TCTD 2024; Điều 153 và 154 Luật Doanh nghiệp 2020, và Quy chế quản trị nội bộ, Điều lệ sửa đổi, bổ sung.</p>

⁴ Điều 43 và Điều 62 Luật các TCTD năm 2010; Điều 153 và 154 Luật Doanh nghiệp 2020.

¹¹ Điều 50, Khoản 2 Điều 69 Luật các TCTD 2024; Điều 153 và 154 Luật Doanh nghiệp 2020.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.⁵</p> <p>3. HĐQT SeABank có không ít hơn 05 thành viên và không quá 11 thành viên, trong đó có ít nhất 01 thành viên độc lập. Tối thiểu ½ (một phần hai) tổng số thành viên HĐQT phải là thành viên không phải là người điều hành và thành viên độc lập.⁶</p> <p>4. Cơ cấu của HĐQT hướng đến sự đa dạng về kiến thức, kinh nghiệm, tuổi, giới tính và cơ cấu kỹ năng chuyên môn của HĐQT đảm bảo phù hợp với thực tế và nhu cầu quản trị của Ngân hàng trong từng thời kỳ.</p> <p>5. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung, thay thế và đương nhiên mất tư cách của Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên HĐQT phải được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ của SeABank. Trong trường hợp có từ 2 Phó Chủ tịch HĐQT trở lên, HĐQT sẽ bầu một Phó Chủ tịch thứ nhất hoặc một Phó Chủ tịch Thường trực.</p> <p>6. Đại hội đồng cổ đông quyết định số lượng thành viên HĐQT từng nhiệm kỳ. Quyết định của ĐHĐCĐ về số lượng thành viên HĐQT được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận hoặc tỷ lệ khác cao hơn do Điều lệ quy định.</p> <p>7. Đại hội đồng cổ đông thực hiện bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung, thay thế thành viên HĐQT dưới hình thức bầu dồn phiếu tại cuộc họp phù hợp với các tiêu chuẩn điều kiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế này và Thẻ lệ bầu cử tại cuộc họp.</p>	<p>hoạt động cho đến khi HĐQT của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</p> <p>3. HĐQT SeABank có <i>tối thiểu</i> 05 thành viên và không quá 11 thành viên. <i>ĐHĐCĐ quyết định số lượng thành viên HĐQT từng nhiệm kỳ khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận</i>¹².</p> <p>4. Cơ cấu của HĐQT¹³:</p> <p>a) <i>HĐQT có tối thiểu 02 thành viên độc lập, và 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành của SeABank.</i></p> <p>b) <i>Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia HĐQT, nhưng không được vượt quá 02 thành viên Hội đồng quản trị</i>¹⁴.</p> <p>c) Cơ cấu của HĐQT đảm bảo sự đa dạng về <i>chuyên môn, kinh nghiệm, độ tuổi, giới tính, văn hóa và quan điểm, đặc điểm cá nhân</i> của HĐQT đảm bảo phù hợp với thực tế và nhu cầu quản trị của Ngân hàng trong từng thời kỳ.</p> <p>d) HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT trong số các thành viên HĐQT. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung, thay thế và đương nhiên mất tư cách của Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên HĐQT phải được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ của SeABank. <i>Trong trường hợp có từ 02 Phó Chủ tịch HĐQT trở lên, HĐQT sẽ bầu một Phó Chủ tịch thứ nhất hoặc một Phó Chủ tịch Thường trực (nếu xét thấy cần thiết).</i></p>	

⁵ Khoản 2 Điều 43 Luật các TCTD năm 2010

⁶ Điều 62 Luật các TCTD năm 2010.

¹² Khoản 4 Điều 67 Luật các TCTD 2024

¹³ Khoản 8 Điều 210 Luật các TCTD 2024

¹⁴ Khoản 3 Điều 69 Luật các TCTD 2024

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>8. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên quy định tại Điều lệ của SeABank. Trường hợp có hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí tại Điều lệ của SeABank và Thẻ lệ bầu cử.</p> <p>9. Danh sách dự kiến những người được bầu làm thành viên HĐQT phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu các chức danh này. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận danh sách dự kiến việc bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định của NHNN, tuân thủ theo các nội dung cơ bản sau⁷:</p> <p>a. HĐQT thông báo cho các cổ đông số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung vào HĐQT, số lượng thành viên độc lập của HĐQT và các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để các cổ đông ứng cử hoặc đề cử người giữ các chức danh này theo quy định của Pháp luật và Điều lệ.</p> <p>b. Trên cơ sở danh sách ứng cử hoặc đề cử của các cổ đông, HĐQT thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn; lập và thông qua danh sách dự kiến nhân sự. Trường hợp các cổ đông không ứng cử, đề cử đủ số lượng ứng cử viên đối với thành viên HĐQT (bao gồm cả thành viên HĐQT độc lập); hoặc ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, HĐQT có quyền đề cử bổ sung, thay thế người đủ điều kiện, tiêu chuẩn để trình NHNN chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự.</p> <p>HĐQT khi xem xét, thông qua danh sách nhân sự dự kiến bầu thành viên HĐQT trên cơ sở đề cử, ứng cử của cổ đông</p>	<p>5. <i>Tiêu chuẩn, điều kiện của Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT:</i></p> <p>a) <i>Tiêu chuẩn, điều kiện của Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT được bầu bổ sung/ thay thế hoặc nhiệm kỳ mới: thực hiện theo quy định tại Điều 67 Điều lệ SEABANK và quy định pháp luật có liên quan.</i></p> <p>b) <i>HĐQT khi xem xét, thông qua danh sách nhân sự dự kiến bầu thành viên HĐQT trên cơ sở đề cử, ứng cử của cổ đông có thể tham khảo áp dụng các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo thông lệ, chuẩn mực quốc tế tốt về quản trị công ty và dựa trên trình độ, cam kết, vai trò dự kiến của họ trong HĐQT để đảm bảo tính đa dạng, hiệu quả trong cơ cấu HĐQT.</i></p> <p>c) <i>Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT đương nhiệm không đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện tại điểm a khoản này được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu.</i></p> <p>6. Chủ tịch HĐQT phải là người có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.</p> <p>7. <i>Trường hợp cổ đông nước ngoài (bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài) tham gia HĐQT phải có thêm các điều kiện sau, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác:</i></p> <p>a. <i>Tỷ lệ số người tham gia thành viên HĐQT chỉ được tương ứng với tỷ lệ vốn góp của tất cả các cổ đông nước ngoài tại SEABANK;</i></p> <p>b. <i>Không được giữ chức Chủ tịch HĐQT của SEABANK.</i></p> <p>8. HĐQT thành lập bộ máy giúp việc theo quy định tại Điều 30 Quy chế này để giúp việc cho HĐQT trong việc thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT. <i>Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và hoạt động của bộ phận giúp việc do HĐQT quy định.</i></p>	

⁷ Thông tư số 22/2018/TT-NHNN.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>có thể tham khảo thêm các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo thông lệ, chuẩn mực quốc tế phổ biến để thực hiện.</p> <p>c. Đối với nhân sự ứng cử hoặc được đề cử không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định, HĐQT thông báo rõ lý do cho người ứng cử và cổ đông/nhóm cổ đông đề cử nhân sự này.</p> <p>d. HĐQT lập hồ sơ trình NHNN đề nghị chấp thuận Danh sách dự kiến nhân sự theo quy định của pháp luật.</p> <p>e. Những người được bầu làm thành viên HĐQT phải thuộc danh sách nhân sự dự kiến đã được NHNN chấp thuận. Việc bầu thành viên HĐQT phải hoàn thành trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày ký trên văn bản chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của NHNN.</p> <p>f. Kết quả bầu thành viên HĐQT được thông báo bằng văn bản cho NHNN trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày bầu và công bố thông tin theo quy định.⁸</p> <p>10. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia HĐQT của SeABank, nhưng không được vượt quá 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên HĐQT⁹.</p> <p>11. Trường hợp số thành viên HĐQT không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ của SeABank thì trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng theo quy định, SeABank phải bổ sung đủ số lượng thành viên HĐQT theo quy định.¹⁰</p> <p>12. Trường hợp cổ đông nước ngoài (bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài) tham gia HĐQT phải có thêm các điều kiện sau:</p>		

⁸ Điều 51 Luật TCTD 2010

⁹ Khoản 2 Điều 62 Luật TCTD 2010

¹⁰ Khoản 3 Điều 43 Luật TCTD 2010

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>a. Tỷ lệ số người tham gia thành viên HĐQT chỉ được tương ứng với tỷ lệ vốn góp của tất cả các cổ đông nước ngoài tại SeABank;</p> <p>b. Không làm thành viên HĐQT quá 02 tổ chức tín dụng tại Việt Nam;</p> <p>c. Không được giữ chức Chủ tịch HĐQT của SeABank.</p> <p>13. HĐQT thành lập bộ máy giúp việc theo quy định tại Điều 31 Quy chế này để giúp việc cho HĐQT trong việc thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT</p>		
<p>Chưa quy định</p>	<p>Điều 4. Quy định về kế thừa, tuyển chọn, đề cử, ứng cử, bầu thành viên HĐQT¹⁵</p> <p>1. <i>HĐQT lập kế hoạch nhân sự kế thừa thành viên HĐQT trên cơ sở đề nghị của TGD hoặc/ và UBNS nhằm hạn chế những rủi ro có thể phát sinh từ việc thành viên HĐQT từ nhiệm, đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định pháp luật và/ hoặc Điều lệ Ngân hàng. Theo đó, HĐQT có thể xác định số lượng và danh sách ứng viên tiềm năng đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định pháp luật và quy định của SEABANK trong từng thời kỳ cho vị trí thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT từ các nguồn sau:</i></p> <p>a) <i>Ban Điều hành của Ngân hàng (bao gồm Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc các Khối Phòng/Ban/ Đơn vị), và/ hoặc các cán bộ quản lý khác đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện áp dụng cho thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT và đã có thời gian làm việc tại Ngân hàng tối thiểu 05 năm trở lên; hoặc</i></p> <p>b) <i>Theo giới thiệu của các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc hoặc/ và từ các tổ chức, cung cấp dịch vụ nhân sự chuyên nghiệp khác.</i></p> <p>2. <i>HĐQT đương nhiệm sẽ giới thiệu các ứng viên trên để các cổ đông/ nhóm cổ đông tổ chức đề cử hoặc HĐQT đề cử trong</i></p>	<p>Bổ sung theo khuyến nghị của IFC và HOSE về quản trị công ty.</p>

¹⁵ Điều 73 Điều lệ SeABank

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
	<p><i>trường hợp cổ đông không đề cử đủ số lượng tối thiểu thành viên HĐQT theo quy định pháp luật.</i></p> <p>3. Quy trình tuyển chọn, đề cử, ứng cử thành viên HĐQT¹⁶:</p> <p>a) HĐQT (1) thông báo cho các cổ đông số lượng thành viên dự kiến được bầu, số lượng thành viên độc lập của HĐQT, các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để các cổ đông tự ứng cử hoặc đề cử người giữ các chức danh này theo quy định của Pháp luật và Điều lệ SeABank, (2) và hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ, thời hạn và các nội dung khác liên quan đến việc đề cử, ứng cử cho cổ đông. Số lượng ứng cử viên mà các nhóm cổ đông được quyền đề cử sẽ được xác định theo khoản 1 Điều 73 Điều lệ SeABank.</p> <p>b) Trên cơ sở danh sách ứng cử hoặc đề cử của các cổ đông, HĐQT thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn; lập và thông qua danh sách dự kiến nhân sự bầu.</p> <p>c) Trường hợp các cổ đông không ứng cử, đề cử đủ số lượng ứng cử viên đối với thành viên HĐQT (bao gồm cả thành viên độc lập HĐQT), hoặc ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, HĐQT có quyền đề cử bổ sung, thay thế người đủ điều kiện, tiêu chuẩn hoặc tổ chức đề cử các ứng viên còn lại theo trình tự, thủ tục và điều kiện do HĐQT quy định.</p> <p>d) Đối với nhân sự ứng cử hoặc được đề cử không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định, HĐQT thông báo rõ lý do cho người ứng cử và cổ đông/nhóm cổ đông đề cử nhân sự này.</p> <p>e) HĐQT lập hồ sơ trình NHNN đề nghị chấp thuận Danh sách dự kiến nhân sự theo quy định pháp luật.</p> <p>f) Những người được bầu làm thành viên HĐQT phải thuộc danh sách đã được NHNN chấp thuận. Việc bầu thành viên</p>	

¹⁶ Điều 73 Điều lệ SeABank.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
	<p>HDQT phải hoàn thành trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày ký trên văn bản chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của NHNN.</p> <p>g) <i>Kết quả bầu thành viên HDQT được thông báo cho NHNN trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bầu và công bố thông tin theo quy định.</i>¹⁷</p>	
<p>Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của HDQT¹⁸</p> <ol style="list-style-type: none"> HDQT làm việc theo nguyên tắc tập thể, kết hợp với sự quản lý, phân công và điều phối của Chủ tịch HDQT. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của HDQT đối với sự phát triển của Ngân hàng. Nghị quyết, Quyết định của HDQT có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết, quyết định đó và tính chất bắt buộc thi hành đối với tất cả các đơn vị và cá nhân trong toàn Hệ thống SeABank. HDQT giao trách nhiệm, phân công, phân cấp thẩm quyền hoặc/và ủy quyền cho thành viên Ban Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HDQT. 	<p>Điều 5. Nguyên tắc hoạt động của HDQT¹⁹</p> <ol style="list-style-type: none"> HDQT làm việc theo nguyên tắc tập thể, kết hợp với sự quản lý, phân công và điều phối của Chủ tịch HDQT <i>hoặc/ và Phó Chủ tịch Thường trực HDQT, tùy thuộc vào cơ chế phân công công việc, phân cấp thẩm quyền của HDQT.</i> Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của HDQT <i>đã được thông qua.</i> 	<p>Bổ sung để đảm bảo phù hợp với thực tế hoạt động của HDQT và tạo sự linh hoạt, đảm bảo tính liên tục trong hoạt động của HDQT.</p>
<p>Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của HDQT²⁰</p> <ol style="list-style-type: none"> Quản trị SeABank theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của SeABank. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cổ đông, Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và hoạt động của Ngân hàng. 	<p>Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của HDQT²²</p> <ol style="list-style-type: none"> Quản trị SeABank theo quy định pháp luật, Điều lệ của SeABank <i>và quy định khác của Ngân hàng, đảm bảo Ngân hàng được định hướng, kiểm soát và vận hành đáp ứng quyền, lợi ích và nghĩa vụ của các bên liên quan, phù hợp với định</i> 	

¹⁷ Điều 44 Luật TCTD 2024

¹⁸ Điều 2 Quy chế mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.

¹⁹ Điều 2 Mẫu Quy chế hoạt động của HDQT ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.

²⁰ Điều 63 Luật các TCTD năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 278 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

²² Điều 70 Luật các TCTD 2024; Điều 153 Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 278 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; Điều 51 Điều lệ SeABank.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>2. Quyết định và thông qua các vấn đề về:</p> <p>a. Chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của SeABank.</p> <p>b. Chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của SeABank.</p> <p>c. Thành lập, chấm dứt hoạt động và cơ cấu tổ chức của chi nhánh, Văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của SeABank trong nước và tại nước ngoài.</p> <p>d. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ sở hữu tại Công ty con, Công ty liên kết do SeABank thành lập hoặc góp vốn thành lập.</p> <p>e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng quản trị, Người phụ trách quản trị công ty của Ngân hàng và người quản lý, người điều hành khác theo quy định nội bộ của HĐQT SeABank trong từng thời kỳ.²¹</p> <p>f. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của SeABank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; và cử người đại diện vốn góp của SeABank tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó.</p> <p>g. Đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản của SeABank có giá trị từ 10% trở lên so với Vốn Điều lệ của SeABank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quyết định của HĐQT, trừ các khoản đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ SeABank.</p>	<p><i>hướng, chiến lược phát triển của Ngân hàng trong từng thời kỳ.</i></p> <p>2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cổ đông, Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và hoạt động của Ngân hàng.</p> <p>3. Quyết định việc thành lập chi nhánh, Văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của SEABANK trong nước và tại nước ngoài.</p> <p>4. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của SEABANK.</p> <p>5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, <i>thưởng</i>, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và người điều hành khác theo quy định nội bộ của HĐQT SEABANK trong từng thời kỳ.</p> <p>6. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, <i>phân vốn góp của SEABANK tại</i> doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác <i>mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phân vốn góp có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của SEABANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; và cử người đại diện vốn góp của SEABANK tại</i> doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó.</p> <p>7. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của SEABANK <i>mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của SEABANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ khoản đầu tư, mua, bán tài sản của SEABANK thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.</i></p> <p>8. Quyết định các khoản cấp tín dụng trong trường hợp đặc biệt để thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và quy định của pháp luật, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định tại</p>	

²¹ Khoản 5 Điều 63 Luật các TCTD năm 2010 và Điểm b Khoản 3 Điều 41 Luật Chứng khoán năm 2019.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>h. Quyết định các khoản cấp tín dụng trong trường hợp đặc biệt để thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ và quy định của pháp luật, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 7 Điều 128 Luật các Tổ chức tín dụng và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).</p> <p>i. Thông qua các hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% Vốn Điều lệ của SeABank ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn do Điều lệ SeABank quy định giữa SeABank với các đối tượng sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của SeABank; • Người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, và cổ đông lớn của SeABank; • Công ty con, Công ty liên kết của SeABank. <p>Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết.</p> <p>j. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản của SeABank không phải là đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.</p> <p>k. Chào bán cổ phần mới do SeABank phát hành trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán, quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.</p> <p>l. Giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của SeABank.</p> <p>m. Mua lại cổ phần của SeABank theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của SeABank có liên quan.</p>	<p><i>khoản 7 Điều 136 Luật các TCTC năm 2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).</i></p> <p>9. Thông qua các hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% vốn điều lệ của SEABANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa SEABANK với:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Công ty con, công ty liên kết của SEABANK, b) Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của SEABANK, người có liên quan của người quản lý, thành viên BKS, cổ đông lớn của SEABANK. <p>10. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, cầm cố, thế chấp tài sản của Ngân hàng có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Ngân hàng, trừ trường hợp Điều lệ Ngân hàng có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp 2020 và quy định tại Điều lệ Ngân hàng.</p> <p>11. <i>Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% vốn điều lệ trở lên của SEABANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.</i></p> <p>12. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và chuyển giao công nghệ.</p> <p>13. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên của SEABANK.</p> <p>14. Quyết định chào bán cổ phần mới do SEABANK phát hành trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.</p> <p>15. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của SEABANK.</p> <p>16. Quyết định mua lại cổ phần của SEABANK theo <i>phương án được duyệt.</i></p>	

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>n. Việc đầu tư không có trong kế hoạch kinh doanh và đầu tư ngân sách vượt quá 10% số ngân sách năm ghi trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách.</p> <p>o. Việc chỉ định và bãi miễn những người có quyền đại diện thương mại hay đại diện pháp lý của SeABank;</p> <p>p. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.</p> <p>q. Trích lập và sử dụng các quỹ, chia lợi tức cổ phần theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>r. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên.</p> <p>s. Những công việc hoặc giao dịch khác thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định tại Điều lệ hoặc quy định của Pháp luật;</p> <p>3. Thực hiện các công việc liên quan đến Đại hội đồng cổ đông và HĐQT, gồm:</p> <p>a. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ, trừ những nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.</p> <p>b. Duyệt chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>c. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>d. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;</p> <p>e. Tổ chức triển khai và giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của HĐQT.</p>	<p>17. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.</p> <p>18. Trích lập và sử dụng các quỹ, chia lợi tức cổ phần theo quyết định của ĐHCĐ.</p> <p>19. Thông báo kịp thời cho NHNN thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên HĐQT, BKS, Tổng Giám đốc.</p> <p>20. Việc chỉ định và bãi miễn những người có quyền đại diện thương mại hay đại diện pháp lý của SEABANK.</p> <p>21. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Ngân hàng.</p> <p>22. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ sở hữu tại Công ty con, Công ty liên kết do SEABANK thành lập hoặc góp vốn thành lập.</p> <p>23. Thực hiện các công việc liên quan đến Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:</p> <p>a. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan, trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, <i>thông qua các nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 1 Điều 38 Điều lệ Ngân hàng</i> và quy định pháp luật, trừ những nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.</p> <p>b. Thông qua chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp, <i>hình thức họp và phương thức biểu quyết</i> của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>c. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>d. Tổ chức <i>thực hiện</i>, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của ĐHCĐ.</p> <p>e. Thực hiện các công việc hoặc giao dịch khác được ĐHCĐ giao hoặc/và ủy quyền.</p>	

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>f. Thực hiện các công việc hoặc giao dịch khác được ĐHĐCĐ giao hoặc/và ủy quyền.</p> <p>4. Thực hiện các công việc liên quan đến Ban Tổng Giám đốc, gồm:</p> <p>a. Phê duyệt kế hoạch kinh doanh hàng năm do Tổng Giám đốc đề nghị.</p> <p>b. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật hoặc/và được phân công, phân cấp thẩm quyền, ủy quyền thực hiện; đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Ban Tổng giám đốc.</p> <p>c. Thực hiện giám sát của quản lý cấp cao đối với Ban Tổng Giám đốc theo quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của SeABank và pháp luật có liên quan.</p> <p>5. Thực hiện các công việc liên quan đến NHNN, gồm:</p> <p>a. Chuẩn bị và trình NHNN phê chuẩn/chấp thuận đối với các nội dung theo quy định của pháp luật.</p> <p>b. Thông báo kịp thời cho NHNN thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.</p> <p>c. Báo cáo NHNN về việc thông qua các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản;</p> <p>d. Gửi NHNN Điều lệ đã được sửa đổi, bổ sung.</p> <p>e. Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>6. Ban hành các văn bản, quy định nội bộ của SeABank:</p>	<p>24. Thực hiện các công việc liên quan đến hoạt động của HĐQT bao gồm:</p> <p>a. Thông qua chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT;</p> <p>b. Tổ chức <i>thực hiện</i>, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.</p> <p>25. Thực hiện các công việc liên quan đến Ban Tổng Giám đốc, gồm:</p> <p>a. Phê duyệt kế hoạch kinh doanh hàng năm do Tổng Giám đốc đề nghị.</p> <p>b. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật hoặc/và được phân công, phân cấp thẩm quyền, ủy quyền thực hiện;</p> <p>c. Định kỳ hàng năm đánh giá hiệu quả làm việc của Ban Tổng giám đốc.</p> <p>d. Thực hiện giám sát của quản lý cấp cao đối với Ban Tổng Giám đốc theo quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của SeABank và pháp luật có liên quan.</p> <p>26. Ban hành các văn bản, quy định nội bộ của SeABank:</p> <p>e. Ban hành các Quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của SEABANK phù hợp với các quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ, Ban Kiểm soát.</p> <p>f. Xây dựng Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi ban hành.</p> <p>g. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của SEABANK.</p> <p>h. Các quy định nội bộ khác thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định của SeABank và pháp luật có liên quan trong từng thời kỳ.</p>	

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>a. Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế nội bộ về quản trị công ty của SeABank sau khi ĐHĐCĐ thông qua.</p> <p>b. Chính sách quản lý rủi ro của Ngân hàng;</p> <p>c. Các quy định nội bộ khác liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của SeABank phù hợp với các quy định của pháp luật, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát hoặc của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>d. Các quy định nội bộ khác thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định của SeABank và pháp luật có liên quan trong từng thời kỳ.</p> <p>7. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác ngoài thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, hoặc/và theo sự phân công và/hoặc giao và ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật</p>	<p>27. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác ngoài thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, hoặc/và theo sự phân công và/hoặc giao và ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật.</p>	
<p>Điều 11. Thay thế, bổ sung thành viên HĐQT</p> <p>2. Trường hợp Chủ tịch HĐQT bị đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT thì Phó Chủ tịch thứ nhất hoặc Phó Chủ tịch Thường trực hoặc một Phó Chủ tịch (trong trường hợp không có Phó Chủ tịch thứ nhất, Phó Chủ tịch Thường trực) tạm thời điều hành công việc của HĐQT. Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày Chủ tịch HĐQT bị đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT, các thành viên HĐQT có trách nhiệm tổ chức họp HĐQT để bầu một trong các Phó Chủ tịch hoặc một thành viên HĐQT (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Chủ tịch HĐQT.</p> <p>3. Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT muốn thôi đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch phải có đơn gửi đến HĐQT. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn, HĐQT phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT theo quy định hiện hành.</p>	<p>Điều 12. Thay thế và bổ sung thành viên HĐQT</p> <p>2. Trường hợp Chủ tịch HĐQT bị đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT thì Phó Chủ tịch thứ nhất hoặc Phó Chủ tịch Thường trực hoặc một Phó Chủ tịch (trong trường hợp không có Phó Chủ tịch thứ nhất, Phó Chủ tịch Thường trực) tạm thời điều hành công việc của HĐQT. Trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày Chủ tịch HĐQT bị đương nhiên mất tư cách thành viên HĐQT, các thành viên HĐQT có trách nhiệm tổ chức họp HĐQT để bầu một trong các Phó Chủ tịch hoặc một thành viên HĐQT (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định hiện hành) làm Chủ tịch HĐQT.</p> <p>3. Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT muốn thôi đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch phải có đơn gửi đến HĐQT. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn, HĐQT phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu Chủ tịch, Phó Chủ tịch HĐQT theo quy định hiện hành.</p> <p>4. Thành viên HĐQT muốn thôi đảm nhiệm chức vụ phải có đơn</p>	

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>4. Thành viên HĐQT muốn thôi đảm nhiệm chức vụ phải có đơn hoặc văn bản gửi HĐQT để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.</p>	<p>hoặc văn bản gửi HĐQT để trình Đại hội đồng cổ đông <i>thông qua</i>.</p>	
<p>Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐQT²³</p> <p>Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của SeABank, trừ trường hợp ĐHĐCĐ hoặc HĐQT có quyết định khác, có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thay mặt HĐQT triệu tập và chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông. 2. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT. 3. Chuẩn bị nội dung, chương trình, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa điều khiển các cuộc họp HĐQT. 4. Bảo đảm các thành viên HĐQT nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà HĐQT phải xem xét. 5. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT. 6. Theo dõi, giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT. 7. Lập chương trình công tác, phân công nhiệm vụ và giám sát các thành viên HĐQT thực hiện quản trị hoạt động của SeABank theo đúng nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ chung của thành viên HĐQT. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch HĐQT. 8. Thay mặt HĐQT ký các nghị quyết, quyết định của HĐQT, các văn bản xử lý công việc thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo quy định của pháp luật, Điều lệ trong từng thời kỳ. 	<p>Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch HĐQT²⁴</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của SeABank, trừ trường hợp ĐHĐCĐ hoặc HĐQT có quyết định khác, có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây: 2. Lập chương trình <i>công tác</i>, kế hoạch hoạt động của HĐQT để trình HĐQT <i>thông qua</i>; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. 3. Thay mặt HĐQT ký các văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT. 4. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên HĐQT thực hiện <i>công tác</i> quản trị Ngân hàng và giám sát các thành viên HĐQT trong việc thực hiện <i>quyền hạn, nghĩa vụ</i> và các nhiệm vụ được phân công, phân cấp thẩm quyền. 5. Chuẩn bị nội dung, chương trình và tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa các cuộc họp của HĐQT để thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT. 6. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của HĐQT và giám sát, <i>tổ chức giám sát việc</i> thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT. 7. <i>Làm chủ tọa</i> họp ĐHĐCĐ. 8. Bảo đảm các thành viên HĐQT nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà HĐQT phải xem xét 9. Ủy quyền cho một trong số Phó Chủ tịch hoặc/và thành viên HĐQT đảm nhiệm công việc của mình trong thời gian vắng kỳ. 	

²³ Điều 64 Luật TCTD 2010

²⁴ Điều 71 Luật các TCTD 2024, khoản 3 Điều 52 Điều lệ SeABank

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>9. Ủy quyền cho một trong số Phó Chủ tịch hoặc thành viên HĐQT đảm nhiệm công việc của mình trong thời gian vắng mặt. Chủ tịch HĐQT có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác theo cơ chế ủy quyền nội bộ do HĐQT quy định để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình.</p> <p>10. Đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban của HĐQT tối thiểu mỗi năm 01 lần và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này.</p> <p>11. Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của SeABank.</p>	<p>mặt hoặc/ và không thể thực hiện nhiệm vụ/ không tham gia xử lý công việc tại Ngân hàng.</p> <p>10. Chủ tịch HĐQT với tư cách là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các công việc của người đại diện theo pháp luật theo quy định pháp luật và quy định của SeABank trong từng thời kỳ.</p> <p>11. Định kỳ hàng năm, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên HĐQT, các Ủy ban/Hội đồng/Ban trực thuộc HĐQT và báo cáo ĐHCĐ về kết quả đánh giá này;</p> <p>12. Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của SeABank.</p>	
<p>Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Chủ tịch HĐQT:</p> <p>1. Thực hiện những nhiệm vụ được Chủ tịch HĐQT phân công.</p> <p>2. Theo ủy quyền bằng văn bản của Chủ tịch HĐQT, thay mặt Chủ tịch giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của Chủ tịch khi Chủ tịch vắng mặt.</p> <p>3. Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.</p>	<p>Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Chủ tịch HĐQT:</p> <p>1. Thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định pháp luật, quy định của Ngân hàng hoặc được giao nhiệm vụ hoặc/ và phân cấp thẩm quyền, hoặc/ và phân công công việc.</p> <p>2. Thay mặt HĐQT ký các văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT theo nhiệm vụ được giao hoặc/ và phân công, phân cấp thẩm quyền hoặc/ và ủy quyền.</p> <p>3. Theo ủy quyền bằng văn bản của Chủ tịch HĐQT, thay mặt Chủ tịch HĐQT giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của Chủ tịch khi Chủ tịch vắng mặt.</p>	
<p>Điều 14. Quyền và Nghĩa vụ của Thành viên HĐQT</p> <p>1. Thực hiện các quyền, nghĩa vụ, nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ SeABank, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các quy định nội bộ khác có liên quan của SeABank;</p> <p>2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của SeABank, cổ đông của SeABank;</p>	<p>Điều 15. Quyền và Nghĩa vụ của Thành viên HĐQT, thành viên HĐQT độc lập²⁵</p> <p>1. Thành viên HĐQT có các quyền và nghĩa vụ sau đây</p> <p>a. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên HĐQT theo đúng quy định pháp luật, quy định nội bộ của Ngân hàng và/ hoặc phân công, phân cấp thẩm quyền, giao nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Ngân hàng</p>	

²⁵ Điều 72 Luật các TCTD 2024 Khoản 5,6 Điều 52 Điều lệ SeABank

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>3. Trung thành với lợi ích của SeABank và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của SeABank, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của SeABank để thu lợi cá nhân phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác hoặc làm tổn hại tới lợi ích của SeABank và các cổ đông.</p> <p>4. Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của SeABank để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của SeABank, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của NHNN.</p> <p>5. Am hiểu về chính sách và các loại rủi ro trong hoạt động của SeABank.</p> <p>6. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho SeABank về quyền lợi có thể gây xung đột mà mình có được ở các tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột lợi ích với SeABank và chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi HĐQT đã xem xét và chấp thuận.</p> <p>7. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;</p> <p>8. Báo cáo kịp thời và đầy đủ các khoản thù lao mà họ nhận được từ công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của công ty;</p> <p>9. Báo cáo Ủy ban Chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của SeABank theo quy định pháp luật;</p> <p>10. Không được cạnh tranh bất hợp pháp với SeABank hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của SeABank.</p> <p>11. Không được tạo điều kiện để cá nhân mình hoặc người có liên quan của mình theo quy định tại Điều lệ vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng khác của SeABank với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của SeABank.</p>	<p>và cổ đông; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình;</p> <p>b. Xem xét <i>báo cáo kiểm toán</i> báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình, làm rõ các vấn đề có liên quan đến báo cáo;</p> <p>c. Đề nghị Chủ tịch HĐQT triệu tập họp HĐQT bất thường theo quy định;</p> <p>d. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT; thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các quy định nội bộ có liên quan. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước ĐHĐCĐ và trước HĐQT về những ý kiến của mình; <i>Trường hợp nội dung biểu quyết có xung đột lợi ích hoặc có liên quan tới lợi ích của thành viên nào thì thành viên đó không được tham gia biểu quyết.</i></p> <p>e. <i>Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của HĐQT thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT trong thời gian vắng mặt hoặc/ và không thể thực hiện nhiệm vụ, trừ các vấn đề quy định tại các khoản 1, 5, 6, 7, 9, 10, 11, 13, 15, 16, 22 Điều 51 Điều lệ SeABank.</i></p> <p>f. <i>Tham gia các Ủy ban/ Tiểu Ủy ban/ Hội đồng ... theo phân công, giao nhiệm vụ của HĐQT;</i></p> <p>g. Thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và của HĐQT;</p> <p>h. Giải trình trước ĐHĐCĐ, HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu;</p> <p>i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT;</p>	

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>12. Không được tăng thù lao hoặc yêu cầu trả thưởng khi SeABank bị lỗ. Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> j. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng, kế hoạch hoạt động kinh doanh của SEABANK trong từng thời kỳ; k. Báo cáo kịp thời và đầy đủ với HĐQT các khoản thù lao mà thành viên HĐQT nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác; l. Báo cáo UBCKNN, Sở Giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của SEABANK theo quy định của pháp luật m. <i>Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho SeABank về quyền lợi có thể gây xung đột mà mình có được ở các tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột lợi ích với SeABank và chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi HĐQT đã xem xét và chấp thuận.</i> n. <i>Không được cạnh tranh bất hợp pháp với SeABank hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của SeABank.</i> o. <i>Không được tạo điều kiện để cá nhân mình hoặc người có liên quan của mình theo quy định tại Điều lệ vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng khác của SeABank với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của SeABank.</i> p. <i>Không được tăng thù lao hoặc yêu cầu trả thưởng khi SeABank bị lỗ.</i> q. Trung thành với lợi ích của SeABank và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của SeABank, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của SeABank để thu lợi cá nhân phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác hoặc làm tổn hại tới lợi ích của SeABank và các cổ đông. r. Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của SeABank. 	

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
	<p>2. Thành viên độc lập HĐQT có các quyền và nhiệm vụ sau đây:</p> <p>a. Lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật chứng khoán;</p> <p>b. <i>Tham gia các Ủy ban/ Tiểu Ủy ban/ Hội đồng ... theo phân công, giao nhiệm vụ của HĐQT;</i></p> <p>c. Thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn do Chủ tịch phân công và các quyền hạn, nhiệm vụ khác của thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
<p>Điều 18. Thông báo và Chương trình họp</p> <p>1. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất (05) năm ngày làm việc trước ngày dự kiến họp. Thông báo về cuộc họp HĐQT được lập thành văn bản bằng tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc, biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>2. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng bưu điện, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc/thư điện tử của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại SeABank.</p> <p>3. Đối với các trường hợp cần họp khẩn cấp để giải quyết các vấn đề cấp bách, thời hạn thông báo và hình thức thông báo mời họp HĐQT sẽ do Chủ tịch HĐQT quyết định.</p>	<p>Điều 19. Thông báo và Chương trình họp²⁶</p> <p>1. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải gửi thông báo mời họp chậm nhất (05) năm ngày làm việc trước ngày dự kiến họp. Thông báo về cuộc họp HĐQT được lập thành văn bản bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài (tùy theo khả năng cho phép), trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc, biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>2. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng <i>giấy mời hoặc/và điện thoại, hoặc/và thư điện tử hoặc/và phương tiện điện tử hoặc phương tiện khác</i>, nhưng phải bảo đảm đến từng thành viên HĐQT.</p> <p>3. Đối với các trường hợp cần họp khẩn cấp để giải quyết các vấn đề cấp bách, thời hạn thông báo và hình thức thông báo mời họp HĐQT sẽ do Chủ tịch HĐQT quyết định.</p> <p>4. <i>Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với thành viên HĐQT. Các thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết. Các thành viên Ban Tổng Giám đốc, người quản lý, người điều hành hoặc các chuyên gia khác</i></p>	

²⁶ Điều 55 Điều lệ SeABank

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
	<i>có thể tham dự cuộc họp của HĐQT theo giấy mời của Chủ tịch HĐQT.</i>	
<p>Điều 19. Số thành viên tham dự yêu cầu tối thiểu</p> <ol style="list-style-type: none"> Cuộc họp HĐQT theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên HĐQT trở lên tham dự (trực tiếp hoặc thành viên HĐQT khác được ủy quyền)²⁷. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên HĐQT dự họp.²⁸ Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên HĐQT có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên HĐQT khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến chủ tọa cuộc họp HĐQT chậm nhất 01 giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp. Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT. 	<p>Điều 20. Điều kiện tiến hành cuộc họp HĐQT</p> <ol style="list-style-type: none"> Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT và thành viên được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây: <ol style="list-style-type: none"> Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; <i>Ủy quyền cho thành viên khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định của Điều lệ này và quy định của SEABANK có liên quan, trừ trường hợp quy định tại điểm e khoản 5 Điều 52 Điều lệ Ngân hàng;</i> Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của SeABank trong từng thời kỳ; Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, thư điện tử. <i>Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một giờ trước khi khai mạc và chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</i> 	
<p>Điều 20. Biểu quyết</p> <ol style="list-style-type: none"> Mỗi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp HĐQT. Thành viên HĐQT không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền cho người khác dự họp theo quy định tại Quy chế này hoặc thực hiện gửi văn bản theo quy định tại Điều 22 của Quy chế này. 	<p>Điều 21. Biểu quyết và thông qua chương trình tại cuộc họp HĐQT²⁹</p> <ol style="list-style-type: none"> Mỗi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp HĐQT sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp HĐQT. Thành viên HĐQT không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền cho thành viên khác dự họp theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng, Quy chế này hoặc thực hiện gửi văn bản theo quy định tại Điều 22 của Quy chế này. 	

²⁷ Khoản 8 Điều 157 Luật Doanh nghiệp 2020.

²⁸ Khoản 8 Điều 157 Luật DN 2020.

²⁹ Điều 56 Điều lệ SeABank

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>2. Thành viên HĐQT có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra HĐQT quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận uỷ quyền của thành viên HĐQT khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.</p> <p>3. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên HĐQT hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên HĐQT và những nghi ngờ đó không được thành viên HĐQT đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ toạ của cuộc họp. Phán quyết của Chủ toạ sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên HĐQT có liên quan đó chưa được biết rõ.</p> <p>4. Bất kỳ thành viên HĐQT nào có liên quan đến một bên trong hợp đồng, giao dịch được nêu tại Khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp 2020 sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng, giao dịch đó.</p> <p>5. Quyết định của HĐQT được thông qua nếu được đa số phiếu tán thành, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo uỷ quyền. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT uỷ quyền (trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt).</p>	<p>2. <i>Nghị quyết của HĐQT được thông qua nếu được đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và biểu quyết theo uỷ quyền. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT uỷ quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt).</i></p>	
<p>Điều 22. Tổ chức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản.</p> <p>1. Trường hợp HĐQT lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên HĐQT tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:</p>	<p>Điều 23. Tổ chức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản³⁰</p> <p>1. Chủ tịch HĐQT quyết định việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản.</p> <p>2. <i>Văn phòng HĐQT chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng bưu điện, thư điện tử</i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 58 Điều lệ SeABank</p>

³⁰ Điều 58 Điều lệ SeABank

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>a. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên HĐQT có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến.</p> <p>b. Số lượng thành viên HĐQT có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp HĐQT.</p> <p>2. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của SeABank.</p> <p>b. Mục đích lấy ý kiến.</p> <p>c. Họ, tên và chức vụ của thành viên HĐQT.</p> <p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua.</p> <p>e. Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến.</p> <p>f. Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về SeABank.</p> <p>g. Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.</p> <p>3. Hình thức gửi Phiếu lấy ý kiến: Chủ tịch HĐQT/Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT xem xét, quyết định gửi Phiếu lấy ý kiến trực tiếp đến địa chỉ liên lạc hoặc/và gửi qua thư điện tử đã đăng ký tại SeABank của thành viên HĐQT.</p> <p>4. Cách thức bỏ phiếu của các thành viên HĐQT:</p> <p>a. Trường hợp Phiếu lấy ý kiến được gửi trực tiếp tới địa chỉ liên lạc của các thành viên HĐQT: Các thành viên HĐQT biểu quyết thông qua việc ký vào Phiếu lấy ý kiến và gửi về Văn phòng HĐQT theo đúng thời hạn quy định. Nếu quá thời hạn đề nghị gửi lại theo quy định thì Phiếu lấy ý kiến đó được coi như các thành viên không có ý kiến.</p>	<p>hoặc phương thức điện tử khác và bảo đảm đến được từng thành viên HĐQT.</p> <p>3. Trường hợp HĐQT lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên HĐQT tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:</p> <p>a. Đa số các thành viên HĐQT biểu quyết tán thành đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT hoặc thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT uỷ quyền chủ tọa cuộc họp (trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt).</p> <p>b. Số lượng thành viên HĐQT có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp HĐQT.</p> <p>4. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của SeABank (nếu có).</p> <p>b. Mục đích lấy ý kiến.</p> <p>c. Họ, tên và chức vụ của thành viên HĐQT.</p> <p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua.</p> <p>e. Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến.</p> <p>f. Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về SeABank.</p> <p>g. Họ và tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.</p> <p>5. Hình thức gửi Phiếu lấy ý kiến: Chủ tịch HĐQT/Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT xem xét, quyết định gửi Phiếu lấy ý kiến trực tiếp đến địa chỉ liên lạc hoặc/và gửi qua thư điện tử đã đăng ký tại SeABank của thành viên HĐQT.</p>	

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>b. Trường hợp Phiếu lấy ý kiến được gửi qua thư điện tử đã đăng ký của các thành viên HĐQT tại SeABank: Các thành viên HĐQT biểu quyết trực tiếp qua thư điện tử. Ý kiến biểu quyết được gửi từ thư điện tử đã đăng ký của thành viên HĐQT sẽ được coi là ý kiến biểu quyết chính thức và có hiệu lực của thành viên HĐQT đó. Ý kiến biểu quyết qua thư điện tử trong trường hợp này có giá trị pháp lý tương đương như việc biểu quyết trên văn bản có chữ ký của thành viên HĐQT.</p> <p>5. Kiểm phiếu biểu quyết và ban hành Nghị quyết:</p> <p>5.1 Thư ký HĐQT thực hiện kiểm phiếu biểu quyết, lập biên bản và thực hiện các thủ tục ban hành Nghị quyết (i) ngay sau khi nhận đủ phiếu biểu quyết của các thành viên HĐQT gửi về địa chỉ của Văn phòng HĐQT hoặc gửi về thư điện tử của Văn phòng HĐQT; (ii) hoặc sau khi kết thúc thời hạn lấy ý kiến theo quy định.</p> <p>5.2 Thư ký HĐQT kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên HĐQT độc lập (hoặc 02 thành viên HĐQT) và thành viên Ban kiểm soát. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>b. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của SeABank.</p> <p>c. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến.</p> <p>d. Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên HĐQT đã tham gia biểu quyết.</p> <p>e. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến.</p>	<p>6. Cách thức bỏ phiếu của các thành viên HĐQT:</p> <p>a. Trường hợp Phiếu lấy ý kiến được gửi trực tiếp tới địa chỉ liên lạc của các thành viên HĐQT: Các thành viên HĐQT biểu quyết thông qua việc ký vào Phiếu lấy ý kiến và gửi về Văn phòng HĐQT theo đúng thời hạn quy định. Nếu quá thời hạn đề nghị gửi lại theo quy định thì Phiếu lấy ý kiến đó được coi như các thành viên không có ý kiến.</p> <p>b. <i>Trường hợp Phiếu lấy ý kiến được gửi qua thư điện tử hoặc phương thức điện tử khác: Các thành viên HĐQT biểu quyết trực tiếp qua thư điện tử hoặc phương tiện điện tử khác. Ý kiến biểu quyết được gửi từ thư điện tử hoặc phương tiện điện tử khác của thành viên HĐQT sẽ được coi là ý kiến biểu quyết chính thức và có hiệu lực của thành viên HĐQT đó. Ý kiến biểu quyết qua thư điện tử hoặc phương tiện điện tử khác trong trường hợp này có giá trị pháp lý tương đương như việc biểu quyết trên văn bản có chữ ký của thành viên HĐQT.</i></p> <p>7. Kiểm phiếu biểu quyết và ban hành Nghị quyết:</p> <p>a. <i>Văn phòng HĐQT thực hiện kiểm phiếu biểu quyết, lập biên bản và thực hiện các thủ tục ban hành Nghị quyết (i) ngay sau khi nhận đủ phiếu biểu quyết của các thành viên HĐQT gửi về địa chỉ của Văn phòng HĐQT hoặc gửi về thư điện tử của Văn phòng HĐQT hoặc phương tiện điện tử khác (nếu có); (ii) hoặc sau khi kết thúc thời hạn lấy ý kiến theo quy định.</i></p> <p>b. <i>Văn phòng HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của tối thiểu một thành viên HĐQT độc lập (hoặc 02 thành viên HĐQT) và thành viên Ban kiểm soát. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, <i>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nghiệp của SeABank (nếu có).</i> 	

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>f. Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát.</p> <p>6. Thư ký HĐQT tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>7. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên HĐQT trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của SeABank.</p> <p>9. Quyết định/Nghị quyết của HĐQT được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản (trực tiếp và/hoặc gửi qua thư điện tử) đều có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT.</p> <p>10. Việc quyết định tổ chức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản do Chủ tịch HĐQT quyết định</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến. - Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên HĐQT đã tham gia biểu quyết. - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến. - Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát (nếu có). <p>8. Văn phòng HĐQT tham gia vào việc lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>9. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm Nghị quyết, Quyết định của HĐQT được thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên HĐQT trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>10. Phiếu lấy ý kiến/ các thư điện tử/Phiếu biểu quyết điện tử đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của SEABANK.</p> <p>11. Quyết định/Nghị quyết của HĐQT được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản (trực tiếp và/hoặc gửi qua thư điện tử hoặc/ và phương tiện điện tử khác) đều có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp HĐQT.</p>	
<p>Điều 25. Cuộc họp HĐQT theo hình thức nghị sự</p> <p>1. Các thành viên HĐQT có thể tham gia họp và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc các hình thức tương</p>	<p>Điều 26. Cuộc họp HĐQT theo các hình thức trực tuyến</p> <p>3. Nghị quyết/quyết định của HĐQT trong trường hợp này sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp. Sau đó, Biên bản họp HĐQT</p>	

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>tự khác. Thành phần ký Biên bản thực hiện theo Điều 23 Quy chế này.</p> <p>2. Nghị quyết/quyết định của HĐQT trong trường hợp này sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng ngay sau đó phải được các thành viên tham gia họp và biểu quyết ký vào Biên bản họp như quy định tại Điều 23 Quy chế này.</p>	<p><i>sẽ được hoàn thiện theo quy định tại khoản 3 Điều 23 Quy chế này.</i></p>	
<p>Điều 27. Mọi quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.</p>	<p>Điều 28. Mọi quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Quan hệ giữa các thành viên HĐQT là quan hệ phối hợp, các thành viên HĐQT có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được <i>giao nhiệm vụ, hoặc/ và phân công, phân cấp thẩm quyền.</i></p>	
<p>Điều 30. Bộ máy giúp việc của HĐQT</p> <p>1. HĐQT sẽ sử dụng Bộ máy giúp việc và con dấu của SeABank để thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ của mình.</p> <p>2. HĐQT sẽ có các chuyên gia giúp việc chuyên trách/trợ lý và sẽ quy định cụ thể số lượng và các nhiệm vụ của mỗi chuyên gia/trợ lý giúp việc.</p> <p>3. HĐQT có thể bổ nhiệm thư ký chuyên trách và quy định chức năng, nhiệm vụ của thư ký. Hai hoặc nhiều người có thể được bổ nhiệm là đồng thư ký; chức năng, nhiệm vụ của thư ký do HĐQT quyết định.</p> <p>4. HĐQT có thể thành lập các Ủy ban, Hội đồng hoặc/và các cơ quan trực thuộc khác để giúp HĐQT thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT trên cơ sở phân công/ ủy quyền của HĐQT.</p> <p>5. HĐQT phải thành lập tối thiểu 02 Ủy ban, bao gồm Ủy ban nhân sự và Ủy ban Quản lý rủi ro. HĐQT quy định</p>	<p>Điều 31. Bộ máy giúp việc của HĐQT³²</p> <p>2. HĐQT sẽ có các chuyên gia/<i>trợ lý</i> giúp việc chuyên trách và sẽ quy định cụ thể số lượng và các nhiệm vụ của mỗi chuyên gia/<i>trợ lý</i> giúp việc.</p> <p><i>4. Hội đồng quản trị có thể thành lập Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng quản trị. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán có thể là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.³³</i></p> <p><i>5. Hội đồng Quản trị có thể thành lập Ủy ban Môi trường – Xã hội – Quản trị (ESG) là cơ quan chuyên môn trực thuộc HĐQT, tham mưu, giúp việc cho HĐQT trong việc xây dựng, thực thi chiến lược về ESG của Ngân hàng.</i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Khoản 4,5 Điều 50 Luật các TCTD 2024, Điều 59 Điều lệ SeABank</p>

³²Khoản 4,5 Điều 50 Luật các TCTD 2024, Điều 59 Điều lệ SeABank

³³ Điều 161 Luật Doanh nghiệp 2020.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>việc thành lập, giải thể, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế hoạt động, ra quyết định của các Ủy ban, Hội đồng và/hoặc cơ quan trực thuộc HĐQT, phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật và quy định của SeABank trong từng thời kỳ.</p> <p>6. Hội đồng quản trị có thể thành lập Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng quản trị. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.³¹</p>		
<p>Điều 32. Thù lao và kinh phí hoạt động</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên HĐQT được hưởng thù lao và được chi trả các chi phí hợp lý cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. 2. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức thù lao, phụ cấp, thưởng và các lợi ích khác đối với HĐQT, Ban kiểm soát và ngân sách hoạt động của HĐQT, Ban kiểm soát. Trên cơ sở phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT quyết định mức thù lao áp dụng đối với các thành viên HĐQT và các chi phí cụ thể phù hợp với tình hình hoạt động của HĐQT, Ngân hàng. 3. Thù lao của các thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của SeABank theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của SeABank và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên. 4. Thành viên HĐQT nắm chức vụ điều hành hoặc thực hiện các công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT có thể được trả thù lao dưới dạng một khoản tiền 	<p>Điều 33. Thù lao và kinh phí hoạt động</p> <p><i>Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên HĐQT được hưởng thù lao, lương, thưởng, lợi ích khác và được chi trả các chi phí hợp lý cần thiết khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và được thực hiện theo quy định riêng của HĐQT trong từng thời kỳ, phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.</i></p>	<p>HĐQT đã ban hành Quy định riêng về thù lao, chi phí hoạt động của BKS, HĐQT.</p>

³¹ Điều 161 Luật Doanh nghiệp 2020.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>công trọn gói theo từng lần, lương, phần trăm hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới các hình thức khác theo quyết định của HĐQT.</p> <p>5. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, HĐQT hoặc các Ủy ban của HĐQT.</p>		
<p>Điều 33. Chế độ thông tin báo cáo HĐQT</p> <p>1. Nơi tiếp nhận các thông tin, báo cáo của HĐQT là Văn phòng HĐQT.</p> <p>2. Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc được uỷ quyền có trách nhiệm gửi báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động của SeABank theo yêu cầu công tác quản trị của HĐQT. Văn phòng HĐQT có trách nhiệm sao gửi đến các thành viên HĐQT những thông tin cần thiết khi có yêu cầu.</p>	<p>Điều 34. Chế độ thông tin báo cáo HĐQT</p> <p>1. Nơi tiếp nhận các thông tin, báo cáo, thư từ của HĐQT là Văn phòng HĐQT, <i>trừ các thông tin, báo cáo, thư từ ghi đích danh cá nhân thành viên HĐQT.</i></p> <p>2. Các văn bản của Tổng Giám đốc gửi đến các cơ quan quản lý Nhà nước các cấp, các cơ quan thông tin đại chúng theo yêu cầu hợp pháp của các cơ quan đó đều phải đồng thời gửi cho Chủ tịch HĐQT/ Phó Chủ tịch HĐQT để báo cáo.</p>	
<p>Điều 34. Hiệu lực thi hành Không quy định.</p>	<p>Điều 35. Hiệu lực thi hành</p> <p>2. <i>Trường hợp HĐQT của SEABANK không đáp ứng quy định tại khoản 3, 10 Điều 3 Quy chế này thì được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ của HĐQT.</i></p> <p>3. <i>Người quản lý của SEABANK được bầu, bổ nhiệm trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại các Điều 6,7,8,9 Quy chế này thì được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.</i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều khoản chuyển tiếp của Luật các TCTD năm 2024.</p>

PHỤ LỤC CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, ĐIỂM MỚI CỦA QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY 2024

Những nội dung được sửa đổi, bổ sung sẽ được *in nghiêng*.

Những nội dung được thay thế, bãi bỏ sẽ được **gạch ngang**.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
Các điều khoản có quy định về “số giấy tờ pháp lý cá nhân”.	Đổi thành “ <i>số định danh cá nhân</i> ”.	Sửa đổi theo Luật Căn cước công dân năm 2023.
Căn cứ Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.	Căn cứ <i>Biên bản kiểm phiếu biểu quyết lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản ngày ... tháng ... năm 2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế nội bộ về quản trị của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á.</i>	Quy chế được thông qua do lấy ý kiến của đại hội đồng cổ đông bằng văn bản.
Điều 1. Mục đích ban hành và phạm vi điều chỉnh Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeABank) quy định về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”), Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban Kiểm soát (“BKS”), Ban Tổng Giám đốc (“Ban TGD”); trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD; và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ của SeABank và các quy định hiện hành khác của pháp luật.	Điều 1. Mục đích ban hành và phạm vi điều chỉnh Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (SeABank) quy định về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”), Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban Kiểm soát (“BKS”), Ban Tổng Giám đốc (“Ban TGD”); trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm, <i>đánh giá kết quả hoạt động và công tác kế thừa</i> thành viên HĐQT, BKS, Ban TGD; và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ của SeABank và các quy định hiện hành khác của pháp luật.	Bổ sung các nội dung theo khuyến nghị của Tổ chức Tài chính Quốc tế và hướng đến các chuẩn mực quốc tế về quản trị công ty.
Điều 4. Giải thích từ ngữ, viết tắt 7. Chưa quy định. 8. “Điều lệ của SeABank” (hoặc Điều lệ) được hiểu là Điều lệ tổ chức và hoạt động của SeABank đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và HĐQT thông qua.	Điều 2. Giải thích từ ngữ, viết tắt 7. UBNS: là Ủy ban Nhân sự trực thuộc HĐQT; 9. “Điều lệ của SeABank” (hoặc Điều lệ) được hiểu là Điều lệ tổ chức và hoạt động của SeABank, <i>được thông qua theo Biên bản kiểm phiếu biểu quyết lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản ngày ...tháng ... năm 2024</i> , và các bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) của Điều lệ này.	Để đảm bảo phù hợp với thực tế của Dự thảo lần này.
Điều 2. Các nguyên tắc quản trị cơ bản 1. Đảm bảo cơ cấu quản trị của Ngân hàng hợp lý, hiệu quả, tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan, Điều lệ SeABank và	Điều 3. Các nguyên tắc quản trị cơ bản 1. Đảm bảo cơ cấu quản trị, <i>cơ cấu tổ chức quản lý</i> của Ngân hàng hợp lý, hiệu quả, tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan,	Bổ sung các nội dung theo khuyến nghị của Tổ chức Tài chính Quốc tế và hướng đến

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>hướng tới các chuẩn mực, thông lệ quốc tế tốt về quản trị công ty.</p> <p>4. Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị Ngân hàng.</p>	<p>Điều lệ SeABank và hướng tới các chuẩn mực, thông lệ quốc tế <i>tốt về quản trị công ty</i>.</p> <p>2. <i>Đảm bảo quản trị có tính chiến lược, có tính tổng thể, hệ thống, tính kiểm soát và phù hợp với tình hình thực tế, định hướng phát triển bền vững của ngành, của SeABank trong từng thời kỳ;</i></p> <p>5. Tôn trọng và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của các bên liên quan trong quản trị Ngân hàng.</p>	<p>các chuẩn mực quốc tế về quản trị công ty</p>
<p>Điều 3. Cơ cấu quản trị của SeABank</p> <p>Cơ cấu quản trị SeABank bao gồm:</p>	<p>Điều 4. Cơ cấu quản trị và cơ cấu tổ chức quản lý của SeABank</p> <p>Cơ cấu quản trị và cơ cấu tổ chức quản lý SeABank bao gồm:</p>	<p>Bổ sung theo Điều 40 Luật các TCTD</p>
<p>Điều 5. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ: thực hiện theo Điều lệ của SeABank và quy định của pháp luật.</p>	<p>Điều 5. Vai trò, <i>nhiệm vụ và quyền hạn</i> của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. <i>Nhiệm vụ và quyền hạn của ĐHĐCĐ</i>: thực hiện theo Điều lệ của SeABank và quy định pháp luật <i>liên quan trong từng thời kỳ</i>.</p>	<p>Sửa đổi theo Khoản 3 Điều 67 Luật các TCTD</p>
<p>Điều 6. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>4. ĐHĐCĐ thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:</p> <p>a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của SEABANK;</p> <p>b) Báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>e) Báo cáo của HĐQT về hoạt động quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT của SEABANK;</p> <p>d) Báo cáo của BKS về kết quả kinh doanh của SEABANK, về kết quả hoạt động của HĐQT, Tổng Giám đốc;</p> <p>e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và của từng thành viên BKS.</p> <p>f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.</p>	<p>Điều 6. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Bãi bỏ Khoản 4 và điểm c khoản 5.</p> <p>8. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp ĐHĐCĐ²:</p> <p>a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ</p> <p>b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;</p> <p>c) Lập chương trình, nội dung và lựa chọn hình thức, <i>phương thức biểu quyết tại</i> cuộc họp.</p>	<p>Bãi bỏ Khoản 4 Điều này do trùng với Điều 5.2 và phạm vi điều chỉnh của Điều 6 cũng không bao gồm quy định về thẩm quyền của ĐHĐCĐ.</p> <p>Bãi bỏ điểm c khoản 5 theo Luật các TCTD năm 2024.</p> <p>Bổ sung nội dung thẩm quyền của Người triệu tập ĐHĐCĐ về việc quyết định phương thức biểu quyết tại cuộc họp để phù hợp</p>

² Khoản 5 Điều 140 LDN 2020

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>5. ĐHĐCĐ bất thường được triệu tập theo quyết định triệu tập họp của HĐQT trong các trường hợp sau đây:¹</p> <p>e) Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục tối thiểu là 6 tháng;</p>		<p>với tình hình thực tế khi tổ chức ĐHĐCĐ.</p>
	<p>Điều 7. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông³</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của SEABANK hoặc trên cơ sở danh sách của Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ. SEABANK phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.⁴ 2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông. 3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong Sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Quy chế này hoặc quy định riêng của SeABank trong từng thời kỳ. 	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 141 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 40 Dự thảo Điều lệ SeABank 2024.</p>

¹ Khoản 1 Điều 59 Luật các TCTD năm 2010.

³ Điều 141 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 40 Điều lệ SeABank.

⁴ Khoản 1 Điều 273 NĐ 155/2020/NĐ-CP.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>Điều 8. Chương trình, nội dung và hình thức họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Chưa quy định.</p>	<p>Điều 8. Chương trình, nội dung và hình thức họp Đại hội đồng cổ đông</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cổ đông và nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 35 Điều lệ của SeABank có quyền kiến nghị các vấn đề cần đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến SEABANK chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc trừ trường hợp Điều lệ SEABANK có quy định thời hạn khác. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, <i>số định danh cá nhân/ mã số doanh nghiệp</i>, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được ĐHĐCĐ chấp thuận theo quy định tại khoản 3 Điều này. 2. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 1 Điều này trong các trường hợp sau đây: <ol style="list-style-type: none"> a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này; b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ; c) Những vấn đề không phù hợp với quy định tại Điều lệ SEABANK và/hoặc không phù hợp với các quy định của pháp luật. <p><i>Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</i></p> 3. ĐHĐCĐ phải thảo luận và biểu quyết thông qua các quyết định về các vấn đề được đưa vào chương trình họp. Nghị 	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Khoản 3 Điều 142 Luật doanh nghiệp 2020 và bổ sung theo khuyến nghị của IFC, HOSE liên quan đến biểu quyết theo phương thức điện tử.</p>

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
	<p>quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ của SEABANK.⁵</p> <p><i>Trình tự, thủ tục biểu quyết thông qua hình thức hội nghị trực tuyến, hoặc hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến, hoặc bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác do HĐQT quyết định đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của Ngân hàng, phù hợp với quy định của pháp luật liên quan (nếu có);</i></p> <p>4. Hình thức họp ĐHĐCĐ:</p> <p>a) Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành thông qua hình thức họp trực tiếp hoặc họp trực tuyến hoặc họp trực tuyến kết hợp với trực tiếp.</p> <p>b) <i>Trình tự, thủ tục và cách thức tiến hành ĐHĐCĐ thông qua hình thức họp trực tuyến hoặc kết hợp trực tuyến và trực tiếp do HĐQT quyết định đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của Ngân hàng trong từng thời kỳ.</i></p>	
<p>Điều 9. Mời họp ĐHĐCĐ</p> <p>3. Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của SEABANK; trường hợp SEABANK xét thấy cần thiết thì đăng báo hàng ngày của trung ương hoặc địa phương. Trường hợp Cổ đông đã thông báo cho SEABANK về số fax, địa chỉ email, thông báo họp ĐHĐCĐ có thể gửi tới số fax, địa chỉ email đó. Trong trường hợp là nhân viên của SEABANK, thông báo có thể được gửi tới nơi làm việc của từng cá nhân trong các phong bì dán kín.</p>	<p>Điều 9. Mời họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>2. <i>Thông báo mời họp ĐHĐCĐ phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, số định danh cá nhân; thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu đối với người dự họp.</i></p> <p>3. Thông báo được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được cổ đông SEABANK thông qua thư điện tử và/hoặc địa chỉ liên lạc và/hoặc điện thoại di động và/hoặc hình thức khác mà cổ đông đã đăng ký với SEABANK hoặc đơn vị lưu ký chứng khoán của cổ đông. Đồng thời, thông báo mời họp được đăng tải trên trang thông tin điện tử của SEABANK; và đăng báo hàng ngày của trung ương hoặc địa phương theo quy định của Điều lệ SEABANK khi xét thấy cần thiết.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung để đảm bảo phù hợp thực tế triển khai mời họp hiện nay của Ngân hàng và phù hợp với khuyến nghị của IFC, HOSE trong việc triển khai họp ĐHĐCĐ theo phương thức điện tử và kết hợp điện tử và trực tiếp.</p>

⁵ Khoản 2 Điều 152 LDN 2020.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>Điều 10. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Việc uỷ quyền cho cá nhân, tổ chức dự họp ĐHĐCĐ phải lập bằng văn bản, phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan và bao gồm tối thiểu các nội dung sau: tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung, phạm vi được ủy quyền, thời hạn được ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Trường hợp cổ đông là pháp nhân, phải có dấu và chữ ký của người đại diện phần vốn góp, đại diện theo pháp luật của cổ đông. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</p> <p>2. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của SEABANK trong từng thời kỳ. Trình tự, thủ tục họp và biểu quyết thông qua hình thức hội nghị trực tuyến, hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến, hoặc bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác do HĐQT quyết định và hướng dẫn, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của Ngân hàng;</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử đã đăng ký tại SEABANK.</p> <p>e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo Điều lệ và các quy định khác có liên quan của SEABANK.</p>	<p>Điều 10. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Việc uỷ quyền cho cá nhân, tổ chức dự họp ĐHĐCĐ phải lập bằng văn bản, phù hợp với quy định của pháp luật <i>về dân sự</i> và bao gồm tối thiểu các nội dung sau: tên cổ đông ủy quyền, <i>số định danh cá nhân/ mã số doanh nghiệp</i>, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi được ủy quyền, thời hạn được ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Trường hợp cổ đông là pháp nhân, phải có dấu và chữ ký của người đại diện phần vốn góp, đại diện theo pháp luật của cổ đông. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải xuất trình văn bản ủy quyền (<i>bản gốc</i>) khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.</p> <p>2. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của Điều lệ SEABANK trong từng thời kỳ.</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết <i>bản gốc đã biểu quyết, ký tên, đóng dấu (nếu có)</i> đến cuộc họp thông qua <i>bưu điện/ chuyển phát hoặc/ và qua thư điện tử tới địa chỉ hoặc/ và thư điện tử của SeABank theo thông báo mời họp.</i></p> <p>e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo Điều lệ và các quy định khác có liên quan của SEABANK.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung phù hợp với việc tổ chức ĐHĐCĐ bằng phương thức điện tử và phù hợp sự thay đổi của Luật Căn cước công dân 2023.</p>
<p>Điều 12. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 12. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Bãi bỏ.</p>	<p>Bãi bỏ khoản 6 do trùng lặp với tiết b khoản 1 Điều này.</p>

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p>	<p>17. Trường hợp SeABank áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến <i>sẽ thực hiện theo quy định riêng của HĐQT trong từng thời kỳ, và đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</i></p>	<p>Bổ sung khoản 17 để phù hợp với nội dung sửa đổi, bổ sung của Dự thảo Quy chế liên quan đến việc tổ chức ĐHĐCĐ dưới hình thức họp trực tuyến.</p>
<p>Điều 13. Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên</p> <p>1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ SeABank và đảm bảo có các nội dung sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và thành viên HĐQT theo quy định pháp luật. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT. Báo cáo về các giao dịch giữa SeABank, công ty con với thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa SeABank với công ty trong đó thành viên HĐQT là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch (nếu có). Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của HĐQT. Hoạt động của các Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị. Kết quả giám sát đối với Ban Tổng giám đốc và người điều hành khác. Các kế hoạch trong tương lai. 	<p>Điều 13. Báo cáo của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên</p> <p>1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ SeABank và đảm bảo có các nội dung sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và thành viên HĐQT theo quy định pháp luật. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các <i>ngợi quyết/</i> quyết định của HĐQT. Báo cáo về các giao dịch <i>theo quy định pháp luật.</i> Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của HĐQT. Hoạt động của các Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị. Kết quả giám sát đối với Ban Tổng giám đốc và người điều hành khác. Các kế hoạch trong tương lai. <p>2. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp và đảm bảo có các nội dung sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. 	<p>Điều chỉnh để phù hợp với thực tế và Điều 280, Điều 284 và Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ.</p>

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>2. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp và đảm bảo có các nội dung sau:</p> <p>a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.</p> <p>b) Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát.</p> <p>c) Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Ngân hàng.</p> <p>d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa SeABank, công ty con với thành viên HĐQT, Tổng giám đốc (Giám đốc), người điều hành khác của SeABank và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa SeABank với công ty trong đó thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người điều hành khác của SeABank là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch (nếu có).</p> <p>e) Kết quả giám sát đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp.</p> <p>f) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cổ đông.</p>	<p>b) Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát.</p> <p>c) Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Ngân hàng.</p> <p>d) Báo cáo đánh giá về việc giám sát các giao dịch của người có liên quan theo quy định pháp luật.</p> <p>e) Báo cáo kết quả giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của SeABank thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p> <p>f) Kết quả giám sát đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp.</p> <p>g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và các cổ đông.</p>	
<p>Điều 14. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</p> <p>Chưa quy định.</p>	<p>Điều 15. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản</p> <p>5. Việc biểu quyết bằng phương thức điện tử khác do HĐQT quyết định và hướng dẫn cụ thể khi tổ chức xin ý kiến cổ đông bằng văn bản, phù hợp với tình hình thực tế của Ngân hàng.</p> <p>6. Quyết định của ĐHĐCĐ được thông qua theo quy định sau đây.⁶</p>	<p>Bổ sung theo Khoản 4 Điều 67 Luật các TCTD năm 2024.</p>

⁶ Khoản 4 Điều 67 Luật các TCTD năm 2024.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
	<p>a) Trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này, quyết định của ĐHĐCĐ trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận hoặc tỷ lệ khác cao hơn nếu Điều lệ SEABANK có quy định;</p> <p>b) Đối với quyết định của ĐHĐCĐ trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản về nội dung sau đây phải được số cổ đông đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận hoặc tỷ lệ khác cao hơn nếu Điều lệ SEABANK có quy định:</p> <p>i. Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;</p> <p>ii. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng.</p>	
<p>Điều 18. Vai trò, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT</p> <p>1. HĐQT là cơ quan quản lý của SEABANK có toàn quyền nhân danh SEABANK để quyết định, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của SEABANK, trừ những vấn đề thuộc quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ.</p> <p>2. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT: thực hiện theo Điều 52 và Điều 62 Điều lệ của SeABank.</p>	<p>Điều 18. Vai trò, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT</p> <p>1. HĐQT là cơ quan quản trị của SEABANK có toàn quyền nhân danh SEABANK để quyết định, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của SEABANK, trừ những vấn đề thuộc quyền và nghĩa vụ của ĐHĐCĐ.</p> <p>2. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT: thực hiện theo Điều 51 Điều lệ của SeABank và quy định pháp luật, quy định của SeABank trong từng thời kỳ.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thực tế và quy định có liên quan.</p>
<p>Điều 19. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT</p> <p>1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên HĐQT:</p>	<p>Điều 19. Cơ cấu, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên HĐQT</p> <p>1. <i>Nhiệm kỳ, số lượng và cơ cấu của HĐQT:</i></p>	<p>Quy định 02 nhiệm kỳ khác nhau để triển khai nội dung điều khoản chuyển tiếp của Luật các TCTD năm 2024.</p>

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>a) Nhiệm kỳ của HĐQT không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT. Thành viên HĐQT có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi HĐQT của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</p> <p>b) HĐQT SEABANK có không ít hơn 05 thành viên và không quá 11 thành viên, trong đó có ít nhất 01 thành viên độc lập.</p> <p>2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT:</p> <p>a) Tối thiểu ½ (một phần hai) tổng số thành viên HĐQT phải là thành viên không phải là người điều hành và thành viên độc lập.⁷</p> <p>b) Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia HĐQT, nhưng không được vượt quá 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên HĐQT.</p> <p>c) Cơ cấu của HĐQT đảm bảo sự đa dạng về kiến thức, kinh nghiệm, tuổi, giới tính và cơ cấu kỹ năng chuyên môn của HĐQT đảm bảo phù hợp với thực tế và nhu cầu quản trị của Ngân hàng trong từng thời kỳ.</p> <p>d) Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên HĐQT: Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên HĐQT thực hiện theo Khoản 1 Điều 69 Điều lệ của SeABank.</p>	<p>a) Nhiệm kỳ của HĐQT không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT theo nhiệm kỳ của HĐQT. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ HĐQT. HĐQT của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.</p> <p>b) HĐQT SEABANK phải có tối thiểu 05 thành viên và không quá 11 thành viên, trong đó, có tối thiểu 02 thành viên độc lập, và 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên phải là thành viên độc lập và thành viên không phải là người điều hành của SeABank.</p> <p>c) Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người đại diện phần vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia HĐQT, nhưng không được vượt quá 02 thành viên Hội đồng quản trị⁸</p> <p>d) Cơ cấu của HĐQT đảm bảo sự đa dạng về chuyên môn, kinh nghiệm, độ tuổi, giới tính, văn hóa và quan điểm, đặc điểm cá nhân của HĐQT đảm bảo phù hợp với thực tế và nhu cầu quản trị của Ngân hàng trong từng thời kỳ.</p> <p>2. Tiêu chuẩn, điều kiện của Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT:</p> <p>a) Tiêu chuẩn, điều kiện của Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT được bầu bổ sung/ thay thế hoặc bầu mới: thực hiện theo quy định tại Điều 67 Điều lệ SEABANK và quy định pháp luật có liên quan.</p> <p>b) HĐQT khi xem xét, thông qua danh sách nhân sự dự kiến bầu thành viên HĐQT trên cơ sở đề cử, ứng cử của cổ đông có thể tham khảo áp dụng các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo thông lệ, chuẩn mực quốc tế tốt về quản trị công ty và</p>	

⁷ Điều 62 Luật các TCTD năm 2010.

⁸ Khoản 3 Điều 69 Luật các TCTD 2024

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>e) Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên độc lập HĐQT: Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên HĐQT thực hiện theo Khoản 2 Điều 69 Điều lệ của SeABank.</p> <p>f) HĐQT khi xem xét, thông qua danh sách nhân sự dự kiến bầu thành viên HĐQT trên cơ sở đề cử, ứng cử của cổ đông có thể tham khảo thêm các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo thông lệ, chuẩn mực quốc tế phổ biến để thực hiện.</p>	<p><i>dựa trên trình độ, cam kết, vai trò dự kiến của họ trong HĐQT để đảm bảo tính đa dạng, hiệu quả trong cơ cấu HĐQT.</i></p> <p>c) <i>Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT đương nhiệm trong trường hợp chưa đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a khoản này được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu theo quy định.</i></p>	
<p>Điều 19. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT</p> <p>1. Quy định về đề cử, ứng cử thành viên HĐQT⁹:</p> <p>a) HĐQT (1) thông báo cho các cổ đông số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung vào HĐQT, số lượng thành viên độc lập của HĐQT, các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để các cổ đông ứng cử hoặc đề cử người giữ các chức danh này theo quy định của Pháp luật và Điều lệ SeABank, (2) và hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ, thời hạn và các nội dung khác liên quan đến việc đề cử, ứng cử cho cổ đông. Số lượng ứng cử viên mà các nhóm cổ đông được quyền đề cử sẽ được xác định theo khoản 1 Điều 75 Điều lệ SeABank.</p> <p>b) Trên cơ sở danh sách ứng cử hoặc đề cử của các cổ đông, HĐQT thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn; lập và thông qua danh sách dự kiến nhân sự bầu. Trường hợp các cổ đông không ứng cử, đề cử đủ số lượng ứng cử viên đối với thành viên HĐQT (bao gồm cả thành viên độc lập HĐQT), hoặc ứng cử viên không đảm bảo đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, HĐQT có quyền đề cử bổ sung, thay thế người đủ điều kiện, tiêu chuẩn hoặc tổ chức đề cử các ứng viên còn lại theo trình tự, thủ tục và điều kiện do HĐQT quy định.</p>	<p>Điều 20. Quy định về kế thừa, tuyển chọn, đề cử, ứng cử, bầu thành viên HĐQT¹¹</p> <p>1. <i>HĐQT lập kế hoạch nhân sự kế thừa thành viên HĐQT trên cơ sở đề nghị của TGD hoặc/ và UBNS nhằm hạn chế những rủi ro có thể phát sinh từ việc thành viên HĐQT từ nhiệm, đương nhiệm mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định pháp luật và/ hoặc Điều lệ Ngân hàng. Theo đó, HĐQT có thể xác định số lượng và danh sách ứng viên tiềm năng đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định pháp luật và quy định của SEABANK trong từng thời kỳ cho vị trí thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT từ các nguồn sau:</i></p> <p>a) <i>Ban Điều hành của Ngân hàng (bao gồm Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc các Khối Phòng/Ban/ Đơn vị), và/ hoặc các cán bộ quản lý khác đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện áp dụng cho thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT và đã có thời gian làm việc tại Ngân hàng tối thiểu 05 năm trở lên; hoặc</i></p> <p>b) <i>Theo giới thiệu của các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc hoặc/ và từ các tổ chức, cung cấp dịch vụ nhân sự chuyên nghiệp khác.</i></p> <p>2. <i>HĐQT đương nhiệm sẽ giới thiệu các ứng viên trên để các cổ đông/ nhóm cổ đông tổ chức đề cử hoặc HĐQT đề cử trong</i></p>	<p>Quy định bổ sung về kế thừa, tuyển chọn thành viên HĐQT theo khuyến nghị của IFC và các tiêu chuẩn, thông lệ tốt về quản trị công ty của các tổ chức quốc tế và HOSE.</p>

⁹ Điều 75 Điều lệ SeABank.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>c) Đối với nhân sự ứng cử hoặc được đề cử không đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định, HĐQT thông báo rõ lý do cho người ứng cử và cổ đông/nhóm cổ đông đề cử nhân sự này.</p> <p>d) HĐQT lập hồ sơ trình NHNN đề nghị chấp thuận Danh sách dự kiến nhân sự theo quy định.</p> <p>e) Những người được bầu làm thành viên HĐQT phải thuộc danh sách đã được NHNN chấp thuận. Việc bầu thành viên HĐQT phải hoàn thành trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày ký trên văn bản chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của NHNN.</p> <p>f) Kết quả bầu thành viên HĐQT được thông báo cho NHNN trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày bầu và công bố thông tin theo quy định.¹⁰</p> <p>2. Cách thức bầu thành viên HĐQT: Việc bầu thành viên HĐQT phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu x (nhân) với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên HĐQT theo quy định của SeABank trong từng thời kỳ. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy định về bầu cử hoặc Điều lệ SeABank.</p>	<p><i>trường hợp cổ đông không đề cử đủ số lượng tối thiểu thành viên HĐQT theo quy định pháp luật.</i></p> <p>3. <i>Quy trình tuyển chọn, đề cử, ứng cử thành viên HĐQT¹²:</i></p> <p><i>g) Kết quả bầu thành viên HĐQT được thông báo cho NHNN trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bầu và công bố thông tin theo quy định</i></p>	

¹⁰ Điều 51 Luật TCTD 2010.

¹² Điều 75 Điều lệ SeABank.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>Điều 19. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên HĐQT</p> <p>3. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT¹³:</p> <p>a) Đương nhiên mất tư cách của thành viên HĐQT thực hiện theo Điều 77 Điều lệ của SeABank.</p> <p>b) Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT thực hiện theo Điều 78 Điều lệ của SeABank.</p> <p>c) Thay thế thành viên HĐQT: thực hiện theo Điều 11 Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT.</p> <p>d) Đình chỉ, tạm đình chỉ thực thi nhiệm vụ, quyền hạn thành viên HĐQT: thực hiện theo Điều 12 Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT.</p>	<p>Điều 21. Đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu bổ sung/ thay thế thành viên HĐQT</p> <p>1. Đương nhiên mất tư cách của thành viên HĐQT: HĐQT thực hiện theo Điều 75 Điều lệ của SeABank.</p> <p>2. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT¹⁴: thực hiện theo Điều 76 Điều lệ của SeABank.</p> <p>3. Bầu bổ sung, thay thế thành viên HĐQT:</p> <p><i>3.1 Khi thành viên HĐQT đương nhiệm từ nhiệm hoặc đương nhiên mất tư cách hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định, HĐQT sẽ tiến hành bầu bổ sung/ thay thế thành viên HĐQT. Trình tự thủ tục thực hiện việc bầu bổ sung/ thay thế thành viên HĐQT được thực hiện tương tự bầu mới.</i></p> <p><i>3.2 SeABank sẽ tổ chức bầu bổ sung thành viên HĐQT trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật hoặc quy định nội bộ của Ngân hàng.</i></p>	<p>Tách riêng quy định về các trường hợp đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung/ thay thế để phù hợp với quy định của Dự thảo Điều lệ và thay đổi của Luật các TCTD năm 2024.</p>
<p>Điều 22. Các ủy ban thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. HĐQT phải thành lập tối thiểu 02 Ủy ban, bao gồm Ủy ban nhân sự và Ủy ban Quản lý rủi ro. HĐQT quy định việc thành lập, giải thể, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế hoạt động, ra quyết định của các Ủy ban, Hội đồng và/hoặc cơ quan trực thuộc HĐQT, phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật và quy định của SeABank trong từng thời kỳ.</p> <p>2. Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự phải đảm bảo mỗi ủy ban có ít nhất trên một phần hai (1/2) số thành viên có quyền biểu quyết là thành viên không phải người điều hành. Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức, tiêu chuẩn, điều kiện của các thành viên Ủy ban, trách nhiệm của từng Ủy ban, trách nhiệm của thành viên Ủy ban hoặc trách nhiệm của</p>	<p>Điều 24. Các Ủy ban/Tiểu Ủy ban/ Hội đồng và cơ quan trực thuộc Hội đồng quản trị</p> <p>1. HĐQT phải thành lập tối thiểu 02 Ủy ban, bao gồm Ủy ban nhân sự và Ủy ban Quản lý rủi ro. <i>HQĐT có thể thành lập Ủy ban về Kiểm toán, về Môi trường – Quản trị - Xã hội (ESG), Phát triển Bền vững và các Ủy ban/ Hội đồng khác, khi xét thấy cần thiết.</i></p> <p>2. HĐQT quyết định việc thành lập, giải thể, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, <i>cơ cấu tổ chức</i> và cơ chế hoạt động, ra quyết định của các Ủy ban và/hoặc cơ quan trực thuộc HĐQT khác, phù hợp với các quy định pháp luật và <i>nhu cầu thực tế của SeABank</i> trong từng thời kỳ¹⁵.</p>	<p>Tái cấu trúc lại nội dung của Điều này để tránh trùng lặp và bổ sung các Ủy ban có thể được thành lập trong thời gian tới theo khuyến nghị của Tổ chức Tài chính Quốc tế.</p>

¹³ Điều 77, 78 Điều lệ SeABank.

¹⁴ Điều 77, 78 Điều lệ SeABank.

¹⁵ Điều 9 Thông tư 13/2018/TT-NHNN.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>thành viên độc lập Hội đồng quản trị được cử tham gia Ủy ban.</p> <p>3. Người đứng đầu các Ủy ban phải là thành viên Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên Ủy ban quản lý rủi ro.</p> <p>4. Các Ủy ban có nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, tham mưu, chuẩn bị các vấn đề liên quan được đưa ra tại cuộc họp của Hội đồng quản trị và trình bày các ý kiến, khuyến nghị của mình trước Hội đồng quản trị (nếu cần).</p> <p>5. Vai trò và nhiệm vụ của Ủy ban quản lý rủi ro: Vai trò và nhiệm vụ của Ủy ban quản lý rủi ro do HĐQT quyết định theo hướng dẫn của NHNN và phù hợp với thực tế hoạt động của SeABank.</p> <p>6. Vai trò và nhiệm vụ của Ủy ban nhân sự: Vai trò và nhiệm vụ của Ủy ban quản nhân sự do HĐQT quyết định theo hướng dẫn của NHNN và phù hợp với thực tế hoạt động của SeABank.</p> <p>7. Hội đồng quản trị có thể thành lập Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng quản trị. Ủy ban kiểm toán có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.</p>	<p>3. Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự phải đảm bảo mỗi ủy ban có ít nhất trên một phần hai (1/2) số thành viên có quyền biểu quyết là thành viên không phải người điều hành.</p> <p>4. Người đứng đầu các Ủy ban phải là thành viên Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 (một) thành viên độc lập Hội đồng quản trị là thành viên Ủy ban quản lý rủi ro.</p>	
<p>Điều 26. Trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Ngân hàng</p> <p>Việc miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Ngân hàng thực hiện theo quy định nội bộ của SeABank trong từng thời kỳ.</p>	<p>Điều 27. Trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị SeABank</p> <p>Việc miễn nhiệm, <i>bãi nhiệm</i> Người phụ trách quản trị SeABank do HĐQT quyết định, <i>phù hợp</i> quy định nội bộ của SeABank trong từng thời kỳ.</p>	<p>Bổ sung để phù hợp với thực tế.</p>
<p>Điều 27. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Ngân hàng</p>	<p>Điều 28. Công bố thông tin về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị SeABank¹⁶</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung phù hợp với Điều 1, Khoản</p>

¹⁶ Điều 1, Khoản 1, Điều 11, Thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>Khi bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Ngân hàng, SeABank thực hiện thông báo và công bố thông tin trong vòng 24h theo quy định về công bố thông tin.</p>	<p>1. Trong vòng 24 giờ kể từ khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty hoặc nhận được đơn xin từ chức của Người phụ trách quản trị công ty, SeABank <i>phải công bố thông tin về các quyết định này theo quy định của pháp luật chứng khoán.</i></p> <p>2. SeABank <i>phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Bản cung cấp thông tin của người nội bộ theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</i></p>	<p>1, Điều 11, Thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán</p>
<p>Điều 28. Vai trò, nhiệm vụ và quyền hạn của BKS, thành viên BKS</p> <p>1. BKS thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ của SEABANK, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.</p> <p>2. Nhiệm vụ và quyền hạn của BKS: thực hiện theo Điều 64 Điều lệ của SeABank.</p> <p>3. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên BKS: thực hiện theo Điều 65 Điều lệ SeABank và các quy định của SeABank trong từng thời kỳ.</p>	<p>Điều 29. Vai trò, nhiệm vụ và quyền hạn của BKS, thành viên BKS</p> <p>1. BKS thực hiện <i>giám sát</i>, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ của SEABANK, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.</p> <p>2. Nhiệm vụ và quyền hạn của BKS: thực hiện theo Điều 64 Điều lệ của SeABank và <i>các quy định của SeABank trong từng thời kỳ.</i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 51 Luật các TCTD năm 2024.</p>

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>Điều 29. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên BKS</p> <p>Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên BKS thực hiện theo Điều 70 Điều lệ của SeABank.</p>	<p>Điều 31. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên BKS</p> <p>Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên BKS thực hiện theo Điều 68 Điều lệ của SeABank, <i>các quy định pháp luật, quy định của SeABank trong từng thời kỳ và hướng đến các tiêu chuẩn, điều lệ theo thông lệ quốc tế về quản trị công ty.</i></p>	<p>Bổ sung để phù hợp với thực tế và khuyến nghị của IFC, HOSE trong quản trị công ty.</p>
<p>Điều 30. Đề cử thành viên Ban kiểm soát</p> <p>Cách thức đề cử thành viên BKS được hiện hiện theo cách thức đề cử thành viên HĐQT quy định tại Khoản 3 Điều 19 Quy chế này, Điều 75 Điều lệ của SeABank và Quy định/ Hướng dẫn về đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS SeABank trong từng thời kỳ.</p>	<p>Điều 32. Quy định về kế thừa, tuyển chọn, đề cử, ứng cử, bầu thành viên Ban Kiểm soát</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. <i>Ban Kiểm soát lập kế hoạch nhân sự kế thừa thành viên Ban Kiểm soát nhằm hạn chế những rủi ro có thể phát sinh từ việc thành viên Ban Kiểm soát từ nhiệm, đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định pháp luật và quy định của SEABANK trong từng thời kỳ.</i> 2. <i>BKS xác định số lượng và danh sách ứng viên tiềm năng đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện áp dụng cho thành viên Ban Kiểm soát theo quy định pháp luật và quy định của SEABANK từ các nguồn sau:</i> <ol style="list-style-type: none"> a. <i>Ban Điều hành của Ngân hàng (bao gồm Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc các Khối Phòng/Ban/ Đơn vị), và/ hoặc các cán bộ quản lý khác đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện áp dụng cho thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT và đã có thời gian làm việc tại Ngân hàng tối thiểu 05 năm trở lên; hoặc</i> b. <i>Theo giới thiệu của các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc hoặc/ và từ các tổ chức, cung cấp dịch vụ nhân sự chuyên nghiệp khác.</i> 3. <i>Ban Kiểm soát đương nhiệm sẽ giới thiệu các ứng viên tiềm năng để các cổ đông/ nhóm cổ đông đề cử hoặc Ban Kiểm soát trực tiếp đề cử trong trường hợp cổ đông không đề cử đủ số lượng tối thiểu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định pháp luật.</i> 	<p>Bổ sung để phù hợp với thực tế và khuyến nghị của IFC, HOSE trong quản trị công ty.</p>
<p>Điều 36. Vai trò, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc</p>	<p>Điều 37. Vai trò, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc</p>	<p>Bổ sung để đảm bảo phù hợp với các quy</p>

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>1. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất công việc kinh doanh hàng ngày của SEABANK; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước pháp luật, ĐHĐCĐ và HĐQT, BKS về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.</p> <p>2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc: thực hiện theo quy định tại Điều 68 Điều lệ của SeABank.</p>	<p>1. Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất công việc kinh doanh hàng ngày của SEABANK; chịu sự giám sát của HĐQT; chịu trách nhiệm trước pháp luật, ĐHĐCĐ và HĐQT, BKS về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.</p> <p>2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc: thực hiện theo quy định tại Điều 66 Điều lệ của SeABank và các quy định pháp luật, quy định khác của SeABank trong từng thời kỳ.</p>	<p>định pháp luật có liên quan.</p>
<p>Chưa quy định.</p>	<p>Điều 43. Kế hoạch kế thừa Tổng Giám đốc</p> <p>1. <i>Kế hoạch nhân sự kế thừa Tổng Giám đốc được xây dựng để đảm bảo tính liên tục và nhất quán của vị trí Tổng Giám đốc Ngân hàng; đảm bảo người kế thừa có đầy đủ năng lực, kinh nghiệm cần thiết, đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện để đảm nhiệm vị trí Tổng Giám đốc theo quy định pháp luật, quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ; giảm chi phí tìm kiếm nhân tài; và xây dựng và duy trì sự tin tưởng từ phía cổ đông, khách hàng, và nhân viên.</i></p> <p>2. <i>Tổng Giám đốc hoặc UBNS có thể lập kế hoạch nhân sự kế thừa đảm bảo đáp ứng sự thay đổi nhân sự đột ngột, hoặc trong thời hạn 3-5 năm, hoặc dài hạn, nêu rõ số lượng và danh sách ứng viên tiềm năng đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện đảm nhiệm vị trí Tổng Giám đốc theo quy định pháp luật và quy định của SeABank trong từng thời kỳ, từ các nguồn sau:</i></p> <p>a. <i>Ban Điều hành của Ngân hàng (bao gồm Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc các Khối Phòng/Ban/ Đơn vị), và/ hoặc các cán bộ quản lý khác đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện áp dụng cho chức danh Tổng Giám đốc và đã có thời gian làm việc tại Ngân hàng tối thiểu 05 năm trở lên; hoặc</i></p> <p>b. <i>Theo giới thiệu của các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc hoặc/ và từ các tổ chức, cung cấp dịch vụ nhân sự chuyên nghiệp khác.</i></p>	<p>Bổ sung nội dung Kế hoạch Kế thừa theo Khuyến nghị của IFC.</p>

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
	<p>3. Tổng Giám đốc hoặc UBNS đương nhiệm sẽ giới thiệu các ứng viên tiềm năng để HĐQT xem xét, đánh giá và trình NHNN chấp thuận trước khi bổ nhiệm TGD, khi xét thấy cần thiết.</p>	
<p>Điều 49. Công khai các lợi ích liên quan¹⁷</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và các chức danh tương đương của SeABank phải công khai với SeABank các thông tin như sau:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.</p> <p>b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho các cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% vốn điều lệ trở lên.</p> <p>c) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc.</p> <p>2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu những người phải công khai lợi ích liên quan theo quy định tại Khoản 1 Điều này cung cấp</p>	<p>Điều 50. Cung cấp, công bố công khai thông tin¹⁸</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương của SeABank phải công khai với SeABank các thông tin như sau:</p> <p>a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 5% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên.</p> <p>b) Tên, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc).</p> <p>c) Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;</p> <p>d) Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.</p> <p>2. Cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của SeABank phải cung cấp cho SeABank các thông tin sau đây:</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo Điều 49 Luật các TCTD năm 2024 và Điều 164 Luật Doanh nghiệp 2020.</p>

¹⁷ Điều 39 Luật các TCTD năm 2010 và Điều 164 Luật Doanh nghiệp 2020.

¹⁸ Điều 49 Luật các TCTD năm 2024 và Điều 164 Luật Doanh nghiệp 2020.

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>và cập nhật định kỳ những thông tin về những người có liên quan của họ.</p> <p>3. Việc công khai thông tin quy định tại khoản 1 Điều này định kỳ hàng năm cho Đại hội đồng cổ đông và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của SeABank.</p> <p>4. Ban Kiểm soát phải lập, cập nhật ngay khi có thay đổi và công khai danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, người điều hành và các chức danh quản lý khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ SeABank và những người có liên quan của những người này.</p> <p>5. Ngân hàng lập danh sách những người có liên quan của Ngân hàng theo quy định của pháp luật và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Ngân hàng.</p> <p>6. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>	<p>a) <i>Họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp của cổ đông là người nước ngoài; số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương của cổ đông là tổ chức; ngày cấp, nơi cấp của giấy tờ này;</i></p> <p>b) <i>Thông tin về người có liên quan theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;</i></p> <p>c) <i>Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình tại SeABank;</i></p> <p>d) <i>Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của người có liên quan của mình tại SeABank.</i></p> <p>3. <i>Đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải gửi SeABank bằng văn bản cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin. Đối với thông tin tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này, cổ đông chỉ phải cung cấp thông tin cho SeABank khi có mức thay đổi về tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình và người có liên quan từ 01% vốn điều lệ trở lên của SeABank so với lần cung cấp liền trước.</i></p> <p>4. <i>SeABank phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này tại trụ sở chính của SeABank và gửi báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày SeABank nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hàng năm, SeABank công bố thông tin quy định tại các điểm a, b, d khoản 1 và các điểm a, c, d khoản 2 Điều này với Đại hội đồng cổ đông của SeABank.</i></p> <p>5. <i>SeABank phải công bố công khai thông tin về họ và tên cá nhân, tên tổ chức là cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của SeABank và thông tin quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này trên trang thông tin điện tử của SeABank trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày SeABank nhận được thông tin cung cấp.</i></p>	

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
	<p>6. Đối tượng cung cấp thông tin phải bảo đảm thông tin cung cấp trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin đó.</p> <p>7. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu những người phải công khai lợi ích liên quan theo quy định tại Khoản 1 Điều này cung cấp và cập nhật định kỳ những thông tin về những người có liên quan của họ.</p> <p>8. Ban Kiểm soát phải lập, cập nhật ngay khi có thay đổi và công khai danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, người điều hành và các chức danh quản lý khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ SeABank, những người có liên quan của những người này; và danh sách người có liên quan của SeABank và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Ngân hàng.</p> <p>9. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định Điều này được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>	
<p>Điều 52. Phương thức và quy trình đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và Người quản lý khác</p> <p>1. Tùy thuộc vào quyết định của Hội đồng Quản trị, việc đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát (trong trường hợp đánh giá thành viên Ban kiểm soát), thành viên Ban điều hành và Người quản lý khác có thể có được thực hiện theo một hoặc một số cách thức sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tự nhận xét đánh giá; Đánh giá hoạt động định kỳ 06 tháng; Đánh giá hoạt động hàng năm vào dịp cuối năm; Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm đột xuất; 	<p>Điều 54. Phương thức và quy trình đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và Người quản lý khác</p> <p>1. Tùy thuộc vào quyết định của Hội đồng Quản trị, việc đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát (trong trường hợp đánh giá thành viên Ban kiểm soát), thành viên Ban điều hành và Người quản lý khác có thể có được thực hiện theo một hoặc một số cách thức sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tự nhận xét đánh giá; Đánh giá hoạt động định kỳ 06 tháng; Đánh giá hoạt động hàng năm vào dịp cuối năm; Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm đột xuất; 	<p>Sửa đổi, bổ sung theo khuyến nghị của IFC và HOSE về quản trị công ty.</p>

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>e) Cách thức khác do Hội đồng Quản trị lựa chọn vào từng thời điểm.</p> <p>2. Hội đồng Quản trị sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng Quản trị và các chức danh do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Quy trình đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng Quản trị và các chức danh do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm được thực hiện theo quy định của SeABank trong từng thời kỳ.</p> <p>3. Ban kiểm soát sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của thành viên Ban kiểm soát và các chức danh do Ban kiểm soát bổ nhiệm. Quy trình đánh giá hoạt động của thành viên Ban kiểm soát và các chức danh do Ban kiểm soát bổ nhiệm thực hiện theo quy định của SeABank trong từng thời kỳ.</p> <p>4. Tổng Giám đốc sẽ tiến hành đánh giá hiệu quả công việc của các chức danh do Tổng Giám đốc bổ nhiệm và thực hiện theo quy định của SeABank trong từng thời kỳ.</p> <p>5. Việc xem xét thuê bên thứ ba độc lập đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT, BKS, Ban Điều hành và Người quản lý khác sẽ do HĐQT quyết định đảm bảo phù hợp với nhu cầu quản trị của Ngân hàng.</p> <p>6. Việc xếp loại trên cơ sở kết quả hoạt động, kinh nghiệm, kỹ năng chuyên môn của các thành viên HĐQT, BKS, TGD được thực hiện theo quy định của SeABank trong từng thời kỳ.</p>	<p>e) Cách thức khác do Hội đồng Quản trị lựa chọn vào từng thời điểm.</p> <p>2. Hội đồng Quản trị sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng Quản trị và các chức danh do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm <i>theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ</i>.</p> <p>3. Ban kiểm soát sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của thành viên Ban kiểm soát và các chức danh do Ban kiểm soát bổ nhiệm. Quy trình đánh giá hoạt động của thành viên Ban kiểm soát và các chức danh do Ban kiểm soát bổ nhiệm thực hiện theo quy định của <i>Ban Kiểm soát</i> trong từng thời kỳ.</p> <p>4. Tổng Giám đốc sẽ tiến hành đánh giá hiệu quả công việc của các chức danh do Tổng Giám đốc bổ nhiệm và thực hiện theo quy định của SeABank trong từng thời kỳ.</p> <p>5. Việc xem xét thuê bên thứ ba độc lập đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT, BKS, Ban Điều hành và Người quản lý khác sẽ <i>do Chủ tịch HĐQT/ Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT</i> quyết định đảm bảo phù hợp với nhu cầu quản trị của Ngân hàng.</p> <p>6. Việc xếp loại <i>các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành được thực hiện</i> trên cơ sở kết quả hoạt động, kinh nghiệm, kỹ năng chuyên môn của các thành viên HĐQT, BKS, TGD được thực hiện theo quy định của SeABank trong từng thời kỳ <i>(nếu có)</i>.</p>	

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
<p>Điều 53. Tiêu chí đánh giá hoạt động</p> <p>Tiêu chí đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và Người quản lý khác bao gồm:</p> <p>1. Kết quả thực hiện công việc được giao, bao gồm (i) mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc theo chức năng, nhiệm vụ và/ hoặc được phân công công việc, phân cấp thẩm quyền, giao và ủy quyền (nếu có) của từng cá nhân; (ii) sự phát triển, kết quả hoạt động của (các) đơn vị/ dự án được phân công phụ trách; và (iii) kết quả hoạt động chung của Ngân hàng.</p>	<p>Điều 55. Tiêu chí đánh giá hoạt động</p> <p>Tiêu chí đánh giá hoạt động của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và Người quản lý khác bao gồm</p> <p>1. Về kết quả thực hiện công việc được giao, bao gồm :</p> <p>i. mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc theo chức năng, nhiệm vụ và/ hoặc được phân công công việc, phân cấp thẩm quyền, giao và ủy quyền (nếu có) của từng cá nhân;</p> <p>ii. sự phát triển, kết quả hoạt động của (các) đơn vị/ dự án được phân công phụ trách;</p> <p>iii. và kết quả hoạt động chung của Ngân hàng, <i>có thể bao gồm các chỉ tiêu Môi trường – Xã hội – Quản trị.</i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung theo khuyến nghị của IFC về quản trị công ty để đảm bảo thực thi chiến lược ESG tại SeABank.</p>
<p>Điều 58. Điều khoản chuyển tiếp và thi hành</p> <p>1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày.../.../2024, thay thế Quy chế được ban hành kèm theo Quyết định số/2022/QĐ-HĐQT ngày ... tháng ... năm 2022 của Hội đồng Quản trị.</p> <p>2. Trong trường hợp mâu thuẫn giữa quy định của Quy chế này với quy định của Điều lệ SeABank về cùng một vấn đề, thì quy định của Điều lệ SeABank sẽ được ưu tiên áp dụng.</p> <p>3. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, Người quản lý khác và các cán bộ, nhân viên SeABank có trách nhiệm thực hiện Quy chế này./</p>	<p>Điều 58. Điều khoản chuyển tiếp và thi hành</p> <p>1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày.../.../2024.</p> <p>2. <i>Người quản lý, người điều hành và chức danh khác của SEABANK được bầu, bổ nhiệm trước ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành mà không đáp ứng quy định tại Điều 19 Quy chế này thì được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.</i></p> <p>3. <i>Trường hợp HĐQT của SEABANK không đáp ứng quy định tại Điều 18 Quy chế này thì được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ của HĐQT.</i></p> <p>4. <i>Đến ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành, BKS của SEABANK có số lượng thành viên chưa tuân thủ quy định tại Điều 29 Quy chế này thì được duy trì tiếp tục số lượng tối thiểu 03 thành viên cho đến hết nhiệm kỳ của BKS, của thành viên BKS, trừ trường hợp SEABANK bầu, bổ nhiệm bổ sung, thay thế thành viên BKS.</i></p> <p>5. Trong trường hợp mâu thuẫn giữa quy định của Quy chế này với quy định của Điều lệ SeABank về cùng một vấn đề, thì quy định của Điều lệ SeABank sẽ được ưu tiên áp dụng.</p>	<p>Bổ sung theo quy định về Điều khoản chuyển tiếp của Luật các TCTD năm 2024.</p>

Nội dung hiện tại	Nội dung sửa đổi	Cơ sở đề xuất
	6. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, Người quản lý khác và các cán bộ, nhân viên SeABank có trách nhiệm thực hiện Quy chế này./	